PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA
--o-O-o--

TẠNG VÔ TỶ PHÁP
(ABHIDHAMMAPIṬAKA)

BỘ THỨ BẢY

BỘ VỊ TRÍ
(PAṬṬHĀNA)

QUYỂN THỨ NHẤT VÀ QUYỂN THỨ HAI

CẢO BẢN

Sư cả Tịnh Sự - Mahāthero Santakicco
Chuyển ngữ từ bản tiếng Pāli-Thái Lan sang tiếng Việt
Phật lịch 2519- Dương lịch 1976

Bộ thứ bảy thuộc Tạng Vô Tỷ Pháp *(Abhidhammapiṭaka)*

Dịch giả:
Đại Trưởng lão Hòa thượng Tịnh Sự
Nguyên Cố vấn I, kiêm Trưởng Ban Phiên dịch
Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy *(Theravāda)* - Việt Nam

MỤC LỤC
QUYỂN THỨ NHẤT

QUYỂN THỨ HAI

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA.
CUNG KỈNH ĐẾN ĐỨC THẾ TÔN, ỨNG CÚNG, CHÁNH BIẾN TRI

QUYỂN THỨ NHẤT

PHẦN ĐẦU ĐỀ YẾU LƯỢC *(NĀTIKĀNIKKHEPA VĀRO)*

1.

24 duyên:

1) Nhân duyên *(Hetupaccayo),*
2) Cảnh duyên *(Ārammaṇapaccayo),*
3) Trưởng duyên *(Adhipatipaccayo),*
4) Vô gián duyên *(Anantarapaccayo),*
5) Liên tiếp[1] duyên *(Samanantarapaccayo),*
6) Đồng sanh[2] duyên *(Sahajātapaccayo),*
7) Hỗ tương duyên *(Aññamaññapaccayo),*
8) Y chỉ duyên *(Nissayapaccayo),*
9) Cận y duyên *(Upanissayapaccayo),*
10) Tiền sanh duyên *(Purejātapaccayo),*
11) Hậu sanh duyên *(Pacchājātapaccayo),*
12) Cố hưởng[3] duyên *(Āsevanapaccayo),*
13) Nghiệp[4] duyên *(Kammapaccayo),*
14) Quả[5] duyên *(Vipākapaccayo),*
15) Thực duyên *(Āhārapaccayo),*
16) Quyền duyên *(Indrīyapaccayo),*
17) Thiền[6] duyên *(Jhānapaccayo),*
18) Đạo[7] duyên *(Maggapaccayo),*
19) Tương ưng duyên *(Sampayuttapaccayo),*
20) Bất tương ưng duyên *(Vippayuttapaccayo),*
21) Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo),*
22) Vô hữu duyên *(Natthipaccayo),*
23) Ly[8] duyên *(Vigatapaccayo),*
24) Bất ly duyên *(Avigatapaccayo).*

Có một số từ mà sau này HT. Tịnh Sự thay đổi. Khi xuất bản, vì đây là nguyên bản cảo nên chúng tôi không chỉnh sửa mà chỉ chú thích cho quý độc giả biết.

[1] Liên tiếp = Đẳng vô gián
[2] Đồng sanh = Câu sanh.
[3] Cố hưởng = Trùng dụng.
[4] Nghiệp = Dị thời nghiệp.
[5] Quả = Dị thục quả.
[6] Thiền = Thiền na.
[7] Đạo = Đồ Đạo.
[8] Ly = Ly khứ.

PHẦN GIẢI THÍCH DUYÊN *(PACCAYA VIBHAṄGA VĀRA)*

2.

Nhân duyên là nhân *(hetu)* làm duyên cho pháp tương ưng nhân và làm sở y sinh *(samuṭṭhāna)* trợ sắc bằng Nhân duyên.

3.

Cảnh duyên là:

- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức giới và những pháp tương ưng với nhãn thức giới bằng Cảnh duyên.
- Thinh xứ làm duyên cho nhĩ thức giới và pháp tương ưng với nhĩ thức giới bằng Cảnh duyên.
- Khí xứ làm duyên cho tỷ thức giới và pháp tương ưng với tỷ thức giới bằng Cảnh duyên.
- Vị xứ làm duyên cho thiệt thức giới và pháp tương ưng với thiệt thức giới bằng Cảnh duyên.
- Xúc xứ làm duyên cho thân thức giới và pháp tương ưng với thân thức giới bằng Cảnh duyên.
- Sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ làm duyên cho ý giới và pháp tương ưng với ý giới bằng Cảnh duyên.
- Tất cả pháp làm duyên cho ý thức giới và pháp tương ưng với ý thức giới bằng Cảnh duyên.
- Pháp tức là tâm và sở hữu làm cho pháp khác sanh ra thì pháp mở mối ấy làm duyên cho những pháp đó bằng Cảnh duyên.

4.

Trưởng duyên như là

- Dục trưởng *(chandādhipati)* làm duyên cho pháp tương ưng dục và làm sở y sinh *(samuṭṭhāna)* cho sắc bằng Trưởng duyên.
- Cần trưởng *(viriyādhipati)* làm duyên cho pháp tương ưng với cần và làm sở y sinh cho sắc bằng Trưởng duyên.
- Tâm trưởng *(cittādhipati)* làm duyên cho pháp tương ưng với tâm và làm sở y sinh cho sắc bằng Trưởng duyên.
- Thẩm trưởng *(vimaṅsādhipati)* trợ cho pháp tương ưng với thẩm *(vimaṅsa)* và làm sở y sinh cho sắc bằng Trưởng duyên.
- Những pháp chi làm cho tâm và sở hữu nào sanh ra nặng về phần bắt cảnh, những pháp đó trợ cho các pháp ấy bằng Trưởng duyên.

5.

Vô gián duyên như là:

- Nhãn thức giới và các pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Ý giới và cả pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Nhĩ thức giới và cả pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Ý giới và pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.

- Tỷ thức giới và pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Ý giới và pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Thiệt thức giới và pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Ý giới và pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Thân thức giới và pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Ý giới và pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Pháp thiện sanh trước trước đối với pháp thiện sanh sau sau trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Pháp thiện sanh trước trước đối với pháp vô ký sanh sau sau trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Pháp bất thiện sanh trước trước đối với pháp bất thiện sanh sau sau trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Pháp bất thiện sanh trước trước đối với pháp vô ký sanh sau sau trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Pháp vô ký sanh trước trước đối với pháp vô ký sanh sau sau trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Pháp vô ký sanh trước trước đối với pháp thiện sanh sau sau trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Pháp vô ký sanh trước trước đối với pháp bất thiện sanh sau sau trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Pháp tức là tâm và sở hữu phát sanh thứ lớp nơi lối nào thì trợ cho các pháp ấy bằng Vô gián duyên.

6.

Liên tiếp duyên như là

- Nhãn thức giới và pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Ý giới và pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Nhĩ thức giới và pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Ý giới và pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Tỷ thức giới và pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Ý giới và pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Thiệt thức giới và pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Ý giới và pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.

- Thân thức giới và pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Ý giới và pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Pháp thiện sanh trước trước đối với pháp thiện sanh sau sau trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Pháp thiện sanh trước trước đối với pháp vô ký sanh sau sau trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Pháp bất thiện sanh trước trước đối với pháp bất thiện sanh sau sau trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Pháp bất thiện sanh trước trước đối với pháp vô ký sanh sau sau trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Pháp vô ký sanh trước trước đối với pháp vô ký sanh sau sau trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Pháp vô ký sanh trước trước đối với pháp thiện sanh sau sau trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Pháp vô ký sanh trước trước đối với pháp bất thiện sanh sau sau trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Pháp tức là tâm và sở hữu phát sanh thứ lớp nơi lối nào thì trợ pháp ấy bằng Liên tiếp duyên.

7.

Đồng sanh duyên như là

- Bốn pháp vô sắc *(nāmadhamma)* hỗ tương bằng Đồng sanh duyên.
- Bốn sắc tứ đại sung hỗ tương bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh[9], danh sắc hỗ tương bằng Đồng sanh duyên.
- Chư pháp tâm và sở hữu đối với sắc sở y sinh tâm bằng Đồng sanh duyên.
- Sắc tứ đại sung đối với sắc y sinh bằng cách Đồng sanh duyên.
- Chư pháp sắc đối với chư pháp phi sắc cũng có khi bằng Đồng sanh duyên, cũng có khi bằng phi Đồng sanh duyên.

8.

Hỗ tương duyên như là

- Tứ uẩn phi sắc đối nhau bằng Hỗ tương duyên.
- Sắc tứ đại sung đối bằng Hỗ tương duyên.
- Sát-na tục sinh, danh sắc đối bằng Hỗ tương duyên.

9.

Y chỉ duyên như là

- Tứ uẩn phi sắc hỗ tương bằng Y chỉ duyên.
- Tứ đại sung hỗ tương bằng Y chỉ duyên.
- Sát-na tục sinh danh sắc hỗ tương bằng Y chỉ duyên.
- Tâm và pháp sở hữu tâm đối với sắc sở y tâm bằng Y chỉ duyên.
- Tứ đại sung đối với sắc y sinh bằng Y chỉ duyên.
- Nhãn xứ đối với nhãn thức giới và pháp tương ưng bằng Y chỉ duyên.
- Nhĩ xứ đối với nhĩ thức giới và pháp tương ưng bằng Y chỉ duyên.
- Tỷ xứ đối với tỷ thức giới và pháp tương ưng bằng Y chỉ duyên.
- Thiệt xứ đối với thiệt thức giới và pháp tương ưng bằng Y chỉ duyên.

[9] Tục sinh = tái tục

- Thân xứ đối với thân thức giới và pháp tương ưng bằng Y chỉ duyên.
- Ý giới và ý thức giới hành vi nương sắc nào thì ý giới, ý thức giới và pháp tương ưng đối với sắc ấy bằng Y chỉ duyên.

10.

Cận y duyên như là:
- Chư pháp thiện sanh trước trước đối với pháp thiện sanh sau sau bằng cách Cận y duyên.
- Chư pháp thiện sanh trước trước có thứ đối với pháp bất thiện sanh sau sau cũng có bằng cách Cận y duyên.
- Chư pháp thiện sanh trước trước đối với chư pháp vô ký sanh sau sau bằng cách Cận y duyên.
- Chư pháp bất thiện sanh trước trước đối với chư pháp bất thiện sanh sau sau bằng cách Cận y duyên.
- Chư pháp bất thiện sanh trước trước đối với chư pháp thiện sanh sau sau cũng có khi bằng Cận y duyên.
- Chư pháp bất thiện sanh trước trước đối với chư pháp vô ký sanh sau sau bằng Cận y duyên.
- Chư pháp vô ký sanh trước trước đối với chư pháp vô ký sanh sau sau bằng Cận y duyên.
- Chư pháp vô ký sanh trước trước đối với chư pháp bất thiện sanh sau sau bằng Cận y duyên.

Dù cho người đối nhau bằng Cận y duyên, cho đến nơi ở cũng là Cận y duyên.

11.

Tiền sanh duyên như là:
- Nhãn xứ sanh trước trợ nhãn thức giới và pháp tương ưng.
- Nhĩ xứ sanh trước trợ cho nhĩ thức giới và pháp tương ưng.
- Tỷ xứ sanh trước trợ cho tỷ thức giới và pháp tương ưng.
- Thiệt xứ sanh trước trợ cho thiệt thức giới và pháp tương ưng.
- Thân xứ sanh trước trợ cho thân thức giới và pháp tương ưng.
- Sắc xứ sanh trước trợ cho nhãn thức giới và pháp tương ưng.
- Thinh xứ sanh trước trợ cho nhĩ thức giới và pháp tương ưng.
- Khí xứ sanh trước trợ cho tỷ thức giới và pháp tương ưng.
- Vị xứ sanh trước trợ cho thiệt thức giới và pháp tương ưng.
- Xúc xứ sanh trước trợ cho thân thức giới và pháp tương ưng.
- Sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ sanh trước trợ cho ý giới và pháp tương ưng.

Sắc nào nương ý giới và ý thức giới đặng hiện hành thì sắc ấy sanh trước trợ cho ý giới và pháp tương ưng có khi sanh trước trợ cho ý thức giới và pháp tương ưng cũng có khi không đặng làm Tiền sanh duyên.

12.

Hậu sanh duyên như là những tâm và sở hữu sanh trợ bằng cách Hậu sanh duyên cho thân ấy mới đặng sanh trước.

13.

Cố hưởng duyên như là
- Những pháp thiện sanh trước trước trợ cho pháp thiện sanh sau sau bằng cách hưởng hoài hoài *(āsevana).*

- Những pháp bất thiện sanh trước trước trợ cho pháp bất thiện sanh sau sau bằng cách hưởng cảnh hoài hoài.
- Những pháp vô ký sanh trước trước trợ cho pháp vô ký sanh sau sau bằng cách hưởng cảnh hoài hoài.

14.

Nghiệp duyên như là

- Nghiệp thiện và bất thiện trợ cho uẩn quả *(vipākakhandha)* và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên,
- Pháp tư *(cetanā)* tương ưng trợ cho sắc trong nền tảng ấy bằng Nghiệp duyên.

15.

Quả duyên như là tư uẩn quả phi sắc trợ hỗ tương bằng cách Quả duyên.

16.

Thực duyên như là

- Đoàn thực giúp cho thân ấy bằng cách Thực duyên.
- Thực phi sắc trợ cho pháp tương ưng và sắc đồng chung cơ sở ấy bằng Thực duyên.

17.

Quyền duyên như là

- Nhãn quyền trợ cho nhãn thức giới và pháp tương ưng bằng cách cai quản.
- Nhĩ quyền trợ cho nhĩ thức giới và pháp tương ưng đó bằng cách cai quản *(indrīya)*.
- Tỷ quyền trợ cho tỷ thức giới và pháp tương ưng đó bằng cách cai quản *(indrīya)*.
- Thiệt quyền trợ cho thiệt thức giới và pháp tương ưng bằng cách cai quản.
- Thân quyền trợ cho thân thức giới và pháp tương ưng bằng cách cai quản.
- Sắc quyền trợ cho sắc tục sinh bằng cách cai quản.
- Phi sắc quyền trợ cho pháp tương ưng và sắc đồng cơ sở bằng cách cai quản.

18.

Thiền duyên như là chi thiền trợ cho pháp tương ưng thiền và sắc đồng cơ sở bằng cách Thiền duyên.

19.

Đạo duyên như là đạo trợ cho pháp tương ưng đạo và sắc đồng cơ sở ấy bằng Đạo duyên.

20.

Tương ưng duyên như là 4 uẩn phi sắc trợ nhau bằng cách Tương ưng duyên.

21.

Bất tương ưng duyên như là sắc pháp trợ pháp phi sắc bằng cách không hòa trộn, hay pháp phi sắc trợ cho sắc pháp bằng cách không hòa trộn.

22.

Hiện hữu duyên như là

- Bốn uẩn phi sắc trợ nhau bằng cách đang còn, hay tứ đại sung trợ nhau bằng cách hiện hữu.
- Trong sát-na tục sinh, danh và sắc trợ nhau bằng cách hiện hữu *(atthi)*.
- Đại sung *(mahābhūta)* trợ cho sắc thủ *(upādārūpa)* bằng cách hiện hữu.
- Nhãn xứ trợ cho nhãn thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.
- Nhĩ xứ trợ cho nhĩ thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.
- Tỷ xứ trợ cho tỷ thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.
- Thiệt xứ trợ cho thiệt thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.
- Thân xứ trợ cho thân thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.

- Sắc xứ trợ cho nhãn thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.
- Thinh xứ trợ cho nhĩ thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.
- Khí xứ trợ cho tỷ thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.
- Vị xứ trợ cho thiệt thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.
- Xúc xứ trợ cho thân thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.
- Sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ trợ cho ý thức giới và pháp tương ưng ấy bằng cách hiện hữu.

Sắc nào nương đổ ý giới và ý thức giới đặng hiện hành thì sắc ấy trợ cho ý giới, ý thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.

23.

Vô hữu duyên như là những cách diệt kế cận của tâm và sở hữu trợ bằng cách không có, cho pháp tâm và sở hữu sanh kế tiếp.

24.

Ly duyên như là những cách tâm và sở hữu vừa đã lìa mất, giúp cho những pháp tâm và sở hữu tiếp sanh bằng cách lìa mất.

25.

Bất ly duyên như là

- Tứ uẩn phi sắc trợ nhau bằng cách chẳng lìa nhau.
- Tứ đại sung trợ nhau bằng cách chẳng lìa nhau.
- Trong sát-na tục sinh, danh sắc trợ nhau bằng cách chẳng lìa nhau.
- Những pháp tâm và sở hữu trợ sắc nương tâm sanh bằng cách chẳng lìa nhau.
- Đại sung *(mahābhūta)* trợ sắc y sinh *(upādāyarūpa)* bằng cách chẳng lìa nhau.
- Nhãn xứ trợ cho nhãn thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Nhĩ xứ trợ cho nhĩ thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Tỷ xứ trợ cho tỷ thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Thiệt xứ trợ cho thiệt thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Thân xứ trợ cho thân thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Sắc xứ trợ cho nhãn thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Thinh xứ trợ cho nhĩ thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Khí xứ trợ cho tỷ thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Vị xứ trợ cho thiệt thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Xúc xứ trợ cho thân thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ trợ cho ý giới và pháp tương ưng ấy bằng cách chẳng lìa nhau.

Sắc nào nương ý giới và ý thức giới hiện hành thì sắc ấy trợ cho ý giới, ý thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.

Dứt phần giải thích duyên

VỊ TRÍ - TAM ĐỀ *(ANULOMATIKAPAṬṬHANA)*

TAM ĐỀ THIỆN *(KUSALATTIKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

26.

* Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp bất thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện và vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện và bất thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện, bất thiện và vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.

27.

* Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện và pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện, bất thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.

28.

* Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện liên quan pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp bất thiện liên quan pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện và vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện và bất thiện liên quan pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện, bất thiện và vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.

29.

* Pháp thiện liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp bất thiện liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện và vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện và bất thiện liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện, bất thiện và vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.

30.

* Pháp thiện liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.

∗ Pháp thiện và bất thiện liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
∗ Pháp thiện, bất thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.

31.

∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện và bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
∗ Pháp bất thiện liên quan pháp thiện và bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
∗ Pháp vô ký liên quan pháp thiện và bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
∗ Pháp thiện và vô ký liên quan pháp thiện và bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
∗ Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp thiện và bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
∗ Pháp thiện và bất thiện liên quan pháp thiện và bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
∗ Pháp thiện, bất thiện và vô ký liên quan pháp thiện và bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.

32.

∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện, bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
∗ Pháp bất thiện liên quan pháp thiện, bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
∗ Pháp vô ký liên quan pháp thiện, bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
∗ Pháp thiện và vô ký liên quan pháp thiện, bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
∗ Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp thiện, bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
∗ Pháp thiện và bất thiện liên quan pháp thiện, bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
∗ Pháp thiện, bất thiện và vô ký liên quan pháp thiện, bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.

33.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Cảnh duyên cũng có.

Nhân duyên, Ngài phân rộng như thế nào thì Cảnh duyên cũng nên phân rộng như thế ấy theo lối dạy.

34.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Trưởng duyên... do Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên, Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên, Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên cũng có.

35.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Bất ly duyên cũng có.

Liên quan pháp bất thiện, pháp vô ký, pháp thiện và vô ký, pháp bất thiện và vô ký, pháp thiện và bất thiện, pháp thiện, bất thiện và vô ký; pháp thiện sanh ra, pháp bất thiện sanh ra, pháp vô ký sanh ra, pháp thiện và vô ký sanh ra, pháp bất thiện và vô ký sanh ra, pháp thiện và bất thiện sanh ra, pháp thiện, bất thiện và vô ký sanh ra do Bất ly duyên cũng có.

Nhân duyên, Ngài phân rộng thế nào thì Bất ly duyên cũng nên phân rộng như thế ấy theo lối dạy.

Dứt phần nhất căn

36.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên, Cảnh duyên cũng có... pháp thiện, bất thiện và vô ký liên quan pháp thiện, bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên, Cảnh duyên cũng có.

37.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên, Trưởng duyên cũng có... Nhân duyên, Vô gián duyên, Nhân duyên, Liên tiếp duyên... Nhân duyên, Bất ly duyên cũng có.

Dứt phần nhị căn

38.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên cũng có ...

- Do Nhân duyên, Cảnh duyên, Vô gián duyên ...
- Do Nhân duyên, Cảnh duyên, Bất ly duyên cũng có.

Dứt phần tam căn

39.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên cũng có...

Do Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, Bất ly duyên cũng có.

Dứt phần tứ căn

40.

Phần ngũ căn *(pañcamūla)*... đây chỉ tóm tắt xin trí thức phân rộng ra theo như bài nhứt căn, nhị căn, tam căn, tứ căn luôn ngũ căn cho đến hết tất cả căn.

Dứt phần nhân căn

41.

∗ Pháp thiện liên quan đến pháp thiện sanh ra do Cảnh duyên, Nhân duyên cũng có.
  Do Cảnh duyên, Trưởng duyên..., do Cảnh duyên, Bất ly duyên cũng có.

∗ Pháp thiện liên quan đến pháp thiện sanh ra do Trưởng duyên, Bất đoạn duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên cũng có.
  Do Bất ly duyên, Nhân duyên; Bất ly duyên, Cảnh duyên; Bất ly duyên, Trưởng duyên; Bất ly duyên, Ly duyên cũng có.

42.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Bất ly duyên, Nhân duyên, Cảnh duyên cũng có.

- Do Bất ly duyên, Nhân duyên, Trưởng duyên.
- Do Bất ly duyên, Nhân duyên, Vô gián duyên.
- Do Bất ly duyên, Nhân duyên, Ly duyên cũng có.

43.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Bất ly duyên, Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên cũng có.

- Do Bất ly duyên, Nhân duyên, Cảnh duyên, Vô gián duyên cũng có.
- Do Ly duyên.

44.

Phần nhứt căn, nhị căn, tam căn, tứ căn, ngũ căn luôn tất cả căn duyên trong mỗi bài xin trí thức nên phân rộng ra.

Trong thuận tùng có phần sâu sắc 6 cách là: Vị trí tam đề đặc biệt, vị trí nhị đề phong phú, vị trí tam đề nhị đề, vị trí tam đề tam đề, vị trí nhị đề nhị đề.

45.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Nhân duyên cũng có.

Nhân duyên phân rộng theo thuận tùng thế nào xin nhân rộng phi Nhân duyên *(na Hetupaccayo)* như thế ấy.

46.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Cảnh duyên cũng có.

Do phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Hiện hữu duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên, phi Bất ly duyên.

47.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên cũng có.

Trong thuận tùng nhứt căn, nhị căn, tam căn, tứ căn cho đến 23 căn duyên mỗi bài Ngài đã phân rộng như thế nào thì phần đối lập nên phân rộng như thế ấy.

Trong phần đối lập có 6 cách sâu sắc như là vị trí tam đề đặc biệt, vị trí nhị đề phong phú, vị trí nhị đề tam đề, vị trí tam đề nhị đề, vị trí tam đề tam đề, vị trí nhị đề nhị đề.

48.

- ∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên, phi Cảnh duyên cũng có.
- ∗ Pháp bất thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên, phi Cảnh duyên cũng có.

Nhân duyên trong thuận tùng Ngài đã sắp rộng như thế nào thì trong phần thuận tùng, đối lập cũng nên phân rộng như thế ấy.

49.

Pháp thiện liên quan đến pháp thiện sanh ra do Nhân duyên, phi Trưởng duyên cũng có.

Do Nhân duyên, phi Vô gián duyên... do Nhân duyên, phi Bất ly duyên cũng có.

50.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên, Cảnh duyên, phi Trưởng duyên cũng có.

- Do Nhân duyên, Cảnh duyên, phi Vô gián duyên ...
- Do Nhân duyên, Cảnh duyên, phi Bất ly duyên.
- Do Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, phi Vô gián duyên.
- Do Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, phi Bất ly duyên.
- Do Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên.
- Do Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên, phi Bất ly duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên, Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên, Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, phi Bất ly duyên cũng có.

51.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên... Bất ly duyên, phi Nhân duyên cũng có.

- Do Bất ly duyên, phi Cảnh duyên... Bất ly duyên, phi Ly duyên.

- Do Bất ly duyên, Nhân duyên, phi Cảnh duyên.
- Do Bất ly duyên, Nhân duyên, phi Ly duyên.
- Do Bất ly duyên, Nhân duyên, Cảnh duyên, phi Trưởng duyên.
- Do Bất ly duyên, Nhân duyên, Cảnh duyên, phi Ly duyên.
- Do Bất ly duyên, Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên... phi Ly duyên cũng có.

Trong thuận tùng, đối lập có 6 cách sâu sắc như là: tam đề vị trí đặc biệt, nhị đề vị trí phong phú, nhị đề tam đề vị trí, tam đề nhị đề vị trí, tam đề tam đề vị trí, nhị đề nhị đề vị trí.

52.

* Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Nhân duyên, Cảnh duyên cũng có.
* Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Nhân duyên,... Trưởng duyên, phi Nhân duyên, Bất ly duyên cũng có.

53.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, Trưởng duyên cũng có.

- Do phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, Bất ly duyên.
- Do phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên... phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên... phi Hiện hữu duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên... Bất ly duyên.

54.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Cảnh duyên, Nhân duyên cũng có.

55.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Cảnh duyên, Trưởng duyên cũng có.

- Do phi Cảnh duyên, Bất ly duyên... phi Bất ly duyên, Nhân duyên.
- Do phi Bất ly duyên, Cảnh duyên... phi Bất ly duyên, Ly duyên.
- Do phi Bất ly duyên, phi Nhân duyên, Cảnh duyên.
- Do phi Bất ly duyên, phi Nhân duyên, Ly duyên.
- Do phi Bất ly duyên, phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên... phi Hiện hữu duyên, phi Vô hữu duyên, Ly duyên cũng có.

Trong đối lập thuận tùng có 6 cách sâu sắc như là tam đề vị trí đặc biệt, nhị đề vị trí phong phú, nhị đề tam đề vị trí, tam đề nhị đề vị trí, tam đề tam đề vị trí và nhị đề nhị đề vị trí.

Dứt phần định danh

56.

* Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm liên quan uẩn thiện.
* Pháp thiện và vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn và sắc tâm liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.
* Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm liên quan uẩn bất thiện.

* Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn và sắc tâm liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.
* Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô ký quả và vô ký tố, 1 uẩn và sắc tâm liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.

  Trong sát-na tục sinh, 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô ký quả,1 uẩn và sắc tục sinh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn. Vật *(hadayavatthu)* liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 3 sắc đại sung *(mahābhūtarūpa)* liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc tâm, sắc tục sinh và sắc y sinh nương sắc đại sung.
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm liên quan uẩn thiện và sắc đại sung.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm liên quan uẩn bất thiện và sắc đại sung.

57.

* Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
* Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
* Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn. Trong khi tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn, uẩn liên quan vật *(hadayavatthu).*

58.

* Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Trưởng duyên: Sắc tâm liên quan uẩn thiện.
* Pháp thiện và vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn và sắc tâm liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.
* Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Trưởng duyên: Sắc tâm nương uẩn bất thiện.
* Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn và sắc tâm liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.
* Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố, 1 uẩn và sắc tâm liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn; 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc tâm và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Trưởng duyên: Sắc tâm liên quan uẩn thiện và đại sung.

* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Trưởng duyên: Sắc tâm liên quan uẩn bất thiện và đại sung.

59.

Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Vô gián duyên, Liên tiếp duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện...

Vô gián duyên, Liên tiếp duyên cũng như Cảnh duyên.

60.

* Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Đồng sanh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Đồng sanh duyên: Sắc tâm liên quan uẩn thiện.
* Pháp thiện và vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Đồng sanh duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn và sắc tâm liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.
* Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Đồng sanh duyên: 3 uẩn bất thiện liên quan 1 uẩn, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Đồng sanh duyên: Sắc tâm nương uẩn bất thiện.
* Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Đồng sanh duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn và sắc tâm liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.
* Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Đồng sanh duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô ký quả và vô ký tố, 1 uẩn và sắc tâm liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh *(katattarūpā)* liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn. Vật *(hadayavatthu)* liên quan uẩn, uẩn liên quan vật. 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung. Sắc tâm, sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung ngoại, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung. Sắc y sinh *(upādārūpa)* liên quan sắc đại sung, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung vật thực sanh, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung. Sắc y sinh liên quan sắc đại sung, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung âm dương[10] tạo, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung. Sắc y sinh liên quan sắc đại sung, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung của Vô tưởng, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung. Sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Đồng sanh duyên: Sắc tâm sanh liên quan uẩn thiện và sắc đại sung.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Đồng sanh duyên: Sắc tâm sanh liên quan uẩn bất thiện và sắc đại sung.

61.

* Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

---

[10] Sắc âm dương = sắc quí tiết.

∗ Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô ký quả và vô ký tố, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và vật liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và vật liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và vật liên quan 2 uẩn. Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật. 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung. Sắc ngoại *(bahiraruupa),* sắc vật thực, sắc âm dương sanh. 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung Vô tưởng, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung.

62.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Y chỉ duyên: liên quan 1 uẩn thiện

Y chỉ duyên cũng như Đồng sanh duyên *(Sahajātapaccayo)*.

63.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Cận y duyên: liên quan 1 uẩn thiện...

Cận y duyên *(Upanissayapaccayo)* cũng như Cảnh duyên.

64.

∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn do Vật tiền sanh duyên.

∗ Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn do Vật tiền sanh duyên.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô ký quả vô ký tố, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn do Vật tiền sanh duyên.

65.

∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô ký tố, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

66.

∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nghiệp duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện... 3 uẩn liên quan pháp bất thiện.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Nghiệp duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô ký quả vô ký tố... trong sát-na tục sinh, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, sắc tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh nương sắc đại sung. 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung của Vô tưởng; sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Nghiệp duyên: Sắc tâm sanh liên quan uẩn thiện và sắc đại sung.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nghiệp duyên: Sắc tâm sanh liên quan uẩn bất thiện và sắc đại sung.

67.

Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Quả duyên: 3 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh, 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn. Vật

(hadayavatthu) liên quan uẩn, uẩn liên quan vật. 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung. Sắc tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

68.

* Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Thực duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện... có 3.
* Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Thực duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện... có 3.
* Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Thực duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô ký quả vô ký tố. Trong sát-na tục sinh, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, sắc tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung. 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung vật thực sanh; sắc y sinh liên quan sắc đại sung.
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra ...
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Thực duyên: Sắc tâm sanh liên quan uẩn bất thiện và sắc đại sung.

69.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Quyền duyên:

- Liên quan 1 uẩn thiện sanh ra... có 3
- Liên quan pháp bất thiện sanh ra:... có 3
- Liên quan pháp vô ký sanh:... 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung Vô tưởng.

Quyền duyên *(Indrīyapaccayo)* cũng như Nghiệp duyên

70.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Thiền duyên... Đạo duyên.

Thiền duyên *(Jhānapaccayo)*, Đạo duyên *(Maggapaccayo)* cũng như Nhân duyên.

71.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Tương ưng duyên: liên quan 1 uẩn thiện.

Tương ưng duyên *(Sampayuttapaccayo)* cũng như Cảnh duyên.

72.

* Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn, uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên.
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: Sắc tâm liên quan uẩn thiện do Bất tương ưng duyên.
* Pháp thiện và vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 2 uẩn, uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên, sắc tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.
* Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn, uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: Sắc tâm sanh liên quan uẩn bất thiện, sắc tâm liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.
* Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 3 uẩn, 2

uẩn và sắc tâm sanh liên quan 2 uẩn, uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên, sắc tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.

* Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 1 uẩn vô ký quả và vô ký tố, 1 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 3 uẩn vô ký quả và vô ký tố, 2 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 2 uẩn, uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên, sắc tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên. trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn, uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên, sắc tục sinh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung, sắc tâm sanh, sắc tục sinh, sắc thủ liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện và sắc đại sung, sắc nương tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn bất thiện và sắc tứ đại sung, sắc nương tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên..

73.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Hiện hữu duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện...

Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo)* cũng như Đồng sanh duyên.

74.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Vô hữu duyên... Ly duyên:

Vô hữu duyên và Ly duyên cũng như Cảnh duyên.

75.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Bất ly duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện.

Bất ly duyên cũng như Đồng sanh duyên *(Sahajātapaccayo)*.

Cả 23 duyên này, người dạy nên phân rộng ra (ime tevīsati paccayā saijhāyantena vitthāretabbā).

76.

Nhân duyên 9 (câu lọc), Cảnh duyên 3, Trưởng duyên 9, Vô gián duyên 3, Liên tiếp duyên 3, Đồng sanh duyên 9, Hỗ tương duyên 3, Y chỉ duyên 9, Cận y duyên 3, Tiền sanh duyên 3, Cố hưởng duyên 3, Nghiệp duyên 9, Quả duyên 1, Thực duyên 9, Quyền duyên 9, Thiền duyên 9, Đạo duyên 9, Tương ưng duyên 3, Bất tương ưng duyên 9, Hiện hữu duyên 9, Vô hữu duyên 3, Ly duyên 3, Bất ly duyên 9.

77.

Trong Nhân duyên có Cảnh 3,... Trưởng 9,... Vô gián 3,... Liên tiếp 3,... Đồng sanh 9,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 9,... Cận y 3,... Tiền sanh 3,... Cố hưởng 3,... Nghiệp 9,... Quả 1,... Thực 9,... Quyền 9,... Thiền 9,... Đạo 9,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 9,... Hiện hữu 9,... Vô hữu 3,... Ly 3,... Bất ly 9.

78.

Nhân duyên chung Cảnh duyên có Trưởng 3 (câu),... Vô gián 3,... Liên tiếp 3,... Đồng sanh 3,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 3,... Cận y 3,... Tiền sanh 3,... Cố hưởng 3,... Nghiệp 3,... Quả 1,... Thực 3,... Quyền 3,... Thiền 3,... Đạo 3,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 3,... Vô hữu 3,... Ly 3,... Bất ly 3.

79.

Nhân duyên chung Cảnh duyên, Trưởng duyên... có Nghiệp 3,... Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên có Nghiệp 3,... có Thực 3,... có Quyền 3,... có Thiền 3,... có Đạo 3, có Tương ưng 3,... có Bất tương ưng 3,... có Hiện hữu 3,... có Vô hữu 3, có Ly 3,... có Bất ly 3.

80.

Trong Nhân duyên, Cảnh duyên... Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên, Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên có Bất ly 3.

81.

Trong Nhân duyên, Cảnh duyên... Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên có Thực 1,... có Quyền 1,... có Thiền 1,... có Đạo 1,... có Tương ưng 1,... có Bất tương ưng 1,... có Hiện hữu 1,... có Vô hữu 1,... có Ly 1, có Bất ly 1.

82.

Trong Nhân duyên, Cảnh duyên ... Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên, Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên có Bất ly 1.

Dứt phần đếm nhân căn (hetumūlakagaṇanā)

Trong Cảnh duyên đều có 3 vấn đề

83.

- Trong Cảnh duyên có Nhân 3,... có Trưởng 3,... có Bất ly 3.
- Trong Trưởng duyên có Nhân 9,... có Cảnh 3,... có Bất ly 9.
- Trong Vô gián duyên, Liên tiếp duyên có Nhân 3,... có Bất ly 3.
- Trong Đồng sanh duyên có Nhân 9,...
- Trong Hỗ tương duyên có 3,
- Trong Y chỉ duyên có Nhân 9.
- Trong Cận y duyên có Nhân 3.
- Trong Tiền sanh duyên có Nhân 3.

84.

- Trong Cố hưởng duyên có Nhân 3,... có Cảnh 3,... có Trưởng 3,... có Vô gián 3,... có Liên tiếp 3,... có Đồng sanh 3,... có Hỗ tương 3,... có Y chỉ 3,... có Cận y 3,... có Tiền sanh 3,... có Nghiệp 3,... có Thực 3,... có Quyền 3,... có Thiền 3,... có Đạo 3,... có Tương ưng 3,... có Bất tương ưng 3,... có Hiện hữu 3,... có Vô hữu 3,... có Ly 3,... có Bất ly 3.
- Trong Cố hưởng căn không có Quả.
- Trong Nghiệp duyên có Nhân 9.

85.

Trong Quả duyên có Nhân 1,... có Cảnh 1,... có Trưởng 1,... có Vô gián 1,... có Liên tiếp 1,... có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1,... có Y chỉ 1,... có Cận y 1,... có Tiền sanh 1,... có Nghiệp 1,... có Thực 1,... có Quyền 1,... có Thiền 1,... có Đạo 1,... có Tương ưng 1,... có Bất tương ưng 1,... có Hiện hữu 1,... có Vô hữu 1,... có Ly 1,... có Bất ly 1, trong Quả căn không có Cố hưởng.

Thực duyên có Nhân 9, Quyền duyên có Nhân 9, Thiền duyên có Nhân 9, Đạo duyên có Nhân 9, Tương ưng duyên có Nhân 3, Bất tương ưng có Nhân 9, Hiện hữu duyên có Nhân 9, Vô hữu duyên có Nhân 3, Ly duyên có Nhân 3.

86.

Trong Bất ly duyên có Nhân 9,... Cảnh 3,... có Trưởng 9,... có Hiện hữu 3,... có Bất ly 3.

Nên sắp mỗi duyên thành căn cho rộng theo lối dạy.

Dứt cách thuận tùng

87.

∗ Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật[11] liên quan các uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô ký quả vô ký tố vô Nhân, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh vô nhân, 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn; vật *(hadayavatthu)* liên quan uẩn; uẩn liên quan vật; 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh, sắc thủ liên quan sắc đại sung; sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... 1 sắc đại sung Vô tưởng liên quan 3 sắc đại sung, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc tục sinh, sắc thủ liên quan sắc đại sung.

88.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan các uẩn thiện

∗ Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan các uẩn bất thiện

∗ Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô ký quả vô ký tố. Trong sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn vô ký quả; vật (sắc nương tâm sanh) liên quan uẩn; 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh, sắc thủ liên quan sắc đại sung; sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... 3 sắc đại sung Vô tưởng liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc tục sinh và sắc thủ liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện và sắc đại sung.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn bất thiện và sắc đại sung.

89.

∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Trưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do phi Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện.

---

[11] Phóng dật = điệu cử.

* Pháp thiện và vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do phi Trưởng duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
* Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Trưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn bất thiện.
* Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Trưởng duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
* Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Trưởng duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn; vật (sắc nương trái tim) liên quan uẩn; uẩn liên quan vật; 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh, sắc thủ liên quan sắc đại sung; 3 sắc đại sung Vô tưởng liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc tục sinh, sắc thủ liên quan sắc đại sung.
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do phi Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn thiện và sắc đại sung.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do phi Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn bất thiện và sắc đại sung.

90.

Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện.

Phi Vô gián duyên và phi Liên tiếp duyên cũng như bài phi Cảnh duyên.

91.

* Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do phi Hỗ tương duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Hỗ tương duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn bất thiện.
* Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Hỗ tương duyên: Sắc tâm sanh liên quan uẩn vô ký quả, vô ký tố. Trong sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn vô ký quả; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc thủ liên quan sắc đại sung; sắc thủ liên quan sắc đại sung ngoại; sắc thủ liên quan sắc đại sung vật thực, sắc thủ liên quan sắc đại sung âm dương. Sắc tục sinh, sắc thủ liên quan sắc đại sung Vô tưởng.
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do phi Hỗ tương duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện và sắc đại sung.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do phi Hỗ tương duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn bất thiện và sắc đại sung.

92.

Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do phi Cận y duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện.

Phi Cận y duyên cũng như phi Cảnh duyên.

93.

∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Tiền sanh duyên: cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do phi Tiền sanh duyên: sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện.

∗ Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Tiền sanh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện nơi Vô sắc, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Tiền sanh duyên: sắc tâm sanh liên quan uẩn bất thiện.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

- Ba uẩn liên quan 1 uẩn vô ký quả vô ký tố nơi Vô sắc, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn; sắc tâm sanh liên quan uẩn vô ký quả, vô ký tố. Trong sát-na tục sinh, 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn; vật liên quan uẩn; uẩn liên quan vật; 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc thủ liên quan sắc đại sung; sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương.
- Ba sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung Vô tưởng, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc tục sinh và sắc thủ liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện và sắc đại sung.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn bất thiện và sắc đại sung.

94.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Hậu sanh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện ...

95.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Cố hưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện ...

Phi Tiền sanh duyên, phi Cố hưởng duyên cũng như phi Trưởng duyên.

96.

∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư thiện *(kusalacetanā)* liên quan uẩn thiện.

∗ Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư bất thiện *(akusalacetanā)* liên quan uẩn bất thiện.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* vô ký liên quan uẩn vô ký tố; 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung; sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương; 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc thủ liên quan sắc đại sung.

97.

∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Quả duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện.

∗ Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Quả duyên: 3...

∗ Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Quả duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô ký tố, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn; 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung... sắc

nương tâm sanh và sắc thủ liên quan sắc đại sung; sắc ngoại, sắc vật thực và sắc âm dương... 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung Vô tưởng... sắc tục sinh và sắc thủ liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do phi Quả duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện và sắc đại sung.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do phi Quả duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn bất thiện và sắc đại sung.

98.

Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Thực duyên: Sắc ngoại và sắc âm dương... 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung Vô tưởng... sắc tục sinh và sắc thủ liên quan sắc đại sung.

99.

Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Quyền duyên: 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương và sắc thủ liên quan sắc đại sung. Sắc mạng quyền nơi Vô tưởng liên quan sắc đại sung.

100.

Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Thiền duyên:

- Ba uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh ngũ song thức, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn; sắc ngoại, sắc vật thực và sắc âm dương...
- Ba sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung Vô tưởng... sắc tục sinh và sắc thủ liên quan sắc tứ đại sung.

101.

Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Đạo duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố vô nhân, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn; vật liên quan uẩn; uẩn liên quan vật; 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc thủ liên quan sắc đại sung; sắc ngoại, sắc vật thực và sắc âm dương... 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung Vô tưởng,... sắc tục sinh và sắc thủ liên quan sắc đại sung.

102.

Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do phi Tương ưng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện.

Như phi Cảnh duyên.

103.

∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện nơi Vô sắc, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn

∗ Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện nơi Vô sắc, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố nơi Vô sắc, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn. Sắc ngoại, sắc vật thực và sắc âm dương... 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung nơi Vô tưởng... sắc tục sinh, sắc thủ liên quan sắc đại sung.

104.

Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện

Như phi Cảnh duyên.

105.

Phi Nhân duyên có 2, phi Cảnh duyên có 5, phi Trưởng duyên có 9, phi Vô gián duyên có 5, phi Liên tiếp duyên có 5, phi Hỗ tương duyên có 5, phi Cận y duyên có 5, phi Tiền sanh duyên có 7, phi Hậu sanh duyên có 9, phi Cố hưởng duyên có 9, phi Nghiệp duyên có 3, phi Quả duyên có 9, phi Thực duyên có 1, phi Quyền duyên có 1, phi Thiền duyên có 1, phi Đạo duyên có 1, phi Tương ưng duyên có 5, phi Bất tương ưng duyên có 3, phi Hiện hữu duyên có 5, phi Ly duyên có 5.

106.

Phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... có phi Trưởng 2,... phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 2, có phi Hậu sanh 2, có phi Cố hưởng 2, có phi Nghiệp 1, có phi Quả 2, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 2, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

107.

Phi Nhân duyên chung phi Cảnh duyên có phi Trưởng 1,... có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 1, có phi Hậu sanh 1, có phi Cố hưởng 1, có phi Nghiệp 1, có phi Quả 1, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 1, có phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

108.

Phi Nhân duyên chung phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên... phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên... có phi Ly 1.

Dứt phần phi nhân căn

109.

Phi Cảnh duyên có phi Nhân 1,... có phi Trưởng 5, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 5, có phi Hậu sanh 5, có phi Cố hưởng 5, có phi Nghiệp 1, có phi Quả 5, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 1, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

110.

Phi Cảnh duyên chung phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên có phi Vô gián 1, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

111.

Phi Trưởng duyên có phi Nhân 2,... phi Cảnh 5, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

112.

Phi Trưởng duyên chung phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 2, có phi Hậu sanh 2,

có phi Cố hưởng 2, có phi Nghiệp 1, có phi Quả 2, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 2, có phi Hiện hữu 1, có phi Ly 1.

113.

Phi Trưởng duyên chung phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Vô gián 1 (tất cả đều có 1)... phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

114.

Phi Vô gián duyên... phi Liên tiếp duyên... phi Hỗ tương duyên... phi Cận y duyên... cũng như phi Cảnh duyên.

115.

Phi Tiền sanh duyên có phi Nhân 2,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 7, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Hậu sanh 7, có phi Cố hưởng 7, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 7, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

116.

Phi Tiền sanh duyên chung phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 2, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Hậu sanh 2, có phi Cố hưởng 2, có phi Nghiệp 1, có phi Quả 2, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 2, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

117.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 1,... có phi Vô gián 1 (tất cả đều 1) có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

118.

Phi Hậu sanh duyên... phi Cố hưởng duyên có phi Nhân 2,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

119.

Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... có phi Trưởng 2, có phi Vô gián, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 2, có phi Hậu sanh 2, có phi Nghiệp 1, có phi Quả 2, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 2, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

120.

Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 1, có phi Vô gián 1 (tất cả đều có 1)... có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

121.

Phi Nghiệp duyên có phi Nhân 2,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 3, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Quả 3, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

122.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh 1, có phi Trưởng 1 (tất cả đều có 1)... có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

123.

Phi Quả duyên có phi Nhân 2,... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

124.

Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... có phi Trưởng 2, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 2, có phi Hậu sanh 2, có phi Cố hưởng 2, có phi Nghiệp 1, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 2, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

125.

Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 1 (tất cả đều có 1)... có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

126.

Phi Thực duyên,... phi Quyền duyên,... phi Thiền duyên,... phi Đạo duyên có phi Nhân 1 (tất cả đều có 1)... có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

127.

Phi Tương ưng duyên có phi Nhân 1,... có phi Cảnh 5,... cũng như phi Cảnh duyên... có phi Ly 5.

128.

Phi Bất tương ưng duyên có phi Nhân 2, có phi Cảnh 3, có phi Trưởng 3, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

129.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... có phi Trưởng 2, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 2, có phi Hậu sanh 2, có phi Cố hưởng 2, có phi Nghiệp 1, có phi Quả 2, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

130.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 1,... có phi Vô gián 1 (tất cả đều có 1)... có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

131.

Phi Vô hữu duyên cùng phi Ly duyên có phi Nhân 1,... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 5, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 5, có phi Hậu sanh 5, có phi Cố hưởng 5, có phi Nghiệp 1, có phi Quả 5, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 1, có phi Vô hữu 5.

132.

Phi Ly duyên cùng phi Nhân duyên, có phi Cảnh 1,... có phi Trưởng 1 (tất cả đều có 1)... có phi Bất tương ưng 1, có phi Vô hữu 1.

Dứt cách đối lập

133.

Nhân duyên có phi Cảnh 5,... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

134.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên có phi Trưởng 3... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

135.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Trưởng duyên có phi Tiền sanh 3,... có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

136.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên có phi Hậu sanh 3,... có phi Cố hưởng 3, có phi nghiệp 3.

137.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên có phi Hậu sanh 3,... có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3.

138.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên, Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên có phi Hậu sanh 3, có phi Quả 3.

139.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên có phi Hậu sanh 1, có phi Cố hưởng 1.

140.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên, Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên có phi Hậu sanh 1,... có phi Cố hưởng 1.

141.

Cảnh duyên có phi Nhân 2,... có phi Trưởng 3, có phi Tiền sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Bất tương ưng 3.

142.

Cảnh duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3,... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Phần cảnh căn *(ārammaṇamūla)* sắp rộng cũng như phần nhân căn.

143.

Trưởng duyên có phi Cảnh 5,... có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

144.

Trưởng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Tiền sanh 3,... có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng duyên 3.
Vô gián duyên và Liên tiếp duyên nên sắp rộng như Cảnh duyên.

145.

Đồng sanh duyên có phi Nhân 2,... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Thực 5, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 4, có phi Ly 5.

146.

Đồng sanh duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 5,... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 4, có phi Ly 5.

147.

Đồng sanh duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng 3,... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Đồng sanh căn nên sắp rộng như nhân căn.

148.

Hỗ tương duyên có phi Nhân 2,... có phi Cảnh 1, có phi Trưởng 3, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 1, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 1, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

149.

Hỗ tương duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 1,... có phi Trưởng 3, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

150.

Hỗ tương duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng 3,... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Hỗ tương căn cũng như phần Nhân căn.

151.

Y chỉ duyên có phi Nhân 2,... có phi Cảnh 5.

Y chỉ duyên cũng như Đồng sanh căn.

Cận y duyên cũng như phần Cảnh căn.

152.

Tiền sanh duyên có phi Nhân 2, ... có phi Trưởng 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1.

153.

Tiền sanh duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3... Phân ra rộng như phần Nhân căn.

154.

Cố hưởng duyên có phi Nhân 2, ... có phi Trưởng 3, có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Đạo 1, có phi Bất tương ưng 3.

155.

Cố hưởng duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3,... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Cũng như phần Nhân căn.

156.

Nghiệp duyên có phi Nhân 2,... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Quả 9, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

157.

Nghiệp duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 5,... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

158.

Nghiệp duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng trong 3 (câu),... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Cũng như phần Nhân căn *(hetumūla).*

159.

Quả duyên có phi Nhân trong 1 (câu),... có phi Cảnh trong 1 (câu), có phi Trưởng 1, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 1, có phi Hậu sanh 1, có phi Cố hưởng 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 1, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

160.

Quả duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh trong 1 (câu),... có phi Trưởng 1, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 1, có phi Hậu sanh 1, có phi Cố hưởng 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 1, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

161.

Quả duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng trong 1 (câu),... có phi Tiền sanh 1, có phi Hậu sanh 1, có phi Cố hưởng 1, có phi Bất tương ưng 1.

162.

Quả duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên có phi Tiền sanh trong 1 (câu),... có phi Hậu sanh 1, có phi Cố hưởng 1, có phi Bất tương ưng 1.

163.

Quả duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên, Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên có phi Hậu sanh trong 1 (câu),... có phi Cố hưởng 1.

164.

Thực duyên có phi Nhân trong 2 (câu),... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có

phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

165.

Thực duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh trong 5 (câu), có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

166.

Thực duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng trong 3 (câu),... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Nên phân rộng ra như phần nhân căn.

167.

Quyền duyên có phi Nhân trong 2 (câu),... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Thực 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

168.

Quyền duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh trong 5 (câu),... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

169.

Quyền duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng trong 3 (câu),... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Nên phân rộng ra như phần nhân căn.

170.

Thiền duyên có phi Nhân trong 2 (câu),... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

171.

Thiền duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh trong 5 (câu),... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

172.

Thiền duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng trong 3 (câu),... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Nên phân rộng ra như phần nhân căn.

173.

Đạo duyên có phi Nhân trong 1 (câu),... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có

phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

174.

Đạo duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh trong 5 (câu),... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

175.

Đạo duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng trong 3 (câu),... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Nên phân rộng như phần nhân căn.

176.

Tương ưng duyên có phi Nhân trong 2 (câu),... có phi Trưởng 3, có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Bất tương ưng 3.

177.

Tương ưng duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng trong 3 (câu),... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Nên phân rộng ra như phần nhân căn.

178.

Bất tương ưng duyên có phi Nhân trong 2 (câu),... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 5, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

179.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh trong 5 (câu),... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 5, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

180.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng trong 3 (câu),... có phi Tiền sanh 1, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3.

181.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên có phi Hậu sanh trong 3 (câu),... có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3.

182.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên có phi Hậu sanh trong 3 (câu),... có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3.

183.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên, Bất ly duyên có phi Hậu sanh trong 3 (câu),... có phi Quả trong 3 (câu).

184.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên có phi Hậu sanh trong 1 (câu),... có phi Cố hưởng trong 1 (câu).

185.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên, Bất ly duyên có phi Hậu sanh trong 1 (câu),... có phi Cố hưởng trong 1 (câu).

186.

Hiện hữu duyên có phi Nhân trong 2 (câu),... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

187.

Hiện hữu duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh trong 5 (câu),... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

188.

Hiện hữu duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng trong 3 (câu), có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Nên phân rộng ra như phần nhân căn.

189.

Vô hữu duyên cùng Ly duyên có phi Nhân trong 2 (câu),... có phi Trưởng 3, có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Bất tương ưng 3.

Nên phân rộng ra như phần Nhân căn.

190.

Bất ly duyên có phi Nhân trong 2 (câu),... có phi Cảnh trong 5 (câu),... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

191.

Bất ly duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 5,... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

Nên phân rộng ra như phần Nhân căn.

Dứt cách đếm thuận tùng, đối lập

192.

Phi Nhân duyên có Cảnh trong 2 (câu),... có Vô gián 2, có Liên tiếp 2, có Đồng sanh 2, có Hỗ tương 2, có Y chỉ 2, có Cận y 2, có Tiền sanh 2, có Cố hưởng 2, có Nghiệp 2, có Quả 1, có Thực 2, có Quyền 2, có Thiền 2, có Đạo 1, có Tương ưng 2, có Bất tương ưng 2, có Hiện hữu 2, có Vô hữu 2, có Ly 2, có Bất ly 2.

193.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có Đồng sanh trong 1 (câu),... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Ly 1.

194.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên có Đồng sanh trong 1 (câu),... có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Ly 1.

195.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên; từ phi Nhân duyên đến phi Cố hưởng duyên đều có 5 (câu), nhưng không đếm phi Nghiệp duyên,... phi Nghiệp duyên có Đồng sanh 1,... có Y chỉ 1, có Thực 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.

196.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên có Đồng sanh trong 1 (câu),... có Y chỉ 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.

197.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên có Đồng sanh trong 1 (câu),... có Y chỉ 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.

198.

Phi Cảnh duyên có Nhân trong 5 (câu),... có Trưởng 5, có Đồng sanh 5, có Hỗ tương 1, có Y chỉ 5, có Nghiệp 5, có Quả 1, có thực 5, có Quyền 5, có Thiền 5, có đạo 5, có Bất tương ưng 5, có Hiện hữu 5, có Bất ly 5.

199.

Phi Cảnh duyên cùng phi Nhân duyên có Đồng sanh trong 1 (câu),... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.

Cũng như phần Phi Nhân căn.

200.

Phi Trưởng duyên có Nhân 9,... có Cảnh 3, có Vô gián 3, có Liên tiếp 3, có Đồng sanh 9, có Hỗ tương 3, có Y chỉ 9, có Cận y 3, có Tiền sanh 3, có Cố hưởng 3, có Nghiệp 9, có Quả 1, có thực 9, có Quyền 9, có Thiền 9, có Đạo 9, có Tương ưng 3, có Bất tương ưng 9, có Hiện hữu 9, có Vô hữu 3, có Ly 3, có Bất ly 9.

201.

Phi Trưởng duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 2,... có Vô gián 2, có Liên tiếp 2, có Đồng sanh 2, có Hỗ tương 2, có Y chỉ 2, có Cận y 2, có Tiền sanh 2, có Cố hưởng 2, có Nghiệp 2, có Quả 1, có Thực 2, có Quyền 2, có Thiền 2, có Đạo 1, có Tương ưng 2, có Bất tương ưng 2, có Hiện hữu 2, có Vô hữu 2, có Ly 2, có Bất ly 2.

202.

Phi Trưởng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1 (tóm tắt).

203.

Phi Vô gián duyên cùng phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên có Nhân trong 5 (câu),... có Trưởng 5, có Đồng sanh 5, có Hỗ tương 1, có Y chỉ 5, có Nghiệp 5, có Quả 1, có thực 5, có Quyền 5, có Thiền 5, có đạo 5, có Bất tương ưng 5, có Hiện hữu 5, có Bất ly 5.

204.

Phi Cận y duyên cùng phi Nhân duyên có Đồng sanh 1, có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1 (tóm tắt).

205.

Phi Tiền sanh duyên có Nhân 7,... có Cảnh 3, có Trưởng 7, có Vô gián 3, có Liên tiếp 3, có Đồng sanh 7, có Hỗ tương 3, có Y chỉ 7, có Cận y 3, có Cố hưởng 3, có Nghiệp 7, có Quả 1, có Thực 7, có Quyền 7, có Thiền 7, có Đạo 7, có Tương ưng 3, có Bất tương ưng 5, có Hiện hữu 7, có Vô hữu 3, có Ly 3, có Bất ly 7.

206.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 2, có Vô gián 2, có Liên tiếp 2, có Đồng sanh 2, có Hỗ tương 2, có Y chỉ 2, có Cận y 2, có Cố hưởng 1, có Nghiệp 2, có Quả 1, có Thực 2, có Quyền 2, có Thiền 2, có Đạo 1, có Tương ưng 2, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 2, có Vô hữu 2, có Ly 2, có Bất ly 2.

207.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1 (tóm tắt).

208.

Phi Hậu sanh duyên có Nhân 9,... có Cảnh 3, có Trưởng 9, có Vô gián 3, có Liên tiếp 3, có Đồng sanh 9, có Hỗ tương 3, có Y chỉ 9, có Cận y 3, có Tiền sanh 3, có Cố hưởng 3, có Nghiệp 9, có Quả 1, có thực 9, có Quyền 9, có Thiền 9, có Đạo 9, có Tương ưng 3, có Bất tương ưng 9, có Hiện hữu 9, có Vô hữu 3, có Ly 3, có Bất ly 9.

209.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 2,... có Vô gián 2, có Liên tiếp 2, có Đồng sanh 2, có Hỗ tương 2, có Y chỉ 2, có Cận y 2, có Tiền sanh 2, có Cố hưởng 2, có Nghiệp 2, có Quả 1, có Thực 2, có Quyền 2, có Thiền 2, có Đạo 1, có Tương ưng 2, có Bất tương ưng 2, có Hiện hữu 2, có Vô hữu 2, có Ly 2, có Bất ly 2.

210.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1 (tóm tắt).

211.

Phi Cố hưởng duyên có Nhân 9,... có Cảnh 3, có Trưởng 9, có Vô gián 3, có Liên tiếp 3, có Đồng sanh 9, có Hỗ tương 3, có Y chỉ 9, có Cận y 3, có Tiền sanh 3, có Nghiệp 9, có Quả 1, có thực 9, có Quyền 9, có Thiền 9, có Đạo 9, có Tương ưng 3, có Bất tương ưng 9, có Hiện hữu 9, có Vô hữu 3, có Ly 3, có Bất ly 9.

212.

Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 2,... có Vô gián 2, có Liên tiếp 2, có Đồng sanh 2, có Hỗ tương 2, có Y chỉ 2, có Cận y 2, có Tiền sanh 2, có Nghiệp 2, có Quả 1, có Thực 2, có Quyền 2, có Thiền 2, có Đạo 1, có Tương ưng 2, có Bất tương ưng 2, có Hiện hữu 2, có Vô hữu 2, có Ly 2, có Bất ly 2.

213.

Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y Chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1... tóm tắt.

214.

Phi Nghiệp duyên có Nhân 3,... có Cảnh 3, có Trưởng 3, có Vô gián 3, có Liên tiếp 3, có Đồng sanh 3, có Hỗ tương 3, có Y chỉ 3, có Cận y 3, có Tiền sanh 3, có Cố hưởng 3, có Thực 3, có Quyền 3, có Thiền 3, có Đạo 3, có Tương ưng 3, có Bất tương ưng 3, có Hiện hữu 3, có Vô hữu 3, có Ly 3, có Bất ly 3.

215.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 1,... có Vô gián 1, có Liên tiếp 1, có Đồng sanh 1, có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Cận y 1, có Tiền sanh 1, có Cố hưởng 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Tương ưng 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Vô hữu 1, có Ly 1, có Bất ly 1.

216.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Thực 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1... tóm tắt.

217.

Phi Quả duyên có Nhân 9,... có Cảnh 3, có Trưởng 9, có Vô gián 3, có Liên tiếp 3, có Đồng sanh 9, có Hỗ tương 3, có Y chỉ 9, có Cận y 3, có Tiền sanh 3, có Cố hưởng 3, có Nghiệp 9, có Thực 9, có Quyền 9, có Thiền 9, có Đạo 9, có Tương ưng 3, có Bất tương ưng 9, có Hiện hữu 9, có Vô hữu 3, có Ly 3, có Bất ly 9.

218.

Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 2,... có Vô gián 2, có Liên tiếp 2, có Đồng sanh 2, có Hỗ tương 2, có Y chỉ 2, có Cận y 2, có Tiền sanh 2, có Cố hưởng 2, có Nghiệp 2, có Thực 2, có Quyền 2, có Thiền 2, có Đạo 1, có Tương ưng 2, có Bất tương ưng 2, có Hiện hữu 2, có Vô hữu 2, có Ly 2, có Bất ly 2.

219.

Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1... tóm tắt.

220.

Phi Thực duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quyền 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1... tóm tắt.

221.

Phi Quyền duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Thực 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.... tóm tắt.

222.

Phi Thiền duyên có Cảnh 1,... có Vô gián 1, có Liên tiếp 1, có Đồng sanh 1, có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Cận y 1, có Tiền sanh 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Tương ưng 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Vô hữu 1, có Ly 1, có Bất ly 1... tóm tắt..

223.
Phi Đạo duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 1,... có Vô gián 1, có Liên tiếp 1, có Đồng sanh 1, có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Cận y 1, có Tiền sanh 1, có Cố hưởng 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Tương ưng 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Vô hữu 1, có Ly 1, có Bất ly 1.

224.
Phi Đạo duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1... tóm tắt..

225.
Phi Tương ưng duyên có Nhân 5,... có Trưởng 5, có Đồng sanh 5, có Hỗ tương 1, có Y chỉ 5, có Nghiệp 5, có Quả 1, có thực 5, có Quyền 5, có Thiền 5, có đạo 5, có Bất tương ưng 5, có Hiện hữu 5, có Bất ly 5.

226.
Phi Tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1... tóm tắt.

227.
Phi Bất tương ưng duyên có Nhân 3,... có Cảnh 3, có Trưởng 3, có Vô gián 3, có Liên tiếp 3, có Đồng sanh 3, có Hỗ tương 3, có Y chỉ 3, có Cận y 3, có Cố hưởng 3, có Nghiệp 3, có Quả 1, có Thực 3, có Quyền 3, có Thiền 3, có Đạo 3, có Tương ưng 3, có Hiện hữu 3, có Vô hữu 3, có Ly 3, có Bất ly 3.

228.
Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, có Cảnh 2,... có Vô gián 2, có Liên tiếp 2, có Đồng sanh 2, có Hỗ tương 2, có Y chỉ 2, có Cận y 2, có Cố hưởng 1, có Nghiệp 2, có Thực 2, có Quyền 2, có Thiền 2, có Đạo 1, có Tương ưng 2, có Hiện hữu 2, có Vô hữu 2, có Ly 2, có Bất ly 2.

229.
Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1... tóm tắt.

230.
Phi Vô hữu duyên cùng phi Ly duyên có Nhân 5,... có Trưởng 5, có Đồng sanh 5, có Hỗ tương 1, có Y chỉ 5, có Nghiệp 5, có Quả 1, có thực 5, có Quyền 5, có Thiền 5, có Đạo 5, có Bất tương ưng 5, có Hiện hữu 5, có Bất ly 5.

231.
Phi Ly duyên cùng phi Nhân duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.

232.
Phi Ly duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên có Đồng sanh 1,... có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.

233.
Phi Ly duyên cùng phi Nhân duyên... phi Nghiệp duyên có Đồng sanh 1,... có Y chỉ 1, có Thực 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.

234.

Phi Ly duyên cùng phi Nhân duyên... phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên có Đồng sanh 1,... có Y chỉ 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.

235.

Phi Ly duyên cùng phi Nhân duyên... (tóm tắt)... phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên có Đồng sanh 1,... có Y chỉ 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.

Dứt cách đối lập-thuận tùng,
Hết phần liên quan.

Phần Đồng Sanh *(Sahajātavāra)*

236.

* Pháp thiện đồng sanh pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn đồng sanh 1 uẩn thiện, 1 uẩn đồng sanh 3 uẩn, 2 uẩn đồng sanh 2 uẩn.
* Pháp vô ký đồng sanh pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh đồng sanh với uẩn thiện.
* Pháp thiện và vô ký đồng sanh với pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với uẩn thiện, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 2 uẩn.

237.

* Pháp bất thiện đồng sanh với pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn đồng sanh với 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn đồng sanh với 3 uẩn, 2 uẩn đồng sanh với 2 uẩn.
* Pháp vô ký đồng sanh với pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh đồng sanh với uẩn bất thiện.
* Pháp bất thiện và vô ký đồng sanh với pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 2 uẩn.

238.

Pháp vô ký đồng sanh với pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 1 uẩn vô ký quả vô ký tố, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 2 uẩn; trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh đồng sanh với 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh đồng sanh với 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh đồng sanh với 2 uẩn; vật *(hadayavatthu)* đồng sanh với uẩn, uẩn đồng sanh với vật; 3 sắc đại sung đồng sanh với 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung đồng sanh với 3 sắc đại sung; 2 sắc đại sung đồng sanh với 2 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc thủ đồng sanh với sắc đại sung *(mahabhutarupa)*.

239.

* Pháp vô ký đồng sanh với pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh đồng sanh với uẩn thiện và sắc đại sung.
* Pháp vô ký đồng sanh với pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh đồng sanh với uẩn bất thiện và sắc đại sung.

Nên sắp cho rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

240.

Trong Nhân có 9, trong Cảnh có 3... trong Trưởng có 9, trong Vô gián có 3, trong Liên tiếp có 3, trong Đồng sanh có 9, trong Hỗ tương có 3, trong Y chỉ có 9, trong Cận y có

3, trong Tiền sanh có 3, trong Cố hưởng có 3, trong nghiệp có 9, trong Quả có 1, trong thực có 9, trong Quyền có 9, trong thiền có 9, trong đạo có 9, trong Tương ưng có 3, trong Bất tương ưng có 9, trong Hiện hữu có 9, trong Vô hữu có 3, trong Ly có 3, trong Bất ly có 9.

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

Nên đếm như trong phần liên quan (paticcavāra)

241.

Pháp bất thiện đồng sanh với pháp bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên: Si sanh chung với hoài nghi, phóng dật đồng sanh với uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

242.

Pháp vô ký đồng sanh với pháp vô ký sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 1 uẩn vô ký quả và vô ký tố, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh đồng sanh với 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh đồng sanh với 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh đồng sanh với 2 uẩn; vật *(hadayavatthu)* đồng sanh với uẩn, uẩn đồng sanh với vật; 3 sắc đại sung đồng sanh với 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung đồng sanh với 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung đồng sanh với 2 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh, sắc thủ, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương đồng sanh với sắc đại sung.

3 sắc đại sung đồng sanh với 1 sắc đại sung nơi Vô tưởng,... sắc tục sinh, sắc thủ đồng sanh với sắc đại sung.

Nên phân rộng như trong phần liên quan (paṭiccavāra).

243.

Trong phi Nhân có 2, trong phi Cảnh có 5,... trong phi Trưởng có 9, trong phi Vô gián có 5, trong phi Liên tiếp có 5, trong phi Hỗ tương có 5, trong phi Cận y có 5, trong phi Tiền sanh có 7, trong phi Hậu sanh có 9, trong phi Cố hưởng có 9, trong phi nghiệp có 3, trong phi Quả có 9, trong phi Thực có 1, trong phi Quyền có 1, trong phi Thiền có 1, trong phi Đạo có 1, trong phi Tương ưng có 5, trong phi Bất tương ưng có 3, trong phi Vô hữu có 5, trong phi Ly có 5.

Dứt cách đối lập (paccanīya)

244.

Nhân duyên có phi Cảnh trong 5 (câu)... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

Dứt cách thuận tùng, đối lập

245.

Phi Nhân duyên có Cảnh trong 2 (câu),... có Vô gián 2, có Liên tiếp 2, có Đồng sanh 2, có Hỗ tương 2, có Y chỉ 2, có Cận y 2, có Tiền sanh 2, có Cố hưởng 2, có Nghiệp 2, có Quả 1, có Thực 2, có Quyền 2, có Thiền 2, có Đạo 1, có Tương ưng 2, có Bất tương ưng 2, có Hiện hữu 2, có Vô hữu 2, có Ly 2, có Bất ly 2.

Dứt cách đối lập, thuận tùng

Hết phần đồng sanh

Ý nghĩa đồng sanh như là ý nghĩa liên quan *(paticcavara)*

Ý nghĩa liên quan như ý nghĩa đồng sanh *(sahajatavara)*

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

246.

- Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện, 1 uẩn nhờ cậy *(paccayā)* 3 uẩn, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.
- Pháp vô ký nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thiện.
- Pháp thiện và pháp vô ký nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn thiện, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 2 uẩn.

247.

- Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.
- Pháp vô ký nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn bất thiện.
- Pháp bất thiện và pháp vô ký nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 2 uẩn.

248.

- Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả vô ký tố, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh nhờ cậy 2 uẩn; vật (sắc nương trái tim) nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật; 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung nhờ cậy 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung nhờ cậy 2 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung; những uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật.
- Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: Uẩn thiện nhờ cậy vật (sắc nương trái tim)
- Pháp bất thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: Các uẩn bất thiện nhờ cậy vật (sắc nương trái tim)
- Pháp thiện và vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: Các uẩn thiện nhờ cậy vật (sắc nương trái tim), sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung.
- Pháp bất thiện và vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: Các uẩn bất thiện nhờ cậy vật *(hadayavatthu),* sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung.

249.

- Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện và vật, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.
- Pháp vô ký nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thiện và sắc đại sung.
- Pháp thiện và vô ký nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện và vật, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thiện và sắc đại sung.

250.

- Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện và vật, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

* Pháp vô ký nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn bất thiện và sắc đại sung.
* Pháp bất thiện và vô ký nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện và vật, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn bất thiện và sắc đại sung.

251.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.

252.

* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.
* Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả vô ký tố, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn; uẩn nhờ cậy vật, nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, nhĩ thức nhờ cậy nhĩ xứ, tỷ thức nhờ cậy tỷ xứ, thiệt thức nhờ cậy thiệt xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ, các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật (sắc nương trái tim).

253.

* Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Cảnh duyên: Uẩn thiện nhờ cậy *(paccayā)* vật *(hadayavatthu).*
* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Cảnh duyên: Uẩn bất thiện nhờ cậy vật (sắc nương trái tim).

254.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện và vật... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật (sắc nương trái tim).

255.

Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện và vật... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

256.

* Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện...
* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện...
* Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả vô ký tố, 3 đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung, sắc nương tâm sanh và sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung, các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật.
* Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Trưởng duyên: Các uẩn thiện nhờ cậy vật.

Nên sắp rộng như Nhân duyên.

257.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Vô gián duyên, Liên tiếp duyên.

Nên sắp rộng như Cảnh duyên.

258.

* Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Đồng sanh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện...
* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Đồng sanh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện...

- ∗ Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Đồng sanh duyên:
  - 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả vô ký tố... trong sát-na tục sinh:... 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung... sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương nhờ cậy sắc đại sung.
  - 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung Vô tưởng... sắc tục sinh, sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung, nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ, các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật *(hadayavatthu).*
- ∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Đồng sanh duyên: Các uẩn thiện nhờ cậy vật.

Nên sắp rộng như Nhân duyên.

259.

- ∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn...
- ∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn...
- ∗ Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả vô ký tố... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và vật nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả... 2 uẩn và vật nhờ cậy 2 uẩn, vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật, 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung... 2 sắc đại sung nhờ cậy 2 sắc đại sung, 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương nhờ cậy sắc đại sung. 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung nơi Vô tưởng... 2 sắc đại sung nhờ cậy 2 sắc đại sung; nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ; các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật (sắc nương trái tim).
- ∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Hỗ tương duyên: Các uẩn thiện nhờ cậy vật.

Nên sắp rộng như Cảnh duyên.

260.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Y chỉ duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện.
Nên sắp rộng như Đồng sanh duyên.

261.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Cận y duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện. Như Cảnh duyên.

262.

- ∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn do Vật tiền sanh duyên.
- ∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn do Vật tiền sanh duyên.
- ∗ Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả vô ký tố... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn do Vật tiền sanh duyên; nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ; các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy Vật tiền sanh duyên.
- ∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Tiền sanh duyên: Các uẩn thiện nhờ cậy vật bằng Vật tiền sanh duyên.
- ∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Vật tiền sanh duyên: Các uẩn bất thiện nhờ cậy vật bằng Vật tiền sanh duyên.
- ∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện và vật... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật bằng Vật tiền sanh duyên.

* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện và vật... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật bằng Vật tiền sanh duyên.

263.

* Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện...
* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện...
* Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô ký tố, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn, các uẩn vô ký tố nhờ cậy vật.
* Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Cố hưởng duyên: Các uẩn thiện nhờ cậy vật.
* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Cố hưởng duyên: Các uẩn bất thiện nhờ cậy vật...
* Pháp bất thiện nhờ cậy thiện và vô ký...
* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện và vật...

264.

* Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Nghiệp duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện...
* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Nghiệp duyên: Có 3.
* Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Nghiệp duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả vô ký tố... trong sát-na tục sinh: 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung... 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung Vô tưởng; sắc tục sinh, sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung; nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ; các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật.
* Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Nghiệp duyên: Các uẩn thiện nhờ cậy vật.
* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Nghiệp duyên: Các uẩn bất thiện nhờ cậy vật (sắc nương trái tim).
* Pháp thiện và vô ký nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do Nghiệp duyên.
* Pháp bất thiện và vô ký nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nghiệp duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện và vật... sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn bất thiện và sắc đại sung.

265.

Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Quả duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả... Trong sát-na tục sinh: 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung... nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ; các uẩn vô ký quả nhờ cậy vật.

266.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Nghiệp duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện... nhờ cậy pháp bất thiện: 3...

Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Thực duyên:... trong sát-na tục sinh: 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung... nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ, các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật.

Nên sắp đầy đủ.

267.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Quyền duyên:... nhờ cậy 1 sắc đại sung Vô tưởng, nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ, các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật.

Nên sắp rộng như Nghiệp duyên.

268.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Thiền duyên, Đạo duyên...

Thiền duyên, Đạo duyên nên sắp rộng như Nhân duyên.

269.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Tương ưng duyên

Như Cảnh duyên.

270.

* Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn do vật Bất tương ưng duyên.
* Pháp vô ký nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thiện bằng vật Bất tương ưng duyên.
* Pháp thiện và vô ký nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn thiện... 2 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 2 uẩn bằng uẩn vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn bằng vật Bất tương ưng duyên.
* Pháp vô ký nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn bất thiện bằng vật Bất tương ưng duyên.
* Pháp bất thiện và vô ký nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn bất thiện, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 2 uẩn bằng uẩn vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh bằng uẩn Bất tương ưng duyên.
* Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả vô ký tố, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 2 uẩn bằng uẩn vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh bằng vật Bất tương ưng duyên. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả... 2 uẩn và sắc tục sinh nhờ cậy 2 uẩn bằng uẩn vật Bất tương ưng duyên. Sắc tục sinh nhờ cậy uẩn bằng Bất tương ưng duyên. Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật bằng uẩn vật Bất tương ưng duyên, hay vật nhờ cậy uẩn Bất tương ưng duyên... 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung... sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung bằng uẩn Bất tương ưng duyên; nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ. Các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật bằng uẩn vật Bất tương ưng duyên.
* Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: Các uẩn thiện nhờ cậy vật bằng vật Bất tương ưng duyên.
* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: Uẩn bất thiện nhờ cậy vật bằng vật Bất tương ưng duyên.
* Pháp thiện và pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: Những uẩn thiện nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung bằng uẩn vật Bất tương ưng duyên, sắc nương tâm sanh bằng uẩn Bất tương ưng duyên.
* Pháp bất thiện và vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: Các uẩn bất thiện nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung bằng uẩn vật Bất tương ưng duyên, sắc nương tâm sanh bằng uẩn Bất tương ưng duyên.
* Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện và vật, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật bằng vật Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô ký nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thiện và sắc đại sung bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp thiện và vô ký nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn và vật, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thiện và sắc đại sung là uẩn vật Bất tương ưng duyên, sắc nương tâm sanh là uẩn Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện và vật,... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật là vật Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô ký nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn bất thiện và sắc đại sung là uẩn Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp bất thiện và vô ký nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện và vật... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn bất thiện và sắc đại sung là uẩn vật Bất tương ưng duyên, sắc nương tâm sanh thuộc uẩn Bất tương ưng duyên.

271.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Hiện hữu duyên: Như Đồng sanh duyên.

Vô hữu duyên và Ly duyên như Cảnh duyên.

Bất ly duyên như Đồng sanh duyên.

272.

Nhân có 17 (câu lọc), Cảnh có 7, Trưởng có 17, Vô gián có 7, Liên tiếp có 7, Đồng sanh có 17, Hỗ tương có 7, Y chỉ có 17, Cận y có 7, Tiền sanh có 7, Cố hưởng có 7, nghiệp có 17, Quả có 1, Thực có 17, Quyền có 17, Thiền có 17, Đạo có 17, Tương ưng có 7, Bất tương ưng có 17, Hiện hữu có 17, Vô hữu có 7, Ly có 7, Bất ly có 17.

273.

Nhân duyên có Cảnh trong 7 (câu lọc),... có Trưởng 17, có Vô gián 7, có Liên tiếp 7, có Đồng sanh 17... có Bất ly 17.

274.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên có trưởng trong 7 câu (tất cả đều có 7 câu)... Quả có 1, Bất ly có 7.

275.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên có nghiệp trong 7 (câu),... Thực 7, Bất ly 7.

276.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên, Ly duyên có Bất ly trong 7 (câu).

277.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên có Thực 1,... có Bất ly 1.

278.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên, Ly duyên có Bất ly trong 1 câu.

Dứt phần nhân căn

279.

Cảnh duyên có Nhân trong 7 câu... có Trưởng 7...

Phần cảnh căn nên sắp rộng như phần nhân căn.

280.

Trưởng duyên có Nhân trong 17 (câu), Vô gián duyên... Liên tiếp duyên có Nhân trong 7 câu; Đồng sanh duyên,... Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên... Cố hưởng duyên có Nhân trong 7 (câu),... có Cảnh 7, có Trưởng 7, có Vô gián 7, có Liên tiếp 7, có Đồng sanh 7, có Hỗ tương 7, có Y chỉ 7, có Cận y 7, có Tiền sanh 7, có Nghiệp 7, có Thực 7, có Quyền 7, có Thiền 7, có Đạo7, có Tương ưng 7, có Bất tương ưng 7, có Hiện hữu 7, có Vô hữu 7, có Ly 7, có Bất ly 7.

281.

Nghiệp duyên... Quả duyên có Nhân trong 1 (câu),... có Cảnh 1, có Trưởng 1, có Vô gián 1, có Liên tiếp 1, có Đồng sanh 1, có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Cận y 1, có Tiền sanh 1, có Nghiệp 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Đạo 1, có Tương ưng 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Vô hữu 1, có Ly 1, có Bất ly 1.

282.

Thực duyên... Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên... Bất ly duyên có Nhân trong 17 (câu),... có Cảnh 7, có Ly 7.

Dứt phần y trượng thuận tùng

283.

- Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy *(paccayā)* uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.
- Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả vô ký tố vô nhân... 2 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn và sắc tục sinh nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả, 2 uẩn và sắc tục sinh nhờ cậy 2 uẩn; vật nhờ cậy uẩn; uẩn nhờ cậy vật; 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung... sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung thuộc sắc ngoại sắc vật thực, sắc âm dương, sắc Vô tưởng... sắc tục sinh và sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung; nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ; uẩn vô ký quả vô ký tố vô nhân nhờ cậy vật.
- Pháp bất thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật.
- Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy *(paccayā)* uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật và vật *(hadayavatthu).*

284.

Pháp vô ký nhờ cậy pháp thiện sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thiện.

Nên sắp rộng phi Cảnh duyên như trong phần liên quan.

285.

- Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do phi Trưởng duyên: 3 uẩn nhờ 1 uẩn thiện. 3 nhờ pháp bất thiện... trong khi tục sinh... nhờ pháp vô ký. Nên sắp pháp vô ký ra đầy đủ... Trợ 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương, sắc Vô tưởng, nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ. Các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật (sắc nương trái tim).

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do phi Trưởng duyên: Các uẩn thiện nhờ cậy vật... Nên sắp rộng như Đồng sanh duyên phần thuận tùng.

286.

Pháp vô ký nhờ cậy pháp thiện sanh ra do phi Vô gián duyên... phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên.

Nên sắp rộng như trong phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

287.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do phi Hậu sanh duyên... phi Cố hưởng duyên.

... nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... phi Hậu sanh duyên và phi Cố hưởng duyên đầy đủ 17 (câu).

Nên phân rộng như Đồng sanh duyên phần thuận tùng.

288.

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* thiện nhờ cậy uẩn thiện.

∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* bất thiện nhờ cậy uẩn bất thiện.

∗ Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* vô ký tố nhờ cậy uẩn vô ký tố... nhờ cậy 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung. Tư *(cetanā)* vô ký tố nhờ cậy vật (sắc nương trái tim).

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* thiện nhờ cậy vật (sắc nương trái tim).

∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư bất thiện nhờ cậy vật.

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư thiện nhờ cậy uẩn thiện và vật.

∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư bất thiện nhờ cậy uẩn bất thiện và vật.

289.

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do phi Quả duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện... nhờ cậy pháp bất thiện... 3.

∗ Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do phi Quả duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô ký tố... 2 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 2 uẩn, 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung... sắc nương tâm sanh và sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung, 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương, sắc cõi Vô tưởng... sắc tục sinh và sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung, uẩn vô ký tố nhờ cậy vật.

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do phi Quả duyên: Uẩn thiện nhờ cậy vật. Trừ Quả duyên, còn tất cả nên sắp rộng ra.

290.

∗ Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do phi Thực duyên... do phi Quyền duyên... do phi Thiền duyên: nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ.

Đây khác hẳn với phi Thiền duyên... phi Đạo duyên: Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ. Uẩn vô ký quả, vô ký tố vô nhân nhờ cậy vật. Đây đều khác hẳn với phi Đạo; còn ngoài ra nên sắp rộng theo đối lập *(paccanīya)* trong phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên

* Pháp vô ký nhờ cậy pháp thiện sanh ra do phi Ly duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thiện. Nên sắp rộng như phần liên quan.

291.

Phi Nhân có 4 câu, phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

292.

Phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... có phi Trưởng 4, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 1, phi Quả 4, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

293.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có phi Trưởng 1, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1 (tất cả đều có 1), phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

294.

Phi Cảnh duyên có phi Nhân 1,... phi Trưởng 5, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

295.

Phi Cảnh duyên cùng phi Nhân duyên có phi Trưởng 1... có phi Ly 1.

296.

Trong phi Trưởng duyên có phi Nhân trong 4 (câu),... phi Cảnh 5, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

297.

Phi Trưởng duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh trong 1 (câu),... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 1, phi Quả 4, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

298.

* Phi Trưởng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Vô gián 1 (tất cả đều có 1).
* Phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên cũng như phi Cảnh duyên.

299.

Phi Tiền sanh duyên có phi Nhân 2,... có phi Cảnh 5, phi Trưởng 7, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 3, phi Quả 7, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

300.

* Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... có phi Trưởng 2, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2,

phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 1, Phi Ly 1.

* Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 1 (tất cả đều có 1)... phi Ly 1.

301.

Phi Hậu sanh duyên... phi Cố hưởng duyên có phi Nhân 4,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

302.

* Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh trong 1 (câu),... phi Trưởng 4, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 4, phi Nghiệp 1, phi Quả 4, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.
* Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 1 (tất cả đều có 1)... phi Ly 1.

303.

* Phi Nghiệp duyên có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 7, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Quả 7, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.
* Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh 1, (tất cả đều có 1)... phi Ly 1.

304.

Phi Quả duyên có phi Nhân 4,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

305.

* Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 4, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.
* Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên, phi Nghiệp duyên có phi Trưởng 1 (tất cả đều có 1)... phi Ly 1.

306.

* Phi Thực duyên có phi Nhân 1 (tất cả đều có 1)... phi Ly 1.
* Phi Quyền duyên có phi Nhân trong 1 (câu) (tất cả đều có 1)
* Phi Thiền duyên có phi Nhân 1 (tất cả đều có 1).
* Phi Đạo duyên có phi Nhân 1 (tất cả đều có 1).
* Phi Tương ưng duyên như phi Cảnh duyên.

307.

Phi Bất tương ưng duyên có phi Nhân 2,... có phi Cảnh 1, có phi Trưởng 3, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3,

phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

308.

* Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 2, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1; phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 1 (tất cả đều có 1).

Phi Vô hữu duyên cùng phi Ly duyên cũng như phi Cảnh duyên

Dứt phần ỷ trượng đối lập

309.

Nhân duyên có phi Cảnh trong 5 (câu),... phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

310.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên có phi Trưởng 7,... có phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Bất tương ưng 3.

311.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên có phi Hậu sanh 7,... phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7.

312.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên, có phi Hậu sanh 7,... có phi Nghiệp 7, phi Quả 7.

313.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên, Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên có phi Hậu sanh trong 7 (câu),... phi Quả 7.

314.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên có phi Hậu sanh 1,... phi Cố hưởng 1.

315.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên... Bất ly duyên có phi Hậu sanh trong 1 câu,... phi Cố hưởng 1.

316.

Cảnh duyên có phi Nhân trong 4 câu,... phi Trưởng 7, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

317.

Cảnh duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 7,... phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Bất tương ưng 3.

Nên sắp rộng như phần nhân căn *(hetumūlakaṃ).*

318.

Trưởng duyên có phi Cảnh 5,... phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Trưởng duyên cùng Nhân

duyên... tóm tắt ... Vô gián duyên cùng Nhân duyên, Liên tiếp duyên nên sắp rộng như phần cảnh căn.

319.

Đồng sanh duyên có phi Nhân 4,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

320.

Đồng sanh duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Đồng sanh duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên... tóm tắt ...

321.

Hỗ tương duyên có phi Nhân 4,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 7, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

322.

- Hỗ tương duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 7, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.
- Hỗ tương duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng 7... tóm tắt ...

323.

- Y chỉ duyên có phi Nhân 4. Y chỉ duyên cũng như Đồng sanh duyên.
- Cận y duyên có phi Nhân 4. Cận y duyên cũng như Cảnh duyên.

324.

- Tiền sanh duyên có phi Nhân 4,... phi Trưởng 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thiền 1, phi Đạo 1,...
- Tiền sanh duyên cùng Nhân duyên ...

325.

Cố hưởng duyên có phi Nhân 4, phi Trưởng 7, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

326.

Cố hưởng duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 7, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Bất tương ưng 3.

327.

Cố hưởng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng 7... tóm tắt,... Cố hưởng duyên cùng Nhân duyên... Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên… tóm tắt,... Bất ly duyên có phi Hậu sanh 7, phi Quả 7...

328.

Nghiệp duyên có phi Nhân 4,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

329.

Nghiệp duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 5,... tóm tắt,... phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5 (tóm tắt).

330.

Quả duyên có phi Nhân 1, phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

331.

Quả duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sinh 1, phi Hậu sinh 1, phi Cố hưởng 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

332.

Quả duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên... tóm tắt,... Tiền sanh duyên có phi Hậu sanh 1... phi Cố hưởng 1,... Quả duyên cùng Nhân duyên... tóm tắt,... Tiền sanh duyên cùng Nghiệp duyên, Thực duyên... tóm tắt,... Bất ly duyên có phi Hậu sanh 1,... phi Cố hưởng 1...

333.

Thực duyên có phi Nhân 4,... có phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

334.

Thực duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 5... tóm tắt,... có phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5... tóm tắt,...

335.

Quyền duyên có phi Nhân 4,... phi Cảnh 5, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Quyền duyên cùng Nhân duyên tóm tắt,...

336.

Thiền duyên có phi Nhân 4... phi Cảnh 5... phi Quả 17, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Thiền duyên cùng Nhân duyên tóm tắt,...

337.

Đạo duyên có phi Nhân 3,... phi Cảnh 5, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Đạo duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 5 tóm tắt,...

Tương ưng duyên cũng như Cảnh duyên.

338.

Bất tương ưng duyên có phi Nhân 4,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

339.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

340.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng 7,... phi Tiền sinh 1, phi Hậu sinh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7.

341.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên có phi Hậu sinh 7,... phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7.

342.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên có phi Hậu sinh 7... phi Nghiệp 7, phi Quả 7.

343.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên... Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên, Bất ly duyên, có phi Hậu sanh 7... phi Quả 7.

344.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên… tóm tắt,... Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, có phi Hậu sanh 1,... phi Cố hưởng 1.

345.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên ... Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Bất ly duyên có phi Hậu sanh 1... phi Cố hưởng 1...

346.

Hiện hữu duyên cũng như Đồng sanh duyên,
Vô hữu duyên cũng như Cảnh duyên.
Bất ly duyên cũng như Đồng sanh duyên.

Dứt phần ỷ trượng thuận tùng, đối lập.

347.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4,... có Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 4, Hỗ tương 4, Y chỉ 4, Cận y 4, Tiền sanh 4, Cố hưởng 4, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 3, Tương ưng 4, Bất tương ưng 4, Hiện hữu 4, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 4.

348.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1... Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

349.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên có Đồng sanh 1... Y chỉ 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Bất ly.

350.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên có Đồng sanh 1,... Y chỉ 1, Thực 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

351.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, có Đồng sanh 1,... Y chỉ 1, Hiện hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

352.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, tóm tắt,... phi Ly duyên có Đồng sanh 1,... Y chỉ 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

353.

Phi Cảnh duyên có Nhân 5,... Trưởng 5, Đồng sanh 5, Hỗ tương 1, Y chỉ 5, Nghiệp 5, Quả 1, Thực 5, Quyền 5, Thiền 5, Đạo 5, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 5, Bất ly 5.

354.

Phi Cảnh duyên cùng phi Nhân duyên có Đồng sanh 1... Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1... tóm tắt...

355.

Phi Trưởng duyên có Nhân 17,... Cảnh 7, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 7, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 7, nghiệp 17, Quả 1, Thực 17, Quyền 17, Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 17.

356.

Phi Trưởng duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 4, Hỗ tương 4, Y chỉ 4, Cận y 4, Tiền sanh 4, Cố hưởng 4, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 3, Tương ưng 4, Bất tương ưng 4, Hiện hữu 4, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 4.

Phi Trưởng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1 tóm tắt,... Bất ly 1.

357.

Phi Vô gián duyên cùng phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên như phi Cảnh duyên.

358.

Phi Tiền sanh duyên có Nhân 7,... Cảnh 3, Trưởng 7, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 7, Hỗ tương 3, Y chỉ 7, Cận y 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 7, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 7.

359.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 2, Cố hưởng 1, Nghiệp 2, Quả 1, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 2, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 2, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 2.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, có Đồng sanh 1 tóm tắt,... Bất ly 1.

360.

Phi Hậu sanh duyên có Nhân 17,... Cảnh 7, Trưởng 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 7, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 7, nghiệp 17, Quả 1, Thực 17, Quyền 17, Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 17.

361.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 4, Hỗ tương 4, Y chỉ 4, Cận y 4, Tiền sanh 4, Cố hưởng 4, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 3, Tương ưng 4, Bất tương ưng 4, Hiện hữu 4, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 4.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, có Đồng sanh 1 tóm tắt,... Bất ly 1.

362.

Phi Cố hưởng duyên có Nhân 17,... Cảnh 7, Trưởng 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 7, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, nghiệp 17, Quả 1, Thực 17, Quyền 17, Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 17.

363.

Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 4, Hỗ tương 4, Y chỉ 4, Cận y 4, Tiền sanh 4, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 3, Tương ưng 4, Bất tương ưng 4, Hiện hữu 4, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 4.

Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1 tóm tắt,... có Bất ly 1.

364.

Phi Nghiệp duyên có Nhân 7,... Cảnh 7, Trưởng 7, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 7, Hỗ tương 7, Y chỉ 7, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 7, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 7, Bất tương ưng 7, Hiện hữu 7, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7.

365.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

366.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, có Đồng sanh 1,... Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Thực 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1... tóm tắt ...

367.

Phi Quả duyên có Nhân 17,... Cảnh 7, Trưởng 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 7, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 7, nghiệp 17, Thực 17, Quyền 17, Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 17.

368.

Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 4, Hỗ tương 4, Y chỉ 4, Cận y 4, Tiền sanh 4, Cố hưởng 4, Nghiệp 4, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 3, Tương ưng 4, Bất tương ưng 4, Hiện hữu 4, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 4.

369.

Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Nghiệp 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1... tóm tắt ...

370.

Phi Thực duyên có Đồng sanh 1,... Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Nghiệp 1, Quyền 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1... tóm tắt ...

371.

Phi Quyền duyên có Đồng sanh 1,... Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Nghiệp 1, Thực 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1... tóm tắt ...

372.

Phi Thiền duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Tiền sanh 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Tương ưng 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

373.

Phi Thiền duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, có Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Nghiệp 1, Thực 1, Quyền 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

374.

Phi Đạo duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

375.

Phi Đạo duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, có Đồng sanh 1,... Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1, tóm tắt,...

376.

Phi Tương ưng duyên có Nhân 5,... Trưởng 5, Đồng sanh 5, Hỗ tương 1, Y chỉ 5, Nghiệp 5, Quả 1, Thực 1, Quyền 5, Thiền 5, Đạo 5, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 5, Bất ly 5.

Phi Tương ưng duyên cùng Nhân duyên có Đồng sanh 1, tóm tắt,... Bất ly 1.

377.

Phi Bất tương ưng duyên có Nhân 3,... Cảnh 3, Trưởng 3, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

378.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 2, Cố hưởng 1, Nghiệp 2, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 2, Hiện hữu 2, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 2.

379.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Nghiệp 1, Thực 1, Quyền 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1... tóm tắt ...

Phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên cũng như phi Cảnh duyên.

Dứt phần ỷ trượng (paccayavara) đối lập thuận tùng.

Phần Y Chỉ ***(Nissayavāra)***

380.

* Pháp thiện y chỉ pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn y chỉ *(nissaya)* 1 uẩn thiện, 1 uẩn y chỉ 3 uẩn, 2 uẩn y chỉ 2 uẩn.
* Pháp vô ký y chỉ pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhanarūpa)* y chỉ uẩn thiện.
* Thiện và vô ký y chỉ pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 1 uẩn thiện, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 2 uẩn.

381.

* Pháp bất thiện y chỉ pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn y chỉ 1 uẩn bất thiện... 2 uẩn y chỉ 2 uẩn.
* Pháp vô ký y chỉ pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh y chỉ uẩn bất thiện.
* Pháp bất thiện và vô ký y chỉ pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 1 uẩn bất thiện... 2 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 2 uẩn.

382.

* Pháp vô ký y chỉ pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 1 uẩn vô ký quả vô ký tố, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)* y chỉ 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh y chỉ 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh y chỉ 2 uẩn. Vật (sắc nương trái tim) y chỉ uẩn, uẩn y chỉ vật *(hadayavatthu)*. 3 sắc đại sung *(Nahābhūrarūpa)* y chỉ 1 sắc đại sung, 1 sắc đại

sung y chỉ 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung y chỉ 2 sắc đại sung. Uẩn vô ký quả vô ký tố y chỉ vật.

* Pháp thiện y chỉ pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: Chư uẩn thiện y chỉ vật (sắc nương trái tim).
* Pháp bất thiện y chỉ pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: Các uẩn bất thiện y chỉ vật *(hadayavatthu).*
* Pháp thiện và vô ký y chỉ pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: Chư uẩn thiện và sắc nương tâm sanh nương sắc đại sung y chỉ vật (sắc nương trái tim).
* Pháp bất thiện và vô ký y chỉ pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: Chư uẩn bất thiện và sắc tâm sanh nương đại sung y chỉ vật.

383.

* Pháp thiện y chỉ pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn y chỉ 1 uẩn thiện và vật (sắc nương trái tim)... 2 uẩn y chỉ 2 uẩn và vật.
* Pháp vô ký y chỉ pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh y chỉ uẩn thiện và sắc đại sung.
* Pháp thiện và vô ký y chỉ pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn y chỉ 1 uẩn thiện và vật... 2 uẩn nương (y chỉ) 2 uẩn và vật, sắc nương tâm sanh y chỉ uẩn thiện và sắc đại sung.
* Pháp bất thiện y chỉ pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn y chỉ 1 uẩn bất thiện và vật... 2 uẩn nương 2 uẩn và vật (sắc nương trái tim).
* Pháp vô ký y chỉ pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh y chỉ uẩn bất thiện và sắc đại sung.
* Pháp bất thiện và vô ký y chỉ pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn y chỉ 1 uẩn bất thiện và vật... 2 uẩn nương 2 uẩn và vật (sắc nương trái tim), sắc nương tâm sanh y chỉ uẩn bất thiện và sắc đại sung.

384.

Nhân duyên có 17 (câu), Cảnh duyên 7, Trưởng duyên 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 7, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 7, Nghiệp 17, Quả 1, Thực 17, Quyền 17, Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly duyên 17.

Dứt phần y chỉ thuận tùng

385.

* Pháp bất thiện y chỉ pháp bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật y chỉ *(nisssaya)* uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.
* Pháp vô ký y chỉ pháp vô ký sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 1 uẩn vô ký quả vô ký tố vô nhân *(ahetuka)*, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh vô nhân 3 uẩn và sắc tục sinh y chỉ 1 uẩn vô ký quả... 2 uẩn và sắc tục sinh y chỉ 2 uẩn, uẩn y chỉ vật, vật y chỉ uẩn, 3 sắc đại sung y chỉ 1 sắc đại sung... sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc thủ y chỉ sắc đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương và cõi Vô tưởng... sắc tục sinh và sắc thủ y chỉ sắc đại sung. Nhãn thức y chỉ nhãn xứ... thân thức y chỉ thân xứ. Các uẩn vô ký quả vô ký tố vô nhân y chỉ vật *(hadayavatthu).*
* Pháp bất thiện y chỉ pháp vô ký sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật y chỉ vật.

386.

Pháp bất thiện y chỉ pháp bất thiện và vô ký sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật y chỉ uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật và vật (sắc nương trái tim).

387.

Phi Nhân duyên có 4, phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sinh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Dứt phần y chỉ đối lập

388.

Trong Nhân duyên có phi Cảnh 5 (câu),... phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sinh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Dứt phần y chỉ thuận tùng, đối lập

389.

Phi Nhân duyên có Cảnh trong 4 (câu),... Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 4, Hỗ tương 4, Y chỉ 4 Cận y 4, Tiền sinh 4, Cố hưởng 4, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 3, Tương ưng 4, Bất tương ưng 4, Hiện hữu 4, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 4.

Dứt phần y chỉ đối lập thuận tùng.

Ý nghĩa y chỉ *(nissayavāra)* là ý nghĩa ỷ trượng.
Ý nghĩa ỷ trượng *(paccayavāra)* là ý nghĩa y chỉ.

Phần Hỗn Hợp *(Saṃsaṭṭhavāra)*

390.

∗ Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn hỗn hợp *(saṃsaṭṭha)* 1 uẩn thiện, 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.

∗ Pháp bất thiện hỗn hợp pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn hỗn hợp *(saṃsaṭṭha)* 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.

∗ Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn vô ký quả vô ký tố, 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.

391.

Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do Cảnh duyên... Trưởng duyên...
Trong sát-na tục sinh không có Trưởng duyên.
Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên tất cả vừa kể đều giống phần nhân căn.

392.

∗ Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn hỗn hợp *(saṃsaṭṭha)* 1 uẩn thiện, 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn thuộc Vật sanh tiền duyên.

∗ Pháp bất thiện hỗn hợp pháp bất thiện sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn thuộc Vật sanh tiền duyên.

∗ Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn vô ký quả vô ký tố, 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn thuộc Vật sanh tiền duyên.

393.

∗ ... Hỗn hợp pháp thiện... pháp bất thiện ...

* Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do Cố hưởng duyên:... hỗn hợp uẩn vô ký tố *(abyākatakiriyā)...*

394.

* Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do Nghiệp duyên:... hỗn hợp pháp bất thiện... hỗn hợp pháp vô ký...
* Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do Quả duyên: ... Vô ký quả ...

395.

* Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do Thực duyên:... Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, những duyên này cũng như Nhân duyên.

396.

* Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn thiện... 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn do vật Bất tương ưng duyên.
* Pháp bất thiện... do vật Bất tương ưng duyên.
* Pháp vô ký... do vật Bất tương ưng duyên.

397.

Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do Hiện hữu duyên... Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên... như Nhân duyên.

398.

Trong Nhân duyên có 3 (câu), Cảnh duyên có 3, Trưởng duyên có 3, Vô gián duyên có 3, Liên tiếp duyên có 3, Đồng sanh duyên 3, Hỗ tương duyên 3, Y chỉ duyên 3, Cận y duyên 3, Tiền sanh duyên 3, Cố hưởng duyên 3, Nghiệp duyên 3, Quả duyên 1, Thực duyên 3, Quyền duyên 3, Thiền duyên 3, Đạo duyên 3, Tương ưng duyên 3, Bất tương ưng duyên 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

Nhân duyên có Cảnh trong 3 câu. Phần nhân căn nên sắp rộng.

399.

Cố hưởng duyên có Nhân 3,... có Cảnh 3, Trưởng 3, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

400.

Quả duyên có Nhân 1,... Cảnh 1, Trưởng 1, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Tiền sanh 1, Nghiệp 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Đạo 1, Tương ưng 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

Dứt phần hỗn hợp thuận tùng.

401.

* Pháp bất thiện hỗn hợp pháp bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật hỗn hợp uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.
* Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn vô ký quả vô ký tố vô Nhân, 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh vô nhân 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.

402.

Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do phi Trưởng duyên... phi Tiền sanh duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn thiện nơi Vô sắc... 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.

403.

* Pháp bất thiện... pháp vô ký...

* Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do phi Hậu sanh duyên: 3 câu... do phi Cố hưởng duyên: 3 câu ...

404.

* Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* thiện hỗn hợp uẩn thiện.
* Pháp bất thiện hỗn hợp pháp bất thiện sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* bất thiện hỗn hợp uẩn bất thiện.
* Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* vô ký tố hỗn hợp uẩn vô ký tố *(kiriyā)*.

405.

* ... Hỗn hợp pháp thiện... hỗn hợp pháp bất thiện ...
* Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do phi Quả duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn vô ký tố.

Trong hỗn hợp phân tích đối lập không có phi Nghiệp, phi Quả, tục sinh. Còn tất cả ngoài ra đều có.

406.

Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do phi Thiền duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn đồng sanh ngũ song thức... 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.

407.

Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do phi Đạo duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn vô ký quả vô ký tố vô nhân... 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh vô nhân.

408.

* Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn thiện nơi Vô sắc... 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.
* Pháp bất thiện hỗn hợp pháp bất thiện sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn bất thiện nơi Vô sắc... 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.
* Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn vô ký quả vô ký tố nơi Vô sắc... 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn. Phi Bất tương ưng duyên không có tục sinh.

409.

Phi Nhân có 2, phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

410.

Phi Nhân duyên có phi Trưởng 2,... phi Tiền sinh 2, phi Hậu sinh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

411.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên có phi Tiền sinh trong 2 (câu),... phi Hậu sinh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

412.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên có phi Hậu sinh 2,... phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

413.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên có phi Nghiệp 1,... phi Quả 2, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

414.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên có phi Quả 1,... phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1.

415.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Đạo duyên có phi Bất tương ưng 1.

416.

Phi Trưởng duyên có phi Nhân 2,... phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

417.

Phi Trưởng duyên cùng phi Nhân duyên có phi Tiền sinh trong 2 (câu)... phi Hậu sinh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

418.

Phi Tiền sinh duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

419.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên có phi Trưởng 2,... phi Hậu sinh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2... tóm tắt ...

420.

Phi Hậu sanh duyên... phi Cố hưởng duyên, có phi 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

421.

Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên có phi Trưởng 2,... phi Tiền sinh 2, phi Hậu sinh 2, phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng... tóm tắt ...

422.

Phi Nghiệp duyên có phi Nhân 1,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

423.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên có phi Trưởng 1, phi Tiền sinh 1, phi Hậu sinh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quả 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, tóm tắt,...

424.

Phi Quả duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

425.

Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên có phi Nghiệp 1,... phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

426.

Phi Thiền duyên có phi Nhân 1,... phi Trưởng 1, phi Hậu sinh 1, phi Cố hưởng 1, phi Đạo 1.

427.

Phi Thiền duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên có phi Đạo 1.

428.

Phi Đạo duyên có phi Nhân 1,... phi Trưởng 1, phi Tiền sinh 1, phi Hậu sinh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thiền 1, phi Bất tương ưng 1,... tóm tắt...

429.

Phi Bất tương ưng duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Đạo 1.

430.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên có phi Trưởng 2,... phi Tiền sinh 2, phi Hậu sinh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Đạo 1.

431.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên có phi Đạo 1.

Dứt cách đối lập

432.

Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.

433.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên có phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.

434.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Trưởng duyên có phi Tiền sinh 3,... phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.

435.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sinh duyên có phi Hậu sinh 3,... phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3.

436.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên tóm tắt,... Tiền sinh duyên, Cố hưởng duyên có phi Hậu sinh 3,... phi Nghiệp 3, phi Quả 3.

437.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên tóm tắt,... Tiền sinh duyên, Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên tóm tắt,... Bất ly duyên có phi Hậu sinh 3,... phi Quả 3.

438.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên tóm tắt,... Tiền sinh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên có phi Hậu sinh 1,... phi Cố hưởng 1.

439.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên tóm tắt,... Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên, tóm tắt,... Bất ly duyên có phi Hậu sanh 1,... phi Cố hưởng 1.

440.

Cảnh duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

Cảnh duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3... tóm tắt.

441.

* Trưởng duyên có phi Tiền sanh 3,... phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.
* Trưởng duyên cùng Nhân duyên, tóm tắt,... Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên nên sắp rộng như phần cảnh căn.

442.

Tiền sanh duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1.

443.

Tiền sanh duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3... tóm tắt...

444.

Cố hưởng duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

445.

Cố hưởng duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3... tóm tắt,...

446.

- ∗ Nghiệp duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.
- ∗ Nghiệp duyên cùng Nhân duyên có Trưởng 3... tóm tắt...

447.

- ∗ Quả duyên có phi Nhân 1,... phi Trưởng 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1.
- ∗ Quả duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 1, tóm tắt,...

448.

- ∗ Thực duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.
- ∗ Thực duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3... tóm tắt,...

449.

- ∗ Quyền duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.
- ∗ Quyền duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3... tóm tắt,...

450.

- ∗ Thiền duyên có phi Nhân 2... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.
- ∗ Thiền duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3... tóm tắt,...

451.

- ∗ Đạo duyên có phi Nhân 1,... phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.
- ∗ Đạo duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3... tóm tắt...

452.

- ∗ Tương ưng duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.
- ∗ Tương ưng duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3... tóm tắt,...

453.

Bất tương ưng duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 1, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1.

454.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sinh 1, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3.

455.

* Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sinh 1, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3.
* Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên, tóm tắt,... Tiền sanh duyên có phi Hậu sanh 3,... phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3.
* Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên... tóm tắt,... Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên,... tóm tắt,... Bất ly duyên có phi Hậu sanh 3,... phi Quả 3.
* Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên... tóm tắt,... Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên... tóm tắt,... Bất ly duyên có phi Hậu sanh 1... phi Cố hưởng 1.

456.

Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên nên phân rộng như phần cảnh căn.

Dứt cách thuận tùng, đối lập

457.

Phi Nhân duyên có Cảnh trong 2 (câu),... Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 2, Tiền sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 2, Quả 1, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 2, Bất tương ưng 2, Hiện hữu 2, Vô hữu 2, Ly 2. Bất ly 2.

458.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên có Cảnh 2... tóm tắt,... Bất ly 2 (tất cả đều có 2).

459.

Phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 2, Cố hưởng 1, Nghiệp 2, Quả 1, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 2, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 2, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 2.

460.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1 (tất cả đều có 1).

461.

* Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Đạo duyên, phi Bất tương ưng duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sinh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.
* Phi Quả duyên, phi Đạo duyên, phi Bất tương ưng duyên cũng như phi Nghiệp duyên.

462.

* Phi Trưởng duyên có Nhân 3,... Cảnh 3... tóm tắt,... Bất ly 3.
* Phi Trưởng duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 2... tóm tắt,... Bất ly 2.

Phần phi trưởng căn có phi Nhân nên sắp theo như phần phi nhân căn.

463.

Phi Tiền sanh duyên có Nhân 3,... Cảnh 3... tóm tắt,... Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1.

Nên sắp rộng mỗi bài theo đây không có chép để, đều có ba vấn đề.

Phần phi Tiền sanh căn cứ sắp y như Cố hưởng và Đạo, đều có 2 vấn đề, ngoài ra đều như phi Nhân duyên. Còn phi Hậu sanh duyên sắp đều đủ như phi Trưởng duyên.

464.

Phi Nghiệp duyên có Nhân 3,... Cảnh 3, Trưởng 3, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

465.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

466.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

Những câu ngoài ra nên sắp cho rộng theo phương tiện này,... tóm tắt,...

467.

∗ Phi Quả duyên có Nhân 3... tóm tắt,... nên sắp đầy đủ... Bất ly 3.

∗ Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 2, Cố hưởng 1, Nghiệp 2, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 2, Hiện hữu 2, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 2.

Phần phi quả căn chỉ khác nhau như thế, còn ngoài ra đều như phần phi nhân căn.

468.

Phi Thiền duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Tiền sanh 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Tương ưng 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

469.

Phi Thiền duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Đạo duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Tiền sanh 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Tương ưng 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

470.

Phi Đạo duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1,... Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

471.

∗ Phi Đạo duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

∗ Phi Đạo duyên cùng phi Nhân duyên... tóm tắt ...

472.

Phi Bất tương ưng duyên có Nhân 3,... có Cảnh 3, Trưởng 3, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

473.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 2, Cố hưởng 1, Nghiệp 2, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 2, Hiện hữu 2, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 2.

474.

* Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên cũng như trong phần phi Cố hưởng căn *(āsevanamūlakaṃ)* phi Nhân căn.
* Phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Đạo duyên cả 3 duyên này làm căn *(mūla)* đồng như một.... có Cảnh 1, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

Dứt cách đối lập, thuận tùng

Hết phần hỗn hợp (saṃsatthavāra)

Phần Tương Ưng *(Sampayuttavāro)*

475.

Pháp thiện tương ưng pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn tương ưng *(sampayutta)* 1 uẩn thiện, 1 uẩn tương ưng 3 uẩn, 2 uẩn tương ưng 2 uẩn.

476.

Pháp bất thiện tương ưng pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn tương ưng 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn Tương ưng 3 uẩn, 2 uẩn tương ưng 2 uẩn.

477.

Pháp vô ký tương ưng pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn tương ưng 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố; 1 uẩn tương ưng 3 uẩn; 2 uẩn tương ưng 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn tương ưng 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn tương ưng 3 uẩn, 2 uẩn tương ưng 2 uẩn... tóm tắt ...

478.

Nhân có 3 câu, Cảnh 3, Trưởng 3, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

479.

Pháp bất thiện tương ưng pháp bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật tương ưng với uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

480.

Pháp vô ký tương ưng pháp vô ký sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn tương ưng 1 uẩn vô ký quả vô ký tố vô Nhân, 1 uẩn tương ưng 3 uẩn, 2 uẩn tương ưng 2 uẩn; trong sát-na tục sinh vô nhân 3 uẩn tương ưng 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn tương ưng 3 uẩn, 2 uẩn tương ưng 2 uẩn... tóm tắt ...

481.

Phi Nhân có 2 (câu), phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

Dứt cách đối lập

482.

Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.

Dứt cách thuận tùng, đối lập

483.

∗ Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 2, Tiền sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 2, Quả 1, Thực 2, Quyền 2, Thiền 1, Đạo 1, Tương ưng 2, Bất tương ưng 2, Hiện hữu 2, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 2.

Dứt cách đối lập, thuận tùng (paccanīkyānuloma)
Hết phần tương ưng (sampayuttavāra)

Ý nghĩa tương ưng là ý nghĩa hỗn hợp *(samsatthavāra)*
Ý nghĩa hỗn hợp là ý nghĩa tương ưng *(sampayuttavara)*

Phần Vấn Đề Phân Giải (Phần Yếu Tri) *(Pañhavāra)*

A/. Đếm thuận tùng nơi vấn đề

Nhân Duyên

484.

∗ Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Nhân duyên: Các nhân thiện làm duyên *(paccaya)* cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.
∗ Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Nhân duyên: Các nhân thiện làm duyên *(paccaya)* cho sắc nương tâm *(cittasamuṭṭhāna rūpa)* sanh bằng Nhân duyên.
∗ Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và pháp vô ký bằng Nhân duyên: Các uẩn thiện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

485.

∗ Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Nhân duyên: Các nhân bất thiện làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.
∗ Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Nhân duyên: Các nhân bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
∗ Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Nhân duyên: Các nhân bất thiện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

486.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Nhân duyên: Các nhân vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên. Trong sát-na tục sinh: Các nhân vô ký quả làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

Cảnh Duyên

487.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện trì ngũ giới, thọ thanh tịnh giới rồi nhớ lại thiện đó, phản khán những phước thiện chất chứa trước.
- Sau khi xuất thiền phản khán lại thiền.
- Bậc hữu học *(sekkhā)* phản khán biến thành *(gotrabhū)*. Phản khán thanh trừ *(vodāna)*.
- Bậc hữu học sau khi đắc đạo phản khán đạo.
- Bậc hữu học hoặc phàm phu quán xét vô thường, khổ não, vô ngã biết đầy đủ tâm thiện bằng tha tâm thông *(cetopariyañāṇa)*
- Tâm thiện Không vô biên xứ *(Ākāsānañcāyatana)* làm duyên cho tâm thiện Thức vô biên xứ *(Viññāṇānañcāyatanakusala)* bằng Cảnh duyên.
- Tâm thiện Vô sở hữu xứ *(Ākiñcaññāyatana)* làm duyên cho tâm thiện Phi tưởng phi phi tưởng xứ *(Nevasaññānāsaññāyatana)* bằng Cảnh duyên.

- Các uẩn thiện làm duyên cho thần thông *(iddhividhañāṇa),* tha tâm thông *(cetopariyañāṇa),* túc mạng thông *(pubbenivāsānussatiñāna),* tùy nghiệp thông *(yathākammūpagañāṇa),* vị lai thông *(anāgataṅsañāṇa)* bằng Cảnh duyên.

488.

Pháp thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện trì ngũ giới, thanh tịnh giới rồi vui mừng thỏa thích đó mở mối cho tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra.
- Hay vui mừng thỏa thích những phước thiện tạo chứa trước kia đó mở mối cho tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra.
- Sau khi xuất thiền vui thích thiền ấy mở mối cho tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật sanh ra.
- Người nóng nảy thiền hoại, sân phát sanh.

489.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Cảnh duyên:

- Sau khi đắc quả A-la-hán phản khán quả, phản khán những phước thiện tạo chứa trước kia.
- Quan sát tỏ ngộ thiện bằng vô thường, khổ não, vô ngã hiểu rõ đủ tâm thiện bằng tha tâm thông.
- Bậc hữu học hoặc phàm phu quán sát tỏ ngộ tâm thiện bằng vô thường, khổ não, vô ngã, sau khi tâm thiện ấy diệt thì tâm quả mót sanh ra.
- Sự vui mừng hớn hở thiện ấy mở mối cho tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra. Sau khi bất thiện diệt rồi thì tâm mót là quả sanh ra.
- Tâm thiện Không vô biên xứ làm duyên cho tâm Thức vô biên xứ quả hoặc tố *(kirayā)* bằng Cảnh duyên.
- Tâm thiện Vô sở hữu xứ làm duyên cho tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ quả hoặc tố bằng Cảnh duyên.
- Các uẩn thiện làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và tâm khán môn bằng Cảnh duyên.

490.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cảnh duyên:

- Tham ái, vui mừng, thỏa thích đó mở mối cho tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra.
- Tà kiến, vui mừng, thỏa thích đó mở mối cho tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra.
- Hoài nghi mở mối cho hoài nghi, tà kiến, phóng dật và ưu sanh ra.
- Phóng dật mở mối cho phóng dật, tà kiến, hoài nghi và ưu sanh ra.
- Ưu mở mối cho ưu tà kiến, hoài nghi và phóng dật sanh ra.

491.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp thiện sanh ra bằng Cảnh duyên:

- Bậc hữu học phản khán phiền não bị hạn chế bớt, hiểu rõ phiền não trước kia đã từng sanh.
- Bậc hữu học hoặc phàm phu quán sát tỏ ngộ pháp bất thiện bằng vô thường, khổ não, vô ngã, biết rõ đầy đủ tâm bất thiện bằng tha tâm thông
- Các uẩn bất thiện làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và tâm khán môn bằng Cảnh duyên.

492.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Cảnh duyên:
- Bậc La-Hán phản khán phiền não đã trừ và mở mối phiền não từng sanh trước kia. Quán sát rõ bất thiện bằng vô thường, khổ não, vô ngã. Tâm hiểu đầy đủ tâm bất thiện bằng tha tâm thông.
- Bậc hữu học hoặc phàm phu quán rõ pháp bất thiện bằng vô thường, khổ não, vô ngã. Pháp bất thiện vừa diệt kế đó có tâm mót là quả sanh ra.
- Vui mừng, thỏa thích tâm bất thiện ấy mở mối cho tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra. Tâm bất thiện vừa diệt hết thì tâm mót là quả sanh ra.
- Các uẩn bất thiện làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và tâm khán môn bằng Cảnh duyên.

493.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Cảnh duyên:
- La-Hán phản khán quả, phản khán Níp Bàn và Níp Bàn làm duyên cho tâm quả và tâm khán môn bằng Cảnh duyên.
- Bậc La-Hán quán rõ nhãn bằng vô thường, khổ não, vô ngã. Nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật (sắc nương trái tim), quán rõ uẩn vô ký quả, vô ký tố bằng vô thường, khổ não, vô ngã.
- Thấy sắc bằng thiên nhãn, nghe tiếng bằng thiên nhĩ, tha tâm thông biết đầy đủ tâm vô ký quả và vô ký tố.
- Không vô biên xứ tố làm duyên cho Thức vô biên xứ tố bằng Cảnh duyên.
- Vô sở hữu xứ tố làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ tố bằng Cảnh duyên.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Cảnh duyên.
- Thinh xứ làm duyên cho nhĩ thức, khí xứ làm duyên cho tỷ thức, vị xứ làm duyên cho thiệt thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.
- Các uẩn vô ký làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông và tâm khán môn bằng Cảnh duyên.

494.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Cảnh duyên:
- Bậc hữu học phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho biến thành *(gotrabhū)*, thanh trừ *(vodāna)* và đạo bằng Cảnh duyên.
- Bậc hữu học hoặc phàm phu quán rõ nhãn bằng vô thường, khổ não, vô ngã, nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc và vật (sắc nương trái tim), quán rõ những uẩn vô ký quả, vô ký tố bằng vô thường, khổ não, vô ngã.
- Thấy sắc bằng thiên nhãn, nghe tiếng bằng thiên nhĩ, biết đầy đủ tâm vô ký quả và vô ký tố bằng tha tâm thông.
- Các uẩn vô ký làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

495.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cảnh duyên:
- Thỏa thích, vui mừng, nhãn đó khai đoan cho ái dục, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra.
- Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc và vật (sắc nương trái tim) thỏa thích, vui mừng các uẩn vô ký quả và vô ký tố đó mở mối cho ái dục, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra.

Trưởng Duyên

496.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Trưởng duyên (có 2: Cảnh trưởng duyên và Trưởng đồng sanh duyên):

+ Cảnh trưởng như là sau khi bố thí, nguyện ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới đó rồi nặng chấp nhớ.
    - Trước kia chấp chứa để phước thiện rồi chấp nhớ.
    - Xuất thiền rồi sao nặng chấp nhớ thiền.
    - Bậc hữu học sau nặng chấp nhớ lại tâm biến thành *(gotrabhū)* sau chấp nhớ tâm thanh trừ *(vodāna)*.
    - Bậc hữu học xuất ra khỏi đạo sau nặng chấp nhớ đạo.
+ Trưởng đồng sanh như là thiện trưởng làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

497.

Pháp thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Trưởng duyên:

+ Cảnh trưởng như là sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới ấy rồi nặng chấp nhớ vui mừng, thỏa thích do đã chấp đó tham ái, tà kiến phát sanh.
    - Phước thiện chứa để trước kia rồi nặng chấp vui mừng, thỏa thích do chấp đó tham ái, tà kiến phát sanh.
    - Sau khi xuất thiền đã nặng chấp thiền vui mừng, thỏa thích do chấp cứng ấy tham ái, tà kiến phát sanh.

498.

∗ Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Trưởng duyên (chia 2: Cảnh trưởng duyên và Trưởng đồng sanh duyên):
- Cảnh trưởng như là La-hán sau khi xuất đạo rồi nặng về sự phản khán đạo.
- Trưởng đồng sanh như là thiện trưởng làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Trưởng duyên
- Trưởng đồng sanh như là thiện trưởng làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

499.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Trưởng duyên (có 2: Cảnh trưởng duyên và Trưởng đồng sanh duyên):

- Cảnh trưởng như là tham ái nặng rồi thỏa thích vui mừng đã làm nặng đó ái dục, tà kiến phát sanh. Vui mừng, thỏa thích tà kiến nặng đã làm đó, ái dục, tà kiến sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như là bất thiện trưởng làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

500.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Trưởng duyên.

Trưởng đồng sanh như là trưởng bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

501.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như là trưởng bất thiện làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

502.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Trưởng duyên (có 2: Cảnh trưởng duyên và Trưởng đồng sanh duyên):

- Cảnh trưởng như là La-hán đã nặng phản khán quả, đã nặng phản khán Níp Bàn thì Níp Bàn làm duyên cho quả bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như là vô ký quả, vô ký tố trưởng làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

503.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Trưởng duyên:

Cảnh trưởng như là bậc hữu học đã nặng phản khán quả, đã nặng phản khán Níp Bàn thì Níp Bàn làm duyên cho tâm biến thành *(gotrabhū)*, tâm thanh trừ *(vodāna)* và đạo bằng Trưởng duyên.

504.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Trưởng duyên:

Cảnh trưởng như là đã nặng về nhãn thỏa thích vui mừng, do đã nặng đó tham ái, tà kiến phát sanh. Nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật (sắc nương trái tim) đã nặng các uẩn vô ký quả, vô ký tố thỏa thích vui mừng, do đã nặng đó tham ái, tà kiến phát sanh.

Vô Gián Duyên

505.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Vô gián duyên:

- Những uẩn thiện sanh trước trước làm duyên cho những uẩn thiện sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận tùng *(anuloma)* làm duyên cho tâm biến thành *(gotrabhū)*.
- Tâm thuận tùng *(anuloma)* làm duyên cho tâm thanh trừ *(vodāna)*.
- Tâm biến thành *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo.
- Tâm thanh trừ *(vodāna)* làm duyên cho đạo đều bằng Vô gián duyên.

506.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Vô gián duyên:

- Thiện làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*.
- Đạo làm duyên cho quả *(phala)*.
- Tâm thuận tùng của bậc hữu học làm duyên cho tâm quả khi nhập thiền quả.
- Còn khi xuất thiền diệt, tâm thiện Phi tưởng phi phi tưởng làm duyên cho tâm quả bằng Vô gián duyên.

507.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Vô gián duyên: Các uẩn bất thiện sanh trước trước làm duyên cho các uẩn bất thiện sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

508.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Vô gián duyên: Bất thiện làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

509.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Vô gián duyên: Các uẩn vô ký quả, vô ký tố sanh trước trước làm duyên cho các uẩn vô ký quả, vô ký tố sanh sau sau bằng Vô gián duyên:

- Tâm hộ kiếp làm duyên cho tâm khán môn.
- Tâm tố làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*.
- Tâm thuận tùng của La-hán làm duyên cho tâm tứ quả khi nhập thiền quả.

- Khi xuất thiền diệt, tâm tố phi Tưởng phi phi tưởng làm duyên cho tâm tứ quả bằng Vô gián duyên.

510.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Vô gián duyên: Tâm khán (ý) môn làm duyên cho các uẩn bất thiện bằng Vô gián duyên.

511.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Vô gián duyên: Khán môn làm duyên cho các uẩn thiện bằng Vô gián duyên.

Liên Tiếp Duyên

512.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Liên tiếp duyên:

- Những uẩn thiện sanh trước trước làm duyên cho các uẩn thiện sanh sau sau bằng Liên tiếp duyên.
- Tâm thuận tùng làm duyên cho tâm biến thành *(gotrabhū)*.
- Tâm thuận tùng làm duyên cho tâm thanh trừ *(vodāna)*.
- Tâm biến thành *(gotrabhū)* làm duyên cho tâm đạo.
- Tâm thanh trừ *(vodāna)* làm duyên cho tâm đạo bằng Liên tiếp duyên.

513.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Liên tiếp duyên:

- Thiện làm duyên cho dị thục quả *(vuṭṭhāna)*.
- Đạo làm duyên cho quả *(phala)*.
- Khi nhập thền quả, tâm thuận tùng của bậc hữu học làm duyên cho quả.
- Khi xuất thiền diệt, tâm thiện Phi tưởng phi phi tưởng làm duyên cho tâm quả (thứ 3) bằng Liên tiếp duyên.

514.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Liên tiếp duyên: Các uẩn bất thiện sanh trước trước làm duyên cho các uẩn bất thiện sanh sau sau bằng Liên tiếp duyên.

515.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Liên tiếp duyên: Bất thiện làm duyên cho quả dị thục *(vuṭṭhāna)* bằng Liên tiếp duyên.

516.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Liên tiếp duyên:

- Các uẩn vô ký quả, vô ký tố sanh trước trước làm duyên cho các uẩn vô ký quả, vô ký tố sanh sau sau bằng Liên tiếp duyên.
- Tâm hộ kiếp làm duyên cho tâm khán môn bằng Liên tiếp duyên.
- Tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả dị thục *(vuṭṭhāna)* bằng Liên tiếp duyên.
- Khi nhập thền quả, tâm thuận tùng của La-hán làm duyên cho quả thứ tư.
- Khi xuất thiền diệt, tâm tố Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho tâm nhập thiền tứ quả bằng Liên tiếp duyên.

517.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Liên tiếp duyên: Tâm khán (ý) môn làm duyên cho uẩn thiện bằng Liên tiếp duyên.

518.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Liên tiếp duyên: Tâm khán (ý) môn làm duyên cho uẩn bất thiện bằng Liên tiếp duyên.

Đồng Sanh Duyên

519.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

520.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Đồng sanh duyên: Uẩn thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

521.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn thiện làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

522.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn bất thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

523.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Đồng sanh duyên: Các uẩn bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

524.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn bất thiện làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

525.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- Trong sát-na tục sinh: 1 uẩn vô ký quả làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Đồng sanh duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc tục sinh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc tục sinh bằng Đồng sanh duyên.
- Uẩn làm duyên cho vật *(hadayavatthu)* bằng Đồng sanh duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Đồng sanh duyên.
- 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung bằng Đồng sanh duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên.
- Sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc thủ bằng Đồng sanh duyên.
- 1 sắc đại sung ngoại làm duyên cho 3 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên.
- Sắc đại sung làm duyên cho sắc thủ bằng Đồng sanh duyên.
- 1 sắc đại sung nương vật thực sanh làm duyên cho 3 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên.

- Sắc đại sung làm duyên cho sắc thủ bằng Đồng sanh duyên.
- 1 sắc đại sung nương âm dương sanh làm duyên cho 3 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên.
- Sắc đại sung làm duyên cho sắc thủ bằng Đồng sanh duyên.
- 1 sắc đại sung nơi Vô tưởng làm duyên cho 3 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, sắc đại sung làm duyên cho sắc tục sinh và sắc thủ bằng Đồng sanh duyên.

526.

Pháp thiện và vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Đồng sanh duyên: Các uẩn thiện và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

527.

Pháp bất thiện và vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Đồng sanh duyên: Những uẩn bất thiện và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

Hỗ Tương Duyên

528.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Hỗ tương duyên: 1 uẩn thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.

529.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Hỗ tương duyên: 1 uẩn bất thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.

530.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Hỗ tương duyên:

- 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.
- Trong sát-na tục sinh: 1 uẩn vô ký quả làm duyên cho 3 uẩn và vật *(hadayavatthu)* bằng Hỗ tương duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên.
- Uẩn làm duyên cho vật *(hadayavatthu)* bằng Hỗ tương duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Hỗ tương duyên.
- 1 sắc đại sung làm duyên cho 3 sắc đại sung bằng Hỗ tương duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Hỗ tương duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Hỗ tương duyên.
- Sắc ngoại, sắc nương vật thực sanh, sắc nương âm dương sanh….
- 1 sắc đại sung Vô tưởng làm duyên cho 3 sắc đại sung bằng Hỗ tương duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Hỗ tương duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Hỗ tương duyên.

Y Chỉ Duyên

531.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Y chỉ duyên: 1 uẩn thiện làm duyên cho 3 uẩn thiện bằng Y chỉ duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Y chỉ duyên.

532.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Y chỉ duyên: Uẩn thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

533.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Y chỉ duyên: 1 uẩn thiện làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

534.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Y chỉ duyên: 1 uẩn bất thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Y chỉ duyên.

535.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Y chỉ duyên: Các uẩn thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

536.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Y chỉ duyên: 1 uẩn bất thiện làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

537.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Y chỉ duyên:

- 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.
- Trong sát-na tục sinh: 1 uẩn vô ký quả làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Y chỉ duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và và sắc tục sinh bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và và sắc tục sinh bằng Y chỉ duyên.
- Uẩn làm duyên cho vật bằng Y chỉ duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Y chỉ duyên.
- 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung bằng Y chỉ duyên, 3 đại sung làm duyên cho 1 đại sung bằng Y chỉ duyên, 2 đại sung làm duyên cho 2 đại sung bằng Y chỉ duyên.
- Sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh, sắc thủ bằng Y chỉ duyên.
- Sắc ngoại, sắc nương vật thực sanh, sắc nương âm dương sanh….
- 1 sắc đại sung Vô tưởng làm duyên cho 3 sắc đại sung bằng Y chỉ duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Y chỉ duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Y chỉ duyên.
- Sắc đại sung làm duyên cho sắc tục sinh và sắc thủ bằng Y chỉ duyên.
- Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Y chỉ duyên, nhĩ xứ... tỷ xứ... thiệt xứ... thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Y chỉ duyên.
- Vật (sắc nương trái tim) làm duyên cho những uẩn vô ký quả và vô ký tố bằng Y chỉ duyên.

538.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Y chỉ duyên: Vật (sắc nương trái tim) làm duyên cho những uẩn thiện bằng Y chỉ duyên.

539.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Y chỉ duyên: Vật (sắc nương trái tim) làm duyên cho các uẩn bất thiện bằng Y chỉ duyên.

540.

Pháp thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Y chỉ duyên: 1 uẩn thiện và vật (sắc nương trái tim) làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên, 3 uẩn và vật làm duyên cho 1 uẩn bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Y chỉ duyên.

541.

Pháp thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Y chỉ duyên: Uẩn thiện và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

542.

Pháp bất thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Y chỉ duyên: 1 uẩn bất thiện và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên, 3 uẩn và vật làm duyên cho 1 uẩn bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Y chỉ duyên.

543.

Pháp bất thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Y chỉ duyên: Uẩn bất thiện và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

Cận Y Duyên

544.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Cận y duyên (rộng 3: Cảnh cận y *(Ārammaṇūpanissaya),* Vô gián cận y *(Anantarūpanissaya),* Thuần cận y *(Pakatūpanissaya):*

+ Cảnh cận y như là sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới chú trọng đó rồi nhớ lại.
  - Hay là nhớ lại những phước thiện trọng hệ đã làm chứa để trước.
  - Hay sau khi xuất thiền nặng về thiền rồi nhớ lại.
  - Bậc hữu học quan trọng tâm biến thành *(gotrabhū)* sau khi nhớ lại.
  - Quan trọng tâm thanh trừ *(vodāna)* sau khi nhớ lại.
  - Hay bậc hữu học xuất đạo rồi quan trọng đạo sau mới nhớ lại.

+ Vô gián cận y như là các uẩn thiện sanh trước trước làm duyên cho các uẩn thiện sanh sau sau bằng Cận y duyên.
  - Tâm thuận tùng *(anuloma)* làm duyên cho tâm biến thành *(gotrabhū)* bằng Cận y duyên.
  - Tâm thuận tùng làm duyên cho tâm thanh trừ *(vodāna)* bằng Cận y duyên.
  - Tâm biến thành *(gotrabhū)* làm duyên cho tâm đạo bằng Cận y duyên.
  - Tâm thanh trừ *(vodāna)* làm duyên cho đạo bằng Cận y duyên.

+ Thuần cận y như là đức tin thuần cận làm duyên cho bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới có thể làm cho thiền sanh ra, quán *(vipassanā)* phát ra, đạo sanh ra, thần thông sanh ra, vào thiền sanh ra.
  - Giới cận y, văn cận y, xả cận y, trí cận y làm duyên cho bố thí...

- Nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới có thể làm cho thiền phát sanh, pháp quán phát sanh, đạo phát sanh, thần thông phát sanh, sự nhập thiền đặng phát tiến.
- Đức tin cận y như là trì giới, văn, xả... tuệ làm duyên cho đức tin, trì giới, thính pháp, xả và tuệ bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị *(parikamma)* của sơ thiền làm duyên cho sơ thiền bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của nhị thiền làm duyên cho nhị thiền bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của tam thiền làm duyên cho tam thiền bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của tứ thiền làm duyên cho tứ thiền bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của thiền Không vô biên xứ làm duyên cho thiền Không vô biên xứ bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của thiền Thức vô biên xứ làm duyên cho thiền Thức vô biên xứ bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của thiền Vô sở hữu xứ làm duyên cho thiền Vô sở hữu xứ bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cận y duyên.
- Sơ thiền làm duyên cho nhị thiền bằng Cận y duyên….
- Tứ thiền làm duyên cho Không vô biên xứ, Không vô biên xứ duyên cho Thức vô biên xứ, Thức vô biên xứ làm duyên cho Vô sở hữu xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của thiên nhãn làm duyên cho thiên nhãn bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của thiên nhĩ làm duyên cho thiên nhĩ bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của thần thông *(iddhividhañāṇa)* làm duyên cho thần thông bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của tha tâm thông *(cetopariyañāṇa)* làm duyên cho tha tâm thông bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của túc mạng thông *(pubbenivāsānussatiñāṇa)* làm duyên cho túc mạng thông bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của tùy nghiệp thông *(yathākammūpagañāṇa)* làm duyên cho tùy nghiệp thông bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của vị lai thông *(anāgataṅsaññāṇa)* làm duyên cho vị lai thông bằng Cận y duyên.
- Thiên nhãn làm duyên cho thiên nhĩ bằng Cận y duyên.
- Thiên nhĩ làm duyên cho thần thông bằng Cận y duyên.
- Thần thông làm duyên cho tha tâm thông bằng Cận y duyên.
- Tha tâm thông làm duyên cho túc mạng thông bằng Cận y duyên.
- Túc Mạng thông làm duyên cho tùy nghiệp thông bằng Cận y duyên.
- tùy nghiệp thông làm duyên cho vị lai thông bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của sơ đạo làm duyên cho sơ đạo bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của nhị đạo làm duyên cho nhị đạo bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của tam đạo làm duyên cho tam đạo bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của tứ đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.
- Tâm sơ đạo làm duyên cho nhị đạo bằng Cận y duyên.
- Tâm nhị đạo làm duyên cho tam đạo bằng Cận y duyên.
- Tâm tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

- Bậc hữu học thành Cận y duyên cho đạo dù chưa nhập thiền cũng đặng nhập, cho đến quán ngộ vô thường, khổ não, vô ngã.
- Đạo làm duyên cho nghĩa lý thiệp tài *(atthapaṭisambhidā),* pháp thiệp tài *(dhammapaṭisambhidā),* ngôn ngữ thiệp tài *(niruttipaṭisambhidā),* cấp trí thiệp tài *(paṭibhāṇapaṭisambhidā)* và lanh lợi với nơi đáng *(ṭhāna)* và nơi không đáng *(aṭhāna)* của các bậc hữu học bằng Cận y duyên.

545.

Pháp thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cận y duyên (rộng: Cảnh cận y và Thuần cận y):

+ Cảnh cận y *(Ārammaṇūpanissaya)* như là sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng về đó mới thỏa thích vui mừng theo phần nặng ấy tham ái, tà kiến mới sanh.
  - Hay nặng về phước thiện đã làm chất chứa trước, thỏa thích vui mừng theo lối nặng ấy tham ái, tà kiến phát sanh.
  - Hay sau khi xuất thiền đã nặng về thiền, thỏa thích vui mừng theo lối nặng ấy tham ái, tà kiến phát sanh.

+ Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như là đức tin mạnh làm duyên cho ngã mạn, ham muốn, tà kiến và ái bằng Cận y duyên.
  - Giới, văn, xả *(cāga),* tuệ mạnh làm duyên cho ngã mạn, ham muốn, tà kiến và ái
  - Đức tin, trì giới, văn, xả *(cāga)*, tuệ làm duyên cho ái dục, sân, si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục bằng Cận y duyên.

546.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Cận y duyên (rộng: Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y):

+ Cảnh cận y *(Ārammaṇūpanissaya)* như là La-hán sau khi xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

+ Vô gián cận y *(Anantarūpanissaya)* như là thiện làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Y chỉ duyên, Đạo làm duyên cho quả, tâm thuận tùng của bậc hữu học làm duyên cho nhập thiền quả, khi xuất thiền diệt tâm thiện Phi tưởng phi phi tưởng làm duyên cho tâm quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

+ Thuần cận y như là nương đức tin mạnh rất có thể làm căn bản tìm tòi cho ta nóng nảy bực bội, kết cuộc khổ sở.
  - Chấp cứng trì giới, văn, xả, trí thành căn bản tìm tòi có thể kết quả cho ta nóng nảy, bực bội, khổ sở.
  - Đức tin, trì giới, văn, xả... tuệ làm duyên cho nẻo thân lạc, nẻo thân khổ, nhập thiền quả bằng Cận y duyên.
  - Nghiệp thiện làm duyên cho dị thục quả *(vipāka)* bằng Cận y duyên.
  - La-hán nương đạo mạnh thiền tố chưa nhập cũng nhập đặng cho đến quán tỏ ngộ pháp hành bằng vô thường, khổ não, vô ngã.
  - La-hán đạo làm duyên cho ý nghĩa thiệp tài *(atthapaṭisambhidā),* pháp thiệp tài *(dhammapaṭisambhidā),* ngôn ngữ thiệp tài *(niruttipaṭisambhidā),* cấp trí thiệp tài *(paṭibhāṇapaṭisambhidā),* khôn khéo trong thị xứ *(ṭhāna)* và phi xứ *(aṭhana)* bằng Cận y duyên.
  - Đạo làm duyên cho nhập thiền quả bằng Cận y duyên.

547.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cận y duyên (rộng có 3: Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y):

+ Cảnh cận y *(Ārammaṇūpanissaya)* như là đã nặng về tham ái vui mừng, thỏa thích rồi do nặng đó tham ái, tà kiến phát sanh.
  - Tà kiến đã nặng thỏa thích, vui mừng sau khi nặng chấp đó ái dục, tà kiến phát sanh.

+ Vô gián cận y *(Anantarūpanissaya)* như là uẩn bất thiện sanh trước trước làm duyên cho uẩn bất thiện sanh sau sau bằng Cận y duyên.

+ Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như là nương mạnh ái dục có thể sát sanh, trộm cướp, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, cắt đứt liên lạc, cướp giựt mỗi nhà không sót, đón chận đường công, tìm kiếm vợ người, giết hại dân thôn quê thành thị, sát phụ, sát mẫu, giết La-hán, chích Phật thân huyết, phá hòa hợp Tăng bằng tâm ác độc.
  - Nương sân mạnh...
  - Nương si mạnh, nương ngã mạn mạnh, nương tà kiến mạnh... nương hy vọng mạnh có thể sát sanh, trộm cướp... phá hòa hợp Tăng.
  - Ái dục *(rāga)*... sân, si, ngã mạn, tà kiến... sự mong mỏi làm duyên cho ái dục, sân, si, ngã mạn, tà kiến và vọng dục bằng Cận y duyên.

548.

∗ Sát sanh làm duyên cho sát sanh bằng Cận y duyên:

∗ Sát sanh *(pāṇātipāta)* làm duyên cho thu đạo... tà dâm, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham ác *(abhijjhā),* làm duyên cho sân độc... tà kiến bằng Cận y duyên.

∗ Thu đạo làm duyên cho thu đạo, tà dâm, vọng ngữ... (tóm tắt)... tà kiến làm duyên cho sát sanh bằng Cận y duyên.

Nên sắp cho thành xa luân *(cakka)* cho rộng rãi.

549.

∗ Tà dâm... vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham ác, sân độc... tà kiến làm duyên cho tà kiến bằng Cận y duyên.

∗ Tà kiến làm duyên cho sát sanh, thu đạo, tà dâm, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham ác... làm duyên cho sân độc bằng Cận y duyên.

550.

∗ Nghiệp sát mẫu làm duyên cho nghiệp sát mẫu bằng Cận y duyên.

∗ Nghiệp sát mẫu làm duyên cho nghiệp sát phụ... nghiệp sát La-hán, nghiệp chích máu thân Phật, nghiệp phá hòa hợp Tăng... làm duyên cho tà kiến nhứt định bằng Cận y duyên

∗ Nghiệp sát phụ làm duyên cho nghiệp sát phụ... giết La-hán, chích máu thân Phật, nghiệp phá hòa hợp Tăng và tà kiến nhứt định... nghiệp giết mẹ bằng Cận y duyên.

∗ Giết La-hán... chích máu thân Phật, phá hòa hợp Tăng... tà kiến nhất định... làm duyên cho tà kiến nhứt định bằng Cận y duyên.

∗ Tà kiến nhứt định làm duyên cho sát mẫu bằng Cận y duyên, làm duyên cho nghiệp sát phụ, giết La-hán, chích Phật thân huyết, nghiệp phá hòa hợp Tăng bằng Cận y duyên.

Nên sắp cho thành xa luân *(cakka).*

551.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Cận y duyên:

Thuần cận y *(pakatūpanissaya)* như là ái dục mạnh có thể bố thí nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới cho đến thiền sanh, phát ra tu quán, đạo sanh, thông sanh, nhập thiền đặng, sân... si, ngã mạn, tà kiến... nương hy vọng mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền phát sanh ra, tu quán, đạo phát sanh, thông phát sanh cho đến nhập thiền đặng.

- Ái dục... sân, si, ngã mạn, tà kiến... hy vọng, đức tin, trì giới, đa văn, xả, tuệ bằng Cận y duyên.
- Sau khi sát sanh muốn cho tiêu diệt quả khổ ấy mới bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới làm cho thiền sanh, phát ra pháp quán, đạo phát sanh, thông sanh cho đến nhập thiền đặng.
- Sau khi đánh cướp, sau khi cướp bóc từ nhà rồi, đã làm hãm hại rồi, sau khi lấy vợ người, sau khi giết hại dân quê... sau khi giết hại dân nơi đông đảo rồi muốn diệt trừ quả khổ mới bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới đến đổi có thể làm cho thiền sanh, quán phát sanh, đạo phát sanh, thông phát sanh cho đến nhập thiền đặng.
- Sau khi sát phụ, rồi muốn cho tiêu diệt quả khổ mới bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới... Sau khi sát phụ rồi... giết La-hán rồi... chích Phật thân huyết bằng tâm ác độc rồi... sau khi phá hòa hợp Tăng, vì muốn tiêu diệt quả khổ nên bố thí, giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới.

552.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Cận y duyên (rộng: Vô gián cận y, Thuần cận y).

+ Vô gián cận y như là bất thiện làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Cận y duyên.
+ Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như là nương ái dục mạnh thành căn bản có thể làm cho ta bức rức, nóng nảy, chịu khổ.
  - Sân... si, ngã mạn, tà kiến... nương hy vọng mạnh thành căn bản có thể làm cho ta bực bội, nóng nảy, khó khăn.
  - Ái dục... sân, si, ngã mạn, tà kiến... vọng dục làm duyên cho thân xúc lạc, xúc khổ bằng Cận y duyên.
  - Nghiệp bất thiện làm duyên cho dị thục quả *(vipāka)* bằng Cận y duyên.

553.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Cận y duyên (rộng có 3: Cảnh cận y, Vô gián cận y, Thuần cận y):

+ Cảnh cận y *(Ārammanūpanissaya)* như là La-hán đã nặng về quả rồi phản khán, nặng về Níp-bàn rồi phản khán thì Níp-bàn làm duyên cho quả bằng Cận y duyên.
+ Vô gián cận y *(Anantarūpanissaya)* như là những uẩn vô ký quả, vô ký tố sanh trước trước làm duyên cho các uẩn vô ký quả, vô ký tố sanh sau sau bằng Cận y duyên.
  - Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* làm duyên cho tâm khán môn *(āvajjana)*
  - Tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*.
  - Trí thuận tùng *(anulomañāṇa)* làm duyên cho nhập thiền quả.
  - Khi xuất thiền diệt tâm tố Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho nhập thiền quả bằng Cận y duyên.

- Thuần cận y như là thân sướng làm duyên cho thân sướng, thân khổ và nhập thiền quả bằng Cận y duyên.
- Thân khổ làm duyên cho thân sướng, thân khổ và nhập thiền quả bằng Cận y duyên.
- Âm dương làm duyên cho thân sướng, thân khổ và nhập thiền quả bằng Cận y duyên.
- Thực phẩm làm duyên cho thân sướng, thân khổ và nhập thiền quả bằng Cận y duyên.
- Trụ sở *(senāsāna)* làm duyên cho thân sướng, thân khổ và nhập thiền quả bằng Cận y duyên.
- Thân khổ, thân sướng, âm dương, vật thực, trụ sở *(senāsana)* làm duyên cho thân lạc, thân khổ và nhập thiền quả bằng Cận y duyên.
- Nhập thiền quả làm duyên cho thân lạc bằng Cận y duyên.
- La-hán nương thân lạc mạnh thiền tố dù chưa từng nhập cũng nhập đặng, cho đến quán ngộ pháp hành vi *(saṅkhāra)* bằng vô thường, khổ não, vô ngã.
- Thân khổ, âm dương, thực phẩm rất nương nhờ trụ sở *(senāsana)* mà thiền tố chưa từng nhập cũng nhập đặng, cho đến quán ngộ các pháp hành vô thường, khổ não, vô ngã.

554.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Cận y duyên (rộng có 3: Cảnh cận y, Vô gián cận y, Thuần cận y):

+ Cảnh cận y *(Ārammanūpanissaya)* như là bậc hữu học nặng về quả rồi phản khán, nặng về Níp-bàn rồi phản khán thì Níp-bàn làm duyên cho tâm biến thành *(gotrabhū),* tâm thanh trừ *(vodāna)* và đạo bằng Cận y duyên *(Upanissayapaccayo).*

+ Vô gián cận y *(Anantarūpanissaya)* như là tâm khán môn làm duyên cho các uẩn thiện bằng Cận y duyên.

+ Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như là rất nương thân sướng mới bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới có thể làm cho thiền phát sanh, quán phát sanh, đạo phát sanh, thông phát sanh cho đến đặng nhập thiền.
  - Thân khổ... âm dương... thực phẩm rất nương nhờ trụ sở *(senāsana)* mới bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới cho đến thiền phát sanh, quán phát sanh, đạo phát sanh, thông phát sanh luôn nhập thiền đặng.
  - Thân sướng... thân khổ, âm dương... thực phẩm... sở trụ làm duyên cho đức tin, trì giới, đa văn, xả thí *(cāga),* trí tuệ bằng Cận y duyên.

555.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cận y duyên (rộng có 3: Cảnh cận y, Vô gián cận y, Thuần cận y):

+ Cảnh cận y *(Ārammanūpanissaya)* như là đã nặng về nhãn rồi thỏa thích vui mừng do nặng đó mới phát sanh tham ái, tà kiến.
  - Nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc... Vật và các uẩn vô ký quả, vô ký tố đã chấp nặng rồi mới thỏa thích vui mừng do nặng chấp đó mới phát sanh ái dục, tà kiến.

+ Vô gián cận y *(Anantarūpanissaya)* như là tâm khán (ý) môn làm duyên cho các uẩn bất thiện bằng Cận y duyên.

+ Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như là nương thân sướng mạnh có thể sát sanh, thu đạo, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, đoạn nơi liên lạc, cướp đánh không chừa dù nhà 1 người, đón chận đường công, hội hợp vợ người, giết dân vườn, dân chợ; sát phu, sát mẫu, giết La-hán, chích máu thân Phật, phá hòa hợp Tăng đều bằng tâm ác độc.
  - Thân khổ... âm dương... thực phẩm... quá nương sở trụ *(senāsana)* có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
  - Thân sướng... thân khổ, âm dương... thực phẩm... trụ sở *(senāsana)* làm duyên cho ái dục, sân, si, ngã mạn, tà kiến, ham muốn bằng Cận y duyên.

Tiền Sanh Duyên

556.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Tiền sanh duyên (rộng có 2: Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh):

+ Cảnh tiền sanh *(Ārammaṇapurejāta)* như là nhãn của La-hán làm duyên cho quán vô thường, khổ não, vô ngã.
  - Nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc và vật *(hadayavatthu)* làm duyên cho quán vô thường, khổ não, vô ngã.
  - La-hán thấy sắc bằng thiên nhãn, nghe tiếng bằng thiên nhĩ.
  - Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Tiền sanh duyên.
  - Thinh xứ làm duyên cho nhĩ thức bằng Tiền sanh duyên.
  - Khí xứ làm duyên cho tỷ thức bằng Tiền sanh duyên.
  - Vị xứ làm duyên cho thiệt thức bằng Tiền sanh duyên.
  - Xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.

+ Vật tiền sanh *(Vatthupurejāta)* như là nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Tiền sanh duyên, nhĩ xứ làm duyên cho nhĩ thức, tỷ xứ làm duyên cho tỷ thức, thiệt xứ làm duyên cho thiệt thức, thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên, vật (sắc nương trái tim) làm duyên cho uẩn vô ký quả, vô ký tố bằng Tiền sanh duyên.

557.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Tiền sanh duyên (rộng có 2: Cảnh tiền sanh, Vật tiền sanh):

+ Cảnh tiền sanh *(Ārammaṇapurejāta)* như là nhãn của bậc hữu học hay phàm phu làm duyên cho quán vô thường, khổ não, vô ngã.
  - Nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc... vật làm duyên cho quán vô thường, khổ não, vô ngã.
  - Bậc hữu học hay phàm phu thấy sắc bằng thiên nhãn, nghe tiếng bằng thiên nhĩ.

+ Vật tiền sanh *(Vatthupurejāta)* như là vật (sắc nương trái tim) làm duyên cho các uẩn thiện bằng Tiền sanh duyên.

558.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Tiền sanh duyên (rộng có 2: Cảnh tiền sanh, Vật tiền sanh):

+ Cảnh tiền sanh *(Ārammaṇapurejāta)* như là thỏa thích vui mừng nhãn ấy mở mối cho ái dục, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra. Nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc... thỏa thích vui mừng vật ấy mở mối cho nhĩ ... ái dục, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra.

+ Vật tiền sanh *(Vatthupurejāta)* như là vật làm duyên cho uẩn bất thiện bằng Tiền sanh duyên.

Hậu Sanh Duyên

559.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Hậu sanh duyên: Những uẩn bất thiện sanh sau sau làm duyên cho thân sanh trước đó bằng Hậu sanh duyên.

560.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Hậu sanh duyên: Những uẩn thiện sanh sau sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

561.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Hậu sanh duyên: Hậu sanh như là những uẩn vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

Cố Hưởng Duyên

562.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Cố hưởng duyên:
- Những uẩn thiện sanh trước trước làm duyên cho các uẩn thiện sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận tùng làm duyên cho tâm biến thành *(gotrabhū)*.
- Tâm thuận tùng làm duyên cho tâm thanh trừ *(vodana)*.
- Tâm biến thành *(gotrabhū)* làm duyên cho tâm đạo.
- Tâm thanh trừ *(vodana)* làm duyên cho tâm đạo bằng Cố hưởng duyên.

563.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cố hưởng duyên: Những uẩn bất thiện sanh trước trước làm duyên cho các uẩn bất thiện sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

564.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Cố hưởng duyên: Những uẩn vô ký tố sanh trước trước làm duyên cho các uẩn vô ký tố sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

Nghiệp Duyên

565.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Nghiệp duyên: Tư thiện *(kusalacetanā)* làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

566.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Nghiệp duyên (rộng có 2: Đồng sanh, Biệt thời):
- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là tư thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời *(Nānākhaṇika)* như là tư thiện làm duyên cho các uẩn dị thục quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

567.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Nghiệp duyên: Tư thiện *(kusalacetanā)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

568.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Nghiệp duyên: Tư bất thiện làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

569.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Nghiệp duyên (rộng có 2: Đồng sanh, Biệt thời):

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là tư bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời *(Nānākhaṇika)* như là tư bất thiện làm duyên cho các uẩn vô ký quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

570.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Nghiệp duyên: Tư bất thiện làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

571.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Nghiệp duyên:

- Tư vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Trong sát-na tục sinh: Tư vô ký quả làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Tư làm duyên cho vật bằng Nghiệp duyên.

Quả Duyên

572.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Quả duyên:

- 1 uẩn vô ký quả làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.
- Trong sát-na tục sinh: 1 uẩn vô ký quả làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Quả duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc tục sinh bằng Quả duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc tục sinh bằng Quả duyên.
- Uẩn làm duyên cho vật *(hadayavatthu)* bằng Quả duyên.

Thực Duyên

573.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Thực duyên: Thực thiện làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng Thực duyên.

574.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Thực duyên: Thực thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.

575.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Thực duyên: Thực thiện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.

576.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Thực duyên: Thực bất thiện làm duyên cho những uẩn tương ưng bằng Thực duyên.

577.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Thực duyên: Thực bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.

578.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Thực duyên: Thực bất thiện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.

579.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Thực duyên:
- Thực vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.
- Trong sát-na tục sinh: Thực vô ký quả trợ cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Thực duyên.
- Đoàn thực trợ cho thân thể ấy bằng Thực duyên.

Quyền Duyên

580.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Quyền duyên: Quyền thiện làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng Quyền duyên.

581.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Quyền duyên: Quyền thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.

582.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Quyền duyên: Quyền thiện làm duyên cho những uẩn thiện tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.

583.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Quyền duyên: Quyền bất thiện làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng Quyền duyên.

584.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Quyền duyên: Quyền bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.

585.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Quyền duyên: Quyền bất thiện làm duyên cho những uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.

586.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Quyền duyên:
- Quyền vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.
- Trong sát-na tục sinh: Quyền vô ký quả làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Quyền duyên.
- Nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức bằng Quyền duyên.
- Nhĩ quyền làm duyên cho nhĩ thức bằng Quyền duyên.
- Tỷ quyền làm duyên cho tỷ thức bằng Quyền duyên.
- Thiệt quyền làm duyên cho thiệt thức bằng Quyền duyên.
- Thân quyền làm duyên cho thân thức bằng Quyền duyên.
- Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.

Thiền Duyên

587.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Thiền duyên: Chi thiền thiện làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng Thiền duyên.

588.
Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Thiền duyên: Chi thiền thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.

589.
Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Thiền duyên: Chi thiền thiện làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.

590.
Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Thiền duyên: Chi thiền bất thiện làm duyên cho những uẩn bất thiện bằng Thiền duyên.

591.
Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Thiền duyên: Chi thiền bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.

592.
Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Thiền duyên: Chi thiền bất thiện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.

593.
Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Thiền duyên.
- Chi thiền vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho những uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.
- Trong sát-na tục sinh: Chi thiền vô ký quả làm duyên cho những uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Thiền duyên.

Đạo Duyên

594.
Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Đạo duyên: Chi đạo thiện làm duyên cho những uẩn tương ưng bằng Đạo duyên.

595.
Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Đạo duyên: Chi đạo thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.

596.
Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Đạo duyên: Chi đạo thiện làm duyên cho những uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.

597.
Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Đạo duyên: Chi đạo bất thiện làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Đạo duyên.

598.
Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Đạo duyên: Chi đạo bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.

599.
Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Đạo duyên: Chi đạo bất thiện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.

600.
Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Đạo duyên:
- Chi đạo vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.
- Trong sát-na tục sinh: Chi đạo vô ký quả làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Đạo duyên.

Tương Ưng Duyên

601.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Tương ưng duyên: 1 uẩn thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 3 uẩn thiện làm duyên cho 1 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn thiện làm duyên cho 2 uẩn bằng Tương ưng duyên.

602.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Tương ưng duyên: 1 uẩn bất thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Tương ưng duyên.

603.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Tương ưng duyên:

- 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Tương ưng duyên.
- Trong sát-na tục sinh: 1 uẩn vô ký quả làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Tương ưng duyên.

Bất Tương Ưng Duyên

604.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Bất tương ưng duyên (rộng có 2: Đồng sanh và Hậu sanh)**:**

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là uẩn thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là uẩn thiện làm duyên cho thân này sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

605.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Bất tương ưng duyên (rộng có 2: Đồng sanh và Hậu sanh):

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là uẩn bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là uẩn bất thiện làm duyên cho thân này sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

606.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Bất tương ưng duyên (rộng có 3: Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh):

+ Đồng sanh *(Sahajāta)* như là uẩn vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên. Trong sát-na tục sinh: Uẩn vô ký quả làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên, uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.

+ Tiền sanh *(Purejāta)* như là nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Bất tương ưng duyên.
    - Nhĩ xứ làm duyên cho nhĩ thức bằng Bất tương ưng duyên.
    - Tỷ xứ làm duyên cho tỷ thức bằng Bất tương ưng duyên.
    - Thiệt xứ làm duyên cho thiệt thức bằng Bất tương ưng duyên.
    - Thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Bất tương ưng duyên.

- Vật làm duyên cho uẩn vô ký quả, vô ký tố bằng Bất tương ưng duyên.

+ Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là uẩn vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho thân sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

607.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Bất tương ưng duyên: Tiền sanh *(Purejāta)* như là vật làm duyên cho uẩn thiện bằng Bất tương ưng duyên.

608.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Bất tương ưng duyên: Tiền sanh *(Purejāta)* như là vật làm duyên cho uẩn bất thiện bằng Bất tương ưng duyên.

Hiện Hữu Duyên

609.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

610.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Hiện hữu duyên (rộng có 2: Đồng sanh và Hậu sanh).

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là uẩn thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là uẩn thiện làm duyên cho phần thân này sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

611.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn thiện làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.

612.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn bất thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

613.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Hiện hữu duyên (rộng có 2: Đồng sanh và Hậu sanh).

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là uẩn bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là uẩn bất thiện làm duyên cho phần thân sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

614.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn bất thiện làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.

615.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Hiện hữu duyên (rộng có 5: Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Vật thực và Quyền).

+ Đồng sanh *(Sahajāta)* như là:
    - 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên
    - Trong sát-na tục sinh: 1 uẩn vô ký quả làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên, uẩn làm duyên cho vật (sắc nương trái tim) bằng Hiện hữu duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Hiện hữu duyên.
    - 1 sắc đại sung làm duyên cho 3 sắc đại sung bằng Hiện hữu duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Hiện hữu duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Hiện hữu duyên, sắc đại sung làm duyên cho sắc thủ *(upādā)*, sắc nương tâm sanh và sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên; sắc ngoại, sắc vật thực và sắc âm dương...
    - 1 sắc đại sung Vô tưởng làm duyên cho 3 sắc đại sung bằng Hiện hữu duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Hiện hữu duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Hiện hữu duyên; sắc đại sung làm duyên cho sắc thủ, sắc tâm và sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

+ Tiền sanh *(Purejāta)* như là:
    - Nhãn của La-hán làm duyên cho quán vô thường, khổ não, vô ngã. Nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật làm duyên cho quán vô thường, khổ não, vô ngã.
    - Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
    - Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Hiện hữu duyên. Thinh xứ... khí xứ, vị xứ, xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.
    - Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Hiện hữu duyên.
    - Nhĩ xứ làm duyên cho nhĩ thức bằng Hiện hữu duyên.
    - Tỷ xứ làm duyên cho tỷ thức bằng Hiện hữu duyên.
    - Thiệt xứ làm duyên cho thiệt thức bằng Hiện hữu duyên.
    - Thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.
    - Vật làm duyên cho uẩn vô ký quả, vô ký tố bằng Hiện hữu duyên.

+ Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là uẩn vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho phần thân sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

+ Thực *(Āhāra)* như là đoàn thực làm duyên cho thân bằng Hiện hữu duyên.

+ Quyền *(Indrīya)* như là sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

616.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh *(Purejāta)* như là:
- Nhãn của bậc hữu học hoặc phàm phu làm duyên cho quán vô thường, khổ não, vô ngã. Nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật *(hadayavatthu)* làm duyên cho quán vô thường, khổ não, vô ngã.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Vật (sắc nương trái tim) làm duyên cho uẩn thiện bằng Hiện hữu duyên.

617.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh *(Purejāta)* như là:

- Thỏa thích vui mừng nhãn ấy mở mối cho ái dục, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra. Nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật thỏa thích vui mừng vật ấy mở mối cho ái dục... và ưu sanh ra.
- Vật làm duyên cho uẩn bất thiện bằng Hiện hữu duyên.

618.

Pháp thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Hiện hữu duyên (rộng có 2: Đồng sanh và Tiền sanh):

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là 1 uẩn thiện và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên... 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

619.

Pháp thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Hiện hữu duyên (rộng: Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền):

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là uẩn thiện và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là uẩn thiện và đoàn thực làm duyên cho phần thân bằng Hiện hữu duyên.
- Quyền Hậu sanh *(Indrīyapacchājāta)* như là uẩn thiện và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

620.

Pháp bất thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Hiện hữu duyên (rộng có 2: Đồng sanh và Tiền sanh):

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là 1 uẩn bất thiện và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn và vật làm duyên cho 1 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

621.

Pháp bất thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Hiện hữu duyên (rộng: Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền):

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là uẩn bất thiện và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là uẩn bất thiện và đoàn thực làm duyên cho phần thân bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là uẩn bất thiện và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

Vô Hữu Duyên

622.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Vô hữu duyên: Uẩn thiện sanh trước trước làm duyên cho uẩn thiện sanh sau sau bằng Vô hữu duyên... (tóm tắt).

Nên phân rộng cũng như Vô gián duyên *(Anantarapaccayo).*

Ly Duyên

623.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Ly duyên: Uẩn thiện sanh trước trước làm duyên cho uẩn thiện sanh sau sau bằng Ly duyên... tóm tắt.

Nên phân rộng cũng như Vô gián duyên *(Anantarapaccayo).*

Bất Ly Duyên

624.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Bất ly duyên: 1 uẩn thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Bất ly duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Bất ly duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Bất ly duyên... (tóm tắt).

Nên phân rộng cũng như Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo).*

Dứt phần phân giải trong phần vấn đề

625.

Nhân 7, Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

Phần nhân căn (Đếm duyên theo thuận)

626.

Nhân duyên có Trưởng 4,... Đồng sanh 7,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 7,... Quả 1,... Quyền 4,... Đạo 4,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 7,... Bất ly 7.

627.

* Có cả Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 7 (câu).
* ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 4.
* ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 4.
* ... Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

* ... Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Dứt phần nhân căn

Phần cảnh căn **(ārammaṇamūlakaṃ)**

628.

Cảnh duyên có Trưởng 7,... Y chỉ 3,... Cận y 7,... Tiền sanh 3,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 3,... Bất ly 3.

629.

Có cả Cảnh, Trưởng, Cận y: 7 (câu).
... Cảnh, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly: 3.
... Cảnh, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
... Cảnh, Trưởng, Cận y, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly: 1.
... Cảnh, Trưởng, Cận y, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Phần trưởng căn **(adhipatimūlakaṃ)**

630.

Trưởng duyên có Nhân 7,... Cảnh 7,... Đồng sanh 7,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 8,... Cận y 7,... Tiền sanh 1,... Quả 1,... Thực 7,... Quyền 7,... Đạo 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 4,... Hiện hữu 8,... Bất ly 8.

631.

* Có cả Trưởng, Hiện hữu, Bất ly: 8 (câu).
* ... Trưởng, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 8.
* ... Trưởng, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 4.
* ... Trưởng, Cảnh, Cận y: 7.
* ... Trưởng, Cảnh, Cận y, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Trưởng, Cảnh, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương,Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Trưởng, Đồng sanh,Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Trưởng, Đồng sanh,Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.

∗ ... Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
∗ ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
∗ ... Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 4.
∗ ... Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
∗ ... Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
∗ ... Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
∗ ... Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
∗ ... Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Phần vô gián căn **(anantaramūlakaṃ)**

632.

Vô gián duyên có Liên tiếp 7,... Cận y 7,... Cố hưởng 3,... Nghiệp 1,... Vô hữu 7,... Ly 7.

633.

∗ Có cả Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu, Ly: 7 (câu).
∗ ... Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Cố hưởng, Vô hữu, Ly: 3.
∗ ... Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Nghiệp, Vô hữu, Ly: 1.

Phần liên tiếp căn **(samanantaramūlakaṃ)**

634.

Liên tiếp duyên có Vô gián 7,... Cận y 7,... Cố hưởng 3,... Nghiệp 1,... Vô hữu 7,... Ly 7.

635.

Có cả Liên tiếp, Vô gián, Cận y, Vô hữu, Ly: 7 (câu).
... Liên tiếp, Vô gián, Cận y, Cố hưởng, Vô hữu, Ly: 3.
... Liên tiếp, Vô gián, Cận y, Nghiệp, Vô hữu, Ly: 1.

Phần đồng sanh căn **(sahajātamūlakaṃ)**

636.

Đồng sanh duyên có Nhân 7,... Trưởng 7,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 9,... Nghiệp 7,... Quả 1,... Thực 7,... Quyền 7,... Thiền 7,... Đạo 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 9,... Bất ly 9.

637.

Có cả Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 9 (câu).
... Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3.
... Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
... Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
... Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
... Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
... Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
... Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
... Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
... Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Phần hỗ tương căn **(aññamaññamūlakaṃ)**

638.

Hỗ tương duyên có Nhân 3,... Trưởng 3,... Đồng sanh 3,... Y chỉ 3,... Nghiệp 3,... Quả 1,... Thực 3,... Quyền 3,... Thiền 3,... Đạo 3,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 1,... Hiện hữu 3,... Bất ly 3.

639.

* Có cả Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3 (câu).
* ... Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Phần y chỉ căn

640.

Y chỉ duyên có Nhân 7 (câu),... Cảnh 3,... Trưởng 8,... Đồng sanh 9,... Hỗ tương 3,... Cận y 1,... Tiền sanh 3,... Nghiệp 7,... Quả 1,... Thực 7,... Quyền 7,... Thiền 7,... Đạo 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 5,... Hiện hữu 13,... Bất ly 13.

641.

* Có cả Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 13 (câu).
* ... Y chỉ, Trưởng, Hiện hữu, Bất ly: 8.
* ... Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 5.
* ... Y chỉ, Trưởng, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 4.
* ... Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Y chỉ, Cảnh, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Y chỉ, Cảnh, Trưởng, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Y chỉ, Tiền sanh, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Hiện hữu, Bất ly: 9.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Phần cận y căn

642.

Cận y duyên có Cảnh 7 (câu),... Trưởng 7,... Vô gián 7,... Liên tiếp 7,... Y chỉ 1,... Tiền sanh 1,... Cố hưởng 3,... Nghiệp 2,... Bất tương ưng 1,... Hiện hữu 1,... Vô hữu 7,... Ly 7,... Bất ly 1.

643.

* Có cả Cận y, Cảnh, Trưởng: 7 (câu).
* ... Cận y, Cảnh, Trưởng, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Cận y, Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Cận y, Vô gián, Liên tiếp, Vô hữu, Ly: 7.
* ... Cận y, Vô gián, Liên tiếp, Cố hưởng, Vô hữu, Ly: 3.
* ... Cận y, Nghiệp: 2.
* ... Cận y, Vô gián, Liên tiếp, Nghiệp, Vô hữu, Ly: 1.

Phần tiền sanh căn

644.

Tiền sanh duyên có Cảnh 3 (câu),... Trưởng 1,... Y chỉ 3,... Cận y 1,... Quyền 1,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 3,... Bất ly 3.

645.

* Có cả Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Tiền sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Tiền sanh, Cảnh, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Tiền sanh, Cảnh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Tiền sanh, Cảnh, Trưởng, Cận y, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Tiền sanh, Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Cận y, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Tiền sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Phần hậu sanh căn

646.

* Hậu sanh duyên có Bất tương ưng 3 (câu),... Hiện hữu 3,... Bất ly 3.
* Có cả Hậu sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3

Phần cố hưởng căn

647.

* Cố hưởng duyên có Vô gián 3 (câu),... Liên tiếp 3,... Cận y 3,... Vô hữu 3,... Ly 3.
* Có cả Cố hưởng, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu, Ly: 3.

Phần nghiệp căn

648.

Nghiệp duyên có Vô gián 1 (câu),... Liên tiếp 1,... Đồng sanh 7,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 7,... Cận y 2,... Quả 1,... Thực 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 7,... Vô hữu 1,... Ly 1,... Bất ly 7.

649.

* Có cả Nghiệp, Cận y: 2.
* ... Nghiệp, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu, Ly: 1.
* ... Nghiệp, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Nghiệp, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 1.

* ... Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Nghiệp, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Phần quả căn

650.

Quả duyên có Nhân 1 (câu),... Trưởng 1,... Đồng sanh 1,... Hỗ tương 1,... Y chỉ 1,... Nghiệp 1,... Thực 1,... Quyền 1,... Thiền 1,... Đạo 1,... Tương ưng 1,... Bất tương ưng 1,... Hiện hữu 1,... Bất ly 1.

651.

* Có cả quả, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 1 (câu)
* ... Quả, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quả, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quả, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quả, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Phần thực căn

652.

Thực duyên có Trưởng 7 (câu),... Đồng sanh 7,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 7,... Nghiệp 7,... Quả 1,... Quyền 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 7,... Bất ly 7.

653.

* Có cả Thực, Hiện hữu, Bất ly: 7 (câu).
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Nghiệp, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Nghiệp, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 7
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.

* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 7
* ... Thực, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Phần quyền căn

654.

Quyền duyên có Nhân: 4 (câu),... Trưởng 7,... Đồng sanh 7,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 7,... Tiền sanh 1,... Quả 1,... Thực 7,... Thiền 7,... Đạo 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 7,... Bất ly 7.

655.

* Có cả Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 7 (câu).
* ... Quyền, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Quyền, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 7
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 7.

* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 7
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 7
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 7
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 7
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.

* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 4.
* ... Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Quyền, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Quyền, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 4.
* ... Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Phần thiền căn

656.

Thiền duyên có Đồng sanh 7,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 7,... Quả 1,... Quyền 7,... Đạo 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 7,... Bất ly 7.

657.

* Có cả Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 7 (câu)
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, quả,Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 7
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1

* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 7
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 7
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Phần đạo căn

658.

Đạo duyên có Nhân: 4 (câu)...Trưởng 7,... Đồng sanh 7,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 7,... Quả 1,... Quyền 7,... Thiền 7,... Đạo 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 7,... Bất ly 7.

659.

* Có cả: Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 7 (câu).
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.

* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Tương tế, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 4.
* ... Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Đạo, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Đạo, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 4.
* ... Đạo, Nhân,Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.

* ... Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Cận y, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Tương ưng căn

660.

Tương ưng duyên có Nhân: 3 (câu),... Trưởng 3,... Đồng sanh 3,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 3,... Nghiệp 3,... Quả 1,... Thực 3,... Quyền 3,... Thiền 3,... Đạo 3,... Hiện hữu 3,... Bất ly 3.

661.

Có cả Tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3 (câu),
... Tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Bất tương ưng căn

662.

Bất tương ưng có Nhân 3,... Cảnh 3,... Trưởng 4,... Đồng sanh 3,... Hỗ tương 1,... Y chỉ 5,... Cận y 1,... Tiền sanh 3, Hậu sanh duyên,… Nghiệp duyên,… Quả duyên,… Thực duyên,… Quyền duyên,... Thiền 3,... Đạo 3,... Hiện hữu 5,... Bất ly 5.

663.

* Có cả: Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 5 (câu),
* ... Bất tương ưng, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 5,
* ... Bất tương ưng, Trưởng, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 4,
* ... Bất tương ưng, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 3,
* ... Bất tương ưng, Hậu sanh, Hiện hữu, Bất ly: 3,
* ... Bất tương ưng, Y chỉ, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly: 3,
* ... Bất tương ưng, Cảnh, Y chỉ, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly: 3,
* ... Bất tương ưng, Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly: 1,
* ... Bất tương ưng, Y chỉ, Tiền sanh, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1,
* ... Bất tương ưng, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3,
* ... Bất tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 1,
* ... Bất tương ưng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1,
* ... Bất tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Hiện hữu căn

664.

Hiện hữu duyên có Nhân: 7 (câu),... Cảnh 3,... Trưởng 8,... Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13,... Cận y 1, Tiền sanh 3,... Hậu sanh 3,... Nghiệp 7,... Quả 1,... Thực 7,... Quyền 7,... Thiền 7,... Đạo 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 5,... Bất ly 13.

665.

* Có cả: Hiện hữu, Bất ly: 13.
* ... Hiện hữu, Y chỉ, Bất ly: 13.
* ... Hiện hữu, Trưởng, Bất ly: 8.

* ... Hiện hữu, Trưởng Y chỉ, Bất ly: 8.
* ... Hiện hữu, Thực, Bất ly: 7.
* ... Hiện hữu, Quyền, Bất ly: 7.
* ... Hiện hữu, Y chỉ, Quyền, Bất ly: 7.
* ... Hiện hữu, Bất tương ưng, Bất ly: 5.
* ... Hiện hữu, Y chỉ, Bất tương ưng, Bất ly: 5.
* ... Hiện hữu, Trưởng, Y chỉ, Bất tương ưng, Bất ly: 4.
* ... Hiện hữu, Trưởng, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Bất ly: 3.
* ... Hiện hữu, Hậu sanh, Bất tương ưng, Bất ly: 3.
* ... Hiện hữu, Tiền sanh, Bất ly: 3.
* ... Hiện hữu, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Bất ly: 3.
* ... Hiện hữu, Cảnh, Tiền sanh, Bất ly: 3.
* ... Hiện hữu, Cảnh, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Bất ly: 3.
* ... Hiện hữu, Cảnh, Trưởng, Cận y, Tiền sanh, Bất ly: 1.
* ... Hiện hữu, Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Bất tương ưng, Bất ly: 1.
* ... Hiện hữu, Y chỉ, Tiền sanh, Quyền, Bất tương ưng, Bất ly: 1.

Vựng tập danh (Pakiṇṇakaṃ nāma imaṃ)

666.

* Có cả: Hiện hữu, Đồng sanh, Y chỉ, Bất ly: 9.
* ... Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Bất ly: 3.
* ... Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Bất ly: 3.
* ... Hiện hữu, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng Bất ly: 3.
* ... Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Bất tương ưng, Bất ly: 1.
* ... Hiện hữu, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất ly: 1.
* ... Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất ly: 1.
* ... Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Bất ly: 1.
* ... Hiện hữu, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Bất ly: 1.
* ... Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Bất ly: 1.

Vô hữu căn

667.

Vô hữu duyên có Vô gián: 7 (câu),... Liên tiếp 7,... Cận y 7,... Cố hưởng 3,... Nghiệp 1,... Ly 7.

668.

* Có cả: Vô hữu, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Ly: 7 (câu).
* ... Vô hữu, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Cố hưởng, Ly: 3.
* ... Vô hữu, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Nghiệp, Ly: 1.

Ly căn (vigatamūlakaṃ)

669.

Ly duyên có Vô gián: 7 (câu),... Liên tiếp 7,... Cận y 7, Cố hưởng 3,... Nghiệp 1,... Vô hữu 7.

670.

* Có cả: Y, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu: 7 (câu),
* ... Ly, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Cố hưởng, Vô hữu: 3,

* ... Ly, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Nghiệp, Vô hữu: 1.

Bất ly căn (avigatamūlakaṃ)

671.

Bất ly duyên có Nhân 7 (câu),... Cảnh 3,... Trưởng, 8,... Đồng sanh 9,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 13,... Cận y 1,... Tiền sanh 3,... Hậu sanh 3,... Nghiệp 7,... Quả 1,... Thực 7,... Quyền 7,... Thiền 7,... Đạo 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 5,... Hiện hữu 13.

672.

* Có cả: Bất ly, Hiện hữu: 13 (câu),
* ... Bất ly, Y chỉ, Hiện hữu: 13,
* ... Bất ly, Trưởng, Hiện hữu: 8,
* ... Bất ly, Trưởng, Y chỉ, Hiện hữu: 8,
* ... Bất ly, Thực, Hiện hữu: 7,
* ... Bất ly, Quyền, Hiện hữu: 7,
* ... Bất ly, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu: 7,
* ... Bất ly, Bất tương ưng, Hiện hữu: 5,
* ... Bất ly, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu: 5,
* ... Bất ly, Trưởng, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu: 4,
* ... Bất ly, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu: 3,
* ... Bất ly, Hậu sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu: 3,
* ... Bất ly, Tiền sanh, Hiện hữu: 3,
* ... Bất ly, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu: 3,
* ... Bất ly, Cảnh, Tiền sanh, Hiện hữu: 3,
* ... Bất ly, Cảnh, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu: 3,
* ... Bất ly, Cảnh, Trưởng, Cận y, Tiền sanh, Hiện hữu: 1,
* ... Bất ly, Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu: 1,
* ... Bất ly, Y chỉ, Tiền sanh, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu: 1.

Vựng tập danh (Pakiṇṇakaṃ nāma imaṃ)

673. Có cả:

* Bất ly, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu: 9 (câu),
* ... Bất ly, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu: 3,
* ... Bất ly, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu: 3,
* ... Bất ly, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu: 3,
* ... Bất ly, Đồng sanh, Hỗ tương,Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu: 1,
* ... Bất ly, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu: 1,
* ... Bất ly, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu: 1,
* ... Bất ly, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu: 1,
* ... Bất ly, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu: 1,
* ... Bất ly, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu: 1.

Dứt phần điểm duyên theo thuận (anulomagaṇanā)

Rút ngược nơi vấn đề (Pañhāvārassa paccanīya uddhāro)

674.

* Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Cảnh duyên ... bằng Đồng sanh duyên,... bằng Cận y duyên,

- ∗ Pháp thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cảnh duyên,... bằng Cận y duyên.
- ∗ Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Hậu sanh duyên... bằng Nghiệp duyên.
- ∗ Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Đồng sanh duyên.

675.

- ∗ Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cảnh duyên... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên.
- ∗ Pháp bất thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Cảnh duyên... bằng Cận y duyên.
- ∗ Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Cảnh duyên... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Hậu sanh duyên... bằng Nghiệp duyên.
- ∗ Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Đồng sanh duyên.

676.

- ∗ Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô Ký bằng Cảnh duyên... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Tiền sanh duyên... bằng Hậu sanh duyên... bằng Thực duyên... bằng Quyền duyên.
- ∗ Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Cảnh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Tiền sanh duyên.
- ∗ Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cảnh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Tiền sanh duyên.

677.

- ∗ Pháp thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Đồng sanh, bằng Tiền sanh.
- ∗ Pháp thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Đồng sanh, Hậu sanh, Thực, Quyền.

678.

- ∗ Pháp bất thiện và vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Đồng sanh, bằng Tiền sanh.
- ∗ Pháp bất thiện và vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Đồng sanh, bằng Hậu sanh, bằng Thực, bằng Quyền.

Dứt phần rút ngược nơi vấn đề, đếm ngược nơi vấn đề

B/. Đếm đối lập nơi vấn đề

Phần phi nhân căn

679.

Phi Nhân có 15, phi Cảnh có 15, phi Trưởng có 15, phi Vô gián có 15, phi Liên tiếp có 15, phi Đồng sanh có 11, phi Hỗ tương có 11, phi Y chỉ có 11, phi Cận y có 15, phi Tiền sinh có 13, phi Hậu sinh có 15, phi Cố hưởng có 15, phi nghiệp có 15, phi Quả có 15, phi Thực có 15, phi Quyền có 15, phi Thiền có 15, phi Đạo có 15, phi Tương ưng có 11, phi Bất tương ưng có 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu có 15, phi Ly có 15, phi Bất ly có 9.

680.

Phi Nhân duyên có phi Cảnh trong 15 câu,... phi Trưởng 15, phi Vô gián 15, phi Liên tiếp 15, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 15, phi Tiền sinh 13, phi Hậu sinh 15, phi Cố hưởng 15, phi Nghiệp 15, phi Quả 15, phi Thực 15, phi Quyền 15, phi Thiền 15, phi Đạo 15, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu có 15, phi Ly 15, phi Bất ly 9.

681.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có phi Trưởng 15,... phi Vô gián 15, phi Liên tiếp 15, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 13, phi Tiền sinh 13, phi Hậu sinh 15, phi Cố hưởng 15, phi Nghiệp 15, phi Quả 15, phi Thực 15, phi Quyền 15, phi Thiền 15, phi Đạo 15, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu có 15, phi Ly 15, phi Bất ly 9.

682.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên có phi Đồng sanh 11,... phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 1, phi Cận y 13, phi Tiền sinh 13, phi Hậu sinh 15, phi Cố hưởng 15, phi Nghiệp 15, phi Quả 15, phi Thực 15, phi Quyền 15, phi Thiền 15, phi Đạo 15, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu có 15, phi Ly 15, phi Bất ly 9.

683.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên có phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 7, phi Tiền sinh 11, phi Hậu sinh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu có 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

684.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên có phi Y chỉ 11,... phi Cận y 7, phi Tiền sinh 11, phi Hậu sinh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu có 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

685.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương, phi Y chỉ duyên có phi Cận y 5,... phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

686.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên có phi Tiền sanh trong 5 (câu),... phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5, phi Bất ly 2.

687.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh có phi Hậu sanh 3,... phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5, phi Bất ly 2.

688.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, tóm tắt,... phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, có phi Cố hưởng trong 3 (câu),... phi Nghiệp 1, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi

Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3, phi Bất ly 3.

689.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên,... tóm tắt,... phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, có phi Quả 1,... phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

690.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên... phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Thiền duyên, có phi Đạo trong 1 (câu),... phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

691.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Thực duyên, phi Thiền duyên, có phi Đạo 1,... phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

692.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên,... phi Thực duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên có phi Ly 1.

693.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên,... phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Quyền duyên có phi Thiền 1,... phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

694.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên... phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên có phi Ly trong 1 (câu).

Dứt phần phi nhân căn.

Phần phi cảnh căn

695.

Phi Cảnh duyên có phi Nhân 15,... phi Trưởng 15, phi Vô gián 15, phi Liên tiếp 5, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 13, phi Hậu sanh 15, phi Cố hưởng 15, phi Nghiệp 15, phi Quả 15, phi Thực 15, phi Quyền 15, phi Thiền 15, phi Đạo 15, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 15, phi Ly 15, phi Bất ly 9.

696.

Phi Cảnh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên có phi Hỗ tương 11,... phi Y chỉ 11, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

Nên phân rộng như phần phi nhân căn *(na hetumūlakaṃ)*

Phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên cũng như phần phi nhân căn.

Phần phi đồng sanh căn

697.

Phi Đồng sanh duyên có phi Nhân 11,... phi Cảnh 11, phi Trưởng 11, phi Vô gián 11, phi Liên tiếp 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

698.

Phi Đồng sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 11,... phi Vô gián 11, phi Liên tiếp 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

Phi Đồng sanh duyên cùng phi Nhân duyên,... tóm tắt...

Phần phi hỗ tương căn

699.

Phi Hỗ tương duyên có phi Nhân 11,... phi Cảnh 11, phi Trưởng 11, phi Vô gián 11, phi Liên tiếp 11, phi Đồng sanh 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 11, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 11, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

700.

Phi Hỗ tương duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 11,... phi Vô gián 11, phi Liên tiếp 11, phi Đồng sanh 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 11, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

701.

Phi Hỗ tương duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên có phi Y chỉ 11,... phi Cận y 7, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9. ... tóm tắt.

Phần phi y chỉ căn

702.

Phi Y chỉ duyên có phi Nhân 11,... phi Cảnh 11, phi Trưởng 11, phi Vô gián 11, phi Liên tiếp 11, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Cận y 11, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

703.

Phi Y chỉ duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 11,... phi Vô gián 11, phi Liên tiếp 11, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

704.

Phi Y chỉ duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên có phi Tiền sanh trong 5 (câu),... phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5, phi Bất ly 2. ….tóm tắt.

Phần phi cận y căn

705.

Phi Cận y duyên có phi Nhân 15,... phi Cảnh 13, phi Trưởng 15, phi Vô gián 15, phi Liên tiếp 15, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Tiền sanh 13, phi Hậu sanh 15, phi Cố hưởng 15, phi Nghiệp 15, phi Quả 15, phi Thực 15, phi Quyền 15, phi Thiền 15, phi Đạo 15, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 15, phi Ly 15, phi Bất ly 9.

706.

Phi Cận y duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 13,... phi Vô gián 13, phi Liên tiếp 13, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 5, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 13, phi Quả 13, phi Thực 13, phi Quyền 13, phi Thiền 13, phi Đạo 13, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 5, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 13, phi Ly 13, phi Bất ly 2.

707.

Phi Cận y duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên có phi Hỗ tương 7,... phi Y chỉ 5, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 2.

708.

Phi Cận y duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên có phi Y chỉ 5,... phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 2.

709.

Phi Cận y duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, có phi Tiền sanh 5,... phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5, phi Bất ly 2.... tóm tắt.

Phần phi tiền sanh căn

710.

Phi Tiền sanh duyên có phi Nhân 13,... phi Cảnh 13, phi Trưởng 13, phi Vô gián 13, phi Liên tiếp 13, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 13, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 13, phi Quả 13, phi Thực 13, phi Quyền 13, phi Thiền 13, phi Đạo 13, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 13, phi Ly 13, phi Bất ly 9.

711.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 13,... phi Vô gián 13, phi Liên tiếp 13, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 9, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 13, phi Quả 13, phi Thực 13, phi Quyền 13, phi Thiền 13, phi Đạo 13, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 13, phi Ly 13, phi Bất ly 9.

712.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên có phi Hỗ tương 11,... phi Y chỉ 11, phi Cận y 5, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

713.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên có phi Cận y 5,... phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

714.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên,... tóm tắt. Phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên có phi Hậu sanh 3,... phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5, phi Bất ly 2.

Phần phi hậu sanh căn

715.

Phi Hậu sanh duyên có phi Nhân 15,... phi Cảnh 15, phi Trưởng 15, phi Vô gián 15, phi Liên tiếp 15, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 9, phi Cận y 15, phi Tiền sanh 13, phi Cố hưởng 15, phi Nghiệp 15, phi Quả 15, phi Thực 15, phi Quyền 15, phi Thiền 15, phi Đạo 15, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 15, phi Ly 15, phi Bất ly 9.

716.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 15,... phi Vô gián 15, phi Liên tiếp 15, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 9, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 13, phi Cố hưởng 15, phi Nghiệp 15, phi Quả 15, phi Thực 15, phi Quyền 15, phi Thiền 15, phi Đạo 15, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 15, phi Ly 15, phi Bất ly 9.

717.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên có phi Hỗ tương 9,... phi Y chỉ 9, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9.

718.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên có phi Cận y 3,... phi Tiền sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi

Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9.

719.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên,... tóm tắt, phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên có phi Tiền sanh 3,... phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 1, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3, phi Bất ly 2,... tóm tắt.

Phi Cố hưởng duyên cũng như phi Nhân duyên.

Phần phi nghiệp căn

720.

Phi Nghiệp duyên có phi Nhân 15,... phi Cảnh 15, phi Trưởng 15, phi Vô gián 15, phi Liên tiếp 15, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 15, phi Tiền sanh 13, phi Hậu sanh 15, phi Cố hưởng 15, phi Quả 15, phi Thực 15, phi Quyền 15, phi Thiền 15, phi Đạo 15, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 15, phi Ly 15, phi Bất ly 9.

721.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 15,... tóm tắt,... phi Cận y 13, phi Tiền sanh 13, phi Hậu sanh 15, tóm tắt,... phi Bất ly 9.

722.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên,... tóm tắt,... phi Y chỉ duyên có phi Cận y 5,... phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11,... tóm tắt,... phi Bất ly 9.

723.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên,... tóm tắt..., phi Cận y duyên có phi Tiền sanh 5,... phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

724.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên, tóm tắt,... phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên có phi Cố hưởng 1,... phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1,... tóm tắt.

Phi Quả duyên như phần phi nhân căn.

Phần phi thực căn

725.

Phi Thực duyên có phi Nhân 15,... phi Cảnh 15, phi Trưởng 15, phi Vô gián 15, phi Liên tiếp 15, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 15, phi Tiền sanh 13,... tóm tắt,... phi Bất ly 9.

726.

Phi Thực duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 15,... tóm tắt,... phi Cận y 13,... tóm tắt,... phi Bất ly 9.

727.

Phi Thực duyên cùng phi Nhân duyên... tóm tắt,... phi Đồng sanh duyên có phi Hỗ tương 11,... phi Y chỉ 11, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Quyền 9, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

728.

Phi Thực duyên cùng phi Nhân duyên, tóm tắt,... phi Y chỉ duyên có phi Cận y 5,... phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

729.

Phi Thực duyên cùng phi Nhân duyên, tóm tắt,... phi Cận y duyên có phi Tiền sanh 5,... phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Quyền 3, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5, phi Bất ly 2.

730.

Phi Thực duyên cùng phi Nhân duyên,... tóm tắt..., phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên có phi Cố hưởng 3,... phi Nghiệp 1, phi Quả 3, phi Quyền 2, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 2, phi Bất ly 2.

731.

Phi Thực duyên cùng phi Nhân duyên, tóm tắt,..., phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên có phi Quả trong 1 (câu),... phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

732.

Phi Thực duyên cùng phi Nhân duyên,... tóm tắt ..., phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên có phi Tương ưng 1,... phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Phần phi quyền căn

733.

Phi Quyền duyên có phi Nhân 15,... phi Cảnh 15, tóm tắt,... phi Bất ly 9.

734.

Phi Quyền duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên tóm tắt,... có phi Cận y 13... tóm tắt,... phi Bất ly 9.

735.

Phi Quyền duyên cùng phi Nhân duyên... tóm tắt ..., phi Đồng sanh duyên có phi Hỗ tương 11,... phi Y chỉ 11, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 9, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

736.

Phi Quyền duyên cùng phi Nhân duyên, tóm tắt,... phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên có phi Tiền sanh 11,... phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 9, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

737.

Phi Quyền duyên cùng phi Nhân duyên,... tóm tắt,... phi Cận y duyên có phi Tiền sanh 5,... phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 3...

Nên sắp rộng, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên có phi Cố hưởng 3,... phi Nghiệp 1, phi Quả 3, phi Thực 2, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3, phi Bất ly 2.

738.

Phi Quyền duyên cùng phi Nhân duyên,... tóm tắt,... phi Nghiệp duyên có phi Quả 1,... phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

739.

* Phi Quyền duyên cùng phi Nhân duyên,... tóm tắt,... phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên có phi Ly 1.
* Phi Thiền duyên, phi Đạo duyên nên sắp rộng cũng như phần phi nhân căn *(na Hetumūlakaṃ)*
* Phi Tương ưng duyên nên sắp rộng cũng như phần phi nhân căn.

Phần phi bất tương ưng căn

740.

Phi Bất tương ưng duyên có phi Nhân 9,... phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 9, phi Y chỉ 9, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9.

741.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 9,... phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 9, phi Y chỉ 9, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly có 9.

742.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên có phi Cận y 3,... phi Tiền sanh 9,... tóm tắt..., phi Bất ly 9.

743.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên,... phần căn tóm tắt…, phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên có phi Tiền sanh 3,... phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 1, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3, phi Bất ly 2.

744.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên,... phần căn tóm tắt…, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Quyền duyên có phi Thiền 1,... phi Ly 1.

Phần phi hiện hữu căn

745.

Phi Hiện hữu duyên có phi Nhân 9,... phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 9, phi Y chỉ 9, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9.

746.

Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Y chỉ 9,... Cận y 2.

747.

Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên có phi Cận y 2, phi Tiền sanh 9, phi Bất ly 9.

748.

Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên,... phần căn tóm tắt..., phi Cận y duyên có phi Tiền sanh 2,... phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Quyền 2, phi Thiền 2, phi Đạo 2, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2, phi Bất ly 2.

749.

Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên,... phần căn tóm tắt..., phi Cố hưởng duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên có phi Bất ly 2.

750.

Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên,... tóm tắt..., phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, phi Bất tương ưng duyên có phi Vô hữu 2, phi Ly 2, phi Bất ly 2.

751.

∗ Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên, phi Ly duyên có phi Bất ly 2.
∗ Phi Vô hữu duyên có phi Nhân 15,... tóm tắt….
∗ Phi Vô hữu và phi Ly cũng như phi Nhân duyên.
∗ Phi Ly duyên có phi Nhân 15,... tóm tắt….
∗ Phi Bất ly có phi Nhân 9,... phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Ly 9.
∗ Phi Bất ly duyên như phi Hiện hữu duyên.

Dứt cách đếm theo nghịch trong phần vấn đề

C/. Đếm thuận tùng - đối lập nơi vấn đề

Phần nhân căn

752.

Nhân duyên có phi Cảnh 7,... phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

753.

Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, luôn Bất ly đều có phi Cảnh 7,... phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

754.

Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, luôn Bất ly có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

755.

Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

756.
Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, luôn Bất ly có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

757.
Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

758.
Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

759.
Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

760.
Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

761.
Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

762.
Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, luôn Bất ly có phi Cảnh 4,... phi Trưởng 4, phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 4, phi Quả 4, phi Thực 4, phi Thiền 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

763.
Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Trưởng 2, phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Cận y 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Thiền 2, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2.

764.
Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Trưởng 2, phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Cận y 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Thiền 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2.

765.

Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Trưởng 2, phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Thiền 2, phi Tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2.

766.

Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

767.

Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

768.

Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

769.

Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

770.

Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

771.

Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 4,... phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 4, phi Quả 4, phi Thực 4, phi Thiền 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

772.

Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Cận y 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Thiền 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2.

773.

Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 2, ... phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Thiền 2, phi Tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2.

774.

Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

775.

Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

776.

Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần nhân căn

Phần cảnh căn

777.

Cảnh duyên có phi Nhân 9,... phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 9, phi Y chỉ 9, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9.

778.

Cảnh, Trưởng luôn Cận y có phi Nhân 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 7.

779.

Cảnh, Tiền sanh, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Nhân 3... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

780.

Cảnh, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, luôn Bất ly có phi Nhân 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

781.

Cảnh, Trưởng, Cận y, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, luôn Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

782.

Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, luôn Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Hậu

sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần cảnh căn.

Phần trưởng căn

783.

Trưởng duyên có phi Nhân 10,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 10, phi Liên tiếp 10, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 8, phi Y chỉ 7, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 10, phi Hậu sanh 10, phi Cố hưởng 10, phi nghiệp 10, phi Quả 10, phi Thực 10, phi Quyền 10, phi Thiền 10, phi Đạo 10, phi Tương ưng 8, phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Vô hữu 10, phi Ly 10, phi Bất ly 7.

784.

Trưởng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Nhân 8,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 8, phi Liên tiếp 8, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 4, phi Y chỉ 1, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 8, phi Cố hưởng 8, phi nghiệp 8, phi Quả 8, phi Thực 8, phi Quyền 8, phi Thiền 8, phi Đạo 8, phi Tương ưng 4, phi Bất tương ưng 4, phi Vô hữu 8, phi Ly 8.

785.

Trưởng, Y chỉ, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Nhân 8,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 8, phi Liên tiếp 8, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 4, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 8, phi Cố hưởng 8, phi nghiệp 8, phi Quả 8, phi Thực 8, phi Quyền 8, phi Thiền 8, phi Đạo 8, phi Tương ưng 4, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 8, phi Ly 8.

786.

Trưởng, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Nhân 4,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 4, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 4, phi Quả 4, phi Thực 4, phi Quyền 4, phi Thiền 4, phi Đạo 4, phi Tương ưng 4, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

787.

Trưởng, Cảnh, Cận y có phi Nhân 7,... phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 7.

788.

Trưởng, Cảnh, Cận y, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

789.

Trưởng, Cảnh, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

790.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

791.

Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

792.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

793.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

794.

Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

795.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

796.

Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

797.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

798.

Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

799.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

800.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1,

phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

801.

Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

802.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

803.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Thiền 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

804.

Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Thiền 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

805.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Thiền 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

806.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

807.

Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

808.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

809.

Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 4,... phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh

4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 4, phi Quả 4, phi Thực 4, phi Thiền 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

810.

Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Cận y 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Thiền 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2.

811.

Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Thiền 2, phi Tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2.

812.

Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

813.

Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

814.

Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần trưởng căn.

Phần vô gián căn

815.

Vô gián duyên có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Bất ly 7.

816.

Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu, Ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Bất ly 7.

817.

Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Cố hưởng, Vô hữu, Ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 3, phi Bất ly 3.

818.

Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Nghiệp, Vô hữu, Ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Hiện hữu 1, phi Bất ly 1.

Dứt phần vô gián căn

Phần liên tiếp căn

819.

Liên tiếp duyên có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Bất ly 7.

820.

Liên Tiếp, Vô gián, Cận y, Vô hữu, Ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Bất ly 7.

821.

Liên Tiếp, Vô gián, Cận y, Cố hưởng, Vô hữu, Ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 3, phi Bất ly 3.

822.

Liên Tiếp, Vô gián, Cận y, Nghiệp, Vô hữu, Ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Hiện hữu 1, phi Bất ly 1.

Dứt phần liên tiếp căn

Phần đồng sanh căn

823.

Đồng sanh duyên có phi Nhân 9,... phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

824.

Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 9,... phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

825.

Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

826.

Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

827.

Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

828.

Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

829.

Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

830.

Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

831.

Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

832.

Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

833.

Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần đồng sanh căn

Phần hỗ tương căn

834.

Hỗ tương duyên có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

835.

Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly, có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

836.

Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

837.

Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

838.

Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

839.

Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

840.

Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần hỗ tương căn

Phần y chỉ căn

841.

Y chỉ duyên có phi Nhân 13,... phi Cảnh 13, phi Trưởng 13, phi Vô gián 13, phi Liên tiếp 13, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 7, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 13, phi Quả 13, phi Thực 13, phi Quyền 13, phi Thiền 13, phi Đạo 13, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 13, phi Ly 13.

842.

Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 13,... phi Cảnh 13, phi Trưởng 13, phi Vô gián 13, phi Liên tiếp 13, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 7, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 13, phi Quả 13, phi Thực 13, phi Quyền 13, phi Thiền 13, phi Đạo 13, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 13, phi Ly 13.

843.

Y chỉ, Trưởng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 8,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 8, phi Liên tiếp 8, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 4, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 8, phi Cố hưởng 8, phi nghiệp 8, phi Quả 8, phi Thực 8, phi Quyền 8, phi Thiền 8, phi Đạo 8, phi Tương ưng 4, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 8, phi Ly 8.

844.

Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

845.

Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 5,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 5, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

846.

Y chỉ, Trưởng, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 4,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 4, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 4, phi Quả 4, phi Thực 4, phi Quyền 4, phi Thiền 4, phi Đạo 4, phi Tương ưng 4, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

847.

Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

848.

Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

849.

Y chỉ, Cảnh, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

850.

Y chỉ, Cảnh, Trưởng, Cận y, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

851.

Y chỉ, Tiền sanh, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

852.

Y chỉ, Đồng sanh, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 9,... phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9,

phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

853.

Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

854.

Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

855.

Y chỉ, Đồng sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3, phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

856.

Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

857.

Y chỉ, Đồng sanh, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

858.

Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

859.

Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

860.

Y chỉ, Đồng sanh, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly, có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

861.

Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1,

phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần y chỉ căn

Phần cận y căn

862.

Cận y duyên có phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 9, phi Y chỉ 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9.

863.

Cận y, Cảnh, Trưởng, có phi Nhân 7,... phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 7.

864.

Cận y, Cảnh, Trưởng, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

865.

Cận y, Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

866.

Cận y, Vô gián, Liên tiếp, Vô hữu, Ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Bất ly 7.

867.

Cận y, Vô gián, Liên tiếp, Cố hưởng, Vô hữu, Ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 3, phi Bất ly 3.

868.

Cận y, nghiệp có phi Nhân 2,... phi Cảnh 2, phi Trưởng 2, phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Đồng sanh 2, phi Hỗ tương 2, phi Y chỉ 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Quyền 2, phi Thiền 2, phi Đạo 2, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2, phi Bất ly 2.

869.

Cận y, Vô gián, Liên tiếp, Nghiệp, Vô hữu, Ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Hiện hữu 1, phi Bất ly 1.

Dứt phần cận y căn.

Phần tiền sanh căn

870.

Tiền sanh duyên có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

871.

Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

872.

Tiền sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

873.

Tiền sanh, Cảnh, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

874.

Tiền sanh, Cảnh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

875.

Tiền sanh, Cảnh, Trưởng, Cận y, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

876.

Tiền sanh, Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Cận y, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

877.

Tiền sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần tiền sanh căn.

Phần hậu sanh căn

878.

Hậu sanh duyên có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi

Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

879.

Hậu sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt phần hậu sanh căn

Phần cố hưởng căn

880.

Cố hưởng duyên có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 3, phi Bất ly 3.

881.

Cố hưởng, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu, Ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 3, phi Bất ly 3.

Dứt phần cố hưởng căn

Phần nghiệp căn

882.

Nghiệp duyên có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 2, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 2, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Quả 7, phi Thực 2, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 5, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 2.

883.

Nghiệp, Cận y có phi Nhân 2,... phi Cảnh 2, phi Trưởng 2, phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Đồng sanh 2, phi Hỗ tương 2, phi Y chỉ 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Quyền 2, phi Thiền 2, phi Đạo 2, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2, phi Bất ly 2.

884.

Nghiệp, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu, Ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Hiện hữu 1, phi Bất ly 1.

885.

Nghiệp, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Quả 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

886.

Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi

Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

887.

Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

888.

Nghiệp, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

889.

Nghiệp, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

890.

Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

891.

Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

892.

Nghiệp, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

893.

Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1, phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần nghiệp căn.

Phần quả căn

894.

Quả duyên có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

895.

Quả, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

896.

Quả, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

897.

Quả, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

898.

Quả, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

899.

Quả, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần quả căn.

Phần thực căn

900.

Thực có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 1, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

901.

Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 1, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

902.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

903.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 1.

904.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

905.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo, phi Tương ưng, phi Vô hữu, phi Ly 3.

906.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

907.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

908.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

909.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

910.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

911.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Nghiệp, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Quả 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

912.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

913.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

914.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Nghiệp, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

915.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

916.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

917.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

918.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

919.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

920.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

921.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

922.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền

sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

923.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

924.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

925.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

926.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

927.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

928.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

929.

Thực, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

930.

Thực, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3, phi Cảnh 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

931.

Thực, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền

sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

932.

Thực, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

933.

Thực, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

934.

Thực, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần thực căn.

Phần quyền căn

935.

Quyền duyên có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 1, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

936.

Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 1, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

937.

Quyền, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

938.

Quyền, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

939.

Quyền, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

940.

Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

941.

Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

942.

Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

943.

Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

944.

Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

945.

Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

946.

Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

947.

Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

948.

Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

949.

∗ Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7, phi Cảnh 7, tóm tắt,... phi Ly 7.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3... tóm tắt,... phi Ly 3.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3... tóm tắt,... phi Ly 3.
∗ Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3... tóm tắt,... phi Ly 3.
∗ Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1 tóm tắt,... phi Ly 1.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1 tóm tắt,... phi Ly 1.
∗ Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1 tóm tắt,... phi Ly 1.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
∗ Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7... tóm tắt,... phi Ly 7.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3 ... tóm tắt... phi Ly 3.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
∗ Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
∗ Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
∗ Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
∗ Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
∗ Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
∗ Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.

* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 4,... phi Ly 4.

∗ Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Ly 2.
∗ Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Ly 2.
∗ Quyền, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Ly 2.
∗ Quyền, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
∗ Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
∗ Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
∗ Quyền, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
∗ Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.

950.

Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 4,... phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 4, phi Quả 4, phi Thực 4, phi Thiền 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

951.

Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Cận y 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Thiền 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2.

952.

Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Thiền 2, phi Tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2.

953.

Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

954.

Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

955.

Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần quyền căn.

Phần thiền căn

956.

Thiền duyên có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 7, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

957.

∗ Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7, tóm tắt,... phi Ly 7.
∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
∗ Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
∗ Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
∗ Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
∗ Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương,Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
∗ Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
∗ Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
∗ Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
∗ Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
∗ Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.

* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1, ... phi Ly 1.

Dứt phần thiền căn

Phần đạo căn

958.

Đạo duyên có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 7, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

959.

* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7, tóm tắt,... phi Ly 7.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.

* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Quả, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.

* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
* Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 4,... phi Ly 4.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Ly 2.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Ly 2.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Ly 2.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 4,... phi Ly 4.
* Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Ly 2.
* Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Ly 2.
* Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.

* Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.

Dứt phần đạo căn

Phần tương ưng căn

960.

Tương ưng duyên có phi Nhân 3... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

961.

* Tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3... tóm tắt,... phi Ly 3.
* Tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.

Phần bất tương ưng căn

962.

Bất tương ưng duyên có phi Nhân 5,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 5, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 5, phi Y chỉ 3, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

963.

Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 5... phi Cảnh 5, phi Trưởng 5, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Đồng sanh 5, phi Hỗ tương 5, phi Y chỉ 3, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

964.

Bất tương ưng, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 5... phi Cảnh 5, phi Trưởng 5, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

965.

Bất tương ưng, Trưởng, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 4,... phi Cảnh 4, phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 4, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 4, phi Quả 4, phi Thực 4, phi Quyền 4, phi Thiền 4, phi Đạo 4, phi Tương ưng 4, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

966.

Bất tương ưng, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

967.

Bất tương ưng, Hậu sanh, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

968.

Bất tương ưng, Y chỉ, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

969.

Bất tương ưng, Cảnh, Y chỉ, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

970.

Bất tương ưng, Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

971.

Bất tương ưng, Y chỉ, Tiền sanh, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

972.

Bất tương ưng, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

973.

Bất tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

974.

Bất tương ưng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

975.

Bất tương ưng, Cảnh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly... tóm tắt..., phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

976.

Bất tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Phần hiện hữu căn

977.

Hiện hữu duyên có phi Nhân 13,... phi Cảnh 13, phi Trưởng 13, phi Vô gián 13, phi Liên tiếp 13, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 13, phi Quả 13, phi Thực 13, phi Quyền 13, phi Thiền 13, phi Đạo 13, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 5, phi Vô hữu 13, phi Ly 13.

978.

Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 13,... phi Cảnh 13, phi Trưởng 13, phi Vô gián 13, phi Liên tiếp 13, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 13, phi Quả 13, phi Thực 13, phi Quyền 13, phi Thiền 13, phi Đạo 13, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 5, phi Vô hữu 13, phi Ly 13.

979.

Hiện hữu, Y chỉ, Bất ly có phi Nhân 13,... phi Cảnh 13, phi Trưởng 13, phi Vô gián 13, phi Liên tiếp 13, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 7, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 13, phi Quả 13, phi Thực 13, phi Quyền 13, phi Thiền 13, phi Đạo 13, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 13, phi Ly 13.

980.

Hiện hữu, Trưởng, Bất ly có phi Nhân 8,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 8, phi Liên tiếp 8, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 4, phi Y chỉ 1, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 8, phi Cố hưởng 8, phi nghiệp 8, phi Quả 8, phi Thực 8, phi Quyền 8, phi Thiền 8, phi Đạo 8, phi Tương ưng 4, phi Bất tương ưng 4, phi Vô hữu 8, phi Ly 8.

981.

Hiện hữu, Trưởng, Y chỉ, Bất ly có phi Nhân 8,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 8, phi Liên tiếp 8, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 4, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 8, phi Cố hưởng 8, phi nghiệp 8, phi Quả 8, phi Thực 8, phi Quyền 8, phi Thiền 8, phi Đạo 8, phi Tương ưng 4, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 8, phi Ly 8.

982.

Hiện hữu, Thực, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 1, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

983.

Hiện hữu, Quyền, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 1, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

984.

Hiện hữu, Y chỉ, Quyền, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

985.

Hiện hữu, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 5,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 5, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Đồng sanh 5, phi Hỗ tương 5, phi Y chỉ 3, phi Cận y 5, phi

Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

986.

Hiện hữu, Y chỉ, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 5,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 5, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

987.

Hiện hữu, Trưởng, Y chỉ, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 4,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 4, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 4, phi Quả 4, phi Thực 4, phi Quyền 4, phi Thiền 4, phi Đạo 4, phi Tương ưng 4, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

988.

Hiện hữu, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

989.

Hiện hữu, Hậu sanh, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

990.

Hiện hữu, Tiền sanh, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

991.

Hiện hữu, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

992.

Hiện hữu, Cảnh, Tiền sanh, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

993.

Hiện hữu, Cảnh, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

994.

Hiện hữu, Cảnh, Trưởng, Cận y, Tiền sanh, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

995.

Hiện hữu, Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

996.

Hiện hữu, Y chỉ, Tiền sanh, Quyền, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

997.

Hiện hữu, Đồng sanh, Y chỉ, Bất ly, có phi Nhân 9,... phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Hỗ tương 9, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

998.

Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Bất ly, có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

999.

Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Bất ly, có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

1000.

Hiện hữu, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Bất ly, có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

1001.

Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

1002.

Hiện hữu, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

1003.

Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

1004.

Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

1005.

Hiện hữu, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

1006.

Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Phần vô hữu, ly, bất ly căn

1007.

∗ Vô hữu duyên có phi Nhân 7.

∗ Ly duyên có phi Nhân 7.

Vô hữu duyên và Ly duyên cũng như Vô gián duyên.

∗ Bất ly duyên có phi Nhân 13.

Nên sắp rộng Bất ly duyên và Ly duyên như Hiện hữu duyên.

Trong Hiện hữu duyên, Ngài đã phân rộng như thế nào thì nên phân rộng Bất ly duyên như thế đó.

Dứt cách thuận tùng, đối lập nơi vấn đề.

D/. Đếm đối lập - thuận tùng nơi vấn đề

Phần phi nhân căn

1008.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1009.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có Trưởng 7... Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1010.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên có Vô gián 7,... Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1011.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên có Liên tiếp 7,... Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Bất ly 13.

1012.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, có Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Bất ly 13.

1013.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, có Hỗ tương 3,... Y chỉ 3, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Bất ly 7.

1014.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, có Y chỉ 3,... Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Bất ly 7.

1015.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, tóm tắt,... phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên có Cận y 9,... Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 5, Bất ly 5.

1016.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên Phần căn tóm tắt,... phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên có Hậu sanh 3,..Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 5, Bất ly 5.

1017.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phần căn tóm tắt,... phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, có Nghiệp 2,... Thực 1, Quyền 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

1018.

Phi Nhân duyên, cùng phi Cảnh duyên, phần căn tóm tắt,... phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên có Quyền 1,... Hiện hữu 1, Ly 1.

1019.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phần căn tóm tắt,... phi Thực duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương Ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên có Quyền 1,... Hiện hữu 1, Bất ly 1.

1020.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phần căn ... tóm tắt... phi Quả duyên, phi Quyền duyên, có Thực 1,... Hiện hữu 1, Bất ly 1.

1021.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phần căn ... tóm tắt... phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên có Thực 1, ... Hiện hữu 1, Bất ly 1.

Phần phi cảnh căn

1022.

Phi cảnh căn có Nhân 7,... Trưởng 7, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1023.

Phi Cảnh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, có Y chỉ 3,... Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Bất ly 7.

Phần phi trưởng căn

1024.

Phi Trưởng duyên có Nhân 7,... Cảnh 9.

Nên sắp rộng như phần phi nhân căn *(na hetumūlakaṃ).*

Phần phi vô gián căn

1025.

Phi Vô gián duyên cùng phi Liên tiếp duyên có Nhân 7,... Cảnh 9, Trưởng 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Bất ly 13.

Phần phi liên tiếp căn

1026.

Phi Liên tiếp duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên có Y chỉ 3,... Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Bất ly 7, tóm tắt.

Phần phi đồng sanh căn

1027.

Phi Đồng sanh duyên có Cảnh 9,... Trưởng 7, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Y chỉ 3, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7.

1028.

Phi Đồng sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên có Vô gián,... Liên tiếp 7, Y chỉ 3, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7.

1029.

Phi Đồng sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, có Cận y 9...Tiền sanh 9, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 5, Bất ly 5, tóm tắt.

Phần phi hỗ tương căn

1030.

Phi Hỗ tương duyên có Nhân 3,... Cảnh 9, Trưởng 8, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 5, Y chỉ 7, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7.

1031.

Phi Hỗ tương duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, có Trưởng 3,... Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 5, Y chỉ 7, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7.

1032.

Phi Hỗ tương duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên có Y chỉ 3,... Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Bất ly 7, tóm tắt.

Phần phi y chỉ căn

1033.

Phi Y chỉ duyên có Cảnh 9,... Trưởng 7, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7,Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7.

1034.

Phi Y chỉ duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên có Vô gián 7,... Liên tiếp 7, Cận y 9, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 5, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 5.

1035.

Phi Y chỉ duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên có Cận y 9,... Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 5, Bất ly 5, tóm tắt.

Phần phi cận y căn

1036.

Phi Cận y duyên có Nhân 7,... Cảnh 9, Trưởng 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Bất ly 13.

1037.

Phi Cận y duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên có Y chỉ 3,... Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Bất ly 7, tóm tắt.

Phần phi tiền sanh căn

1038.

Phi Tiền sanh duyên có Nhân 7,... Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 9, Cận y 9, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 9, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 9.

1039.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Trưởng 7,... Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 9, Cận y 9, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 9, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 9.

1040.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, có Y chỉ 9,... Cận y 9, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 5, Bất ly 5, tóm tắt.

Phần phi hậu sanh căn

1041.

Phi Hậu sanh duyên có Nhân 7,... Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1042.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, có Y chỉ 3... Cận y 9, Tiền sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1043.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, có Cận y 9,... Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, hiện hữu1, Ly 1, tóm tắt.

Phần phi cố hưởng căn

1044.

Phi Cảnh duyên có Nhân 7,... Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 5, Ly 5, Bất ly 13.

1045.

Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên có Y chỉ 3,... Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Bất ly 7, tóm tắt.

Phần phi nghiệp, phi quả căn

1046.

Phi Nghiệp duyên có Nhân 7,... Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Quả 3, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1047.

* Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên có Y chỉ

3,... Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Bất ly 7, tóm tắt.

* Phi Quả duyên có Nhân 7 (nên phân rộng như phần phi nhân căn)... Bất ly 13.

Phần phi thực căn

1048.

Phi Thực duyên có Nhân 7,... Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Quả 1, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1049.

Phi Thực duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Trưởng 7,... Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Quả 1, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1050.

Phi Thực duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, tóm tắt,... phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên có Quyền 1,... Hiện hữu 1, Bất ly 1.

Phần phi quyền căn

1051.

* Phi Quyền duyên có Nhân 7,... Cảnh 9, tóm tắt... Bất ly 13.
* Phi Quyền duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phần căn tóm tắt..... phi Quả duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên có Thực 1,... Hiện hữu 1, Ly 1.
* Phi Quyền duyên có Nghiệp 7, vấn đề như phần phi nhân căn, tóm tắt.

Phần phi thiền căn

1052.

Phi Thiền duyên có Nhân 7,.... Cảnh 9, tóm tắt,... Bất ly 13.

Phần phi thiền căn nên sắp rộng như phần phi nhân căn.

Phần phi đạo căn

1053.

Phần Đạo duyên có Nhân 7, tóm tắt,... có Bất ly 13.

Nên sắp rộng như phần phi nhân căn *(na hetumulakaṃ).*

Phần phi tương ưng căn

1054.

Phi Tương ưng duyên có Nhân 3,.... Cảnh 9, Trưởng 8, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 5, Hỗ tương 1, Y chỉ 7, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7.

1055.

Phi Tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Trưởng 3,... Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 5, Hỗ tương 1, Y chỉ 7, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố

hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7.

1056.

Phi Tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, có Y chỉ 3,.... Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Bất ly 7.

1057.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, phần căn... tóm tắt... phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên có Cận y 9,... Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 5, Bất ly 5.

1058.

Phi Tương ưng duyên, cùng phi Nhân duyên, phần căn... tóm tắt.... phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên có Hậu sanh 3,... Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 5, Bất ly 5, tóm tắt.

Phần phi bất tương ưng căn

1059.

Phi Bất tương ưng duyên có Nhân 3,... Cảnh 9, Trưởng 7, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 5, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 5, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 5.

1060.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Trưởng 3,... Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Cố hưởng 3, Nghiệp 5, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 3.

1061.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên có Đồng sanh 3,... Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Nghiệp 5, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1062.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên có Y chỉ 3,... Cận y 9, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

1063.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên, có Nghiệp 2,... Thực 1, Quyền 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

1064.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phần căn tóm tắt... phi Nghiệp duyên có Thực 1,... Quyền 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

1065.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, tóm tắt,... phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, có Quyền 1,... Hiện hữu 1, Bất ly 1.

1066.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, tóm tắt,... phi Thực duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên, có Quyền 1,... Hiện hữu 1, Bất ly 1.

1067.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phần căn tóm tắt... phi Quả duyên, phi Quyền duyên có thực 1... Hiện hữu 1, Bất ly 1.

1068.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phần căn tóm tắt... phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên, có Thực 1,... Hiện hữu 1, Bất ly 1.

Phần phi hiện hữu căn

1069.

Phi Hiện hữu duyên có Cảnh 9,... Trưởng 7, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Cận y 9, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Vô hữu 7, Ly 7,

1070.

Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Vô gián 7,... Liên tiếp 7, Cận y 9, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Vô hữu 7, Ly 7.

1071.

Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên có Cận y 9,... Nghiệp 2.

1072.

Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên, phi Bất ly duyên có nghiệp 2.

1073.

Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên, phi Bất ly duyên có Cận y 9.

Phần phi vô hữu căn

1074.

Phi Vô hữu duyên có Nhân 7, tóm tắt... Ly 13.

Nên phân rộng như phần phi nhân căn *(na hetumūlakaṃ).*

Phần phi ly căn

1075.

Phi Ly duyên có Nhân 7, tóm tắt...có Bất ly 13. Nên phân rộng như phần phi nhân căn.

Phần phi bất ly căn

1076.

Phi Bất ly duyên có Cảnh 9, tóm tắt... Vô hữu 7, Ly 7. Nên phân rộng như phần phi hiện hữu căn.

Dứt cách đối lập thuận tùng nơi vấn đề
Dứt phần thứ nhứt tam đề thiện

TAM ĐỀ THỌ *(VEDANATIKA)*

Phần liên quan *(Paṭicca vāra)*

1077.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên *(hetupaccayo)*:

- 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1078.

Pháp tương ưng khổ thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng khổ thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1079.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên:

- 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1080.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do Cảnh duyên... Trưởng duyên (khi tục sinh không có Trưởng duyên) ... Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn Vật tiền sanh duyên, tóm tắt...

1081.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do Cố hưởng duyên,... Nghiệp duyên,... Quả duyên:

- 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1082.

Pháp tương ưng khổ thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do Quả duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn chung thân thức đồng sanh khổ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1083.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Quả duyên:

- 2 uẩn liên quan 1 uẩn phi khổ phi lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1084.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do Thực duyên,... Quyền duyên,... Thiền duyên,... Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên.

- 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn, vật Bất tương ưng Duyên.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn, uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên.

1085.

Pháp tương ưng khổ thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do Bất tương ưng duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng khổ thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn; vật Bất tương ưng duyên.

1086.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

- 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn, vật Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn. Vật Bất tương ưng duyên, tóm tắt.

Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên.

1087.

* Nhân có 3, Cảnh có 3, tóm tắt,... Bất ly 3.
* Nhân duyên có Cảnh 3,... Quả 2, Bất ly 3,
* Cảnh duyên... Trưởng duyên có Nhân 3,... Quả 2, Bất ly 3.
* Cố hưởng duyên có Nhân 3,... Nghiệp 3, Thực 3, Bất ly 3.
* Quả duyên có Nhân 2,... Cảnh 3, Trưởng 2, tóm tắt... Tiền sanh 3, Nghiệp 3, Thiền 2, Đạo 2, Bất ly 3.
* Thiền duyên có Nhân 3,... Quả 2, Bất ly 3.
* Đạo duyên có Nhân 3,... Quả 2, Bất ly 3.
* Bất ly duyên có Nhân 3,... Vô hữu 3, Ly 3.

Nên sắp rộng như đếm duyên trong tam đề thiện.

1088.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do phi Nhân duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ vô nhân, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1089.

Pháp tương ưng khổ thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do phi Nhân duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn chung thân thức đồng sanh khổ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1090.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do phi Nhân duyên:

- 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ vô nhân 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Si đồng sanh, hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1091.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do phi Trưởng duyên: Phần tục sinh hoàn toàn phi Trưởng duyên.

1092.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do phi Tiền sanh duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ nơi Vô sắc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ,1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1093.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

- 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ nơi Vô sắc 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1094.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do phi Hậu sanh duyên,... phi Cố hưởng duyên:

Phi Hậu sanh duyên và phi Cố hưởng duyên phần tục sinh đầy đủ.

1095.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* tương ưng lạc thọ liên quan uẩn tương ưng lạc thọ.

1096.

Pháp tương ưng khổ thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư tương ưng khổ thọ liên quan uẩn tương ưng khổ thọ

1097.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ.

1098.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do phi Quả duyên,... phi Thiền duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn chung thân thức đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1099.

Pháp tương ưng khổ thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do phi Thiền duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn chung thân thức đồng sanh khổ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1100.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do phi Thiền duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh nhãn thức, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1101.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do phi Đạo duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ vô nhân, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1102.

Pháp tương ưng khổ thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do phi Đạo duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn chung thân thức đồng sanh khổ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1103.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do phi Đạo duyên:

- 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ vô nhân 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1104.
Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ nơi Vô sắc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1105.
Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ nơi Vô sắc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1106.
Phi Nhân 3, phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 2.

1107.
Phi Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 1.

1108.
Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên có phi Hậu sanh 1,... phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1.

1109.
Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Đạo duyên, có phi Bất tương ưng 1.

1110.
Phi Trưởng duyên có phi Nhân 3,... phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 2.

1111.
Phi Tiền sanh duyên có phi Nhân 1,... phi Trưởng 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

1112.
Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên có phi Trưởng 1,... phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, tóm tắt.

1113.
Phi Hậu sanh duyên,... phi Cố hưởng duyên,... phi Nghiệp duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Đạo 2, phi Bất tương ưng 2.

1114.
Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên có phi Trưởng 2,... phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Quả 2, phi Đạo 2, phi Bất tương ưng 1.

1115.
Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên phi truởng duyên, phi Tiền sanh duyên có phi Hậu sanh 1,... phi Cố hưởng 1, phi Quả 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, tóm tắt.

1116.
Phi Quả duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Đạo 2, phi Bất tương ưng 2.

Phi Quả duyên cũng như phi Nghiệp duyên.

1117.

Phi Thiền duyên có phi Nhân 3, phi Trưởng 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Đạo 3.

1118.

Phi Thiền duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên có phi Đạo 3.

1119.

Phi Đạo duyên có phi Nhân 3, phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thiền 3, phi Bất tương ưng 1.

1120.

Phi Đạo duyên cùng phi Nhân duyên có phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thiền 3, phi Bất tương ưng 1.

1121.

Phi Đạo duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, có phi Hậu sanh 1,... phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Bất tương ưng 1, tóm tắt.

1122.

Phi Bất tương ưng duyên có phi Nhân 1,... phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Đạo 1.

1123.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên có phi Trưởng 1,... phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Đạo 1.

1124.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên có phi Đạo 1.

Dứt phần đếm ngược

1125.

Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 2.

1126.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 2,

Nên đếm rộng như tam đề thiện.

Dứt cách thuận tùng, đối lập

1127.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

1128.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

1129.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 1, Quả 1,

Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Đạo 1, Tương ưng 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

1130.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

1131.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên tóm tắt, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Đạo duyên, phi Bất tương ưng duyên, có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

Dứt phần phi nhân căn

1132.

Phi Trưởng duyên có Nhân 3, tóm tắt,... phi Tiền sanh duyên có Nhân 2, tóm tắt,... phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên có Nhân 3...

1133.

Phi Thiền duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

Phi Đạo duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3.

1134.

Phi Bất tương ưng duyên có Nhân 2,... Cảnh 2, Trưởng 2, Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 2, Quả 2, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 2, Tương ưng 2, Hiện hữu 2, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 2.

1135.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Đạo 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

1136.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Đạo duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

1137.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Đạo duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

Dứt cách đối lập thuận tùng
Hết phần liên quan

Phần Tương Ưng

1138.

... Đồng sanh pháp tương ưng lạc thọ... nhờ cậy pháp tương ưng lạc thọ... y chỉ pháp tương ưng lạc thọ... hỗn hợp pháp tương ưng lạc thọ.

1139.

Pháp tương ưng lạc thọ tương ưng với pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên: 2 uẩn tương ưng 1 uẩn tương ưng lạc thọ, 1 uẩn tương ưng 2 uẩn.

Dứt phần tương ưng

Phần Vấn Đề

1140.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên:

- Nhân tương ưng lạc thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân tương ưng lạc thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1141.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Nhân duyên: Nhân tương ưng khổ thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1142.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Nhân duyên:

- Nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1143.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên:

- Sau khi tâm tương ưng lạc thọ bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán bằng tâm tương ưng lạc thọ. Sau khi xuất thiền, xuất đạo, xuất quả tâm tương ưng lạc thọ rồi phản khán bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- Tâm tương ưng lạc thọ Thánh *(ariya)* phản khán phiền não tương ưng lạc thọ đã trừ, hay phản khán phiền não đã hạn chế hoặc phiền não đã từng sanh trước kia. Hay tâm tương ưng lạc thọ quán uẩn tương ưng lạc thọ bằng vô thường, khổ não, vô ngã. Do thỏa thích vui mừng mong mỏi ấy thì ái dục, tà kiến tương ưng lạc thọ phát sanh... Mong mỏi uẩn tương ưng lạc thọ thì uẩn tương ưng lạc thọ phát sanh.

1144.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cảnh duyên:

- Tâm tương ưng lạc thọ bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi hối hận ưu phát sanh. thiền tương ưng lạc thọ sau khi hoại rồi hối hận ưu phát sanh.
- Mong mỏi uẩn tương ưng lạc thọ cũng có thể làm cho uẩn tương ưng khổ thọ phát sanh.

1145.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cảnh duyên:

- Tâm tương ưng lạc thọ bố thí nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ, thiền đạo quả tương ưng lạc thọ sau khi xuất rồi phản khán bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Tâm Thánh tương ưng phi khổ phi lạc thọ phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não hạn chế và phiền não đã từng sanh. Hay tâm tương ưng phi khổ phi lạc

thọ quán uẩn tương ưng lạc thọ bằng vô thường, khổ não, vô ngã. Hay thỏa thích vui mừng hy vọng ấy nên tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra.

- Tha tâm thông hội hiệp uẩn tương ưng lạc thọ. Uẩn tương ưng lạc thọ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên. Mong mỏi uẩn tương ưng lạc thọ có thể uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra.

1146.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cảnh duyên:

- Nhớ đến sân thì sân, si sanh ra.
- Nhớ đến si tương ưng khổ thọ thì si, sân sanh ra.
- Nhớ đến thân thức đồng sanh khổ thì sân si sanh ra.
- Nhớ đến uẩn tương ưng khổ thọ thì uẩn tương ưng khổ thọ sanh ra.

1147.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên: Tâm Thánh tương ưng lạc thọ phản khán phiền não tương ưng lạc thọ đã trừ; hay phiền não bị hạn chế cùng phiền não đã từng sanh trước kia. Quán uẩn tương ưng khổ thọ bằng vô thường, khổ thọ, vô ngã bằng tâm tương ưng lạc thọ. Nhớ tưởng uẩn tương ưng khổ thọ nên uẩn tương ưng lạc thọ sanh ra.

1148.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cảnh duyên:

- Tâm Thánh tương ưng phi khổ phi lạc thọ phản khán phiền não tương ưng khổ thọ đã trừ và bị hạn chế, hay phiền não đã từng sanh trước kia. Quán uẩn tương ưng khổ thọ bằng vô thường, khổ não, vô ngã bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Tha tâm thông hội hiệp với uẩn tương ưng khổ thọ. Uẩn tương ưng khổ thọ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Mong nhớ uẩn tương ưng khổ thọ nên uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra.

1149.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên:

- Tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ, xuất thiền, đạo quả tương ưng phi khổ phi lạc thọ rồi phản khán bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Tâm Thánh tương ưng phi khổ phi lạc thọ phản khán phiền não tương ưng, phi khổ phi lạc thọ đã trừ hay hạn chế, hoặc phiền não đã từng sanh.
- Quán uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng vô thường, khổ não, vô ngã bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Do thỏa thích vui mừng sự móng ấy nên tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật, tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra.
- Tha tâm thông hội hiệp tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên... Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên. Uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho thần (túc) thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai

thông và khán môn bằng Cảnh duyên. Mong tưởng uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ nên uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra.

1150.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên:

- Tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán bằng tâm tương ưng lạc thọ. Sau khi xuất thiền, đạo quả tương ưng phi khổ phi lạc thọ rồi phản khán bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- Tâm tương ưng lạc thọ quán sự móng uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng vô thường, khổ não, vô ngã, rồi do thỏa thích vui mừng móng tưởng ấy nên tham ái, tà kiến, tương ưng lạc thọ sanh ra... móng tưởng uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ nên uẩn tương ưng lạc thọ sanh ra.

1151.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cảnh duyên:

- Tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi hối hận tức mình nên ưu sanh ra.
- Thiền tương ưng phi khổ phi lạc thọ hoại rồi tức mình, hối hận nên ưu sanh ra. Móng tưởng uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ nên uẩn tương ưng khổ thọ sanh ra.

1152.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Trưởng duyên có Cảnh trưởng và Trưởng đồng sanh:

- Cảnh trưởng như là tâm tương ưng lạc thọ bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi tâm tương ưng lạc thọ nặng chấp ấy nhớ lại thiện đã làm trước kia. Sau khi xuất thiền, đạo quả tương ưng lạc thọ rồi do nặng chấp ấy nên tâm tương ưng lạc thọ nhớ lại phản khán. Tâm nặng về uẩn tương ưng lạc thọ rồi thỏa thích vui mừng uẩn tương ưng lạc thọ nặng chấp ấy nên tham ái và tà kiến tương ưng lạc thọ mới phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như là trưởng tương ưng lạc thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1153.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Trưởng duyên:

- Cảnh trưởng như là tâm tương ưng lạc thọ bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ nặng chấp như thế rồi phản khán việc thiện đã làm trước kia. Sau khi xuất thiền, đạo quả tương ưng lạc thọ rồi do nặng chấp ấy mới phản khán lại bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ đã nặng về uẩn tương ưng lạc thọ mới thỏa thích vui mừng theo nặng chấp ấy có thể tham ái và tà kiến tương ưng phi khổ phi lạc thọ phát sanh.

1154.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Trưởng duyên:

- Trưởng đồng sanh như là trưởng tương ưng khổ thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1155.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Trưởng duyên có cả Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như là tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ bố thí nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi do nặng chấp ấy mới phản khán bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Thiền đạo quả tương ưng phi khổ phi lạc thọ sau khi xuất rồi đã nặng theo như thế mới phản khán lại bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ đã nặng thỏa thích vui mừng theo uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ ấy, nên tham ái, tà kiến tương ưng phi khổ phi lạc thọ phát sanh....
- Trưởng đồng sanh như là trưởng tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1156.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Trưởng duyên:

- Cảnh trưởng như là tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ bố thí nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi do đã nặng chấp ấy phản khán bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- Thiền đạo quả tương ưng phi khổ phi lạc thọ sau khi xuất đã nặng về đó nên phản khán lại bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- Đã nặng chấp thỏa thích vui mừng uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng tâm tương ưng lạc thọ cũng đã nặng chấp ấy nên tham ái, tà kiến tương ưng lạc thọ phát sanh....

1157.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn tương ưng lạc thọ sanh trước trước làm duyên cho uẩn tương ưng lạc thọ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* tương ưng lạc thọ làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* tương ưng lạc thọ bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)*.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo.
- Tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo.
- Tâm đạo làm duyên cho quả.
- Tâm quả làm duyên cho quả *(phala)*.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* tương ưng lạc thọ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.
- Uẩn tương ưng lạc thọ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* tương ưng lạc thọ bằng Vô gián duyên.

1158.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử tương ưng lạc thọ làm duyên cho tâm tục sinh *(upapatticitta)* phi khổ phi lạc thọ bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* tương ưng lạc thọ làm duyên cho tâm khán môn *(āvajjana)* bằng Vô gián duyên.
- Tâm thân thức đồng sanh lạc thọ làm duyên cho quả ý giới bằng Vô gián duyên.
- Quả ý thức giới tương ưng lạc thọ làm duyên cho tố *(kiriyā)* ý thức giới bằng Vô gián duyên.
- Hộ Kiếp tương ưng lạc thọ làm duyên cho tâm hộ kiếp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Vô gián duyên.

- Thiện và bất thiện tương ưng lạc thọ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*.
- Tâm quả *(phala)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

1159.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Vô gián duyên: Uẩn tương ưng khổ thọ sanh trước trước làm duyên cho uẩn tương ưng khổ thọ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1160.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Vô gián duyên: Thân thức đồng sanh khổ thọ làm duyên cho quả ý giới bằng Vô gián duyên uẩn tương ưng khổ thọ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Vô gián duyên.

1161.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh trước trước làm duyên cho uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh sau bằng Vô gián duyên
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vedanā)*.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo.
- Tâm dũ tịnh *(vedanā)* làm duyên cho đạo.
- Đạo làm duyên cho quả.
- Quả làm duyên cho quả *(phala)*
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho quả nhập thiền diệt.
- Khi xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho tâm quả nhập thiền tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Vô gián duyên.
- Uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Vô gián duyên.

1162.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho tâm tục sinh *(upapatticitta)* tương ưng lạc thọ bằng Vô gián duyên.
- Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn tương ưng lạc thọ bằng Vô gián duyên.
- Ý giới quả làm duyên cho ý thức giới quả tương ưng lạc thọ bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho tâm hộ kiếp tương ưng lạc thọ bằng Vô gián duyên.
- Thiện, bất thiện tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* tương ưng lạc thọ.
- Tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*.
- quả *(phala)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*.
- Khi xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền tương ưng lạc thọ bằng Vô gián duyên.

1163.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Vô gián duyên: Tâm khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn tương ưng khổ thọ bằng Vô gián duyên.

1164.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Liên tiếp duyên: Như Vô gián duyên.

1165.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn tương ưng lạc thọ làm làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn tương ưng lạc thọ làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

1166.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn tương ưng khổ thọ làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

Tương ưng khổ thọ không có trong lúc tục sinh.

1167.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn làm duyên cho 2 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

1168.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Hỗ tương duyên,... Y chỉ duyên (Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên cũng như Đồng sanh duyên).

1169.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như là nương đức tin tương ưng lạc thọ mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới có thể làm cho thiền tương ưng lạc thọ phát sanh, pháp quán phát sanh, đạo phát sanh, thông phát sanh, có thể nhập thiền đặng, gầy ngã mạng, chấp cúng tế tà kiến bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- Móng giới tương ưng lạc thọ mạnh có thể văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến, hy vọng... nương thân thức đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí, tóm tắt... làm cho nhập thiền đặng bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- Trong phần có đức tin thành năm thứ nên thêm câu gây ngã mạn, chấp cứng, tà kiến, còn ngoài ra không nên thêm.
- Thu đạo, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, đức tin... tương ưng lạc thọ, giới, văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến,vọng dục... tương ưng lạc thọ và thân thức đồng sanh lạc làm duyên cho tín, giới, văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến,vọng dục, tương ưng lạc thọ luôn thân thức đồng sanh lạc cùng tất cả uẩn tương ưng lạc thọ bằng Cận y duyên.

1170.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cận y duyên:

- Thuần cận y như là: Nương đức tin tương ưng lạc thọ mạnh có thể tự làm cho sôi nổi nóng nảy chịu khổ tìm tòi thành căn bản.
- Nương giới, văn, xả, trí tương ưng lạc thọ có thể làm cho sôi nổi nóng nảy chịu khổ tìm tòi thành căn bản.
- Nương ái tương ưng lạc thọ mạnh có thể si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục... nương thân thức đồng sanh lạc mạnh có thể sát sanh, thu đạo, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, cắt đứt giao thông, cướp giựt tổng quát, cướp giựt từng nhà, chặn đường vắng, tìm kiếm vợ người, giết dân vườn, người chợ, sát phụ, sát mẫu, giết la hán, chích máu mình Phật, phá hòa hợp Tăng với tâm tương ưng khổ thọ.
- Nương đức tin lạc thọ mạnh có thể trì giới, đa văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục... thân thức đồng sanh lạc làm duyên cho ưu... si, thân thức đồng sanh khổ, tất cả uẩn tương ưng khổ thọ bằng Cận y duyên.

1171.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như là nương đức tin tương ưng lạc thọ mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ có thể làm cho thiền sanh ra, pháp quán sanh ra, đạo sanh ra, thông sanh ra, nhập thiền đặng cho đến gầy ngã mạn, chấp cứng tà kiến đều bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Trì giới nương tương ưng lạc thọ mạnh có thể đa văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, chấp cứng tà kiến... nương thân thức đồng sanh lạc mạnh làm duyên cho tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ bố thí, tóm tắt,... nhập thiền đặng, cũng làm duyên cho tâm phi khổ phi lạc thọ làm việc thu đạo, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, cắt giao thông, cướp giựt trùm hết, cướp riêng từng nhà, chặn đường vắng, tìm vợ người, giết kẻ vườn người chợ.
- Đức tin nương tương ưng lạc thọ mạnh có thể trì giới, đa văn, xả, trí, tín, ái, si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- Thân thức đồng sanh lạc trợ cho tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ tín ngưỡng, trì giới, đa văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục...
- Thân thức đồng sanh lạc làm duyên cho các uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cận y duyên.

1172.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cận y duyên rộng có 2: Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương sân mạnh có thể sát sanh, thu đạo... cho đến phá hòa hợp Tăng bằng tâm tương ưng khổ thọ.
- Người ngu rất nương thân thức đồng sanh khổ có thể sát sanh, thu đạo... cho đến phá hòa hợp Tăng bằng tâm tương ưng khổ thọ.
- Sân si do thân thức đồng sanh khổ làm duyên cho sân si. Thân thức đồng sanh khổ làm duyên cho các uẩn tương ưng khổ thọ bằng Cận y duyên.

1173.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cận y duyên:

- Thuần cận y như đa nương sân sát chúng, trộm cướp... cũng có thể làm cho tâm bố thí... cho đến thiền tương ưng lạc thọ phát sanh.
- Đa nương si trong sân, đa nương thân thức đồng sanh khổ có thể bố thí... bằng tâm tương ưng lạc thọ... tóm tắt.

- Đa nương sân, si trong sân làm duyên cho đức tin tương ưng lạc thọ phát sanh... có thể thân thức đồng sanh lạc thọ hay uẩn tương ưng lạc thọ do Cận y làm duyên.

1174.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như là đa nương sân sát chúng, có thể tâm bố thí... tương ưng phi khổ phi lạc thọ phát sanh.
- Đa nương si trong sân, đa nương thân thức đồng sanh khổ có thể bố thí... bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ...
- Đa nương sân, si trong sân, thân thức đồng sanh khổ có thể làm cho đức tin phát sanh... bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ do Cận y duyên.

1175.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cận y duyên chia cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như vầy: Đa nương đức tin tương ưng phi khổ phi lạc thọ có thể bố thí... bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Do tà kiến có thể trì giới... bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ do văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến...
- Đa nương hy vọng có thể bố thí v.v... bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ, tóm tắt.
- Trộm cướp... có thể nhập thiền bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Sát chúng... đức tin tương ưng phi khổ phi lạc trợ đức tin, trì giới, đa văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục tương ưng phi khổ phi lạc thọ, tóm tắt... làm duyên cho... vọng dục, hay uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cận y duyên.

1176.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cận y duyên chia cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Đa nương đức tin tương ưng phi khổ phi lạc thọ có thể bố thí bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- Phi khổ phi lạc thọ... cho đến đa nương vọng dục có thể bố thí... bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- ... có thể trộm cướp hay nhập thiền bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- Gây sát chúng, nương đức tin tương ưng phi khổ phi lạc thọ... cho đến vọng dục trợ thân thức đồng sanh lạc, hoặc đức tin tương ưng lạc thọ... vọng dục trợ thân thức đồng sanh lạc hay uẩn tương ưng lạc thọ bằng Cận y duyên.

1177.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cận y duyên chia Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như là đa nương đức tin tương ưng phi khổ phi lạc thọ có thể tự làm cho ta buồn khổ do sự tìm tòi căn bản.
- Trì giới... tương ưng phi khổ phi lạc thọ, tóm tắt,... đa nương... cho đến hy vọng có thể sát, đạo... bằng tâm tương ưng khổ thọ… tóm tắt,... phá hòa hợp Tăng.
- Đức tin tương ưng phi khổ phi lạc thọ, tóm tắt,... cho đến hy vọng có thể sân với si, thân thức đồng sanh khổ hay là uẩn tương ưng khổ thọ sanh ra do Cận y duyên.

1178.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cố hưởng duyên:
- Uẩn tương ưng lạc thọ sanh trước trước làm duyên cho uẩn tương ưng lạc thọ sanh ra sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* trợ cái tâm chuyển tộc *(gotrabhū)*
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* trợ cái tâm dũ tịnh *(vedanā)*.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* trợ đạo.
- Tâm dũ tịnh *(vedanā)* trợ đạo bằng Cố hưởng duyên.

1179.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cố hưởng duyên: Uẩn tương ưng khổ thọ sanh trước trước làm duyên cho uẩn tương ưng khổ thọ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

1180.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cố hưởng duyên:
- Uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh trước trước làm duyên cho uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)*.
- Thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*
- Tâm chuyển tộc làm duyên cho đạo.
- Tâm dũ tịnh *(vedanā)* làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

1181.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời.
- Đồng sanh như là tư *(cetanā)* tương ưng lạc thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời *(Nānākhaṇika)* như là tư *(cetanā)* tương ưng lạc thọ làm duyên cho dị thục quả và uẩn tương ưng lạc thọ bằng Nghiệp duyên.

1182.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Nghiệp duyên:
- Biệt thời *(Nānākhaṇika)* như là tư *(cetanā)* tương ưng lạc thọ làm duyên cho dị thục quả và uẩn tương ưng khổ thọ bằng Nghiệp duyên.

1183.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Nghiệp duyên:
- Biệt thời như là tư *(cetanā)* tương ưng lạc thọ làm duyên cho dị thục quả và uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Nghiệp duyên.

1184.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời.
- Đồng sanh như là tư *(cetanā)* tương ưng khổ thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như là tư *(cetanā)* tương ưng khổ thọ làm duyên cho dị thục quả và uẩn tương ưng khổ thọ bằng Nghiệp duyên.

1185.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Nghiệp duyên:

- Biệt thời (*Nānākhaṇika)* như là tư *(cetanā)* tương ưng khổ thọ làm duyên cho uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ và dị thục quả *(vipāka)* bằng Nghiệp duyên.

1186.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như là tư *(cetanā)* tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như là tư *(cetanā)* tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ và dị thục quả bằng Nghiệp duyên.

1187.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Nghiệp duyên:

- Biệt thời như là tư *(cetanā)* tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho uẩn quả tương ưng lạc thọ bằng Nghiệp duyên.

1188.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Nghiệp duyên:

- Biệt thời như là tư tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho uẩn quả tương ưng khổ thọ bằng Nghiệp duyên.

1189.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Quả duyên:

- 1 uẩn quả tương ưng lạc thọ làm duyên cho 2 uẩn bằng Quả duyên, 2 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Quả duyên. Sát-na tục sinh: 1 uẩn tương ưng lạc thọ làm duyên cho 2 uẩn bằng Quả duyên, 2 uẩn làm duyên cho 1 uẩn...

1190.

∗ Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Quả duyên: 1 uẩn quả tương ưng khổ thọ làm duyên cho 2 uẩn bằng Quả duyên...

∗ Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Quả duyên: 1 uẩn quả tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

1191.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Thực duyên, ... bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Hiện hữu duyên, bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

Phần nhân căn

1192.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 5, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Cố hưởng 3, Nghiệp 8, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 3.

1193.

Nhân duyên có Trưởng 2, ... Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Quả 2, Quyền 2, Đạo 2, Tương ưng 2, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1194.

∗ Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có 3.

∗ Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.

* Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.
* Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.
* Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.
* Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.

Phần cảnh căn

1195.

* Cảnh Trưởng có Trưởng 4, ... Cận y 4.
* Cảnh, Trưởng, Cận y đều có 4.

Phần trưởng căn

1196.

Trưởng duyên có Nhân 2, ... cảnh 4, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 4, Quả 2, Thực 3, Quyền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1197.

* Trưởng, Cảnh, Cận y 4.
* Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 3.
* Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.
* Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 3.
* Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.
* Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 3.
* Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.

1198.

* Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.
* Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.

Phần vô gián và liên tiếp căn

1199.

Vô gián duyên có Liên tiếp 7, ... Cận y 7, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Vô hữu 7, Ly 7.

1200.

* Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu: 7.
* Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Cố hưởng, Vô hữu, Ly: 3.
* Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Nghiệp, Vô hữu, Ly: 2.

Liên tiếp duyên cũng như Vô gián duyên.

Phần đồng sanh, tương tế và y chỉ căn

1201.

Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên cùng Y chỉ duyên có Nhân 3, ... Trưởng 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1202.

* Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.

Phần cận y căn

1203.

Cận y duyên có Cảnh 4,... Trưởng 4, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Cố hưởng 3, Nghiệp 8, Vô hữu 7, Ly 7.

1204.

* Cận y, Cảnh, Trưởng 4.
* Cận y, Vô gián, Liên tiếp, Vô hữu, Ly: 7.
* Cận y, Vô gián, Liên tiếp, Cố hưởng, Vô hữu, Ly: 3.
* Cận y, Nghiệp 8.
* Cận y, Vô gián, Liên tiếp, Nghiệp, Vô hữu, Ly: 2.

Phần cố hưởng căn

1205.

* Cố hưởng duyên có Vô gián 2, ... Liên tiếp 3, Cận y 3, Vô hữu 3, Ly 3.
* Cố hưởng, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu, Ly 3.

Phần nghiệp căn

1206.

Nghiệp duyên có Vô gián 3,... Liên tiếp 2, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 8, Quả 3, Thực 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 3.

1207.

* Nghiệp, Cận y có 8.
* Nghiệp, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu, Bất ly: 2.
* Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.

Phần quả căn

1208.

* Quả duyên có Nhân 2,... Trưởng 2, Đồng sanh 3, tóm tắt,... Hiện hữu 3, Bất ly 3.
* Quả, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 3.

Phần thực căn

1209.

Thực duyên có Trưởng 3, ... Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Nghiệp 3, Quả 3, Quyền 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3...

1210.

* Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Thực, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.

* Thực, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.

Phần quyền căn

1211.

Quyền duyên có Nhân 2,... Trưởng 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Quả 3, Thực 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1212.

* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, đạo,Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 3.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.

Phần thiền căn

1213.

Thiền duyên có Đồng sanh 3,... Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Quả 2, Quyền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1214.

* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.

Phần đạo căn

1215.

Đạo duyên có Nhân 2,.... Trưởng 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Quả 2, Quyền 3, Thiền 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1216.

* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Đạo,Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Đạo,Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.

Phần tương ưng căn

1217.

Tương ưng duyên có Nhân 3,... Trưởng 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1218.

* Tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên: 3.

Dứt phần vấn đề thuận tùng.

1219.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên,... bằng Y chỉ duyên,... bằng Nghiệp duyên.

1220.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cảnh duyên,... bằng Cận y duyên,... bằng Nghiệp duyên.

1221.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cảnh duyên,... bằng Cận y duyên,... bằng Nghiệp duyên.

1222.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên,... bằng Cận y duyên,... bằng Nghiệp duyên.

1223.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên,... bằng Cận y duyên.

1224.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cảnh duyên,... bằng Cận y duyên,... bằng Nghiệp duyên.

1225.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên,... bằng Cận y duyên,... bằng Nghiệp duyên.

1226.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên,... bằng Cận y duyên,... bằng Nghiệp duyên.

1227.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cảnh duyên,... bằng Cận y duyên,... bằng Nghiệp duyên.

1228.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 9, phi Y chỉ 9, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9.

1229.

* Phi Nhân duyên có phi Cảnh 9, tóm tắt,... phi Bất ly 9.
* Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có phi Trưởng 9,... phi Cận y 8, tóm tắt,... phi Bất ly 9.
* Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, tóm tắt,... phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, tóm tắt,... có phi Bất ly 8.

Dứt phần phi nhân căn.

Tri thức nên phân đếm tất cả căn (mūla) trong phần đối lập cũng như tam đề thiện.

Dứt cách đối lập.

1230.

* Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.
* Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 3, tóm tắt,... phi Ly 3.

Tri thức nên đếm thuận tùng, đối lập cũng như tam đề thiện.

Nghiệp duyên có phi Nhân 8, phi Cảnh 8, ..., phi Bất ly 8.

Dứt cách đếm thuận tùng và đối lập

1231.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 5, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Cố hưởng 3, Nghiệp 8, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 3.

1232.

* Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có Trưởng 3,... Vô gián 7, tóm tắt,... Bất ly 3.
* Phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, có Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Nghiệp 8, Quả 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1233.

* Phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phần căn tóm tắt,... phi Y chỉ duyên có Cận y 9,... nghiệp 8.
* Phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, tóm tắt,... phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Hiện hữu duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên, phi Bất ly duyên có nghiệp 8.

Dứt phần phi nhân căn

1234.

Phi Cảnh duyên có Nhân 3, tóm tắt,... Nghiệp 8, Bất ly 3.

1235.

Phi Bất ly duyên có Cảnh 9,... Trưởng 4, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Cận y 9, Cố hưởng 3, Nghiệp 8, Vô hữu 7, Ly 7.

1236.

Phi Bất ly duyên, phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, có Vô gián 7,... Liên tiếp 7, Cận y 9, Cố hưởng 3, Nghiệp 8, Vô hữu 7, Ly 7.

1237.

Phi Bất ly duyên phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Hiện hữu duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên có nghiệp 8.

Người biết nên đếm đối lập thuận tùng như tam đề thiện.

Dứt cách đối lập thuận tùng

Dứt phần tam đề thọ là đề thứ hai

TAM ĐỀ QUẢ

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1238.

∗ Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả... 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả.
- Sát-na tục sinh sắc tục sinh liên quan uẩn quả.

∗ Pháp quả và pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp quả sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn.

1239.

∗ Pháp dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn dị thục nhân.

∗ Pháp dị thục nhân và pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.

1240.

∗ Pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi dị thục quả phi dị thục nhân, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung *(mahābhūta)*, 2 đại sung liên quan 2 đại sung, sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh, và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp dị thục quả liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Sát-na tục sinh, uẩn quả liên quan vật.

∗ Pháp quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Sát-na tục sinh, chư uẩn quả liên quan vật, sắc tục sinh liên quan đại sung.

1241.

∗ Pháp dị thục quả liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Sát-na tục sinh, 3 uẩn liên quan 1 uẩn và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả và đại sung, sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn quả và đại sung.

* Pháp quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên. Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật, sắc tục sinh liên quan uẩn quả và đại sung.

1242.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn dị thục nhân và sắc đại sung.

1243.

Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do Cảnh duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1244.

Pháp dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1245.

* Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi quả phi nhân, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

* Pháp quả liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cảnh duyên: Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả liên quan vật.

1246.

Pháp quả liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cảnh duyên: Sát-na tục sinh, 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.

1247.

* Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

* Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả sanh ra do Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả.

* Pháp quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.

Liên quan pháp dị thục nhân có 3 cách.

1248.

Pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Trưởng duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi dị thục quả phi dị thục nhân, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn, 3 đại sung liên quan 1 đại sung.
- Sắc tâm, sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

1249.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả và đại sung.

1250.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp nhân và phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn dị thục nhân và đại sung.

1251.

Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do Vô gián duyên,... do Liên tiếp duyên đều như Cảnh duyên.

Đồng sanh duyên cũng như Nhân duyên.

1252.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Đồng sanh duyên: Sắc ngoại,... sắc sở y vật thực,... sắc sở y âm dương,... Bực vô tưởng....

Đồng sanh duyên chỉ khác như thế.

1253.

∗ Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả sanh ra do Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn quả.

∗ Pháp quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả sanh ra do Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh, 3 uẩn và vật liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn và vật liên quan 2 uẩn.

1254.

Pháp dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1255.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi quả phi nhân,... 3 đại sung liên quan 1 đại sung... sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... 3 đại sung liên quan 1 đại sung vô tưởng...

∗ Pháp quả liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh, uẩn quả liên quan vật.

1256.

Pháp quả liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh, 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.

1257.

Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do Y chỉ duyên, tóm tắt,... do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên.

1258.

Pháp dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1259.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi quả phi nhân, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1260.

Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do Nghiệp duyên, tóm tắt,... do Quả duyên có 3 phần.

1261.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Quả duyên: 3 đại sung liên quan 1 đại sung: Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp quả liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Quả duyên: Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả liên quan vật.

* Pháp quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Quả duyên: Sát-na tục sinh: Uẩn quả liên quan vật, sắc tục sinh liên quan đại sung.

1262.

* Pháp quả liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Quả duyên ...
* Pháp phi quả phi nhân sanh ra do Quả duyên...
* Pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Quả duyên...

1263.

Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do Thực duyên, tóm tắt... Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên.

1264.

Nhân 13, Cảnh 5, Trưởng 9, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 13, Hỗ tương 7, Y chỉ 13, Cận y 5, Tiền sanh 3, Cố hưởng 2, nghiệp 13, Quả 9, Thực 13, Quyền 13, thiền 13, Đạo 13, Tương ưng 5, Bất tương ưng 13, Hiện hữu 13, Vô hữu 5, Ly 5, Bất ly 13.

1265.

Nhân duyên có Cảnh 5,... Bất ly 13.

Xin sắp như tam đề thiện *(kusalattika).*

1266.

Cố hưởng duyên có Nhân 2,... Cảnh 2, Trưởng 2, Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 2, Tiền sanh 2, Nghiệp 2, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 2, Tương ưng 2, Bất tương ưng 2, Hiện hữu 2, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 2.

1267.

Quả duyên có Nhân 9,... Cảnh 3, Trưởng 5, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 1, Nghiệp 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 3, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 9.

Dứt cách đếm thuận tùng

1268.

* Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả vô Nhân, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

* Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả sanh ra do phi Nhân duyên:
  - Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả vô nhân.
  - Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh liên quan uẩn quả.

* Pháp quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn quả vô Nhân, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn.

1269.

Pháp dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

1270.

* Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi quả phi nhân vô nhơn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn, 3 Đại–Sung liên quan 1 đại sung, 2 đại sung liên quan 2 đại sung, sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan đại sung,... sắc ngoại, sắc nương vật thực, sắc nương âm dương.
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung Vô tưởng; sắc tục sinh sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp quả liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Sát-na tục sinh vô nhơn: Chư uẩn liên quan vật, sắc tục sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp quả và phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Sát-na tục sinh vô nhơn: Chư uẩn quả liên quan vật, sắc tục sinh liên quan đại sung.

1271.

∗ Pháp quả liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Sát-na tục sinh vô nhơn: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả vô nhơn và đại sung.
- Sát-na tục sinh vô nhơn: Sắc tục sinh liên quan uẩn quả và sắc đại sung.

∗ Pháp quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên:
- Sát-na tục sinh vô nhơn: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.
- Sắc tục sinh liên quan uẩn quả và đại sung.

1272.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả sanh ra do phi Cảnh duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn quả.

1273.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn dị thục nhân.

1274.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi quả phi nhân, 3 đại sung liên quan 1 đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan đại sung; sắc ngoại... sắc vật thực.., sắc âm dương.
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung vô tưởng.
- Sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan đại sung.

1275.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)* liên quan uẩn quả và đại sung.

1276.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn dị thục nhân và đại sung.

1277.

Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do phi Trưởng duyên,...

Nên đếm thuận tùng *(anuloma)* như Đồng sanh duyên, tóm tắt.

1278.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục quả sanh ra do phi Vô gián duyên,... phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên:

- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan đại sung,... sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương...
- Sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan đại sung vô tưởng.

Phi Cận y duyên chỉ khác với phi Hỗ tương duyên chỉ có bấy nhiêu.

1279.

∗ Pháp dị thục quả liên quan pháp dị thục quả sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả Vô sắc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả, tóm tắt.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục quả sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả.
- Sát-na tục sinh:... tóm tắt.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn.

1280.

∗ Pháp dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn dị thục nhân nơi Vô sắc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn dị thục nhân.

1281.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi quả phi nhân Vô sắc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn, sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi quả phi nhân.
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung,... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương.... liên quan 1 đại sung Vô tưởng.

∗ Pháp dị thục quả liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả liên quan vật.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả liên quan vật, sắc tục sinh liên quan đại sung.

1282.

∗ Pháp dị thục quả liên quan pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn quả và đại sung.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật, sắc tục sinh liên quan uẩn quả và đại sung.

1283.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn dị thục nhân và đại sung.

∗ Pháp dị thục quả liên quan pháp dị thục quả sanh ra do phi Hậu sanh duyên; tóm tắt,... do phi Cố hưởng duyên:...

∗ Pháp dị thục quả liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Nghiệp duyên… tư *(cetanā)* dị thục nhân liên quan uẩn dị thục nhân.

1284.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nghiệp duyên:
- Tư *(cetanā)* phi quả phi nhân liên quan uẩn phi quả phi nhân.
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... sắc y sinh *(upādayāpa)* liên quan đại sung.

1285.

∗ Pháp dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Quả duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Quả duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn dị thục nhân.

∗ Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Quả duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.

1286.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Quả duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi quả phi nhân, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn. 3 đại sung liên quan 1 đại sung;
- Sắc tâm, sắc y sinh liên quan (sắc) đại sung;... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương.
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung vô tưởng.
- Sắc tục sinh, sắc y sinh *(upādārūpa)* liên quan đại sung.

1287.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Quả duyên: Sắc tâm liên quan uẩn dị thục nhân và đại sung.

1288.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Thực duyên:
- ... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương.

- 3 đại sung liên quan 1 đại sung Vô tưởng; sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan đại sung *(mahābhūta)*

1289.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Quyền duyên: 3 đại sung liên quan 1 đại sung,... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương. Sắc mạng quyền liên quan sắc đại sung Vô tưởng.

1290.

Pháp dị thục quả liên quan pháp dị thục quả sanh ra do phi Thiền duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh Ngũ thức, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1291.

Pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do phi Thiền duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thuộc sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương và Vô tưởng.

1292.

Pháp dị thục quả liên quan pháp dị thục quả sanh ra do phi Đạo duyên:... liên quan 1 uẩn quả vô nhơn có 3 cách.

1293.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Đạo duyên:... liên quan 1 uẩn phi quả phi nhân vô nhơn có 3 cách.

1294.

Pháp dị thục quả liên quan pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Đạo duyên: Sát-na tục sinh vô nhân... liên quan 1 uẩn quả và vật có 3 cách.

1295.

- Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục quả sanh ra do phi Tương ưng duyên: Có 2 cách.
- Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Tương ưng duyên: Có 2 cách.
- ... liên quan pháp phi quả phi nhân có 1 cách.

1296.

Pháp dị thục quả liên quan pháp dị thục quả sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả Vô sắc, 3 uẩn liên quan 2 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1297.

Pháp dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn dị thục nhân Vô sắc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1298.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi quả phi nhân Vô sắc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn,... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương.
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung Vô tưởng.
- Sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan (sắc) đại sung.

1299.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục quả sanh ra do phi Vô hữu duyên... phi Ly duyên.

1300.

Phi Nhân 10, phi Cảnh 5, phi Trưởng 13, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận Y 5, phi Tiền sanh 12, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 2, phi Đạo 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

1301.

Phi Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 10, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 10, phi Hậu sanh 10, phi Cố hưởng 10, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 2, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

1302.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có phi Trưởng 3,... phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt phần phi nhân căn

Người trí nên phân đếm theo tam đề thiện *(kusalattika)*

Dứt cách đối lập

1303.

Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 13, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 12, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

1304.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên có phi Trưởng 5,... phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Bất tương ưng 3.

1305.

Nhân duyên, Cảnh duyên cùng Trưởng duyên có phi Tiền sanh 3,... phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Bất tương ưng 3.

1306.

Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên cùng Vô gián duyên, phần căn tóm tắt,... Tiền sanh duyên có phi Hậu sanh 3,... phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, tóm tắt.

Xin đếm như thuận tùng, đối lập trong tam đề thiện

Dứt cách thuận tùng, đối lập

1307.

Phi Nhân duyên có Cảnh 5, ... Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 10, Hỗ tương 7, Y chỉ 10, Cận y 5, Tiền sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 10, Quả 9, Thực 10, Quyền 10, Thiền 10, Đạo 1, Tương ưng 5, Bất tương ưng 10, Hiện hữu 10, Vô hữu 5, Ly 5, Bất ly 10.

1308.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có Đồng sanh 3...Hỗ tương 2, Y chỉ 3, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1309.

Phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên cùng phi Hỗ tương duyên có Đồng sanh 3...Y chỉ 3, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3, tóm tắt.

Phần phi Nhân căn nên phân đếm như tam đề thiện.

Đối lập, thuận tùng nên chia rộng như cách rộng tam đề thiện

Phần Đồng Sanh *(Sahajātavāra)*

1310.

* Pháp quả đồng sanh pháp quả sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn đồng sanh 1 uẩn quả, 1 uẩn đồng sanh 3 uẩn, 2 uẩn đồng sanh 2 uẩn, tóm tắt.
* Nhân 13... Bất ly 13
* Phi Nhân duyên 10,... phi Ly 5.
* Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Bất tương ưng 3.
* Phi Nhân duyên có Cảnh 5,... Bất ly 13.

Dứt phần đồng sanh

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

1311.

* Pháp dị thục quả ỷ trượng pháp dị thục quả sanh ra do Nhân duyên:
  - 3 uẩn ỷ trượng (nhờ cậy) 1 uẩn quả, 1 uẩn ỷ trượng 3 uẩn, 2 uẩn ỷ trượng 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh...
* Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục quả sanh ra do Nhân duyên:
  - Sắc tâm nhờ cậy uẩn quả.
  - Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)* nhờ cậy *(paccaya)* uẩn quả.
* Pháp quả và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp quả sanh ra do Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng *(paccayā)* 1 uẩn quả, 2 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh...

1312.

* Pháp dị thục nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn ỷ trượng 2 uẩn.
* Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm nhờ cậy uẩn dị thục nhân.
* Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 2 uẩn.

1313.

* Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi quả phi nhân, 2 uẩn và sắc tâm *(cittasamaṭṭhāna)* ỷ trượng 2 uẩn, ỷ trượng 1 đại sung... sắc tâm, sắc tục sinh và sắc y sinh nhờ cậy sắc đại sung.
  - Chư uẩn phi quả phi nhân nhờ cậy vật.
* Pháp dị thục quả nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
  - Chư uẩn quả nhờ cậy vật.
  - Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả nhờ cậy vật.
* Pháp dị thục nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Chư uẩn dị thục nhân nhờ cậy vật *(vatthu)*.
* Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
  - Uẩn quả nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.

- Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả nhờ cậy vật, sắc tục sinh nhờ cậy đại sung.

∗ Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Uẩn dị thục nhân nhờ cậy vật, sắc tâm nhờ cậy đại sung.

1314.

∗ Pháp dị thục quả nhờ cậy pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

∗ Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc tâm nhờ cậy uẩn quả và (sắc) đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh nhờ cậy uẩn quả và đại sung.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn quả và đại sung.
- Sát-na tục sinh 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật, sắc tục sinh nhờ cậy uẩn quả và đại sung.

1315.

∗ Pháp dị thục nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn dị thục nhân và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

∗ Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* nhờ cậy uẩn dị thục nhân và (sắc) đại sung.

∗ Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn dị thục nhân và vật *(vatthu)*, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn dị thục nhân và đại sung.

1316.

Pháp dị thục quả nhờ cậy pháp dị thục quả sanh ra do Cảnh duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh.

1317.

Pháp dị thục nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.

1318.

∗ Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cảnh duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi quả phi nhân, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.
- Uẩn phi quả phi nhân nhờ cậy vật.

∗ Pháp dị thục quả ỷ trượng pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cảnh duyên:
- Nhãn thức ỷ trượng (nhờ cậy) nhãn xứ, nhĩ thức ỷ trượng nhĩ xứ, tỷ thức ỷ trượng tỷ xứ, thiệt thức ỷ trượng thiệt xứ, thân thức ỷ trượng thân xứ.
- Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả ỷ trượng vật.

∗ Pháp dị thục nhân ỷ trượng pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cảnh duyên: Chư uẩn dị thục nhân ỷ trượng vật.

1319.

Pháp dị thục quả nhờ cậy pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cảnh duyên:

- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và nhãn xứ,... Nhĩ... tỷ... thiệt... thân.
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.
- Sát-na tục sinh 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

1320.

Pháp dị thục nhân ỷ trượng pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn dị thục nhân và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

1321.

Pháp dị thục quả ỷ trượng pháp dị thục quả sanh ra do Trưởng duyên:

- ... nhờ cậy 1 uẩn quả có 3 cách.
  Trong sát-na tục sinh không có Trưởng duyên *(Adhipati).*
- ... trưởng nhờ cậy pháp dị thục nhân sanh ra có 3 cách.

1322.

Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên:

- 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi quả phi nhân, 2 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 2 uẩn, 3 đại sung nhờ cậy 1 đại sung.
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung,
- Uẩn phi quả phi nhân nhờ cậy vật.

1323.

∗ Pháp dị thục quả nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: Chư uẩn quả ỷ trượng vật.

∗ Pháp dị thục nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: Chư uẩn dị thục nhân nhờ cậy vật *(vatthu).*

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: Chư uẩn quả ỷ trượng vật, sắc tục sinh ỷ trượng đại sung.

∗ Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: Chư uẩn dị thục nhân ỷ trượng vật, sắc tục sinh ỷ trượng (sắc) đại sung.

1324.

∗ Pháp dị thục quả nhờ cậy pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật *(vatthu).*

∗ Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn quả và đại sung.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật. Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn quả và đại sung.

1325.

∗ Pháp dị thục nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn dị thục nhân và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

∗ Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh ỷ trượng uẩn dị thục nhân và đại sung.

∗ Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân và phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn dị thục nhân và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn dị thục nhân và đại sung.

1326.

Pháp dị thục quả nhờ cậy pháp dị thục quả sanh ra do Vô gián duyên, Liên tiếp duyên.

Giống như Cảnh duyên *(Ārammaṇapaccaya)*

1327.

∗... Đồng sanh duyên,... Tương tế duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.

∗ Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục quả sanh ra do Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh: Vật nhờ cậy uẩn quả.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục quả sanh ra do Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh: 3 uẩn và vật nhờ cậy 1 uẩn quả, 2 uẩn và vật nhờ cậy 2 uẩn.

1328.

Pháp dị thục nhân ỷ trượng pháp dị thục nhân sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.

1329.

∗ Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Hỗ tương duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi quả phi nhân, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn, 3 đại sung nhờ cậy 1 đại sung.
- Sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... 3 đại sung nhờ cậy 1 đại sung Vô tưởng, 3 đại sung nhờ cậy 2 đại sung, uẩn phi quả phi nhân nhờ cậy vật.

∗ Pháp dị thục quả nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Hỗ tương duyên:
- Nhãn thức ỷ trượng nhãn xứ,... thân thức ỷ trượng thân xứ, uẩn quả ỷ trượng vật.
- Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả ỷ trượng vật.

∗ Pháp dị thục nhân ỷ trượng pháp phi quả phi nhân sanh ra do Hỗ tương duyên: Chư uẩn dị thục nhân ỷ trượng vật.

1330.

Pháp dị thục quả ỷ trượng pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Hỗ tương duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và nhãn xứ, nhĩ... tỷ... thiệt... thân.
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả và vật 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và vật nhờ cậy 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

1331.

Pháp dị thục nhân ỷ trượng pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn dị thục nhân và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

1332.

* Pháp dị thục quả ỷ trượng pháp dị thục quả sanh ra do Y chỉ duyên *(Nissayapaccayo):* Cũng như Đồng sanh duyên.
* ... Do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn, uẩn nhờ cậy Vật tiền sanh duyên.

Cũng giống như Vô gián duyên *(Anantarapaccayo).*

1333.

Pháp dị thục nhân ỷ trượng pháp dị thục nhân sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả dị thục nhân, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.

1334.

* Pháp phi quả phi nhân ỷ trượng pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cố hưởng duyên:... ỷ trượng *(paccayā)* 1 uẩn phi quả phi nhân, chư uẩn phi quả phi nhân nhờ cậy vật.
* Pháp dị thục nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cố hưởng duyên: Chư uẩn dị thục nhân nhờ cây vật *(vatthu).*

1335.

Pháp dị thục nhân ỷ trượng pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cố hưởng duyên: 1 uẩn nhờ cậy 1 uẩn dị thục nhân và vật, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

1336.

Pháp dị thục quả ỷ trượng pháp dị thục quả sanh ra do Nghiệp duyên: Có 3 cách như Đồng sanh (duyên).

1337.

* Pháp dị thục quả ỷ trượng pháp dị thục quả sanh ra do Quả duyên có 3 cách.
* Pháp phi quả phi nhân ỷ trượng pháp phi quả phi nhân sanh ra do Quả duyên:
  - 3 đại sung ỷ trượng 1 đại sung, 2 đại sung ỷ trượng 2 đại sung.
  - Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh ỷ trượng đại sung.
* ... Pháp dị thục quả và cả 2 câu sau đều có 3 cách.
* ... Pháp dị thục quả và phi quả phi nhân có 3 cách.
* ... Do Thực duyên, Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên.

1338.

Nhân 17, Cảnh 7, Trưởng 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 9, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 4, Nghiệp 17, Quả 9, Thực 17, Quyền 17, Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 17, Ly 7, Bất ly 17.

1339.

Nhân duyên có Cảnh 7,... Trưởng 17, tóm tắt,... Bất ly 17.

Nên đếm rộng như tam đề thiện *(kusalattika).*

Dứt cách thuận tùng

1340.

* Pháp dị thục quả ỷ trượng pháp dị thục quả sanh ra do Nhân duyên: Uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả vô nhơn, có 3 cách.
* Pháp dị thục nhân ỷ trượng pháp dị thục nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp phi quả phi nhân ỷ trượng pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên:... nhờ cậy 1 uẩn phi quả phi nhân vô nhân.

∗ Pháp dị thục quả ỷ trượng pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ...

∗ Pháp dị thục nhân ỷ trượng pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Chư uẩn quả vô nhân nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp dị thục quả nhờ cậy pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên...

∗ ... nhờ cậy pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

∗ Pháp dị thục nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.

∗ Pháp phi quả phi nhân ỷ trượng pháp dị thục quả sanh ra do phi Cảnh duyên, tóm tắt...

Đều phân rộng như bài trước.

1341.

Phi Nhân 12, phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 12, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 4, phi Đạo 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

1342.

Phi Nhân duyên có phi Cảnh 3, phi Trưởng 12, tóm tắt,... phi Ly 3.

Tính đến như bài đối lập *(paccanīya)* tam đề thiện.

Dứt cách đối lập

1343.

Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 17, tóm tắt... phi Ly 5.

Đếm như thuận tùng, đối lập trong tam đề thiện

Dứt cách thuận tùng, đối lập

1344.

∗ Phi Nhân duyên có Cảnh 7,... Vô gián 7, Liên tiếp 7,... Bất ly 12.
∗ Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có Đồng sanh 3,... Hỗ tương 2, tóm tắt,... Bất ly 3.

Xin đếm như đối lập thuận tùng trong tam đề thiện.

Dứt cách đối lập, thuận tùng.

Dứt phần ỷ trượng (paccayavāra)

Phần Y Chỉ *(Nissayavāra)*

1345.

Pháp dị thục quả y chỉ pháp dị thục quả sanh ra do Nhân duyên:... 3 uẩn y chỉ *(nissaya)* 1 uẩn quả.

1346.

- Nhân 17, phi Nhân 12,... phi Ly 5.
- Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Bất Tương Ưng 3.
- Phi Nhân duyên có Cảnh 7,... phi Ly 12.

Dứt phần y chỉ

Phần Hỗn Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

1347.

Pháp dị thục quả hỗn hợp pháp dị thục quả sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn hỗn hợp *(saṅsaṭṭha)* 1 uẩn quả, tóm tắt, nên sắp rộng như bài trước.

1348.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 3, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3, tóm tắt.

Đếm theo như tam đề thiện.

Dứt cách thuận tùng

1349.

Pháp dị thục quả hỗn hợp pháp dị thục quả sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn dị thục quả vô Nhân, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.

Nên đếm theo những bài trước.

1350.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 2, phi Bất tương ưng 3.

Đếm theo như đối lập trong tam đề thiện.

Dứt cách đối lập

1351.

Nhân duyên có phi Trưởng 3, tóm tắt, ... phi Bất tương ưng 3, đếm như thuận tùng, đối lập trong tam đề thiện.

Dứt cách thuận tùng, đối lập

1352.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3, ... Bất ly 3.

Đếm như đối lập, thuận tùng trong tam đề thiện.

Dứt cách đối lập, thuận tùng

Hết phần hỗn hợp

Phần Tương Ưng *(Sampayuttavāra)*

1353.

Pháp dị thục quả tương ưng pháp dị thục quả sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn tương ưng 1 uẩn quả.

Phi Nhân có 3, Nhân duyên có phi Trưởng 3, phi Nhân duyên có Cảnh 3,

Dứt phần tương ưng

Phần Vấn Dề *(Pañhāvāra)*

1354.

∗ Pháp quả làm duyên cho pháp quả bằng Nhân duyên:
- Nhân dị thục quả làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân dị thục quả làm duyên cho uẩn tương ưng.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Nhân duyên:
- Nhân dị thục quả làm duyên cho sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân dị thục quả làm duyên cho sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân bằng Nhân duyên:
- Nhân dị thục quả làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân dị thục quả làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

1355.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Nhân duyên: Nhân dị thục nhân làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Nhân duyên: Nhân dị thục nhân làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân bằng Nhân duyên: Nhân dị thục nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1356.

Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Nhân duyên: Nhân phi quả phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

1357.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Cảnh duyên: Như là quán thấy uẩn quả bằng cách tỏ ngộ vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất vui mừng hớn hở, vì mong mỏi nó nên ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu phát sanh. Sau khi bất thiện hay thiện diệt rồi thì tâm mót *(tadāramamaṇa)* là quả phát sanh.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cảnh duyên:
- Bậc hữu học *(sekkhā)* phản khán quả quán thấy uẩn quả bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất thích hợp án trí *(ārabbha)* ấy có thể ái... cho đến ưu sanh ra. Hay tha tâm thông biết rõ tâm tề toàn bằng tâm quả.
- Uẩn quả làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cảnh duyên:
- Như là La-hán phản kháng quả, tỏ ngộ uẩn quả bằng vô thường, khổ não, vô ngã. tha tâm thông thấy rõ yâm người tề toàn tâm quả.
- Chư uẩn quả làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông, lối chiếu khán *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1358.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, trì giới, nguyện ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán xét lại phước chứa để trước kia. xuất thiền rồi phản khán thiền. Bực hữu học *(sekkhā)* phản

khán tâm chuyển tộc (*gotrabhū),* phản khán tâm dũ tịnh *(vedanā)*. Sau khi xuất đạo phản khán đạo; phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não đã hạn chế, biết rõ phiền não đã từng sanh trước kia. Quán ngộ uẩn dị thục nhân bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hớn hở do căn cứ *(ārabbha)* ấy nên ái... cho đến ưu phát sanh. Hay là tha tâm thông rõ biết tâm người tề toàn tâm dị thục nhân.
- Không vô biên xứ thiện làm duyên cho Thức vô biên xứ thiện bằng Cảnh duyên.
- Vô sở hữu xứ thiện làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiện bằng Cảnh duyên.
- Uẩn dị thục nhân làm duyên cho thần túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Cảnh duyên.
- Như là quán ngộ uẩn dị thục nhân bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hớn hở, do căn cứ *(ārabbha)* ấy nên ái... ưu sanh ra.
- Dù thiện hay bất thiện diệt rồi thì tâm mót *(tadārammaṇa)* là quả sanh ra.
- Không vô biên xứ thiện làm duyên cho Thức vô biên xứ quả bằng Cảnh duyên...
- Vô sở hữu xứ thiện làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ quả bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cảnh duyên:
- La-hán xuất khỏi đạo rồi phản khán đạo và phản khán phước chứa để trước kia. La-hán phản khán phiền não đã trừ, xét rõ phiền não từng sanh trước kia, quán ngộ uẩn dị thục nhân bằng lốivô thường, khổ não,vô ngã.
- Tha tâm thông rõ tâm người tề toàn tâm dị thục nhân.
- Không vô biên xứ thiện làm duyên cho Thức vô biên xứ tố *(kiriyā)* bằng Cảnh duyên,... Vô sở hữu xứ thiện làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ tố *(kiriyā)* bằng Cảnh duyên.
- Những uẩn dị thục nhân làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông, quán chiếu *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1359.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cảnh duyên:
- Chư La-hán phản khán Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên cho chiếu khán *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Chư La-hán quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.... Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc. Quán ngộ vật *(vatthu)*... uẩn phi quả phi nhân bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã di ấn trí nhãn *(dibbacakkhu)* thấy sắc, thiên nhĩ *(dibbasota)* nghe tiếng.
- Tha tâm thông biết rõ tâm người khác hội hiệp tâm phi quả phi nhân.
- Không vô biên xứ tố *(kiriyā)* làm duyên cho Thức vô biên xứ tố bằng Cảnh duyên.
- Vô sở hữu xứ tố làm duyên cho thức phi tưởng phi phi tưởng xứ tố bằng Cảnh duyên.
- Chư uẩn phi quả phi nhân làm duyên cho thần túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông, chiếu khán *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Cảnh duyên:
- Níp Bàn làm duyên cho quả bằng Cảnh duyên. Bực hữu học *(sekkhā)* hay phàm phu *(puthujana)* quán ngộ nhãn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, di ấn trí *(ārabbha)* ấy có thể phát sanh ái... cho đến ưu sanh ra.

- Dù thiện hay bất thiện vừa dứt thì tâm mót là quả sanh ra... nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc. Quán ngộ vật *(vatthu)*... uẩn phi quả phi nhân bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan do ấn trí *(ārabbha)* ấy có thể ái.. cho đến ưu phát sanh.
- Dù thiện hay bất thiện vừa dứt thì tâm mót là quả phát sanh. nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cảnh duyên:
- Bực hữu học *(sekkhā)* phản khán Níp Bàn thời Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vedanā)* và đạo bằng Cảnh duyên.
- Bực hữu học *(sekkhā)* hay phàm phu *(pinthajana)* quán ngộ nhãn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan... cho đến ưu phát sanh,... Nhĩ... quán ngộ uẩn phi quả phi nhân bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông biết rõ tâm người khác tâm phi quả phi nhân tựu hợp.
- Chư uẩn phi quả phi nhân làm duyên cho thần túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

1360.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Trưởng duyên:
- Trưởng đồng sanh *(Sahajātādhipati)* như là trưởng quả làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh *(Ārammanādhipati)* như là bậc hữu học phản khán nặng nề về quả, thỏa thích rất hân hoan uẩn dị thục quả đã nặng ấy nên có thể ái, tà kiến.. phát sanh.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như vầy: Chư La-hán đã phản khán nặng về quả.
- Trưởng đồng sanh như là trưởng quả làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân bằng Trưởng duyên:
- Trưởng đồng sanh như là trưởng quả làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

1361.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh *(Āramamanādhipati)* như là sau khi bố thí, nguyện ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán nặng về sự đã làm ấy, phản khán đã nặng về chất chứa phước trước. Sau khi xuất thiền đã nặng về thiền rồi phản khán. Bực hữu học nặng về chuyển tộc *(gotrabhū)* rồi phản khán, nặng về dũ tịnh *(vedanā)* rồi phản khán; bậc hữu học xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán. Nặng về uẩn dị thục nhân rồi thỏa thích rất hân hoan, do đã nặng nên ái, tà kiến... có thể phát sanh.
- Trưởng đồng sanh *(Sahajātāgdhipati)* như là trưởng dị thục nhân làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như là La-hán xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.
- Trưởng đồng sanh như là trưởng dị thục nhân làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân bằng Trưởng duyên:
- Trưởng đồng sanh như là trưởng dị thục nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

1362.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như là La-hán nặng về Níp Bàn rồi phản khán.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi quả phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như là Níp Bàn làm duyên cho quả bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như là bậc hữu học nặng về Níp Bàn rồi phản khán. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū),* dũ tịnh *(vedanā)* và đạo bằng Trưởng duyên. Nặng về nhãn rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng có sau mới phát sanh ái, tà kiến...,... Nhĩ...nặng về uẩn phi quả phi nhân rồi mới thỏa thích rất hân hoan do đã nặng đó có thể phát sanh ái, tà kiến...

1363.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả sanh ra bằng Vô gián duyên:
- Những uẩn quả sanh trước trước làm duyên cho những uẩn quả sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Ngũ thức *(pañcaviññāna)* làm duyên cho ý giới quả bằng Vô gián duyên.
- Ý giới quả làm duyên cho ý thức giới quả bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Vô gián duyên:
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* làm duyên cho tâm khán môn *(āvajjana)* bằng Vô gián duyên.
- Ý thức giới quả làm duyên cho ý thức giới tố *(kiriyā)* bằng Vô gián duyên.

1364.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Vô gián duyên:
- Những uẩn dị thục nhân sanh trước trước làm duyên cho những uẩn dị thục nhân sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū).*
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vedanā).*
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho tâm đạo.
- Tâm dũ tịnh *(vedanā)* làm duyên cho tâm đạo bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Vô gián duyên:

- Những uẩn dị thục nhân làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* đạo làm duyên cho quả.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* của bậc hữu học làm duyên cho quả nhập thiền.
- Khi xuất thiền diệt, tâm thiện Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho tâm quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1365.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Vô gián duyên:
- Chư uẩn phi quả phi nhân sanh trước trước làm duyên cho chư uẩn phi quả phi nhân sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Vô gián duyên:
- Khán môn *(āvjjana)* làm duyên cho ngũ thức bằng Vô gián duyên.
- Những uẩn phi quả phi nhân làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna);* tâm thuận tùng *(anuloma)* của bực La-hán làm duyên cho quả nhập thiền; khi xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho uẩn dị thục nhân bằng Vô gián duyên. Khán môn *(āvjjana)* làm duyên cho uẩn dị thục nhân bằng Vô gián duyên.

1366.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Liên tiếp duyên cũng như Vô gián duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn quả làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên có 3 cánh.

1367.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Đồng sanh duyên có 3 cách.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn phi quả phi nhân... 1 đại sung... sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương. 1 đại sung Vô tưởng...

1368.

Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Đồng sanh duyên: Sát-na tục sinh: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn quả bằng Đồng sanh duyên.

1369.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Đồng sanh duyên: Sát-na tục sinh: 1 uẩn quả và vật *(vatthu)* làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Đồng sanh duyên: Uẩn quả và (sắc) đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* bằng Đồng sanh duyên.

1370.

Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Đồng sanh duyên: Chư uẩn dị thục nhân và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Đồng sanh duyên.

1371.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Hỗ tương duyên: 1 uẩn quả... Sát-na tục sinh...

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả làm duyên cho vật bằng Hỗ tương duyên:

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân bằng Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh: 1 uẩn quả làm duyên cho 3 uẩn và vật *(vatthu)* bằng Hỗ tương duyên.

1372.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Hỗ tương duyên: 1 uẩn dị thục nhân làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Hỗ tương duyên: 1 uẩn phi quả phi nhân làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn quả bằng Hỗ tương duyên.

1373.

Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh: 1 uẩn quả và vật làm duyên cho 3 uẩn: Có 7 cách.

1374.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Y chỉ duyên có 3 cách.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân có 3 cách.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân...

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả như nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Y chỉ duyên,... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn quả. Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn quả.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Y chỉ duyên: Vật làm duyên cho uẩn dị thục nhân.

1375.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Y chỉ duyên:
  - 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ... và thân xứ. 1 uẩn quả và vật làm duyên cho 3 uẩn.
  - Sát-na tục sinh: 1 uẩn dị thục quả và vật làm duyên cho...

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Y chỉ duyên: Uẩn quả và đại sung... Sát-na tục sinh...

∗ Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Y chỉ duyên: 1 uẩn dị thục nhân và vật *(vatthu)*...

∗ Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Y chỉ duyên: Những uẩn dị thục nhân và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh, có 13 câu.

1376.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như thân an vui làm duyên cho thân lạc, thân khổ, nhập thiền quả bằng Cận y duyên. Thân đau khổ, làm duyên cho thân lạc thân khổ, nhập thiền quả bằng Cận y duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như là nương thân lạc mạnh có thể bố thí, nguyện trì giới... cũng có thể phá hòa hợp Tăng; nương thân đa khổ có thể bố thí, nguyện trì giới... cũng có thể phá hòa hợp Tăng; do thân đa lạc đa khổ làm duyên cho đức tin... cho đến vọng dục bằng Cận y duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cận y duyên: Có cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như là La-hán đa nương thân lạc, dù cho thiền tố *(kiriyā)* chưa từng nhập, cũng nhập đặng; quán ngộ chư hành bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã; đa nương thân khổ, thiền tố *(kiriyā)* dù chưa từng nhập, cũng nhập đặng.

1377.

Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

+ Thuần cận y như là:
  - Đa nương đức tin, bố thí... có thể phát sanh ngã mạn, tà kiến hoặc trì giới, đa văn, xả thí.
  - Đa nương tuệ, bố thí... phát khởi ngã mạn, tà kiến cho đến phát sanh ái, sân, si, ngã mạn, tà kiến... Đa nương vọng dục có thể bố thí...Nhập thiền phát sanh, hay sát sanh, trộm cướp... cho đến phá hòa hợp Tăng, đức tin... mong mỏi, tín ngưỡng, trì giới.. hy vọng do Cận y duyên.
  - Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ thiền làm duyên cho sơ thiền...Tâm chỉnh lý *(parikamma)* Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Sơ thiền làm duyên cho nhị thiền... Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cận y duyên... tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ đạo làm duyên cho sơ đạo,... tâm chỉnh lý *(parikamma)* tứ đạo làm duyên cho tứ đạo; sơ đạo làm duyên cho nhị đạo; nhị đạo làm duyên cho tam đạo, tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên *(Upanissayapaccayo).*
  - Bực hữu học *(sakkhā)* đa nương đạo, thiền thiện chưa từng sanh cũng đặng sanh... Đạo hữu học làm duyên cho nghĩa lý đại thông *(atthapaṭisambhidā)*... cho đến thông thấu sở *(ṭhāna)*, phi sở *(aṭhāna)* bằng Cận y duyên.
  - Sát sanh làm duyên cho sát sanh... cho đến tà kiến bằng Cận y duyên.
  - Tà kiến làm duyên cho tà kiến cho đến sân độc.
  - Nghiệp sát phụ làm duyên cho nghiệp sát phụ bằng Cận y duyên...cho đến tà kiến nhứt định bằng Cận y duyên.
  - Tà kiến nhứt định làm duyên cho tà kiến nhứt định... cho đến phá hòa hợp Tăng bằng Cận y duyên.

1378.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như là nương đức tin mạnh có thể tự làm bực bội nóng nảy bằng cánh khổ do tìm tòi làm căn bản *(ārabbha).* Đa nương hy vọng có

thể tự làm bực bội nóng nảy... đức tin... sự mong mỏi làm duyên cho thân lạc, thân khổ, nhập thiền quả bằng Cận y duyên.
- Thiện hay bất thiện làm duyên cho nghiệp quả bằng Cận y duyên. Đạo làm duyên cho nhập thiền quả bằng Cận y duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như chư La-hán đa nương quả, thiền tố *(kiriyā)* chưa từng sanh cũng nhập thiền tố *(kiriyā)* đặng. Quán ngộ hành vi vô thường, khổ não, vô ngã... đạo La-hán làm duyên cho nghĩa đạt thông *(atthapaṭisambhidā)*, pháp đạt thông *(dhammapaṭisambhidā)*, ngữ đạt thông *(niruttipatisambhidā)* cấp trí đạt thông *(patibhānapaṭisambhidā)*, cho đến thấu rõ xứ *(ṭhāna)*, phi xứ *(aṭhāna)* bằng Cận y duyên.

1379.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như là chư La-hán đa nương âm dương *(utu)*, vật thực, chỗ ở, mà thiền tố *(kiriyā)* chưa từng sanh cũng nhập thiền tố *(kiriyā)* đặng.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Âm dương vật thực, chổ ở *(senāsana)* làm duyên cho thân lạc thân khổ từ nhập thiền quả bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y *(pakatūpanissaya)* như là nương âm dương *(utu)* có thể bố thí... chi đến phá hòa hợp Tăng. Rất nương vật thực, chổ ở có thể bố thí...cho đến phá hòa hợp Tăng.
- Rất nương âm dương, vật thực, chổ ở làm duyên cho đức tin... mong mỏi bằng Cận y duyên.

1380.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh *(ārammaṇapurejāta)* như là chư La-hán quán ngộ nhãn bằng lối vô thường... thấy sắc... xúc, vật bằng lối vô thường... thiên nhãn thấy sắc... thiên nhĩ nghe tiếng...
- Vật tiền sanh *(vatthupurejāta)* như: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn phi quả phi nhân bằng tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh.
- Cảnh tiền sanh như là chư hữu học *(sekkhā)* hoặc phàm phu *(puthujana)* quán ngộ nhãn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã rất hoan lạc do ấn trí *(ārabba)* ấy nên ái... cho đến sân phát sanh.
- Dù thiện hay bất thiện diệt rồi thì tâm mót *(tadārammana)* là quả phát sanh. Nhĩ... vật bằng lối vô thường... tâm mót phát sanh. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Tiền sanh duyên. Xúc xứ làm duyên cho thân thức.

- Vật tiền sanh như là nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xứ làm duyên cho thân thức. Vật làm duyên cho uẩn quả bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như chư hữu học hay phàm phu quán ngộ nhãn... do ấn trí *(ārabbha)* do đó nên ái... cho đến ưu phát sanh. Quán ngộ nhĩ...Vật bằng cách vô thường,... cho đến ưu... thấy sắc bằng thiên nhãn... nghe tiếng bằng thiên nhĩ.
- Vật tiền sanh như vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn dị thục nhân bằng Tiền sanh duyên.

1381.

Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân sanh ra bằng Hậu sanh duyên: Chư uẩn quả sanh sau sau làm duyên cho những thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1382.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Hậu sanh duyên.

1383.

Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cố hưởng duyên:
- Chư uẩn dị thục nhân sanh trước trước làm duyên cho những uẩn dị thục nhân sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho dũ tịnh *(vedanā)* chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; dũ tịnh *(vedanā)* làm duyên cho đạo đầu bằng Cố hưởng duyên *(āsevanapaccayo).*

1384.

Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cố hưởng duyên:... trước trước bằng Cố hưởng duyên.

1385.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Nghiệp duyên:
- Tư *(cetanā)* quả làm duyên cho những uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Sát-na tục sinh: Tư quả *(vipākacetanā)...*

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Nghiệp duyên:
- Tư quả *(vipākacetanā)* làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Sát-na tục sinh: Tư quả làm duyên cho sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân bằng Nghiệp duyên:
- Tư quả làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Sát-na tục sinh: Tư quả làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1386.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* dị thục nhân làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Nghiệp duyên:
- Biệt thời *(nānākhaṇika)* như: Tư *(cetanā)* dị thục nhân làm duyên cho uẩn dị thục quả bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh *(Sahajāta)* và Biệt thời *(nānākhannika):*
- Đồng sanh như tư dị thục nhân làm duyên cho sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như tư dị thục nhân làm duyên cho sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân bằng Nghiệp duyên:

- Biệt thời như tư dị thục nhân làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân bằng Nghiệp duyên: Tư dị thục nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

1387.

Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Nghiệp duyên: Tư phi quả phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

1388.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Quả duyên: 1 uẩn quả làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Quả duyên:
- Chư uẩn quả làm duyên cho sắc tâm bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quả duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân bằng Quả duyên:
- 1 uẩn quả làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn quả làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Quả duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Thực duyên:
- Thực quả *(āharavipāka)* làm duyên cho uẩn tương ưng có 3 cách. Dù tục sinh *(paṭṭisandhi)* cũng phân thành 3 như thế.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Thực duyên có 3 cách.

1389.

Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Thực duyên:

Thực phi quả phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên *(āhārapaccayo)*. Đoàn thực *(kabalīnkarāhāra)* làm duyên cho thân này bằng Thực duyên.

1390.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Quyền duyên có 3 cách.
- Dù tục sinh cũng nên phân như thế.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Quyền duyên có 3 cách.

1391.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Quyền duyên:
- Quyền phi quả phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên *(Indrīyapaccayo)*.
- Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.

* Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Quyền duyên: nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức bằng Quyền duyên. Thân quyền ...

1392.

Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Quyền duyên: nhãn quyền và nhãn thức làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Quyền duyên...Thân quyền và thân thức làm duyên cho uẩn đồng sanh thân thức bằng Quyền duyên.

1393.

* Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Thiền duyên có 3 cách.
* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Thiền duyên có 3 cách.
* Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Thiền duyên: Chi thiền phi quả phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Thiền duyên.

1394.

* Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Đạo duyên có 3 cách.
* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Đạo duyên có 3 cách.
* Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Đạo duyên: Chi đạo phi quả phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên *(Maggapaccayo).*

1395.

Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Tương ưng duyên: 1 uẩn dị thục quả làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn. Sát-na tục sinh....

1396.

* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Tương ưng duyên:
* Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Tương ưng duyên: ...2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Tương ưng duyên.

1397.

Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh duyên:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Chư uẩn quả làm duyên cho sắc tâm *(cittasamuṭṭhāna)*. Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả làm duyên cho sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)*.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như chư uẩn quả làm duyên cho thân thể ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1398.

Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như những uẩn dị thục nhân làm duyên cho sắc tâm.
- Hậu sanh như những uẩn dị thục nhân làm duyên cho thân thể này sanh trước trước bằng Bất tương ưng duyên.

1399.

* Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như những uẩn phi quả phi nhân làm duyên cho sắc nương tâm sanh.

- Tiền sanh như: Vật làm duyên cho các uẩn phi quả phi nhân bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Những uẩn phi quả phi nhân làm duyên cho thân thể ấy sanh trước trước bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn quả bằng Bất tương ưng duyên:
- Tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn quả bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Bất tương ưng duyên: Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn dị thục nhân bằng Bất tương ưng duyên.

1400.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn quả làm duyên cho 3 uẩn. Sát-na tục sinh: 1 uẩn quả làm duyên cho 3 uẩn.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như chư uẩn quả làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo)*. Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả làm duyên cho sắc tục sinh.
- Hậu sanh như: Chư uẩn quả làm duyên cho những thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn quả làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm. Sát-na tục sinh...

1401.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Hiện hữu duyên: 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như chư uẩn dị thục nhân làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như chư uẩn dị thục nhân làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn dị thục nhân làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo)*

1402.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh *(Sahajāta)* như 1 uẩn phi quả phi nhân làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên; 1 sắc đại sung... sắc đại sung làm duyên cho sắc tâm, sắc tục sinh và sắc y sinh bằng Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo)*. Sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... 1 đại sung Vô tưởng...

- Tiền sanh *(Purejāta)* như chư La-hán quán ngộ nhãn, nhĩ, vật... bằng lối vô thường...Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng... vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn phi quả phi nhân bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như chư uẩn phi quả phi nhân làm duyên cho những thân sanh trước ấy bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực *(kabaliṅkārāhāra)* làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên. Sắc mạng quyền *(rūpajīvitindrīya)* làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn quả bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như bậc hữu học hay phàm phu quán ngộ nhãn... vật bằng cách vô thường.. rồi thỏa thích... do ấn trí (mở mối) ấy nên ái.. cho đến ưu có thể phát sanh. Dù thiện hay bất thiện vừa dứt thì tâm mót *(tadārammana)* là quả phát sanh; nhĩ.. vật.. Tâm mót là quả... sắc xứ làm duyên cho nhãn thức... xúc xứ làm duyên cho thân thức, nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xúc làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn quả đều bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Hiện hữu duyên:
- Tiền sanh như: Bậc hữu học hay phàm phu quán ngộ nhãn bằng lối vô thường... thỏa thích... đến đỗi ưu phát sanh... nhĩ...vật; vô thường... cho đến ưu phát sanh.
- Thiên nhãn... vật làm duyên cho uẩn dị thục nhân bằng Hiện hữu duyên.

1403.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ làm duyên cho 3 uẩn... 1 uẩn quả Đồng sanh thân thức và vật làm duyên cho 3 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn quả và vật làm duyên cho 3 uẩn.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như chư uẩn quả và tứ đại sung làm duyên cho sắc tâm. Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như chư uẩn quả và đoàn thực *(kabaliṅkārāhāra)* làm duyên cho thân ấy.
- Hậu sanh như chư uẩn quả và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)*.

1404.

∗ Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

  Đồng sanh như: 1 uẩn dị thục nhân và vật làm duyên cho 3 uẩn.

∗ Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như chư uẩn dị thục nhân và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh.
- Hậu sanh như chư uẩn dị thục nhân và đoàn thực làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như chư uẩn dị thục nhân và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh.
- Pháp dị thục quả...

Vô hữu duyên, Ly duyên cũng như Vô gián duyên.
Bất ly duyên cũng như Hiện hữu duyên.

1405.

Nhân duyên có 7, Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 11, Hỗ tương 7, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 9, Quả 3, Thực 7, Quyền 9, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1406.

Nhân duyên có Trưởng 7,.... Đồng sanh 7, Hỗ tương, Y chỉ 7, Quả 3, Quyền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Bất ly 7.

Về thuận tùng *(anunloma)* trong phần vấn đề *(pañhāvāra)* cũng giống như tam đề thiện; nên đếm tính rộng như thế.

Dứt cách thuận tùng

1407.

* Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Cảnh duyên... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên
* Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cảnh duyên... bằng Cận y duyên:
* Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cảnh duyên... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Hậu sanh duyên
* Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân bằng Đồng sanh duyên.

1408.

* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cảnh duyên... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên.
* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Cảnh duyên... bằng Cận y duyên...bằng Nghiệp duyên.
* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cảnh duyên... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Hậu sanh duyên... bằng Nghiệp duyên.
* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân bằng Nghiệp duyên.
* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân bằng Đồng sanh duyên.

1409.

* Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cảnh duyên... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Tiền sanh duyên... bằng Hậu sanh duyên... bằng Thực duyên... bằng Quyền duyên.
* Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Cảnh duyên... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cảnh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Tiền sanh duyên.

1410.

* Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục Quả có Đồng sanh và Tiền sanh.
* Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1411.

* Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Hậu sanh, Tiền sanh.
* Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1412.

Phi Nhân 16, phi Cảnh 16, phi Trưởng 16, phi Vô gián 16, phi Liên tiếp 16, phi Đồng sanh 12, phi Hỗ tương 12, phi Y chỉ 12, phi Cận y 16, phi Tiền sanh 14, phi Hậu sanh 16, phi Cố hưởng 16, phi Nghiệp 15, phi Quả 14, phi Thực 16, phi Quyền 16, phi Thiền 16, phi Đạo 16, phi Tương ưng 12, phi Bất tương ưng 10, phi Hiện hữu 10, phi Vô hữu 16, phi Ly 16, phi Bất ly 10.

1413.

Phi Nhân duyên có phi Cảnh 16.... phi Ly 10.

Nên phân đối lập rộng như tam đề thiện *(kusalattika).*

Dứt cách đối lập

1414.

Nhân duyên có phi Cảnh 7,... phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 4, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

1415.

Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 7, tóm tắt,... phi Ly 7.

Nên chia ra rộng như thuận tùng, đối lập trong tam đề thiện.

Dứt cách thuận tùng, đối lập

1416.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 11, Hỗ tương 7, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 9, Quả 3, Thực 7, Quyền 9,Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1417.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có Trưởng 7, tóm tắt... Bất ly 13.

Nên chia rộng đối lập, thuận tùng như trong tam đề thiện.

Dứt phần tam đề quả về phần thứ ba

TAM ĐỀ THỦ *(UPĀDINNATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāva)*

1418.

* Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên:
  - 3 uẩn liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ; 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn;
  - Vật liên quan uẩn; uẩn liên quan vật;
  - 3 đại sung liên quan 1 đại sung thủ cảnh thủ; 2 đại sung liên quan 2 đại sung;
  - Sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

* Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thủ cảnh thủ *(upādinnupādāniyadhamma).*

* Pháp thủ cảnh thủ và phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.

1419.

Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi thủ cảnh thủ, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn;
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung phi thủ cảnh thủ;
- Sắc tâm và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

1420.

* Pháp phi thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi thủ phi cảnh thủ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

* Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm liên quan uẩn phi thủ phi cảnh thủ *(anupādinna anupādā niyadhamma).*

* Pháp phi thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi thủ cảnh thủ, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.

1421.

* Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm liên quan uẩn phi thủ phi cảnh thủ và đại sung.

1422.

Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm liên quan uẩn thủ cảnh thủ và (sắc) đại sung.

1423.

Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ... Sát-na tục sinh...
- ... liên quan pháp phi thủ cảnh thủ...
- ... liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên có 3 cách.

1424.

* Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Trưởng duyên:
  - 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi thủ cảnh thủ… liên quan 1 đại sung;

- Sắc tâm và sắc y sinh liên quan đại sung *(mahābhūtarūpa)...*

∗ … Liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ có 3 cách.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi thủ phi cảnh thủ và (sắc) đại sung.

1425.

∗ Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Vô gián duyên... Liên tiếp duyên...Đồng sanh duyên:
- ... liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ;
- Sát-na tục sinh:... liên quan 1 đại sung.
- Sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan đại sung;... liên quan 1 đại sung Vô tưởng; sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

... liên quan pháp thủ cảnh thủ có 3 cách.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Đồng sanh duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi thủ cảnh thủ, ... liên quan 1 đại sung; sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan đại sung.
- Sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương …; ... liên quan 1 đại sung; … liên quan pháp phi thủ cảnh thủ có 3 cách.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ và phi thủ cảnh thủ.

1426.

∗ Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Hỗ tương duyên:
- ... liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và vật liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ; vật liên quan uẩn; uẩn liên quan vật.... liên quan 1 đại sung, 2 đại sung liên quan 2 đại sung;... 1 đại sung Vô tưởng.

∗ ... Liên quan pháp phi thủ cảnh thủ: Sắc ngoại,... Sắc vật thực, sắc âm dương...

∗ ... Liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ...

1427.

... Liên quan pháp thủ cảnh thủ bằng Y chỉ duyên có 9 câu,... do Cận y duyên:

1428.

Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Tiền sanh duyên có 3 cách.

1429.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Cố hưởng duyên: ...liên quan 1 uẩn phi thủ cảnh thủ.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Cố hưởng duyên: ...liên quan 1 uẩn phi thủ phi cảnh thủ.

1430.

Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nghiệp duyên: Có 9 câu như Nhân duyên.

1431.

∗ Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Quả duyên: Có 3 cách.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Quả duyên *(Vipākapaccayo):*...liên quan 1 đại sung; sắc tâm và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Quả duyên: 3 đại sung liên quan 1 uẩn phi thủ phi cảnh thủ: Có 9 câu.

1432.

Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Thực duyên... Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên.

Trí thức nên phân rộng như phần liên quan *(paṭicca)* trong tam đề thiện *(kusalattika).*

1433.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 5, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 3, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 9.

Nhân duyên có Cảnh 3,... Bất ly 9.

Nên phân đếm rộng như phần liên quan trong tam đề thiện.

Dứt cách thuận tùng

1434.

∗ Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 3 uẩn liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ vô nhân; 2 uẩn 1 liên quan 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ; 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 3 đại sung liên quan 1 đại sung; sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung;... liên quan 1 đại sung Vô tưởng; sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thủ cảnh thủ vô nhân.

∗ Pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ vô nhân; 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.

1435.

Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi thủ cảnh thủ vô nhân; 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn;... liên quan 1 đại sung phi thủ cảnh thủ; sắc nương tâm sanh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.
  - Sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... liên quan 1 đại sung; sắc y sinh liên quan sắc đại sung.
  - Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1436.

Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nhân duyên: Sắc tâm liên quan uẩn thủ cảnh thủ vô nhân và đại sung.

1437.

∗ Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Cảnh duyên: Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn thủ cảnh thủ; vật liên quan uẩn; 3 đại sung liên quan 1 đại sung;... liên quan 1 đại sung Vô tưởng.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thủ cảnh thủ.

* Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thủ cảnh thủ; ... liên quan 1 đại sung; ... liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương.

* Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ.

* Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi thủ phi cảnh thủ và sắc đại sung.

* Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thủ cảnh thủ và đại sung.

1438.

* Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Trưởng duyên:
  Phần tục sinh đầy đủ cả 3 đề.
  ...liên quan pháp phi thủ cảnh thủ có 1 đề.

* Pháp phi thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Trưởng duyên: Trưởng phi thủ phi cảnh thủ liên quan uẩn phi thủ phi cảnh thủ.

* Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thủ cảnh thủ và đại sung.

1439.

* Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Vô gián duyên, tóm tắt... phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên:

* Pháp phi thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Cố hưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi thủ phi cảnh thủ quả, tóm tắt.

1440.

Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* phi thủ cảnh thủ liên quan uẩn phi thủ cảnh thủ...liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực và sắc âm dương.

1441.

Pháp phi thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* phi thủ phi cảnh thủ liên quan uẩn phi thủ phi cảnh thủ thiện.

1442.

* Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên: ...liên quan 1 đại sung Vô tưởng; sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan đại sung.

* Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên có 1 đề.

* Pháp phi thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi thủ phi cảnh thủ thiện có 3 đề.

* Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi thủ phi cảnh thủ thiện và sắc đại sung.

1443.

* Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Thực duyên: ...liên quan 1 đại sung Vô tưởng
* Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Thực duyên: ...liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc âm dương, tóm tắt.

1444.

Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Quyền duyên: Sắc mạng quyền liên quan sắc đại sung Vô tưởng.

1445.

Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Quyền duyên: ...liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương.

1446.

* Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Thiền duyên: 3 đại sung liên quan 1 uẩn đồng sanh ngũ thức, tóm tắt;... liên quan 1 đại sung Vô tưởng.
* Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Thiền duyên: ...liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương.

1447.

Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Đạo duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ vô nhân: Có 5 câu.

1448.

Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Tương ưng duyên: Như phi Cảnh duyên.

1449.

* Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ Vô sắc;... liên quan 1 đại sung Vô tưởng.
* Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi thủ cảnh thủ Vô sắc;... liên quan 1 sắc đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương.
* Pháp phi thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi thủ phi cảnh thủ Vô sắc; 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1450.

Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Vô hữu duyên... phi Ly duyên:

Xin trí thức nên phân rộng như phần đối lập trong tam đề thiện *(kusalattika).*

1451.

Phi Nhân 5, phi Cảnh 6, phi Trưởng 6, phi Vô gián 6, phi Liên tiếp 6, phi Hỗ tương 6, phi Cận y 6, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 2, phi Quả 6, phi Thực 2, phi Quyền 2, phi Thiền 2, phi Đạo 5, phi Tương ưng 6, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 6, phi Ly 6.

Phi Nhân duyên có phi Cảnh 4, tóm tắt... phi Ly 4.

Phân đếm như tam đề thiện *(kusalattika).*

Dứt cách đối lập

1452.

Nhân duyên có phi Cảnh 6, tóm tắt,... phi ly 6.

Xin phân đếm rộng phần thuận tùng. Đối lập như trong tam đề thiện *(kusalattika).*

Dứt cách thuận tùng, đối lập

1453.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2, tóm tắt,... Bất ly 5.

Xin phân đếm rộng phần đối lập thuận tùng như trong tam đề thiện *(kusalattika)*.

Dứt cách đối lập, thuận tùng

Hết phần liên quan (paṭṭiccavāra)

Phần Đồng Sanh *(Sahajātavāra)*

1454.

Pháp thủ cảnh thủ đồng sanh pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên:

Phần đồng sanh như phần liên quan *(paṭiccavāra)*

Dứt phần đồng sanh

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

1455.

∗ Pháp thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thủ cảnh thủ.
- Sát-na tục sinh: Vật ỷ trượng *(paccayā)* uẩn; uẩn ỷ trượng vật; 3 đại sung ỷ trượng 1 đại sung; sắc tục sinh và sắc y sinh ỷ trượng đại sung; uẩn thủ cảnh thủ nhờ cậy vật.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm nhờ cậy uẩn thủ cảnh thủ; chư uẩn phi thủ cảnh thủ nhờ cậy vật.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Uẩn phi thủ phi cảnh thủ ỷ trượng vật.

∗ Pháp thủ cảnh thủ và phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn thủ cảnh thủ.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi thủ phi cảnh thủ và vật; 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp phi thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn phi thủ phi cảnh thủ và sắc đại sung.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thủ cảnh thủ và đại sung; 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi thủ cảnh thủ và vật; 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

1456.

∗ Pháp thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thủ cảnh thủ; 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn;
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thủ cảnh thủ; 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn; uẩn nhờ cậy vật;

- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ;
- Chư uẩn thủ cảnh thủ nhờ cậy vật.

* Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên: Chư uẩn phi thủ cảnh thủ nhờ cậy vật *(vatthu).*

* Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên: Uẩn phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy vật.

* Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi thủ cảnh thủ; 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.

* Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi thủ phi cảnh thủ; 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.

1457.

* Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi thủ phi cảnh thủ và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật

* Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn phi thủ cảnh thủ và vật, 2 uẩn ỷ trượng 2 uẩn và vật.

1458.

* Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Trưởng duyên: Chư uẩn phi thủ cảnh thủ nhờ cậy vật.
* Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Trưởng duyên: Chư uẩn phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy vật.
* Pháp phi thủ cảnh thủ ỷ trượng pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Trưởng duyên có 1 câu.
* ... nhờ cậy pháp phi thủ phi cảnh thủ có 3 câu.
* ... nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Trưởng duyên
* ... nhờ cậy pháp phi thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Trưởng duyên
* Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi thủ cảnh thủ và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

1459.

* Pháp thủ cảnh thủ ỷ trượng pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Vô gián duyên:
  Nên phân đầy đủ tất cả 24 duyên.
* ... Do Bất ly duyên.

1460.

Nhân 11, Cảnh 7, Trưởng 9, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 11, Hỗ tương 7, Y chỉ 11, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 6, nghiệp 11, Quả 11, Thực 11, Quyền 11, thiền 11, Đạo 11, Tương ưng 7, Bất tương ưng 11, Hiện hữu 11, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 11.

1461.

Nhân duyên có Cảnh 7, tóm tắt,... Bất ly 11.

Nên phân đếm rộng như tam đề thiện *(kusalattika).*

Dứt cách thuận tùng

1462.

* Pháp thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nhân duyên:

- ...nhờ cậy 1 uẩn thủ cảnh thủ vô nhân...
- Sát-na tục sinh vô nhân... 1 đại sung Vô tưởng;
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ,
- Chư uẩn thủ cảnh thủ vô nhân nhờ cậy vật *(vatthu).*

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thủ cảnh thủ vô nhân.
- Chư uẩn phi thủ cảnh thủ vô nhân nhờ cậy vật.
- Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật.

∗ Pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn thủ cảnh thủ vô nhân.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ ỷ trượng pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn phi thủ cảnh thủ vô nhân;... liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật ỷ trượng uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thủ cảnh thủ vô nhân và sắc đại sung; 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi thủ cảnh thủ vô nhân và vật; 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật; si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.

1463.

∗ Pháp thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Cảnh duyên, tóm tắt,... do phi Trưởng duyên:...nhờ cậy 1 uẩn thủ cảnh thủ *(upādinnupādāniya)*.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thủ cảnh thủ; chư uẩn phi thủ cảnh thủ nhờ cậy vật.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Trưởng duyên: Trưởng phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy vật.

∗ Pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Trưởng duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn thủ cảnh thủ;...
- ... nhờ cậy pháp phi thủ cảnh thủ có 1 đề.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Trưởng duyên: Trưởng phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy uẩn phi thủ phi cảnh thủ.

1464.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Trưởng duyên: Trưởng phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy uẩn phi thủ phi cảnh thủ và vật *(vatthu).*

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Trưởng duyên:
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thủ cảnh thủ và sắc đại sung.
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi thủ cảnh thủ và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

1465.

Pháp thủ cảnh thủ ỷ trượng pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Vô gián duyên,... phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên.

1466.

* Pháp phi thủ cảnh thủ ỷ trượng pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* phi thủ cảnh thủ nhờ cậy vật *(vatthu)*.
* Pháp phi thủ phi cảnh thủ ỷ trượng pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* phi thủ phi cảnh thủ thiện nhờ cậy vật.
* Pháp phi thủ cảnh thủ ỷ trượng pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên:
  - Tư *(cetanā)* phi thủ cảnh thủ nhờ cậy uẩn phi thủ cảnh thủ;
  - ... nhờ cậy 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương.
* Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy uẩn phi thủ phi cảnh thủ thiện *(kusalā)*.
* Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư thiện *(kusalacetanā)* phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy uẩn phi thủ phi cảnh thủ thiện và vật.
* Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư phi thủ cảnh thủ nhờ cậy uẩn phi thủ cảnh thủ và vật.

1467.

* Pháp thủ cảnh thủ ỷ trượng pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên:...nhờ cậy 1 đại sung Vô tưởng.
* Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên: Chư uẩn phi thủ cảnh thủ nhờ cậy vật.
* Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên: Những uẩn phi thủ phi cảnh thủ thiện nhờ cậy vật.
* ... Nhờ cậy pháp phi thủ cảnh thủ... có 1 đề.
* ... Nhờ cậy pháp phi thủ phi cảnh thủ... có 3 đề.
* Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên, tóm tắt.
* Pháp phi do thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên, tóm tắt.
* Pháp phi do thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi do thủ cảnh thủ và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

1468.

Pháp do thủ cảnh thủ ỷ trượng pháp do thủ cảnh thủ sanh ra do phi Thực duyên... phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên.

1469.

Phi Nhân 5, phi Cảnh 6, phi Trưởng 8, phi Vô gián 6, phi Liên tiếp 6, phi Hỗ tương 6, phi Cận y 6, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 11, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 6, phi

Quả 10, phi Thực 2, phi Quyền 2, phi Thiền 2, phi Đạo 5, phi Tương ưng 6, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 6, phi Ly 6.

Nên sắp rộng ra.

Nhân duyên có phi Cảnh 6, tóm tắt,... phi Ly 6; xin phân rộng.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4, tóm tắt,... Bất ly 5.

Dứt phần ỷ trượng (nhờ cậy)

Phần Y Chỉ *(Nissayavāra)*

1470.

Pháp do thủ cảnh thủ y chỉ pháp do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn y chỉ 1 uẩn do thủ cảnh thủ;... y chỉ *(nissaya)* 3 uẩn, tóm tắt.

Phần y chỉ *(nissaya)* cũng như phần ỷ trượng *(paccaya)*

Dứt phần y chỉ

Phần Hỗn Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

1471.

∗ Pháp do thủ cảnh thủ hỗn hợp pháp do thủ cảnh thủ sanh ra bằng Nhân duyên:
- 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn thủ cảnh thủ; 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn; 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn do thủ cảnh thủ; 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.

∗ Pháp phi do thủ cảnh thủ hỗn hợp pháp phi do thủ cảnh thủ sanh ra bằng Nhân duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn phi do thủ cảnh thủ; 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ hỗn hợp pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra bằng Nhân duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ; 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.

1472.

Nhân 3, tóm tắt,... Trưởng 2, Cố hưởng 2, Quả 2,... tóm tắt...Bất ly 3.

Xin phân đếm rộng cũng như tam đề thiện *(kusalattika).*

Dứt cách thuận tùng

1473.

∗ Pháp do thủ cảnh thủ hỗn hợp với pháp do thủ cảnh thủ sanh ra bằng phi Nhân duyên:
- 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn do thủ cảnh thủ vô nhân; 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn;
- ... Sát-na tục sinh vô nhân...

∗ Pháp phi do thủ cảnh thủ hỗn hợp với pháp phi do thủ cảnh thủ sanh ra bằng phi Nhân duyên:
- 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn phi do thủ cảnh thủ vô nhân; 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn;
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật hỗn hợp với uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

∗ Phi Nhân 2, phi Trưởng 3, phi Bất tương ưng 3, tóm tắt.

Dứt cách đối lập

1474.

∗ Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Bất tương ưng 3.

∗ Phi Nhân duyên có Cảnh 2, tóm tắt,... Bất ly 2.

Dứt phần hỗn hợp

Phần Tương Ưng *(Sampayuttavāra)*

1475.

Pháp do thủ cảnh thủ tương ưng pháp do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Nhân 3, tóm tắt,... Bất ly 3.

Phần tương ưng *(sapayuta)* như phần hỗn hợp *(saṅsaṭṭha)*

Dứt phần tương ưng

Phần Vấn Đề ***(Pañhāvāra)***

1476.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Nhân duyên:

- Nhân do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)* bằng Nhân duyên.

1477.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Nhân duyên: Nhân do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1478.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Nhân duyên: Nhân do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1479.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Nhân duyên: Nhân phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1480.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Nhân duyên: Nhân phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1481.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Nhân duyên: Nhân phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1482.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Nhân duyên: Nhân phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1483.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên:

- Bậc hữu học *(sekkhā)* hay phàm phu *(puthujana)* quán ngộ nhãn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích, rất hân hoan, do ấn trí ấy nên ái và ưu có thể phát sanh. Sau khi thiện hay bất thiện diệt rồi thì tâm mót *(tadārammaṇa)* là quả phát sanh.
- Bậc hữu học hay phàm phu quán ngộ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc và vật... uẩn do thủ cảnh thủ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan; do mở mối *(ārabbha)* ấy nên ái và ưu phát sanh. Dù thiện hay bất thiện vùa dứt rồi thì tâm mót là quả phát sanh.
- Sắc xứ do thủ cảnh thủ thì làm duyên cho nhãn thức, khí xứ do thủ cảnh thủ... vị xứ.. xúc xứ là duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.

1484.

Pháp do cảnh thủ cảnh làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên.

- Quán ngộ nhãn bằng cảnh vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó mở đầu *(ārabbha)* cho ái, ưu phát sanh.
- Quán ngộ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật... uẩn do thủ cảnh thủ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan do đó mở mối nhĩ ấy... nên ái và ưu phát sanh.
- Thấy sắc do thủ cảnh thủ bằng thiên nhãn, thấu rõ tâm của người khác đầy đủ tâm do thủ cảnh thủ bằng tha tâm thông.
- Uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho thần túc thông, tha tâm thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông và chiếu khán *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1485.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán xét lại phước đã tạo chứa trước kia. Sau khi xuất thiền phản khán thiền; bậc Thánh *(ariya)* phản khán chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vedanā)*.
- Bực Thánh phản khán phiền não đã trừ, phiền não hạn chế, rõ biết phiền não đã từng sanh trước kia. Quán ngộ sắc,... thinh, khí, vị, xúc.. những uẩn phi do thủ cảnh thủ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó mới mở đầu cho ái hoặc ưu sanh ra.
- Thiên nhãn phi do thủ cảnh thủ thấy sắc. Thiên nhĩ nghe tiếng, tha tâm thông rõ thấu tâm người hội hiệp tâm phi do thủ cảnh thủ.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên.
- Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.
- Những uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thần túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông phản chiếu *(avajjana)* bằng Cảnh duyên.

1486.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên.

- Bực hữu học hoặc phàm phu quán ngộ sắc, thinh, khí, vị, xúc phi do thủ cảnh thủ, uẩn do thủ cảnh thủ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan đó mở mối cho ái, ưu phát sanh; cho đến thiện, bất thiện vừa dứt thì tâm mót là quả sanh ra.
- Không vô biên xứ thiện làm duyên cho Thức vô biên xứ quả bằng Cảnh duyên.
- Vô sở hữu xứ thiện làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ quả bằng Cảnh duyên.
- Sắc xứ phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.

1487.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Cảnh duyên: Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả bằng Cảnh duyên.

1488.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên:

- Bực Thánh ra khỏi đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn thì Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vedanā)*, phản chiếu *(āvajjana)*, bằng Cảnh duyên.

- Chư Thánh rõ thấu tâm người tề toàn *(saṃaṅagī)* phi thủ phi cảnh thủ. Những uẩn phi thủ phi cảnh thủ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông, khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1489.

∗ Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh *(Ārammanādhipati)* như: Nặng về nhãn rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng ấy nên ái, tà kiến phát sanh. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân do thủ cảnh thủ, sắc, thinh, khí, vị, xúc và vật,... đã nặng uẩn do thủ cảnh thủ rồi thỏa thích rất hân hoan do đã nặng để ái, tà kiến phát sanh.

∗ Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Trưởng duyên có Cảnh trưởng và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh *(Ārammanādhipati)* như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, do nặng chấp đó rồi phản khán nặng về phước thiện chất chứa trước kia rồi phản khán, xuất thiền nặng chấp về thiền rồi phản khán.

- Chư hữu học nặng về chuyển tộc *(gotrabhū)* rồi phản khán, nặng về dũ tịnh *(vedanā)* rồi phản khán. Sắc, thinh, khí, vị, xúc và uẩn phi do thủ cảnh thủ đã nặng chấp đó rồi mới thỏa thích rất hân hoan do nặng chấp ấy rồi nên ái, tà kiến phát sanh.
- Trưởng đồng sanh *(Sahajātādhipati)* như trưởng phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1490.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như Níp Bàn làm duyên cho đạo quả bằng Trưởng duyên *(Adhipati).*
- Trưởng đồng sanh như trưởng phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1491.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như bậc Thánh ra khỏi đạo, nặng về đạo rồi phản khán; nặng về quả rồi phản khán; nặng về Níp Bàn rồi phản khán. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vedanā)* bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1492.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Trưởng duyên:

- Trưởng đồng sanh như trưởng phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1493.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Vô gián duyên:

- Những uẩn do thủ cảnh thủ sanh trước làm duyên cho các uẩn do thủ cảnh thủ sanh sau sau bằng Vô gián duyên
- Ngủ thức *(viṅṅāna)* làm duyên cho ý giới quả bằng Vô gián duyên. Ý giới quả làm duyên cho ý thức giới quả bằng Vô gián duyên.

1494.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Vô gián duyên:

- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* làm duyên cho khán môn *(āvajjana)*. Ý thức giới tố *(kiriyā)* làm duyên cho ý thức giới quả bằng Vô gián duyên.

1495.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Vô gián duyên:

- Những uẩn phi do thủ cảnh thủ sanh trước trước làm duyên cho các uẩn phi do thủ cảnh thủ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Thận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*.
- Thận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vedanā)*.
- Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn phi thủ cảnh thủ bằng Vô gián duyên.

1496.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Vô gián duyên: khán môn làm duyên cho ngủ thức *(pañcaviññāṇa)* bằng Vô gián duyên. chư uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

1497.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Vô gián duyên:

- Chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo, dũ tịnh *(vedanā)* làm duyên cho đạo;
- Thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho quả nhập thiền;
- Khi xuất thiền diệt Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1498.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Vô gián duyên:

- Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ sanh trước trước làm duyên cho những uẩn phi do thủ phi cảnh thủ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Đạo làm duyên cho quả, quả làm duyên cho quả bằng Vô gián duyên.

1499.

∗ Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Vô gián duyên: Quả làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Liên tiếp duyên: Cũng như Vô gián duyên *(Anantarapaccayo)*.

1500.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên.

- 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)*.
- Uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn. 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung, 3 đại sung làm duyên cho 1 đại sung; 2 đại sung làm duyên cho 2 đại sung. Sắc đại sung làm duyên cho sắc tục sinh, sắc y sinh bằng Đồng sanh duyên.
- 1 đại sung Vô tưởng... tóm tắt.

1501.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên: Chư uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc tâm bằng Đồng sanh duyên.

1502.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

1503.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- 1 đại sung phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc đại sung và sắc nương tâm sanh; 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... vật thực,... âm dương làm duyên cho sắc đại sung và sắc y sinh bằng Đồng sanh duyên *(Sahajātapaccayo)*.

1504.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

1505.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

1506.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

1507.

Pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

1508.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên: Chư uẩn do thủ phi cảnh thủ và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

1509.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hỗ tương duyên:

- 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và vật; uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn; 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung, 2 đại sung làm duyên cho 2 đại sung; 1 đại sung Vô tưởng...

1510.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hỗ tương duyên: 1 uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên; 1 đại sung làm duyên cho sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... 1 đại sung...

1511.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Hỗ tương duyên: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.

1512.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Y chỉ duyên:

- 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên, tóm tắt,... Sát-na tục sinh: 1 đại sung...; 1 đại sung Vô tưởng..
- Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức,... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn do thủ cảnh thủ bằng Y chỉ duyên.

1513.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Y chỉ duyên:

- Chư uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên;
- Vật làm duyên cho uẩn phi thủ cảnh thủ bằng Y chỉ duyên.

1514.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Y chỉ duyên: Vật làm duyên cho uẩn phi do thủ phi cảnh thủ bằng Y chỉ duyên.

1515.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Y chỉ duyên: 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

1516.

* Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ có 1 đề.
* Pháp phi do thủ phi cảnh thủ... có 3 đề.

1517.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ phi cảnh thủ bằng Y chỉ duyên: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Y chỉ duyên.

1518.

Pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Y chỉ duyên: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

1519.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Y chỉ duyên:

- Chư uẩn do thủ cảnh thủ và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.
- 1 uẩn phi do thủ cảnh thủ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên; 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Y chỉ duyên.

1520.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y duyên và Thuần cận y:

- Thuần cận y như thân lạc làm duyên cho thân lạc và thân khổ bằng Cận y duyên. Thân khổ làm duyên cho thân lạc thân khổ. Âm dương làm duyên cho thân lạc thân khổ, thực phẩm làm duyên cho thân lạc thân khổ.

- Thân lạc... thân khổ... âm dương... thực phẩm làm duyên cho thân lạc thân khổ bằng Cận y duyên.

1521.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương thân lạc mạnh có thử bố thí, nguyện ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới đến đổi thiền phát sanh, pháp quán phát sanh, thông phát sanh, nhập thiền phát sanh, cũng có thể sát sanh cho đến phá hòa hợp Tăng. Thân khổ,... âm dương... nương thực phẩm mạnh có thể bố thí, cũng có thể phá hòa hợp Tăng.
- Thân lạc,... thân khổ, âm dương.. thực phẩm, đức tin phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho trì giới, đa văn, xả thí, trí tuệ. Trí tuệ làm duyên cho ái, sân, si, ngã mạn và tà kiến, vọng dục bằng Cận y duyên.

1522.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Cận y duyên:

- Thuần cận y như nương thân lạc có thể làm cho đạo phát sanh, nhập thiền quả. Thân khổ,... âm dương... nương thực phẩm mạnh cũng có thể làm cho đạo phát sanh, nhập thiền quả đặng.
- Thân lạc,... thân khổ,... âm dương,... thực phẩm làm duyên cho đạo và nhập thiền quả bằng Cận y duyên.

1523.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin phi do thủ cảnh thủ có thể bố thí, nguyện trì ngũ giới, thanh tịnh giới, cũng làm cho thiền phát sanh; quán ngộ phát sanh, thông phát sanh, nhập thiền đặng, hoặc sát sanh hay phá hòa hợp Tăng; phát sanh ngã mạn, tà kiến.
- Nương giới do phi thủ cảnh thủ mạnh có thể đa văn, xả thí, trí tuệ, ái, sân, si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục. nương âm dương, thực phẩm, chổ ở mạnh có thể bố thí cho đến nhập thiền đặng hoặc sát sanh hay phá hòa hợp Tăng, tạo ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương đức tin phi do thủ cảnh thủ trì giới, đa văn, xả thí, trí tuệ, ái, sân, si, ngã mạn, chấp tà kiến, vọng dục, âm dương, thực phẩm, chổ ở mạnh làm duyên cho đức tin phi do thủ cảnh thủ, trì giới, đa văn, xả thí, trí tuệ, ái, sân, si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục bằng Cận y duyên.
- (Tâm) chỉnh lý *(parikamma)* sơ thiền làm duyên cho sơ thiền *(paṭhamajhāna)*.
- Chỉnh lý Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
- Sơ thiền làm duyên cho nhị thiền,... Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ; sát sanh làm duyên cho sát sanh,... tà kiến nhứt định làm duyên cho tà kiến nhứt định.

1524.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như: Đức tin phi do thủ cảnh thủ mạnh có thể tự làm bực bội nóng nảy chịu khổ do gốc tìm tòi.
- Nương giới phi do thủ cảnh thủ mạnh, tóm tắt... nương chổ ở *(senāsana)* mạnh có thể tự làm cho bực bội, nóng nảy, chịu khổ do tìm tòi.

- Nương đức tin phi do thủ cảnh thủ mạnh, tóm tắt,... chổ ở làm duyên cho thân lạc thân khổ bằng Cận y duyên.
- Thiện, bất thiện làm duyên cho nghiệp quả bằng Cận y duyên.

1525.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như là tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ đạo làm duyên cho sơ đạo bằng Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* nhị đạo làm duyên cho nhị đạo bằng Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý tam đạo làm duyên cho tam đạo bằng Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý tứ đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1526.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo bằng Cận y duyên. nhị đạo làm duyên cho tam đạo. tam đạo làm duyên cho tứ đạo. Đạo làm duyên cho quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

1527.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y nhập thiền quả làm duyên cho thân lạc bằng Cận y duyên.

1528.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như bậc Thánh nương đạo mạnh dù cho thiền chưa từng phát sanh cũng nhập thiền đặng; quán ngộ vô thường, khổ não, vô ngã đặng.
- Thánh đạo làm duyên cho nghĩa đạt thông *(atthapaṭisambhidā)*, pháp đạt thông *(dhammapaṭisambhidā)*, ngữ đạt thông *(niruttipaṭisambhidā)*, cấp trí đạt thông *(paṭibhānapaṭisambhidā)*, tri sở *(ṭhāna)*, phi sở *(aṭhāna)* bằng Cận y duyên.

1529.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

+ Cảnh tiền sanh *(Ārammaṇapurejāta)* như: Bậc hữu học hay phàm phu quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái cho đến ưu phát sanh; vừa dứt thiện hay bất thiện thì tâm mót là quả sanh ra.
    - ... nhĩ,... tỷ,... thiệt,... thân; quán ngộ sắc do thủ cảnh thủ... khí,... vị,... xúc và vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan đó khai đoan (mở mối) cho ái và ưu phát sanh; vừa dứt thiện, bất thiện thì tâm mót là quả phát sanh.
    - Sắc xứ do thủ cảnh thủ làm duyên cho nhãn thức... khí xứ do thủ cảnh thủ... vị xứ do thủ cảnh thủ... xúc xứ... làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
+ Vật tiền sanh *(Vatthupurejāta)* như nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức,... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên.

1530.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như quán ngộ nhãn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối *(ārabbha)* ái và ưu pháp sanh; quán ngộ nhĩ,... vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan chi ái và ưu phát sanh.
- Thiên nhãn thấy sắc do thủ cảnh thủ.
- Vật tiền sanh như vật làm duyên cho các uẩn phi do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên.

1531.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên: Vật tiền sanh như vật làm duyên cho các uẩn phi do thủ phi cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên.

1532.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên:

- Cảnh tiền sanh như quán ngộ sắc, thinh, khí, vị, xúc... phi do thủ cảnh thủ bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* cho ái và ưu phát sanh.
- Thiên nhãn thấy sắc phi do thủ cảnh thủ, thiên nhĩ nghe tiếng.

1533.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên:

Cảnh tiền sanh như quán ngộ sắc,... thinh,... khí,... vị,... xúc phi do thủ cảnh thủ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan cho ái và ưu phát sanh.

- Thiện, bất thiện vừa dứt thì tâm mót là quả phát sanh.
- Sắc xứ phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.

1534.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Sắc xứ và nhãn xứ phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho nhãn thức bằng Tiền sanh duyên;... tóm tắt..., xúc xứ và thân xứ phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Sắc xứ và vật phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên, tóm tắt,... xúc xứ và vật phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên.

1535.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh: Sắc xứ và vật phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn phi do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên.

1536.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên: Uẩn thủ cảnh thủ sanh sau làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1537.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên: Chư uẩn do thủ cảnh thủ sanh sau làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1538.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên: Chư uẩn do thủ cảnh thủ sanh sau làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1539.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên: Các uẩn phi do thủ cảnh thủ sanh sau làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên

1540.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên: Các uẩn phi do thủ cảnh thủ sanh sau làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1541.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên: Các uẩn phi do thủ cảnh thủ sanh sau làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1542.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên: Các uẩn phi do thủ cảnh thủ sanh sau làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1543.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên:

Các uẩn phi do thủ phi cảnh thủ sanh sau làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên

1544.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên: Các uẩn phi do thủ phi cảnh thủ sanh sau làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1545.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cố hưởng duyên:

- Chư uẩn phi do thủ cảnh thủ sanh trước trước làm duyên cho các uẩn phi do thủ cảnh thủ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū).*
- Tâm thuận thứ làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vedanā)* bằng Cố hưởng duyên.

1546.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Cố hưởng duyên. Tâm chuyển tộc làm duyên cho đạo; tâm dũ tịnh làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

1547.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Nghiệp duyên:

- Tư *(cetanā)* do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

- Sát-na tục sinh: Tư do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Tư làm duyên cho vật bằng Nghiệp duyên.

1548.

∗ Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Nghiệp duyên:
Tư do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Nghiệp duyên:
Tư do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1549.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Nghiệp duyên:
Tư phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1550.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Nghiệp duyên:
Biệt thời *(Nānākhaṇika)* như tư phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn quả do thủ cảnh thủ và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1551.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Tư phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời *(Nānākhaṇika)* như: Tư thiện phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho các uẩn quả phi do thủ phi cảnh thủ bằng Nghiệp duyên.

1552.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Nghiệp duyên: Tư phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1553.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Nghiệp duyên *(kammapaccayo):* Tư phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1554.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Quả duyên:

- 1 uẩn quả do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn quả do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)* bằng Quả duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc tục sinh bằng Quả duyên, uẩn làm duyên cho vật bằng Quả duyên.

1555.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Quả duyên: Các uẩn quả do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.

1556.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Quả duyên: 1 uẩn quả do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm

sanh bằng Quả duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.

1557.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Quả duyên: 1 uẩn quả phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Quả duyên.

1558.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Quả duyên: Chư uẩn quả phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.

1559.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Quả duyên. 1 uẩn quả phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.

1560.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên:

- Thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng Thực duyên.
- Sát-na tục sinh: Thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Thực duyên.
- Đoàn thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1561.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên *(Āhārapaccayo):*

- Thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.
- Đoàn thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1562.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên: Thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên. Đoàn thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1563.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên: Thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên. Đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1564.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên. Đoàn thực *(kabaliṅkārāhāra)* phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1565.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên: Đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1566.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Thực duyên: Thực *(āhāra)* phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thực duyên.

1567.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên: Thực phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên *(āhārapaccayo)*.

1568.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Thực duyên: Thực phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.

1569.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên: Đoàn thực do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1570.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên: Đoàn thực do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1571.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên: Đoàn thực *(kabaliṅkārāhāra)* do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1572.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Quyền duyên:

- Quyền *(indrīya)* do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Quyền duyên. Sát-na tục sinh: Quyền do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.
- Nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức... thân quyền làm duyên cho thân thức, sắc mạng quyền *(rūpajīvitindrīya)* làm duyên cho sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)* bằng Quyền duyên.

1573.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Quyền duyên *(Indrīyapaccayo)*: Quyền do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.

1574.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Quyền duyên. Quyền do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.

1575.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Quyền duyên: Quyền phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Quyền duyên.

1576.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Quyền duyên: Quyền phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Quyền duyên.

1577.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Quyền duyên: Quyền phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.

1578.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Quyền duyên: Quyền phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.

1579.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Thiền duyên:

- Chi thiền do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thiền duyên.
- Sát-na tục sinh: Chi thiền do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Thiền duyên.

1580.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thiền duyên: Chi thiền do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.

1581.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thiền duyên: Chi thiền do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.

1582.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thiền duyên: Chi thiền phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.

1583.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Thiền duyên: Chi Thiền phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thiền duyên.

1584.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thiền duyên: Chi thiền phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.

1585.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Thiền duyên: Chi thiền phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.

1586.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Đạo duyên: Chi đạo do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Đạo duyên *(Maggapaccayo).* Sát-na tục sinh...

1587.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đạo duyên: Chi đạo do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.

1588.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đạo duyên: Chi đạo do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên

1589.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Đạo duyên: Chi đạo phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.

1590.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Đạo duyên: Chi đạo phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Đạo duyên.

1591.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đạo duyên: Chi đạo phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.

1592.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Đạo duyên: Chi đạo phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.

1593.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Tương ưng duyên: 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

1594.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Tương ưng duyên: 1 uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.

1595.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Tương ưng duyên: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.

1596.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là sát-na tục sinh chư uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên. Uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên; vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh *(Purejāta)* như là nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Bất tương ưng duyên... thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Bất tương ưng duyên. Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là chư uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1597.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Chư uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh *(Purejāta)* như: Vật làm duyên cho uẩn phi do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên.

- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như chư uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1598.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh *(Purejāta)* như: Vật làm duyên cho uẩn phi do thủ phi cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên.

1599.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên

Hậu sanh *(Pacchājāta)* như: Uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1600.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Chư uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1601.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1602.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1603.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên:

Hậu sanh như: Uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1604.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1605.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên

1606.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên; uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn; 1 đại sung... sắc đại sung làm duyên cho sắc tục sinh; sắc y sinh bằng Hiện hữu duyên; 1 đại sung Vô tưởng... sắc đại sung làm duyên cho sắc tục sinh và sắc y sinh bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Bậc hữu học hoặc phàm phu quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khoai đoan *(ārabbha)* cho ái, ưu phát sanh. vừa dứt thiện, bất thiện thì tâm mót *(tadālabana)* là quả sanh ra.
- Quán ngộ nhĩ... tỷ... thiệt... thân... sắc... thinh... khí... vị... xúc do thủ cảnh thủ và vật *(vatthu)* bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do khai đoan (mở mối) đó nên ái, ưu phát sanh. Thiện, bất thiện vừa dứt thì tâm mót là quả phát sanh.
- Sắc xứ do thủ cảnh thủ làm duyên cho nhãn xứ, khí xứ... vị xứ... xúc xứ do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân thức.
- Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh Như: Chư uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Đoàn thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.
- Sắc mạng quyền *(rūpajīvitindrīya)* làm duyên cho sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)* bằng Hiện hữu duyên.

1607.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh và Thực:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Chư uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh *(Purejāta)* như: Quán ngộ nhãn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do khai đoan ấy nên ái, ưu phát sanh. Quán ngộ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc do thủ cảnh thủ cho đến vật thấy bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do khai đoan đó nên ái, ưu phát sanh. Thiên nhãn *(dibbacakkhu)* thấy sắc do thủ cảnh thủ và vật làm duyên cho uẩn phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Đoàn thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1608.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn phi do thủ phi cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1609.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh và Thực:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như chư uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Đoàn thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1610.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh và Thực:

- Đồng sanh như: 1 uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. 1 đại sung làm duyên cho 3 sắc đại sung; đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh và sắc y sinh bằng Hiện hữu duyên.
- 1 đại sung làm duyên cho sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương.
- Tiền sanh như: Quán ngộ sắc, thinh, khí, vị, xúc phi do thủ cảnh thủ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do mở mối đó nên ái, ưu phát sanh. Thiên nhãn thấy sắc phi do thủ cảnh thủ, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1611.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Tiền sanh, Hậu sanh và Thực:

- Tiền sanh như quán ngộ sắc, thinh, khí, vị, xúc phi do thủ cảnh thủ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối cho ái, ưu phát sanh. vừa dứt thiện, bất thiện thì tâm mót *(tadālambana)* là quả sanh ra.
- Sắc xứ phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho nhãn thức; xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1612.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Hậu sanh và Thực:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy bằng Hiện hữu duyên.

1613.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

1614.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1615.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1616.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và thân do thủ cảnh thủ sanh trước bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và thân do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1617.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1618.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1619.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ, pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và thân do thủ cảnh thủ, phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn với thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1620.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Hậu sanh và Quyền:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc mạng quyền và sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1621.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên: Có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn và vật làm duyên cho 1 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

1622.

Pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Hậu sanh và Thực:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ và đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1623.

Pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh và Thực:

- Đồng sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ và đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1624.

Pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Hậu sanh và Thực:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ và đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1625.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Tiền sanh như: Sắc xứ và nhãn xứ phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho nhãn thức bằng Hiện hữu duyên, tóm tắt,... xúc xứ và thân xứ phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.
- Sắc xứ và vật phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn phi do thủ cảnh thủ, tóm tắt,... xúc xứ và vật phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn do thủ cảnh thủ và đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ cảnh thủ và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1626.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh và Thực:

- Đồng sanh như: Chư uẩn do thủ cảnh thủ và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.

- Tiền sanh như: Sắc xứ và vật phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn phi do thủ cảnh thủ, tóm tắt,... xúc xứ và vật phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn do thủ cảnh thủ và đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1627.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên:

Đoàn thực do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1628.

Pháp do thủ cảnh thủ, pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Hậu sanh, Thực và Quyền:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ, đoàn thực phi do thủ cảnh thủ và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1629.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Vô hữu duyên,... Ly duyên,... Bất ly duyên, tóm tắt...

1630.

Nhân 7, Cảnh 6, Trưởng 5, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 11, Cận y 9, Tiền sanh 7, Hậu sanh 9, Cố hưởng 2, Nghiệp 8, Quả 6, Thực 12, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 10, Hiện hữu 23, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 23.

1631.

Nhân duyên có Trưởng 4,... Đồng sanh 7, Hỗ tương 3, Y chỉ 7, Quả 6, Quyền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 4, Hiện hữu 7, Bất ly 7, tóm tắt.

Bực trí thức nên phân đếm rộng ra như tam đề thiện.

Cách phân đếm trong tam đề do thủ *(upādinna)* vi tế rộng hơn cách đếm tam đề thiện.

Dứt cách thuận thứ (anuloma)

1632.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên,... bằng Cận y duyên,... bằng Tiền sanh duyên,... bằng Hậu sanh duyên,... bằng Thực duyên,... bằng Quyền duyên.

1633.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên,... Đồng sanh duyên,... Cận y duyên,... Tiền sanh duyên,... Hậu sanh duyên,... Thực duyên.

1634.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Cận y duyên, tóm tắt,... Tiền sanh duyên.

1635.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên,... bằng Hậu sanh duyên,... Thực duyên.

1636.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên,... Hậu sanh duyên,... Thực duyên.

1637.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên,... Cận y duyên,... Tiền sanh duyên,... Hậu sanh duyên,... Nghiệp duyên,.... Thực duyên.

1638.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Cận y duyên.

1639.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên,... Thực duyên.

1640.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên,... Cận y duyên.

1641.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên,... Cận y duyên.

1642.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên,... Đồng sanh duyên,... Cận y duyên,... Hậu sanh duyên.

1643.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Đồng sanh,.... Hậu sanh.

1644.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ có Đồng sanh và Hậu sanh.

1645.

Phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên.

1646.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ, phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Đồng sanh và Hậu sanh.

1647.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh và Quyền.

1648.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Đồng sanh và Tiền sanh.

1649.

Pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh và Thực.

1650.

Pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh, Hậu sanh và Thực.

1651.

Pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh và Thực.

1652.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1653.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh và Thực.

1654.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1655.

Pháp do thủ cảnh thủ, pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh, Thực và Quyền.

1656.

Phi Nhân có 24, phi cảnh 24, phi Trưởng 24, phi Vô gián 24, phi Liên tiếp 24, phi Đồng sanh 20, phi Hỗ tương 20, phi Y chỉ 20, phi Cận y 23, phi Tiền sanh 23, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 24, phi Nghiệp 24, phi Quả 24, phi Thực 20, phi Quyền 22, phi Thiền 24, phi Đạo 24, phi Tương ưng 22, phi Bất tương ưng 14, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 24, phi Ly 24, phi Bất ly 9.

1657.

Phi Nhân duyên có phi Cảnh 24,... tóm tắt...

Trí thức nên phân rộng như đối lập trong tam đề thiện.

Dứt cách đối lập

1658.

Nhân duyên có phi Cảnh 7,... phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi hỗ tương 4, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 4, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 4, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi ly 7.

Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 7... phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, tóm tắt.

Nên phân đếm như thuận tùng, đối lập trong tam đề thiện.

Dứt cách thuận tùng, đối lập

1659.

Phi Nhân duyên có Cảnh 6,... Trưởng 5, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y Chi 11, Cận y 9, Tiền sanh 7, Hậu sanh 9, Cố hưởng 2, Nghiệp 8, Quả 6, Thực 12, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 10, Hiện hữu 23, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 23, tóm tắt.

Nên chia đến rộng thuận tùng, đối lập *(anuloma paccanīya)* như tam đề thiện.

Dứt phần (phần thứ tư) tam đề thủ

TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI *(SAṄKILITTHATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1660.

- Pháp phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phiền toái cảnh phiền não, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi phiền toái cảnh phiền não.
- Pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phiền toái cảnh phiền não, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.

1661.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi phiền toái cảnh phiền não, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi phiền toái cảnh phiền não, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn, vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật *(vatthu).*
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

1662.

- Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não *(asaṅkiliṭṭha asaṅkilesikadhammā)*.
- Pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.

1663.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi phiền toái cảnh phiền não và sắc đại sung.

1664.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phiền toái cảnh phiền não và sắc đại sung,... tóm tắt....

1665.

Nhân 9, Cảnh 3, tóm tắt,... Quả 5, Bất ly 9.

Xin phân rộng như tam đề thiện *(kusalattila).*

1666.

Pháp phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

1667.

∗ Pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi phiền toái cảnh phiền não vô nhân. Sát-na tục sinh... 1 đại sung cõi Vô tưởng... tóm tắt.

Xin phân rộng như tam đề thiện *(kusalattika).*

∗ Phi Nhân 2, phi Cảnh 5, phi Trưởng 6, tóm tắt...

∗ Nhân duyên có phi Cảnh 5, tóm tắt...

∗ Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... tóm tắt.

Phần đồng sanh *(Sahajata),* ỷ trượng *(paccaya),* y chỉ *(nissaya),* hỗn hợp, *(saṅsaṭṭha),* tương ưng *(sampayutta)* nên phân rộng ra (khi giảng dạy).

Phần Câu Đầu *(Pañhāvāra)*

1668.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Nhân duyên: Nhân phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1669.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Nhân duyên: Nhân phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1670.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Nhân duyên: Nhân *(hetu)* phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1671.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Nhân duyên:

- Nhân phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

1672.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Nhân duyên: Nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1673.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Nhân duyên: Nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1674.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Nhân duyên: Nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1675.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên: Thoả thích rất hân hoan ái, do đó mở mối *(ārabbha)* cho ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu phát sanh; thoả thích tà kiến mở mối cho hoài nghi, phóng dật và ưu...

Nên phân rộng như tam đề thiện *(kusalattika).*

1676.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên:

- Bực Thánh phản khán phiền não đã trừ, phiền não hạn chế, rõ thấu phiền não đã từng sanh. Quán ngộ uẩn phiền toái cảnh phiền não bằng vô thường, khổ não, vô ngã. tha tâm thông rõ tâm người khác hội hiệp tâm phiền toái cảnh phiền não.
- Bực hữu học hoặc phàm phu quán uẩn phiền toái cảnh phiền não bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã; vừa dứt tâm thiện thì tâm mót *(tadārammaṇa)* là quả phát sanh. Thoả thích hân hoan uẩn phiền toái cảnh phiền não nên ưu phát sanh, vừa dứt tâm bất thiện thì tâm mót *(tadārammaṇa)* là quả phát sanh. tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông, khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho những uẩn phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên.

1677.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán nhớ lại phước thiện đã từng tạo chứa trước kia. Sau khi xuất thiền rồi phản khán lại thiền.
- Bực Thánh phản khán (tâm) chuyển tộc *(gotrabhū)*, phản khán (tâm) dũ tịnh *(vedanā).* Quán ngộ nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc và vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Quán ngộ uẩn phi phiền toái cảnh phiền não bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ thấu Tánh người hội hiệp tâm phi phiền toái cảnh phiền não.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ;
- Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên *(Ārammaṇapaccayo).*
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Cảnh duyên... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên. chư uẩn phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông, khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1678.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi thỏa thích phước thiện từng tạo trước kia, rất hân hoan do đó khai đoan (mở mối) cho ái, tà kiến và ưu phát sanh.
- Xuất thiền thỏa thích thiền; thỏa thích nhãn... thỏa thích xúc...và vật. Hay thỏa thích rất hân hoan những uẩn phi phiền toái cảnh phiền não, do đó mở mối cho ái, ưu phát sanh.

1679.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cảnh duyên: Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả bằng Cảnh duyên.

1680.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên:

- Bực Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* và dũ tịnh *(vedanā)*, khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Tha tâm thông của bậc Thánh biết rõ tâm người hội hiệp bằng tâm phi phiền toái phi cảnh phiền não. Những uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông, khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1681.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh *(Ārammanādhipati)* như nặng chấp về ái rồi thỏa thích rất hân hoan, sau khi nặng đó ái, tà kiến phát sanh. Nặng về tà kiến rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó ái, tà kiến phát sanh.
- Trưởng đồng sanh *(Sahajātādhipati)* như: Trưởng phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1682.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1683.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1684.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

+ Trưởng cảnh *(Ārammanādhipati)* như sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng về đó sau mới phản khán nặng về phước thiện đã tạo chứa trước kia rồi phản khán. xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán.
    - Bực hữu học nặng về tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* rồi phản khán, nặng về tâm dũ tịnh *(vedanā)* rồi phản khán.
+ Trưởng đồng sanh *(Sahajātādhipati)* như: Trưởng phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1685.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, do nặng về đó rồi sau mới thỏa thích hân hoan, nặng về đó rồi ái, tà kiến phát sanh. Đã nặng về phước thiện đã làm chất chứa trước kia sau rồi mới thỏa thích rất hân hoan. xuất thiền rồi mới nặng về thiền sau mới thỏa thích rất hân hoan; nặng về nhãn rồi mới thỏa thích rất hân hoan; nặng về xúc... vật *(vatthu)*... và những uẩn phi phiền toái cảnh phiền não rồi mới thỏa thích rất hân hoan, do đã nặng về đó rồi nên ái, tà kiến mới phát sanh.

1686.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

Trưởng cảnh như: Níp bàn làm duyên cho đạo, quả bằng Trưởng duyên *(Adhipatipaccayo).*

1687.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Bậc Thánh *(Ariya)* xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán; nặng về quả rồi phản khán; nặng về Níp Bàn rồi phản khán; Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* hay dũ tịnh *(vedanā)* bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1688.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nươngTâm sanh bằng Trưởng duyên.

1689.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Vô gián duyên: Chư uẩn phiền toái cảnh phiền não sanh trước trước làm duyên cho các uẩn phiền toái cảnh phiền não sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1690.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Vô gián duyên: Chư uẩn phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

1691.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Vô gián duyên:

- Chư uẩn phi phiền toái cảnh phiền não sanh trước trước làm duyên cho các uẩn phi phiền toái cảnh phiền não sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū);* tâm thuận thứ làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vedanā);* tâm khán môn làm duyên cho các uẩn phi phiền toái cảnh phiền não bằng Vô gián duyên.

1692.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Vô gián duyên: Tâm khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho các uẩn phiền toái cảnh phiền não bằng Vô gián duyên.

1693.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Vô gián duyên: Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; tâm dũ tịnh *(vedanā)* làm duyên cho đạo; tâm thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền; khi xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1694.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Vô gián duyên:

- Chư uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Đạo làm duyên cho quả, quả làm duyên cho quả bằng Vô gián duyên.

1695.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Vô gián duyên: Quả làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

1696.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên,... bằng Hỗ tương duyên,... bằng Y chỉ duyên,... bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái quá mạnh có thể sát sanh cho đến phá hòa hợp Tăng; nương sân mạnh có thể sát sanh cho đến phá hòa hợp Tăng. Ái, vọng dục làm duyên cho ái, vọng dục bằng Cận y duyên.
- Sát sanh làm duyên cho sát sanh bằng Cận y duyên.
- Tà kiến nhứt định làm duyên cho tà kiến nhứt định bằng Thuần cận y duyên.

1697.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái quá mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới có thể thiền... quán... thông... cho đến phát sanh nhập thiền đặng.
- Nương vọng dục mạnh có thể bố thí cho đến nhập thiền phát sanh; ái... vọng dục, đức tin, làm duyên cho thân lạc thân khổ bằng Cận y duyên.
- Sát sanh rồi vì muốn hết tội nên bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới cho đến thiền phát sanh, thông phát sanh cho đến nhập thiền đặng.
- Phá hòa hợp Tăng vì muốn cho hết tội ấy nên bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới. Nghiệp bất thiện làm duyên cho dị thục quả bằng Cận y duyên.

1698.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cận y duyên:

Thuần cận y *(pakatūpanissaya)* như: Nương ái quá mạnh có thể làm cho đạo phát sanh, nhập thiền quả đặng. Nương sân... mong mỏi mạnh làm cho đạo phát sanh; nhập thiền quả đặng. Nương ái... và mong mỏi *((patthanā)* làm duyên cho đạo và nhập thiền quả bằng Cận y duyên.

1699.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y.

- Thuần cận y *(pakatūpanissaya)* như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí cho đến nhập thiền đặng, nương trì giới, đa văn, ái, trí, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... chỗ ở mạnh có thể bố thí;... phát sanh nhập thiền.
- Đức tin,... chổ ở *(Senāsana)* làm duyên cho đức tin, thân lạc bằng Cận y duyên *(Upanissayapaccayo).*
- Nghiệp thiện làm duyên cho dị thục quả bằng Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý sơ thiền làm duyên cho sơ thiền.
- Thức vô biên xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

1700.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y. Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể ngã mạn, tà kiến phát sanh. Hoặc trì giới... nương chổ ở mạnh có thể sát sanh cho đến phá hòa hợp Tăng. Đức tin,... chổ ở mạnh làm duyên cho ái, vọng dục bằng Cận y duyên.

1701.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Tâm chỉnh lý sơ đạo làm duyên cho sơ đạo... nhị đạo, tam đạo, tứ đạo bằng Cận y duyên.

1702.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo, nhị đạo làm duyên cho tam đạo, tam đạo làm duyên cho tứ đạo, tứ đạo làm duyên cho quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

1703.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Bậc Thánh nương đạo mạnh, thiền dù chưa từng sanh cũng nhập thiền đặng; quán hành vi vô thường, khổ não, vô ngã. Thánh đạo làm duyên cho nghĩa đạt thông *(atthapaṭisambhidā)*, pháp đạt thông *(dhammapaṭisambhidā)*, ngữ đạt thông *(niruttipatisambhidā)*, cấp trí đạt thông *(patibhāṇapaṭisambhidā)*, tri sở *(ṭhāna)* phi sở *(aṭhāna)* do Cận y duyên.
- Nhập thiền quả làm duyên cho thân lạc bằng Cận y duyên.

1704.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

+ Cảnh tiền sanh *(ārammaṇapurejāta)* như: Quán ngộ nhãn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã; quán ngộ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc và vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
    - Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
    - Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.

+ Vật tiền sanh *(vatthupurejāta)* như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
  - Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn phi phiền toái cảnh phiền não bằng Tiền sanh duyên.

1705.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Ưa mến rất thỏa thích nhãn đó khai đoan *(ārabbha)* cho ái hoặc ưu phát sanh; nhĩ... xúc... vật ưa mến rất thỏa thích do đó mở mối cho ái hoặc ưu sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn phiền toái cảnh phiền não bằng Tiền sanh duyên.

1706.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Tiền sanh duyên:

Như vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Tiền sanh duyên.

1707.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn phiền toái cảnh phiền não sanh sau làm duyên cho thân sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1708.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Những uẩn phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1709.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Hậu sanh duyên.

Hậu sanh như: Các uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho thân kia sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1710.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Cố hưởng duyên:

Chư uẩn phiền toái cảnh phiền não sanh trước trước làm duyên cho chư uẩn phiền toái cảnh phiền não sanh kế sau sau bằng Cố hưởng duyên *(āsevanapaccayo).*

1711.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cố hưởng duyên:

... trước trước... tâm thuận thứ làm duyên cho tâm chuyển tộc; tâm thuận thứ làm duyên cho tâm dũ tịnh bằng Cố hưởng duyên *(Āsevanapaccayo).*

1712.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cố hưởng duyên:

Chuyển tộc làm duyên cho đạo, dũ tịnh làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

1713.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Nghiệp duyên.

Tư phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên *(Kammapaccayo).*

1714.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1715.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Nghiệp duyên: Tư phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1716.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1717.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư *(cetanā)* phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho uẩn quả phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Nghiệp duyên.

1718.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Nghiệp duyên: Đồng sanh như: Tư phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1719.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Nghiệp duyên: Đồng sanh như: Tư phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1720.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Quả duyên:

- 1 uẩn quả phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Quả duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn. Chư uẩn làm duyên cho vật *(vatthu)* bằng Quả duyên.

1721.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Quả duyên: 1 uẩn quả phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.

1722.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Quả duyên: Chư uẩn quả phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.

1723.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên Cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Quả duyên: 1 uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên, 2 uẩn...

1724.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Thực duyên có 3 đề.

1725.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Thực duyên:

Thực phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh: Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Thực duyên.

1726.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Thực duyên có 3 đề.

1727.

* Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái phi cảnh phiền não bằng Quyền duyên có 3 đề.
* Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Quyền duyên:

  Quyền *(indrīya)* phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên. Sát-na tục sinh: nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức,... thân quyền làm duyên cho thân thức bằng Quyền duyên; sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.
* Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não... có 3 đề.

1728.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Thiền duyên,... Đạo duyên,... Tương ưng duyên.

1729.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Chư uẩn phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như: Chư uẩn phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho thân kia sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1730.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Chư uẩn phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên. chư uẩn làm duyên cho vật *(vatthu)*. Vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh *(Purejāta)* như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức,... thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Bất tương ưng duyên. Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn phi phiền toái cảnh phiền não bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh *(Pachājāta)* như: Chư uẩn phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho thân kia sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1731.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Bất tương ưng duyên.

Tiền sanh *(Purejāta)* như: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn phiền toái cảnh phiền não bằng Bất tương ưng duyên.

1732.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Bất tương ưng duyên.

1733.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như: Uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho thân kia sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1734.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo)* ...

1735.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Chư uẩn phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho thân kia sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1736.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

1737.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Thực và Quyền:

- 1 uẩn phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh... người Vô tưởng: 1 đại sung làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo).*
- Tiền sanh như: Quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã. Quán ngộ nhĩ... thân, sắc, xúc... và vật *(vatthu)* bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.
- Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, …. Thân xứ làm duyên cho thân thức; vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn phi phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho thân kia sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Đoàn thực làm duyên cho thân kia sanh trước; sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1738.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: thỏa thích rất hân hoan nhãn đó mở mối cho ái hoặc ưu sanh ra; thỏa thích vật... vật làm duyên cho uẩn phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên.

1739.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho các uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên.

1740.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

1741.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Chư uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho thân kia sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1742.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phi phiền não bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.

1743.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Chư uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo).*

- Hậu sanh như: Chư uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phi phiền toái cảnh phiền não và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1744.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

1745.

Pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn phiền toái cảnh phiền não và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

1746.

Pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn phiền toái cảnh phiền não và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phiền toái cảnh phiền não và đoàn thực làm duyên cho thân kia sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phiền toái cảnh phiền não và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1747.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Vô hữu duyên... Ly duyên... Bất ly duyên.

1748.

Nhân 7, Cảnh 6, Trưởng 8, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 23, Cận y 3, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 4, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1749.

Nhân duyên có Trưởng 4,... Đồng sanh 7, Hỗ tương 3, Y chỉ 7, Quả 4, Quyền 4, Đạo đều có 4, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu và Bất ly đều có 7.

1750.

- ∗ Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly 7.
- ∗ Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly 3.
- ∗ Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 3.
- ∗ Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 3,
- ∗ Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly 4,
- ∗ Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly 2,
- ∗ Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2,
- ∗ Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.
- ∗ Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 12.

Xin phân rộng như tam đề thiện *(kusalattika)*

Dứt cách thuận tùng

1751.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên,... Đồng sanh duyên...Cận y duyên.

1752.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên,... Đồng sanh duyên,... Cận y duyên,... Hậu sanh duyên,... Nghiệp duyên.

1753.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cận y duyên

1754.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Đồng sanh duyên:

1755.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên,... Đồng sanh duyên,... Cận y duyên,... Tiền sanh duyên,... Hậu sanh duyên,... Nghiệp duyên,... Thực duyên,... Quyền duyên.

1756.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên,... Cận y duyên,... Tiền sanh duyên.

1757.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cận y duyên,... Tiền sanh duyên.

1758.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Đồng sanh duyên,... Cận y duyên.

1759.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cảnh duyên,... Đồng sanh duyên,... Cận y duyên,... Hậu sanh duyên.

1760.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não Đồng sanh duyên.

1761.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1762.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não có Đồng sanh và Tiền sanh.

1763.

Pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não có Đồng sanh và Tiền sanh.

1764.

Pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1765.

∗ Phi Nhân 14, phi Cảnh 14, phi Trưởng 14, phi Vô gián 14, phi Liên tiếp 14, phi Đồng sanh 10, phi Hỗ tương 10, phi Y chỉ 10, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 12, phi Hậu sanh 14, phi Cố hưởng, phi Nghiệp, phi Quả đều có 14, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo đều có 14, phi Tương ưng 10, phi Bất tương ưng 8, phi Hiện hữu 8, phi Vô hữu 14, phi Ly 14, phi Bất ly 8.

∗ Phi Nhân duyên có phi Cảnh 14,... tóm tắt...

Xin phân rộng ra như đối lập trong tam đề thiện

Dứt cách đối lập

1766.

∗ Nhân duyên có phi Cảnh 7,... phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp có 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y... phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền có 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

∗ Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 7,... tóm tắt...

Xin phân rộng như thuận tùng-đối lập như tam đề thiện.

Dứt cách thuận tùng, đối lập

1767.

∗ Phi Nhân duyên có Cảnh 6,... Trưởng 8, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 8, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Đạo 7, Quả 4, Thực, Quyền, Thiền, Đạo có 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

∗ Phi Nhân duyên và phi Cảnh duyên có Trưởng 7, tóm tắt...

Xin phân đếm rộng ra như đối lập, thuận tùng.

Dứt cách đối lập, thuận tùng

Dứt phần đề thứ 5: Phiền toái cảnh phiền não

Dứt cách thuận tùng vị trí

Hết quyển thứ nhứt của bộ Vị trí (Paṭṭhāna)

Hồi hướng và chia phước đến Tứ Đại Thiên Vương và tất cả chúng sanh, nhứt là các vị Chư thiên có oai lực hộ trì tạng Diệu Pháp đặng thạnh hành.

Phật diệt ngày 18-05-2520
(15-06-1976)
SAIGON-VIETNAM

QUYỂN THỨ HAI

TAM ĐỀ TẦM *(VITAKKATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ *(savitakka savicāra)*, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Tầm *(vitakka)* liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ.
- Sát-na tục sinh: Tầm liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh *(katattārūpa)* liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ.

2.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Tầm *(vitakka)* và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ.
- Sát-na tục sinh: Tầm và sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn.
- Sát na tục sinh: 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn.

3.

Pháp hữu tầm hữu tứ, pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn với tầm và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn với tầm và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
- Sát na tục sinh: 3 uẩn với tầm và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn với tầm và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn.

4.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan với tầm.
- Sát na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan với tầm.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan với pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Tứ *(vicāra)* và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ *(Avitakka Vicāranatta);* sắc nương tâm sanh liên quan với tầm.
- Sát na tục sinh: Tứ *(vicāra)* và sắc tục sinh liên quan với uẩn vô tầm hữu tứ. Sát na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan với tầm *(vitakka)*

5.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan với pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Chư uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh liên quan với tầm.
- Sát na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc tục sinh liên quan với tầm.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan với pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn với tứ và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ, 2 uẩn với tứ và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
- Sát na tục sinh: 3 uẩn với tứ và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ, 2 uẩn với tứ và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn.

6.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn, sắc nương tâm sanh liên quan tứ.
- Sát na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn.
- Sát na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan tứ, vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; vật liên quan tứ, tứ liên quan vật; 3 sắc đại sung *(mahābhutarūpa)* liên quan 1 sắc đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Sát na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan vật.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tứ.
- Sát na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tứ. Sát na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan vật *(vatthu)*. Sát na tục sinh: Tầm liên quan vật.

7.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan vật; sắc tục sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

- Chư uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh liên quan tứ.
- Sát na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ và sắc tục sinh liên quan tứ *(vicāra)*.
- Sát na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan vật, sắc tục sinh liên quan sắc đại sung.
- Sát na tục sinh: Tâm *(vitakka)* liên quan vật, sắc tục sinh liên quan sắc đại sung.
- Sát na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)* liên quan vật *(vatthu)*.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm liên quan vật *(vatthu)*.

8.

Pháp hữu tầm hữu tứ, pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm liên quan vật *(vatthu)*, sắc tục sinh liên quan sắc đại sung.

9.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật *(vatthu)*, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát na tục sinh: Tầm liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và vật.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.
- Sát na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.

10.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật; 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật, sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát na tục sinh: Tầm liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và vật; sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát na tục sinh: 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn và vật.

11.

Pháp hữu tầm hữu tứ, pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát na tục sinh: 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn và vật, sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.

12.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát-na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm và vật *(vatthu)*.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)*, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tứ.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tứ.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và tứ; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và sắc đại sung; sắc nương tâm sanh liên quan tầm và sắc đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)*.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và sắc đại sung *(mahābhūtarūpa)*.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan tầm và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Tứ sinh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và vật.

13.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Sát-na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm và vật; sắc tục sinh liên quan tầm và sắc đại sung.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ; 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn và tứ.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ; 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn và tứ *(vicāra)*.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và tứ liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật; 2 uẩn và tứ liên quan 2 uẩn và vật *(vatthu)*.

14.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tầm.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tầm.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:

- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm *(vitakka)*.

15.

Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm; 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn và tầm.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm; 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn và tầm.

16.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ, pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, với tầm và vật; 2 uẩn liên quan 2 uẩn với tầm và vật.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ, pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và sắc đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và sắc đại sung

17.

Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ, pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và vật; 1 uẩn liên quan 3 uẩn với tầm và vật; 2 uẩn liên quan 2 uẩn với tầm và vật.
- Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và sắc đại sung.

18.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên: Tầm liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ. Sát-na tục sinh...

19.

Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

20.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên:
Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên:
Tứ liên quan uẩn vô tầm hữu tứ. Sát-na tục sinh...

21.

Pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn và tứ liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ, 2 uẩn và tứ liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

22.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ và tầm, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: Chư uẩn liên quan vật *(vatthu)*, tứ *(vicāra)* liên quan vật.

* Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên: Sát-na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan vật.

* Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:
  - Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tứ *(vicāra)*.
  - Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tứ.
  - Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan vật.
  - Sát-na tục sinh: Tầm *(vitakka)* liên quan vật *(vatthu)*.

23.

* Pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên: Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu và tứ liên quan vật.

* Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên: Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ và tầm liên quan vật *(vatthu)*.

24.

* Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:

  Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.

* Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:

  Sát-na tục sinh: Tầm liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và vật.

25.

Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn và vật.

26.

* Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:

  Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tầm và vật *(vatthu)*.

* Pháp vô tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:
  - 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tứ.
  - Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tứ.
  - Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.

* Pháp vô tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:

  Sát-na tục sinh: Tứ liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và vật.

27.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: 3 uẩn và tứ liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn và tứ liên quan 2 uẩn và vật *(vatthu)*.

28.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tầm.
- Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn với tầm và vật.

Trong 24 duyên, đã phân giải 2 duyên; những duyên còn lại cũng nên phân rộng ra như thế (trong khi giảng dạy)

29.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, uẩn liên quan vật.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

Tầm liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ, vật Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ, uẩn Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh...

30.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:
- Tầm và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ; tầm liên quan vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn; vật Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

31.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

3 uẩn với tầm và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn với tầm và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn; uẩn với tầm liên quan vật Bất tương ưng duyên sắc nương tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

32.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ,... 2 uẩn liên quan 2 uẩn; vật Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:
Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm; uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên *(vippayuttaccayo)*. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:
Tứ *(vicāra)* và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ; tứ liên quan vật *(vatthu)* Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan tầm *(vitakka)* là tầm Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

33.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:
Chư uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh liên quan tầm; uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên; sắc tâm liên quan tầm Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:
3 uẩn với tứ *(vicāra)* và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ, 2 uẩn với tứ và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn; uẩn với tứ liên quan vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh *(cittasamutthāra)* liên quan uẩn Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

34.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ,... 2 uẩn liên quan 2 uẩn;... uẩn liên quan vật *(vatthu)* do Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan tứ *(vicāra)* là tứ Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Sát tục sinh liên quan tứ *(vicāra)* là tứ Bất tương ưng duyên; vật liên quan uẩn; uẩn liên quan vật; uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên; vật liên quan uẩn do Bất tương ưng duyên. Vật liên quan *(vicāra)*, tứ liên quan vật; tứ liên quan vật Bất tương ưng duyên, vật liên quan tứ Bất tương ưng duyên. 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung, sắc nương tâm, sắc tục inh, sắc y sinh liên quan uẩn do Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:
Sát-na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan vật, vật Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:
- Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tứ *(vicāra)*; vật Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tứ; vật Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan vật; là vật Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Tầm liên quan vật; là vật Bất tương ưng duyên *(vippayutta paccayo)*.

35.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

Sát-na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan vật, sắc tục sinh liên quan sắc đại sung, uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

- Chư uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh liên quan tứ; uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan tứ do Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan và sắc tục sinh liên quan tứ, uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên. Sắc tục sinh liên quan tứ do Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan vật; sắc tục sinh liên quan sắc đại sung, uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên; sắc tục sinh liên quan tứ do Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Tầm *(vitakka)* liên quan vật; sắc tục sinh liên quan sắc đại sung; tầm liên quan vật do Bất tương ưng duyên, sắc tục sinh liên quan uẩn do Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ và tứ liên quan vật, uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ và tầm liên quan vật *(vatthu)*, vật do Bất tương ưng duyên.

36.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ và tầm liên quan vật *(vatthu)*, sắc tục sinh liên quan sắc đại sung, uẩn và tầm liên quan vật do Bất tương ưng duyên; sắc tục sinh liên quan uẩn và do Bất tương ưng duyên *(vippayuttaccayo)*.

37.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, vật Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...

Sát-na tục sinh: Tầm liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và vật. Tầm *(vitakka)* liên quan vật, do Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...

Sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung; sắc tầm liên quan uẩn do Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

38.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...

Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật. Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung; uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên; sắc tục sinh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...

- Sát-na tục sinh: Tầm *(vitakka)* liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và vật *(vatthu)*, sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung; tầm liên quan vật do Bất tương ưng duyên *(vippayuttaccayo)*. Sắc tục sinh liên quan uẩn do Bất tương ưng duyên.
- Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật *(vatthu)*, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn và vật, vật Bất tương ưng duyên.

39.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...

Sát-na tục sinh: 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn và vật, sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung; uẩn và tầm liên quan vật Bất tương ưng duyên; sắc tục sinh liên quan uẩn do Bất tương ưng duyên.

40.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...

Sát-na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm và vật, vật Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)*, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...

- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và tứ; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ với tứ và sắc đại sung; uẩn Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan tầm và đại sung *(mahābhūarūpa)*; sắc nương tâm sanh liên quan tầm do Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và tứ; sắc tục sinh liên quan uẩn và tứ *(vicāra)* do Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và sắc đại sung; sắc tục sinh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan tầm và sắc đại sung; sắc tục sinh liên quan tầm do Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và vật, tứ *(vicāra)* liên quan vật do Bất tương ưng duyên.

41.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

Sát-na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm và vật; sắc tục sinh liên quan tầm và sắc đại sung; uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên. Sắc tục sinh liên quan tầm do Bất tương ưng duyên.

* Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
  - 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)*, uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn và tứ do Bất tương ưng duyên.
  - Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ; uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên. Sắc tục sinh liên quan uẩn và tứ *(vicāra)*, Bất tương ưng duyên.
  - Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật *(vatthu)*; sắc tục sinh liên quan 2 uẩn vô tầm hữu tứ và sắc đại sung; uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên; sắc tục sinh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.
  - Sát-na tục sinh: 3 uẩn và tứ liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật, 3 uẩn liên quan 2 uẩn... tứ *(vicāra)* liên quan vật do uẩn Bất tương ưng duyên.

42.

* Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...

  3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật *(vatthu)* Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên.

* Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ sanh ra...
  - Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm, sắc nương tâm sanh liên quan uẩn và tầm do Bất tương ưng duyên.
  - Sát-na tục sinh: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn và tầm do Bất tương ưng duyên.

43.

* Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra...
  - 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm *(vitakka)*;... 2 uẩn liên quan 2 uẩn,... uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn và tầm do Bất tương ưng duyên.
  - Sát-na tục sinh: Chư uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên; sắc tục sinh liên quan uẩn và tầm do Bất tương ưng duyên.

44.

* Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra...

  Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm *(vitakka)* và vật *(vatthu)*; 2 uẩn liên quan 2 uẩn... uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên.

* Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra...

  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và sắc đại sung; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn và tầm do Bất tương ưng duyên.

  Sát-na tục sinh: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn và tầm do Bất tương ưng duyên.

45.

* Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và vật; sắc tục sinh liên quan 2 uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và sắc đại sung; uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên; sắc tục sinh liên quan uẩn và tầm do Bất tương ưng duyên

46.

Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Hiện hữu duyên,... tóm tắt, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên.

47.

∗ Nhân 37, Cảnh 21, Trưởng 23, Vô gián 21, Liên tiếp 21, Đồng sanh 37, Hỗ tương 28, Y chỉ 37, Cận y 21, Tiền sanh 11, Cố hưởng 11, Nghiệp 37, Quả 37, Thực, Quyền, Thiền, Đạo có 37, Tương ưng 21, Bất tương ưng 37, Hiện hữu 37, Vô hữu 21, Ly 21, Bất ly 37.

∗ Nhân duyên có Cảnh 21, tóm tắt.

Nên phân đến như tam đề thiện *(kusalattika)*

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

48.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Tầm *(vitakka)* liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân. Sát-na tục sinh vô nhân...

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân. Sát-na tục sinh vô nhân...

49.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân. 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh vô nhân...

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Tầm *(vitakka)* và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân; sát-na tục sinh vô nhân...

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân; 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh vô nhân...

50.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn với tầm và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân. Sát-na tục sinh vô nhân...

51.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

- Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm *(vitakka)* vô nhân.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm, si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan tầm đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan tầm vô nhân. Sát-na tục sinh vô nhân. Sắc tục sinh liên quan tầm.

52.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Chư uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh liên quan tầm vô nhân. Sát-na tục sinh vô nhân: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc tục sinh liên quan tầm.

53.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ vô Nhân, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung... liên quan 1 sắc đại sung ngoại, vật thực, âm dương, vô tưởng. Sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan đến sắc đại sung.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan vật.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Tầm *(vitakka)* liên quan vật *(vatthu)*.

54.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan vật, sắc tục sinh liên quan sắc đại sung.

55.

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Tầm liên quan vật, sắc tục sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm liên quan vật *(vatthu)*.

56.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, và vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm liên quan vật, sắc tục sinh liên quan sắc đại sung.

57.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật *(vatthu)*, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sát-na tục sinh vô nhân: Tầm liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và vật *(vatthu)*.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân và sắc đại sung. Sát-na tục sinh vô nhân. Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.

58.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật; sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sát-na tục sinh vô nhân: Tầm liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn và vật.

59.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn và vật, sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.

60.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm và vật.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan tầm vô nhân và sắc đại sung. Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh liên quan tầm và đại sung.

61.

Pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm và vật, sắc tục sinh liên quan tầm và đại sung.

62.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân và tầm, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tầm. Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm; 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tầm.

- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và tầm.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân và tầm *(vitakka)*. Sát-na tục sinh vô nhân...

63.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân và tầm, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn và tầm. Sát-na tục sinh vô nhân...

64.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn với tầm và vật.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân với tầm và sắc đại sung. Sát-na tục sinh vô nhân...

65.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn với tầm và vật. Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và sắc đại sung.

66.

Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ.

67.

Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ; sắc nương tâm sanh liên quan tầm. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan tầm.

68.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm vô tứ; sắc nương tâm sanh liên quan tứ. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn vô tầm vô tứ; sắc tục sinh liên quan tứ; vật liên quan uẩn;... liên quan sắc đại sung.

∗ ... liên quan 1 sắc đại sung thuộc sắc ngoại, vật thực, âm dương và vô tưởng.

69.

Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và đại sung. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.

70.

Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Cảnh duyên:

- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và tứ; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và sắc đại sung; sắc nương tâm sanh liên quan tầm và sắc đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)*, sắc tục sinh...

71.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm. Sát-na tục sinh...

72.

Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và và sắc đại sung. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh...

73.

Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Trưởng duyên có 7 câu.

74.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng vô tầm hữu tứ liên quan uẩn vô tầm hữu tứ, 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Trưởng duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Trưởng duyên:

Tứ và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ quả *(vipāka)*.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Trưởng duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh liên quan tầm.

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Trưởng duyên:

3 uẩn với tứ và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ quả.

75.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng vô tầm vô tứ liên quan uẩn vô tầm vô tứ; 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ quả.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Trưởng duyên:

Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan vật.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng *(adhipati)* vô tầm hữu tứ liên quan tứ; uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tứ *(vicāra)* quả *(vipāka)*.

* ... Liên quan pháp vô tầm vô tứ có 7 câu.

76.

* ... Liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ... tóm tắt...
* Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra...
* Pháp vô tầm hữu tứ... sanh ra do phi Trưởng duyên:
  Trưởng vô tầm hữu tứ liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và tứ;... liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ quả và tứ, tóm tắt.

77.

Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên.

Cũng như phi Cảnh duyên.

78.

Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên có 7 câu.

79.

* Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên...
  ... liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ nơi Vô sắc.
* Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm *(vitakka)* Vô sắc sát-na tục sinh...
* Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Tứ *(vicāra)* liên quan uẩn vô tầm hữu tứ Vô sắc; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ, sắc nương tâm sanh liên quan tầm. Sát-na tục sinh...
* Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc tục sinh liên quan tầm *(vitakka)*.
* Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  3 uẩn và tứ liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ nơi Vô sắc. Sát-na tục sinh...

80.

* Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên...
  3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ nơi Vô sắc. Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm vô tứ, sắc nương tâm sanh liên quan tứ *(vicāra)*. Sát-na tục sinh...
* Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan vật.
* Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tứ nơi Vô sắc. Sát-na tục sinh... tóm tắt...

81.

* ... Liên quan pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm vô tứ... có 7 câu
* Pháp vô tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ nơi Vô sắc. Sát-na tục sinh... tóm tắt...

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra... tóm tắt...
Sát-na tục sinh: Trong phần phi Tiền sanh căn về phần chót *(suddhika)* nói với cõi Vô sắc ra sao, thì ở đây nói về Vô sắc như thế đó.

∗ ... Phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên.

82.

Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
... liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ quả *(vipāka)*, tóm tắt...

83.

Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
... liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ quả *(vipāka)*, tóm tắt...

84.

Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ.

85.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* vô tầm hữu tứ liên quan uẩn vô tầm hữu tứ.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ liên quan tầm *(vitakka)*.

86.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* vô tầm vô tứ liên quan uẩn vô tầm vô tứ,... liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* vô tầm hữu tứ liên quan tứ *(vicāra)*.

87.

Pháp vô tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* vô tầm hữu tứ liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)*.

88.

Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm *(vitakka)*.

89.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và sanh ra do phi Quả duyên,... phi Thực duyên...
Sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương...

∗ ... Do phi Quyền duyên...
Sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... sắc mạng quyền liên quan sắc đại sung.

∗ ... Do phi Thiền duyên...
... liên quan 1 uẩn đồng sanh ngũ thức *(viññāna)*... sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... và Vô tưởng.

Nên sắp trong phần phi Cố hưởng căn đem lại vô tầm hữu tứ đồng sanh với quả như phi Tiền sanh.

Một nữa, nên trình bày vô tầm hữu tứ hiệp với quả vô tầm hữu tứ.

* ... Phi Đạo duyên,... phi Tương ưng duyên...

90.

* ... Phi Bất tương ưng duyên...
  3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ nơi Vô sắc. 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

* Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Tầm *(vitakka)* liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ nơi Vô sắc.

* Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ nơi Vô sắc, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn.

91.

* Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ nơi Vô sắc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

* Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm nơi Vô sắc.

* Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Tứ *(vicāra)* liên quan uẩn vô tầm hữu tứ nơi Vô sắc.

* Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  3 uẩn và tứ *(vicāra)* liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ nơi Vô sắc. 2 uẩn và tứ liên quan 2 uẩn.

92.

* Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ nơi Vô sắc. 2 uẩn liên quan 2 uẩn;... liên quan 1 sắc đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương và sắc Vô tưởng.

* Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tứ nơi Vô sắc.

93.

Pháp vô tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ nơi Vô sắc. 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tứ *(vicāra)*.

94.

Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm nơi Vô sắc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tầm.

95.

Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi hữu duyên, phi Ly duyên:

96.

Phi Nhân 33, phi Cảnh 7, phi Trưởng 37, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 7, phi Cận 7, phi Tiền sanh 37, phi Hậu sanh 37, phi Cố hưởng 37, phi Nghiệp 7, phi Quả 20, phi Thực 1, phi Quyền1, phi Thiền 1, phi Đạo có 33, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 11, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

Đếm theo đối lập trong tam đề thiện *(kusalattika)*.

Dứt cách đối lập

97.

Nhân duyên có phi Cảnh 7, tóm tắt;...

Phân đếm thuận tùng-đối lập như trong tam đề thiện.

98.

Phi Nhân duyên có Cảnh 14, tóm tắt;...

Nên phân đếm đối lập, thuận tùng như trong tam đề thiện.

Dứt phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(sahajāta)* phân chia như phần liên quan.

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

99.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn... có 7 câu.

∗ ... Nhờ cậy pháp vô tầm hữu tứ... có 5 phần, cũng như phần liên quan.

100.

∗ Pháp vô tầm vô tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô tầm vô tứ, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn. Sắc nương tâm sanh nhờ cậy tứ *(vicāra)*, sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm vô tứ nhờ cậy vật *(vatthu)*, tứ *(vicāra)* nhờ vậy vật.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ sanh ra...
Uẩn hữu tầm hữu tứ nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm hữu tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ...
Uẩn vô tầm hữu tứ nhờ cậy tứ *(vicāra)*, uẩn vô tầm hữu tứ nhờ cậy vật *(vatthu)*; tầm *(vitakka)* nhờ cậy vật *(vatthu)*. Sát-na tục sinh...

101.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ sanh ra...
Uẩn hữu tầm hữu tứ nhờ cậy vật *(vatthu)*; sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ...
Uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh nhờ cậy tứ. Uẩn vô tầm hữu tứ nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung; tầm nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung; uẩn vô tầm hữu tứ và tứ nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ...
Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm *(vitakka)* nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ, vô tầm vô tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ...

Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung. Sát-na tục sinh...

102.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật,... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm hữu tứ nhờ cậy chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
Nên sắp theo sát-na tục sinh hiện hành tỷ như ban sơ trong 7 câu đầu.

103.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
Uẩn hữu tầm hữu tứ nhờ cậy tầm và vật. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm hữu tứ nhờ cậy pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ, 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật.

∗ Pháp vô tầm vô tứ nhờ cậy chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra...
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn vô tầm hữu tứ và tứ.
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn vô tầm hữu tứ và đại sung.
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy tầm và sắc đại sung.
- Tứ nhờ cậy uẩn vô tầm hữu tứ và vật *(vatthu).*
- Sát-na tục sinh: Cũng có 4 câu như thế.

104.

∗ Chư Pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ nhờ cậy chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra...
Uẩn hữu tầm hữu tứ nhờ cậy tầm và vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy tầm và sắc đại sung. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ nhờ cậy chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra...
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ; 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn vô tầm hữu tứ và sắc đại sung; 3 uẩn và tứ nhờ cậy 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật *(vatthu).*
- Sát-na tục sinh:... 3 uẩn...
Hai duyên hợp trợ ngoài ra về bình nhựt *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisandhi)* nên phân rộng.

Dứt phần Nhân duyên (Hetupaccayo)

Người trí biết Nhân duyên nên nhân rộng phần ỷ trượng *(paccayavāra)* cũng như cách đếm phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Trưởng duyên có 37, Tiền sanh duyên và Cố hưởng duyên có 21. Đây là sự khác lạ.

105.

Trong vị trí nghịch (*paccanīya pathāna)* phi Nhân duyên có 33 câu. Nên rút cả 7 si trong 7 vị trí *(ṭhāna)*.
- Chỉ câu căn *(mūla)* trong phi Cảnh nên bớt cả 7 câu có sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)*.
- Phần hữu tầm hữu tứ căn *(mūla)* có 7 câu, nên sắp phi Trưởng.

106.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ nhờ cậy pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng vô tầm hữu tứ nhờ cậy uẩn vô tầm hữu tứ, 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô tầm hữu tứ quả. Sát-na tục sinh...

∗ ... Nhờ cậy pháp vô tầm hữu tứ... nên sắp cả 5 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

107.

∗ Pháp vô tầm vô tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ sanh ra...
- Trưởng vô tầm vô tứ nhờ cậy uẩn vô tầm vô tứ, 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn quả vô tầm vô tứ; sắc nương tâm sanh nhờ cậy tứ thuộc về quả.
- Sát-na tục sinh: Trưởng vô tầm vô tứ nhờ cậy vật *(vatthu)*.
- Uẩn quả vô tầm vô tứ và tứ nhờ cậy vật...

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ sanh ra...
Trưởng uẩn hữu tầm hữu tứ nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm hữu tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ...
- Trưởng vô tầm hữu tứ nhờ cậy tứ; Trưởng vô tầm hữu tứ nhờ cậy vật.
- Uẩn vô tầm hữu tứ nhờ cậy tứ thuộc quả *(vipāka)*. Uẩn quả vô tầm hữu tứ nhờ cậy vật.
- Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ...
Uẩn hữu tầm hữu tứ nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ...
- Uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh nhờ cậy tứ thuộc quả *(vipāka)*..
- Uẩn quả vô tầm vô tứ và tứ nhờ cậy vật
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung;
- Uẩn quả vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)* nhờ cậy vật.
- Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ...
- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh...
- Ban đầu hiệp trợ đầy đủ *(pathamagh tanaya sampunhā)*

108.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra...
Uẩn hữu tầm hữu tứ nhờ cậy tầm và vật. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm hữu tứ nhờ cậy pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra...
- Trưởng vô tầm hữu tứ nhờ cậy uẩn vô tầm hữu tứ và tứ.
- Trưởng vô tầm hữu tứ nhờ cậy uẩn vô tầm hữu tứ và vật.
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)*.
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả vô tầm hữu tứ và vật *(vatthu)*.
- Sát-na tục sinh... Nên sắp 5 câu đề.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ đến đoạn nào thì nên sắp quả *(vipāka)* đến chỗ ấy.
- Sắp phi Trưởng căn có 37 câu.
- Phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y đều có 7 câu.
- Phi Tiền sanh có 37 câu, như phần liên quan nghịch *(pacacan ya)*.
- Phi Hậu sanh có 37 câu, phi Cố hưởng cũng như thế.

- Vô tầm hữu tứ *(avitakkavicāramatta)* sắp đến đoạn nào, thì quả *(vipāka)* cũng nên sắp đến chỗ ấy như thế.

109.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ nhờ cậy uẩn hữu tầm hữu tứ.

∗ ... Nhờ cậy pháp vô tầm hữu tứ...
- Tư *(cetanā)* vô tầm hữu tứ...
- Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ...

∗ ... Nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ...
Tư *(cetanā)* vô tầm vô tứ...
Nên sắp chi đầy đủ.

∗ ... Pháp hữu tầm hữu tứ...
Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ nhờ cậy vật,...

∗ ... Pháp vô tầm hữu tứ...
Tư vô tầm hữu tứ nhờ cậy tứ *(vicāra)*, tư vô tầm hữu tứ nhờ cậy vật.

110.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ nhờ cậy uẩn hữu tầm hữu tứ và vật.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
Tư hữu tầm hữu tứ nhờ cậy tầm và vật *(vatthu)*.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ nhờ cậy chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
- Tư vô tầm hữu tứ nhờ cậy uẩn vô tầm hữu tứ và tứ.
- Tư vô tầm hữu tứ nhờ cậy uẩn vô tầm hữu tứ và vật.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ...
Tư hữu tầm hữu tứ nhờ cậy uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm.

111.

Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư hữu tầm hữu tứ nhờ cậy uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và vật.

112.

Nên sắp phi Quả có 37 câu;
Phi Thực duyên, phi Quyền duyên, Phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên; nên sắp rộng.

113.

Phi Nhân 33 (câu), phi Cảnh 7, phi Trưởng 37, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y có 7; phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng có 37; phi Nghiệp 11, phi Quả 37, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo có 33, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 11, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

Dứt phần ỷ trượng (pacayavāra)

Dù y chỉ *(nissayavāra)* cũng không khác chi.

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

114.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ hòa hợp pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp *(saṅsaṭṭha)* 1 uẩn hữu tầm hữu tứ,... 2 uẩn hòa hợp 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm hữu tứ hòa hợp pháp hữu tầm hữu tứ...
Tầm *(vitakka)* hòa hợp uẩn hữu tầm hữu tứ. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ hòa hợp pháp hữu tầm hữu tứ...
3 uẩn và tầm hòa hợp 1 uẩn hữu tầm hữu tứ,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

115.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ hòa hợp pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô tầm hữu tứ,... 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ hòa hợp pháp vô tầm hữu tứ...
Uẩn hữu tầm hữu tứ hòa hợp với tầm. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm vô tứ hòa hợp pháp vô tầm hữu tứ...
Tứ *(vicāra)* hòa hợp uẩn vô tầm hữu tứ. Sát-na tục sinh: Tứ hòa hợp uẩn vô tầm hữu tứ

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ hòa hợp pháp vô tầm hữu tứ...
3 uẩn và tứ hòa hợp 1 uẩn vô tầm hữu tứ,... 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm vô tứ hòa hợp pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô tầm vô tứ,... hòa hợp 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm hữu tứ hòa hợp pháp vô tầm vô tứ...
Uẩn vô tầm hữu tứ hòa hợp tứ. Sát-na tục sinh... hòa hợp tứ *(vicāra)*.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ hòa hợp chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ, 2 uẩn hòa hợp 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ hòa hợp chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm,... 2 uẩn và tầm. Sát-na tục sinh...
Người biết nên sắp phần ỷ trượng về Nhân duyên cho rộng.

116.

Nhân 11, Cảnh, Trưởng, Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Cố hưởng, Nghiệp, Quả, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng, Bất tương ưng, Hiệu hữu, Vô hữu, Ly, Bất ly đều có 11.

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

Trí thức nên phân đếm ngược *(paccanīya)*.

117.

Phi nhân 6, phi Trưởng 11, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 11, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 7, phi Quả 11, phi Thiền 1, phi Đạo 6, phi Bất tương ưng 11.

Dứt phần ngược (paccanīya)

Hai phần ngoài ra nên nhân rộng như thế này,... cho đến phần tương ưng *(sampayutta vāra)* nên phân rộng luôn.

Dứt phần hỗn hợp (saṅsaṭṭhavāra)

Phần Nhân Đề *(Pañhāvāra)*

118.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* hữu tầm hữu tứ *(savitakka savicāra)* làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

119.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Nhân duyên:

Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

120.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Nhân duyên:

- Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

121.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Nhân duyên:

- Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

122.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Nhân duyên:

- Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

123.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm và vô tầm hữu tứ bằng Nhân duyên:

- Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và tầm bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và tầm bằng Nhân duyên.

124.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Nhân duyên:

- Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng với tầm và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng với tầm và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

125.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Nhân duyên:

Nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

126.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Nhân duyên:

Nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

127.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Nhân duyên:

- Nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng với tứ *(vicāra)* và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân vô tầm hữu tứ làm duyên uẩn tương ưng với tứ và và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

128.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Nhân duyên:

Nhân vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

129.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyên giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nhớ lại; nhớ thiện đã làm chứa để trước kia.
- Sau khi xuất thiền hữu tầm hữu tứ... xuất đạo, xuất quả phản khán quả.
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não đã hạn chế, biết rõ phiền não đã từng sanh. Quán ngộ uẩn hữu tầm hữu tứ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu phát sanh. Uẩn hữu tầm hữu tứ khai đoan uẩn hữu tầm hữu tứ sanh ra.

130.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyên giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nhớ lại, do đó khai đoan cho tầm phát sanh.
- Nhớ thiện từng làm chứa để trước kia; xuất thiền hữu tầm hữu tứ,... xuất đạo... xuất quả rồi phản khán quả,... do đó mở mối cho tầm sanh ra.
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não đã hạn chế, biết rõ phiền não đã từng sanh. Quán ngộ uẩn hữu tầm hữu tứ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan tầm phát sanh. Uẩn hữu tầm hữu tứ mở mối cho tầm sanh ra.

131.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên:

Tha tâm thông biết rõ lòng người tề toàn tâm hữu tầm hữu tứ, uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên. Uẩn hữu tầm hữu tứ mở mối cho uẩn vô tầm vô tứ sanh ra.

132.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nhớ lại, do đó khai đoan cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra. Nhớ thiện từng làm chứa để trước kia.
- Xuất thiền hữu tầm hữu tứ,... đạo,... quả rồi phản khán quả, do đó mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.

- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ, phiền não hạn chế, biết rõ phiền não đã từng sanh trước kia.
- Quán ngộ uẩn hữu tầm hữu tứ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm phát sanh.
- Uẩn hữu tầm hữu tứ mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.

133.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ sanh ra bằng Cảnh duyên:

- Xuất thiền vô tầm hữu tứ, đạo... quả rồi phản khán quả, do đó khai đoan tầm sanh ra.
- Quán ngộ uẩn vô tầm hữu tứ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tầm phát sanh.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm khai đoan cho tầm sanh ra.

134.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

- Xuất thiền vô tầm hữu tứ, đạo... quả rồi phản khán quả... do đó mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh ra.
- Quán ngộ uẩn vô tầm hữu tứ và tầm bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái phát sanh,... ưu sanh ra.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm khai đoan uẩn hữu tầm hữu tứ sanh ra.

135.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên:

- Tha tâm thông biết lòng người tề toàn tâm vô tầm hữu tứ, uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm mở mối cho uẩn vô tầm vô tứ sanh ra.

136.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

- Xuất thiền vô tầm hữu tứ, đạo... quả rồi phản khán quả... do đó mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.
- Quán ngộ uẩn vô tầm hữu tứ và tầm bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh ra.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.

137.

- Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên:
- Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả vô tầm vô tứ và tứ *(vacāra)* bằng Cảnh duyên.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Tha tâm thông biết lòng người tề toàn tâm vô tầm vô tứ.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ; Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.
- Uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.
- Uẩn vô tầm vô tứ và tứ mở mối cho uẩn vô tầm vô tứ sanh ra.

138.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh xuất thiền vô tầm vô tứ... đạo... xuất quả rồi phản khán quả... do đó khai đoan cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh ra.
- Chư Thánh phản khán Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)* và đạo, quả hữu tầm hữu tứ, khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Quán ngộ nhãn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan cho ái, ưu phát sanh... quán ngộ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật và uẩn vô tầm vô tứ và tứ *(vacāra)* bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan cho ái, ưu phát sanh.
- Uẩn vô tầm vô tứ và tứ mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh ra.

139.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh xuất thiền vô tầm vô tứ... đạo... quả... phản khán quả... do đó khai đoan tầm phát sanh.
- Chư Thánh phản khán Níp Bàn thì Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả vô tầm hữu tứ và tầm bằng Cảnh duyên.
- Quán ngộ nhãn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã... vật *(vatthu)*... quán ngộ uẩn vô tầm vô tứ và tứ *(vicāra)* bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tầm phát sanh.
- Uẩn vô tầm vô tứ và tứ mở mối cho tầm sanh ra.

140.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên:

Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả vô tầm hữu tứ và tứ bằng Cảnh duyên.

141.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh xuất thiền vô tầm vô tứ... đạo... xuất quả rồi phản khán quả do đó khai đoan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm *(vitakka)* phát sanh.
- Chư Thánh phản khán Níp Bàn nên Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)* và tầm, Đạo hữu tầm hữu tứ và tầm, quả hữu tầm hữu tứ và tầm, khán môn và tầm bằng Cảnh duyên.
- Quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã do đó mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra. Nhĩ,... xúc... vật... quán ngộ uẩn vô tầm vô tứ và tứ *(vicāra)* bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã do đó mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.

142.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh ra.

143.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ mở mối cho tầm sanh ra.

144.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên:

- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, Tuỳ nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ mở mối cho uẩn vô tầm vô tứ sanh ra.

145.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ khai đoan cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.

146.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh ra.

147.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm mở mối cho tầm sanh ra.

148.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, Tuỳ nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.
- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm khai đoan cho uẩn vô tầm vô tứ sanh ra.

149.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.

150.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh *(Ārammanādhipati)* như; sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng chấp về đó mới phản khán; nặng về phước thiện đã làm chứa để trước kia rồi nhớ lại. xuất thiền hữu tầm hữu tứ,... đạo,... quả rồi nặng về quả rồi mới phản khán.
- Nặng về uẩn hữu tầm hữu tứ rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng chấp đó mới làm cho ái phát, tà kiến sanh.
- Trưởng đồng sanh *(Sahajātādhipati)* như: Trưởng hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

151.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như; sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng chấp về đó mới phản khán lại, do nặng chấp đó làm cho tầm phát sanh.
- Nặng về thiện đã làm chứa để rồi nhớ lại: Xuất thiền hữu tầm hữu tứ, xuất đạo... xuất quả... Nặng về quả rồi mới phản khán do nặng đó làm cho tầm phát sanh.
- Nặng về uẩn hữu tầm hữu tứ rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng chấp đó mới làm cho tầm phát sanh.

- Trưởng đồng sanh *(Sahajātādhipati)* như Trưởng hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm bằng Trưởng duyên.

152.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

153.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

154.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như Trưởng hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

155.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như; sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi mới nặng chấp làm cho nhớ lại; do nặng đó rồi uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm phát sanh.
- Nặng về thiện đã làm chứa để rồi phản khán: Xuất thiền hữu tầm hữu tứ, đạo... quả... Nặng về quả rồi mới phản khán do nặng đó mới làm cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm phát sanh.
- Nặng về uẩn hữu tầm hữu tứ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó mới làm cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như Trưởng hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và tầm bằng Trưởng duyên.

156.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như Trưởng hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng với tầm và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

157.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Xuất thiền vô tầm hữu tứ, đạo... quả... Nặng về quả rồi mới phản khán, do nặng đó mới làm cho và tầm phát sanh.

  Nặng về uẩn vô tầm hữu tứ và tầm rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng đó mới làm cho tầm phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như Trưởng vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

158.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như xuất thiền vô tầm hữu tứ, đạo... quả; nặng về quả rồi mới phản khán, do nặng đó mới làm cho uẩn hữu tầm hữu tứ phát sanh.

- Nặng về uẩn vô tầm hữu tứ và tầm rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng chấp đó mới làm cho ái phát, tà kiến sanh.

159.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh: Như Trưởng vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

160.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho những pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng với tứ và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

161.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như xuất thiền vô tầm hữu tứ,... đạo... quả; nặng về quả rồi mới phản khán. Do nặng đó mới làm cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.
- Nặng về uẩn vô tầm hữu tứ và tầm rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó mới làm cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.

162.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả vô tầm vô tứ và tứ bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

163.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

+ Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất thiền vô tầm vô tứ... đạo... xuất quả... Nặng về quả rồi mới phản khán, do nặng đó làm cho uẩn hữu tầm hữu tứ phát sanh.
  - Chư Thánh nặng về Níp Bàn rồi phản khán, nên Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)* và đạo quả hữu tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên.
  - Nặng về nhãn rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó mới làm cho ái sanh, tà kiến phát.
  - Nặng về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật và uẩn vô tầm vô tứ và tứ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng chấp đó rồi ái sanh, tà kiến phát.

164.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

+ Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất thiền vô tầm vô tứ... đạo... xuất quả... Nặng về quả rồi mới phản khán, do nặng đó làm cho tầm phát sanh.
  - Chư Thánh nặng về Níp Bàn rồi phản khán thì Níp Bàn làm duyên cho đạo quả vô tầm hữu tứ và tầm bằng Trưởng duyên.
  - Nặng về nhãn,... Vật...; nặng về uẩn vô tầm vô tứ và tứ rồi mới thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho tầm phát sanh.

165.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như Níp Bàn làm duyên cho đạo quả vô tầm hữu tứ và tầm bằng Trưởng duyên.

166.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

+ Trưởng cảnh như chư Thánh xuất thiền vô tầm vô tứ... đạo... Quả, nặng về quả rồi phản khán, do nặng chấp đó làm cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.
    - Chư Thánh nặng về Níp Bàn rồi phản khán thì Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)* và tầm;
    - Đạo hữu tầm hữu tứ và tầm, quả hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Trưởng duyên.
    - Nặng về nhãn... tóm tắt,... Vật, nặng về uẩn vô tầm vô tứ và tứ rồi mới thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó mới làm cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.

167.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn vô tầm hữu tứ và tứ rồi làm cho uẩn hữu tầm hữu tứ phát sanh.

168.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn vô tầm hữu tứ và tứ rồi làm duyên cho tầm phát sanh.

169.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như nặng về uẩn vô tầm hữu tứ và tứ rồi làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm phát sanh.

170.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như nặng về uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ phát sanh.

171.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như nặng về uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho tầm phát sanh.

172.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như nặng về uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm rồi làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm phát sanh.

173.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh ; tâm chuyển tộc làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ.

- Tâm dũ tịnh làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ, tâm đạo hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tâm quả hữu tầm hữu tứ; tâm quả hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tâm quả hữu tầm hữu tứ, tâm thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên *(Anantarapaccayo)*.

174.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử *(cuti)* hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* vô tầm vô tứ.
- Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô tầm hữu tứ và tầm.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* của thiền vô tầm hữu tứ làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ.
- Tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho quả nhập thiền vô tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.

175.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên:

- Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho ngũ thức *(viññāṇa)* bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* vô tầm vô tứ và tứ *(vicāra)* bằng Vô gián duyên.
- Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý nhị thiền làm duyên cho nhị thiền và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* tam thiền,... tâm chỉnh lý tứ thiền... tâm chỉnh lý Không vô biên xứ... tâm chỉnh lý Thức vô biên xứ... tâm chỉnh lý Vô sở hữu xứ... tâm chỉnh lý Phi tưởng phi phi tưởng xứ... tâm chỉnh lý thiên nhãn... tâm chỉnh lý thiên nhĩ... tâm chỉnh lý thần thông... tâm chỉnh lý tha tâm thông,... tâm chỉnh lý túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông...
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho quả nhập thiền vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.

176.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.
- Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* của thiền vô tầm hữu tứ làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ và tứ; tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo vô tầm và tứ; tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho quả nhập thiền vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.

177.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ sanh trước trước, làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* và tầm; tâm thuận thứ làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm; tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ và tầm; tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ và tầm; đạo hữu tầm hữu tứ làm duyên cho quả hữu tầm hữu tứ và tầm; quả hữu tầm hữu tứ làm duyên cho quả hữu tầm hữu tứ và tầm; tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho quả nhập thiền hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.

178.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Tầm sanh trước trước làm duyên cho tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ sanh trước trước, làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Đạo vô tầm hữu tứ làm duyên cho quả vô tầm hữu tứ; quả vô tầm hữu tứ làm duyên cho quả vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.

179.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử *(cuti)* vô tầm hữu tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatti)* hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* vô tầm hữu tứ làm duyên cho tâm khán môn *(āvajjana)* bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.

180.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn vô tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.

181.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn vô tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Đạo vô tầm hữu tứ làm duyên cho quả vô tầm hữu tứ và tứ; quả vô tầm hữu tứ làm duyên cho quả vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.

182.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Tầm *(vitakka)* sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử vô tầm hữu tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* vô tầm hữu tứ làm duyên cho khán môn *(āvajjana)* và tầm bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.

183.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên.

- Tứ *(vicāra)* sanh trước trước làm duyên cho tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm vô tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm vô tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Đạo vô tầm vô tứ làm duyên cho quả vô tầm vô tứ; quả vô tầm vô tứ làm duyên cho quả vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên.
- Khi xuất thiền diệt Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.

184.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

Tâm tử *(cuti)* vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.

- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* vô tầm vô tứ và tứ làm duyên cho tâm khán môn *(āvajjana)* bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm vô tứ và tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.
- Xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.

185.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Tứ *(vicāra)* sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử *(cuti)* vô tầm vô tứ và tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* vô tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm vô tứ và tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.
- Xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền vô tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.

186.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử *(cuti)* vô tầm vô tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.

187.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử *(cuti)* vô tầm vô tứ và tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp vô tầm vô tứ và tứ làm duyên cho khán môn và tầm bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm vô tứ và tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.
- Xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.

188.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử *(cuti)* vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatti)* hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho tâm khán môn bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.

189.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Đạo vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho quả vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.
- Quả vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho quả vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.

190.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh trước trước làm duyên cho tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatti)* vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên.

191.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Đạo vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho quả vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Quả vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho quả vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.

192.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatti)* hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho khán môn *(āvajjana)* và tầm bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.

193.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* và tầm làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*; tâm thuận thứ và tầm làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; tâm chuyển tộc và tầm làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ; tâm dũ tịnh và tầm làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ; đạo hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho quả hữu tầm hữu tứ; quả hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho quả hữu tầm hữu tứ; tâm thuận thứ và tầm làm duyên cho quả nhập thiền hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.

194.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh trước trước làm duyên cho tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử *(cuti)* hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.
- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* của thiền vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chuyển tộc và tầm làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ; tâm dũ tịnh và tầm làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ; tâm thuận thứ và tầm làm duyên cho quả nhập thiền vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.

195.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên:

- Khán môn *(āvajjana)* và tầm làm cho ngũ thức *(viññaṇa)* bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho tâm sanh vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho quả sơ khởi vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* của nhị thiền và tầm làm duyên cho nhị thiền và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý của tam thiền và tầm; tâm chỉnh lý của tứ thiền và tầm; tâm chỉnh lý của thiền Không vô biên xứ và tầm; tâm chỉnh lý của thiền Thức vô biên xứ và tầm; tâm chỉnh lý của thiền Vô sở hữu xứ và tầm; tâm chỉnh lý của thiền Phi tưởng phi

phi tưởng xứ và tầm; tâm chỉnh lý của thiên nhãn và tầm; tâm chỉnh lý của thiên nhĩ và tầm; tâm chỉnh lý của thần thông và tầm; tâm chỉnh lý của tha tâm thông và tầm... túc mạng thông,... tùy nghiệp thông,... tâm chỉnh lý của vị lai thông và tầm; tâm chuyển tộc và tầm làm duyên cho đạo vô tầm vô tứ và tứ; tâm dũ tịnh và tầm làm duyên cho đạo vô tầm vô tứ và tứ; tâm thuận thứ và tầm làm duyên cho quả nhập thiền vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.

196.

Pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho tâm sanh *(upapatti)* vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho quả sơ khởi *(vutthāna)* vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý thiền vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chuyển tộc và tầm làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ và tứ; tâm thuận thứ và tầm làm duyên cho quả nhập thiền vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.

197.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ và tầm làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* và tầm; tâm thuận thứ *(anuloma)* và tầm làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm; tâm chuyển tộc và tầm làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ và tầm; tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.
- Đạo hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho quả hữu tầm hữu tứ và tầm.
- Quả hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho quả hữu tầm hữu tứ và tầm.
- Tâm thuận thứ và tầm làm duyên cho quả nhập thiền hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.

198.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Liên tiếp duyên:

Liên tiếp duyên cũng như vô Gián duyên.

199.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên. 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.

200.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm bằng Đồng sanh duyên. Sát-na tục sinh...

201.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc tục sinh.

202.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh...

203.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên. Sát-na tục sinh...

204.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn và tầm bằng Đồng sanh duyên. 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và tầm bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh...

205.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn với tầm và sắc tâm *(cittasatthāna)* bằng Đồng sanh duyên. 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn với tầm và sắc tâm. Sát-na tục sinh...

206.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

207.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

Tầm làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên. Sát-na tục sinh...

208.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

Uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên. Tầm làm duyên cho sắc tâm. Sát-na tục sinh...

209.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

Tầm *(vitakka)* làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên. Sát-na tục sinh: tầm...

210.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

1 uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn với tứ và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên. 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn với tứ và sắc nương tâm sanh. Sát-na tục sinh...

211.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên. 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- Tứ *(vicāra)* làm duyên cho sắc nương tâm sanh. Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh; 2 uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho 2 uẩn và sắc tục sinh; tứ làm duyên cho sắc tục sinh; uẩn làm duyên cho vật; vật làm duyên cho uẩn; tứ làm duyên cho vật; vật làm duyên cho tứ; 1 đại sung *(mahābhūta)* làm duyên cho 3 đại sung. Đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh; sắc tục sinh thuộc sắc y sinh, sắc ngoại *(bāhirarūpa)*,... sắc vật thực,... sắc âm dương...
- 1 sắc đại sung cõi Vô tưởng *(asannasatta)*... sắc đại sung làm duyên cho sắc tục sinh thuộc sắc y sinh bằng Đồng sanh duyên *(Sahajātapaccaya)*.

212.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

Sát-na tục sinh: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên.

213.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

- Tứ *(vicāra)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ *(vicāra)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho tầm bằng Đồng sanh duyên.

214.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

- Tứ *(vicāra)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ sắc tục sinh.
- Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ bằng Đồng sanh duyên.

215.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Đồng sanh duyên.

216.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

217.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho tầm bằng Đồng sanh duyên.

218.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh.

219.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn và tầm, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn và tầm bằng Đồng sanh duyên.

220.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

Sát-na tục sinh: Tầm và vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên.

221.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn và tứ làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn và tứ làm duyên cho 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

222.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh.
- Tầm và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc tục sinh.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và đại sung làm duyên cho làm duyên cho sắc tục sinh.
- Sát-na tục sinh: Tầm và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho tứ bằng Đồng sanh duyên.

223.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 3 uẩn và tứ làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên; 2 uẩn và tứ làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn và tứ bằng Đồng sanh duyên; 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn và tứ bằng Đồng sanh duyên.

224.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn và tầm làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên. Sát-na tục sinh...

225.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên. Sát-na tục sinh...

226.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn và tầm làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên. Sát-na tục sinh...

227.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn và tầm và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên

228.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh bằng Đồng sanh duyên.

229.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên. Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.

230.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm bằng Hỗ tương duyên. Sát-na tục sinh...

231.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho vật bằng Hỗ tương duyên.

232.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên.

233.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm và vật bằng Hỗ tương duyên.

234.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn và tầm bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và tầm bằng Hỗ tương duyên. Sát-na tục sinh...

235.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn và tầm và vật bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và tầm và vật bằng Hỗ tương duyên.

236.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

1 uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên. Sát-na tục sinh...

237.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

Tầm làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên,... Sát-na tục sinh...

238.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

- Uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ *(vicāra)* bằng Hỗ tương duyên.
- Sát na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ và vật bằng Hỗ tương duyên.
- Sát na tục sinh: Tầm làm duyên cho vật *(vatthu)* bằng Hỗ tương duyên.

239.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát na tục sinh: Tầm *(vitakka)* làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và vật bằng Hỗ tương duyên.

240.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

- 1 uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn và tứ *(vicāra)* bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và tứ bằng Hỗ tương duyên.
- Sát na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn và tứ và vật bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và tứ và vật bằng Hỗ tương duyên.

241.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

- 1 uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.
- Sát na tục sinh: 1 uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên; uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn; tứ làm duyên cho vật, vật làm duyên cho tứ; 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... 1 đại sung cõi Vô tưởng...

242.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên.

243.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

- Tứ *(vicāra)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ *(vicāra)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên.
- Sát na tục sinh: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên.
- Sát na tục sinh: Vật *(vatthu)* làm duyên cho tầm *(vitakka)* bằng Hỗ tương duyên.

244.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

- Sát na tục sinh: Tứ làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và vật bằng Hỗ tương duyên.
- Sát na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ bằng Hỗ tương duyên.

245.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Hỗ tương duyên.

246.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.

247.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho tầm bằng Hỗ tương duyên.

248.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn và tầm *(vitakka)* bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn và tầm bằng Hỗ tương duyên.

249.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát na tục sinh: Tầm và vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên.

250.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

- 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)* làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn và tứ *(vicāra)* làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.

- Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ với tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn với tứ và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.

251.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

- Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho vật *(vatthu)* bằng Hỗ tương duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho tứ *(vicāra)* bằng Hỗ tương duyên.

252.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

- Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên; 2 uẩn và tứ *(vicāra)* làm duyên cho 2 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn và tứ bằng Hỗ tương duyên; 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn và tứ bằng Hỗ tương duyên.

253.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

- 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn và tầm làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.
- Sát-na tục sinh...

254.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm *(vitakka)* làm duyên cho vật *(vatthu)* bằng Hỗ tương duyên.

255.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho 3 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn và tầm làm duyên cho 2 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên.

256.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn và tầm và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.

257.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên:
  1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn, tóm tắt... có 7 câu.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên,... tóm tắt... có 5 câu.

258.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Y chỉ duyên:

- 1 uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên *(nissayapaccayo)*, tứ *(vicāra)* làm duyên sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn,... tóm tắt...
- ... 1 đại sung cõi Vô tưởng...; nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức,... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn vô tầm vô tứ và tứ bằng Y chỉ duyên.

259.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên:

Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên. Sát-na tục sinh: Vật...

260.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên:

- Tứ *(vicāra)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên. Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tầm bằng Y chỉ duyên.
- Sát-na tục sinh:... tóm tắt...

261.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Y chỉ duyên:

- Tứ *(vicāra)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh; vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ bằng Y chỉ duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ *(vicāra)*...

262.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên:

- Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Y chỉ duyên.
- Sát-na tục sinh: Vật...

263.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật *(vatthu)* làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên.

Nên trình bày bình nhựt *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisandhi)*.

264.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ và vật *(vatthu)* làm duyên cho tầm *(vitakka)*.
- Sát-na tục sinh...

265.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Y chỉ duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên. Sát-na tục sinh...

266.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn và tầm bằng Y chỉ duyên. Sát-na tục sinh...

267.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên:

Tầm và vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ. Sát-na tục sinh...

268.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên:

1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn, 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn. Sát-na tục sinh...

269.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Y chỉ duyên:

- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh.
- Tầm và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho tứ *(vicāra)* bằng Y chỉ duyên *(upanissayapaccayo)*.
- Tục sinh *(paṭisandhi)* có 4 câu...

270.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Y chỉ duyên:

- 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên. 2 uẩn và tứ làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên; 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn và tứ; 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn và tứ bằng Y chỉ duyên.
- Sát-na tục sinh...

271.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ...
∗ ... Cho pháp vô tầm vô tứ...
∗ ... Cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ... có 3 câu.

272.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ...
∗ ... Pháp vô tầm vô tứ bằng Y chỉ duyên.

Nên phân rộng 2 phần.

273.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y *(upanissaya)* như: Nương đức tin hữu tầm hữu tứ mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới làm cho thiền hữu tầm hữu tứ sanh; pháp quán sanh ra, đạo,... nhập thiền phát sanh, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới hữu tầm hữu tứ,... đa văn, xả thí, trí, ái, ưu, si, ngã mạn, tà kiến... nương hy vọng mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới làm cho

thiền hữu tầm hữu tứ sanh ra, pháp quán sanh ra, đạo... nhập thiền,... sát sanh, phá hòa hợp Tăng...

- Đức tin hữu tầm hữu tứ... giới, đa văn, xả thí, trí, ái, ưu, si, ngã mạn, tà kiến... cho đến hy vọng làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ, giới, đa văn, xả thí, trí, ái, ưu, si, ngã mạn, tà kiến mong mỏi bằng Cận y duyên.

274.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin hữu tầm hữu tứ mạnh làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ phát sanh, đạo,... nhập thiền.
- Giới hữu tầm hữu tứ,... tóm tắt,... nương hy vọng mạnh làm cho thiền vô tầm hữu tứ sanh ra, nương đạo mạnh... nhập thiền.
- Nương đức tin hữu tầm hữu tứ,... mong mỏi làm duyên cho đức tin vô tầm hữu tứ, giới, đa văn, xả thí, trí và tầm bằng Cận y duyên.

275.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin hữu tầm hữu tứ mạnh làm duyên cho thiền vô tầm vô tứ phát sanh, đạo,... thông... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới hữu tầm hữu tứ,... nương hy vọng mang làm duyên cho thiền vô tầm vô tứ phát sanh, đạo,... thông... nhập thiền phát sanh.
- Đức tin hữu tầm hữu tứ,... tóm tắt... hy vọng làm duyên cho đức tin vô tầm vô tứ, trì giới, đa văn, xả thí, trí và tứ luôn cả thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.

276.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Đức tin hữu tầm hữu tứ,... hy vọng làm duyên cho đức tin vô tầm hữu tứ, trì giới, đa văn, xả thí, trí và tứ *(vicāra)* bằng Cận y duyên.

277.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Đức tin hữu tầm hữu tứ,... hy vọng làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ, hy vọng và tầm bằng Cận y duyên.

278.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y: Nương đức tin vô tầm hữu tứ mạnh làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ phát sanh,... đạo,... nhập thiền phát sanh.
- Nương trì giới vô tầm hữu tứ... đa văn, xả thí , trí... tầm mạnh làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ phát sanh; đạo... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin vô tầm hữu tứ... trì giới, đa văn, xả thí, trí và tầm làm cho đức tin vô tầm hữu tứ, trì giới, đa văn, xả thí, trí và tầm bằng Cận y duyên.

279.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin vô tầm hữu tứ mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới làm duyên cho thiền hữu tầm hữu tứ phát sanh; quán ngộ,... đạo,... nhập thiền phát sanh, gầy ngã mạn; chấp tà kiến...
- Nương trì giới vô tầm hữu tứ, đa văn, xả thí, trí và tầm mạnh có thể bố thí nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền hữu tầm hữu tứ phát sanh, pháp quán *(vipassanā)* phát sanh, đạo phát sanh, nhập thiền phát sanh cho đến làm việc sát sanh, phá hòa hợp Tăng...
- Đức tin vô tầm hữu tứ... trì giới, đa văn, xả thí, trí và tầm làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ và vọng dục bằng Cận y duyên.

280.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin vô tầm hữu tứ mạnh có thể làm cho thiền vô tầm vô tứ phát sanh, đạo... thông... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới *(sīla)* vô tầm hữu tứ đa văn, xả thí, trí... tầm mạnh có thể làm cho thiền vô tầm vô tứ phát sanh, đạo... thông... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin vô tầm hữu tứ mạnh giới, đa văn, xả thí, trí và tầm làm duyên cho đức tin vô tầm vô tứ, trì giới, đa văn, xả thí, trí và tứ luôn đến thân lạc thân khổ bằng Cận y duyên.

281.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương đức tin vô tầm hữu tứ mạnh,... giới, đa văn, xả thí, trí... và tầm có thể làm cho đức tin vô tầm hữu tứ trì giới, đa văn, xả thí, trí và tứ phát sanh bằng Cận y duyên.

282.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương đức tin vô tầm hữu tứ mạnh,... giới, đa văn, xả thí, trí... và tầm làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ, hy vọng và tầm bằng Cận y duyên.

283.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin vô tầm vô tứ mạnh, có thể làm thiền vô tầm vô tứ phát sanh, đạo... thông... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới vô tầm vô tứ,... đa văn, xả thí, trí, tứ, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực, chỗ ở mạnh có thể làm cho thiền vô tầm vô tứ phát sanh, đạo... thông... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin vô tầm vô tứ, trì giới, đa văn, xả, trí, tứ, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin vô tầm vô tứ, giới, đa văn, xả thí, trí, tứ, thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.

284.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin vô tầm vô tứ mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền hữu tầm hữu tứ phát sanh, pháp quán *(vipassanā)*, đạo... nhập thiền phát sanh, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới *(sīla)* vô tầm vô tứ mạnh có thể đa văn, xả, trí, tứ, thân lạc, thân khổ,... âm dương,... vật thực...
- Nương chỗ ở *(senāsana)* mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới làm cho thiền hữu tầm hữu tứ phát sanh; pháp quán *(vipassanā)*..., đạo..., nhập thiền phát sanh, phá hòa hợp Tăng...
- Nương đức tin vô tầm vô tứ, tóm tắt,... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ, trì giới,... vọng dục bằng Cận y duyên.

285.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y: Nương đức tin vô tầm vô tứ mạnh có thể làm cho thiền vô tầm hữu tứ phát sanh, pháp quán... đạo..., nhập thiền phát sanh.
- Nương giới vô tầm vô tứ,... chỗ ở mạnh có thể làm cho thiền vô tầm hữu tứ phát sanh, pháp quán... đạo..., nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin vô tầm vô tứ mạnh... chỗ ở làm duyên cho đức tin vô tầm hữu tứ, trì giới, đa văn, xả thí *(cāga)*, trí, và tầm *(vitakka)* bằng Cận y duyên.

286.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin vô tầm vô tứ... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin vô tầm hữu tứ, giới, văn, xả, trí và tứ bằng Cận y duyên.

287.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin vô tầm vô tứ... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ, giới, vọng dục... và tầm bằng Cận y duyên.

288.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin vô tầm hữu tứ... đa văn, xả, trí... và tứ mạnh làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ... trí bằng Cận y duyên.

289.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin vô tầm hữu tứ mạnh...trì giới, đa văn, xả, trí... và tứ *(vicāra)* làm duyên cho đức tin vô tầm hữu tứ,... trì giới, đa văn, xả thí, trí và tầm bằng Cận y duyên.

290.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin vô tầm hữu tứ mạnh, trì giới, đa văn, xả, trí và tứ làm duyên cho đức tin vô tầm vô tứ, trì giới, đa văn, xả, trí và tứ luôn thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.

291.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin vô tầm hữu tứ,... trì giới, đa văn, xả, trí và tứ làm duyên cho đức tin vô tầm hữu tứ, trì giới, đa văn, xả, trí và tứ bằng Cận y duyên.

292.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho những pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin vô tầm hữu tứ,... trì giới, đa văn, xả thí, trí và tứ làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ, đa văn, xả thí, trí, ái, ưu, si, ngã mạn; tà kiến, vọng dục và tầm *(vitakka)* bằng Cận y duyên.

293.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin hữu tầm hữu tứ,... giới, đa văn, xả, trí, ái, ưu, si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục,... và tầm làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ,... trì giới, vọng dục bằng Cận y duyên.

294.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin hữu tầm hữu tứ mạnh,... trì giới... vọng dục,... và tầm làm duyên cho đức tin vô tầm hữu tứ, trì giới, đa văn, xả, trí và tầm bằng Cận y duyên.

295.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin hữu tầm hữu tứ mạnh, trì giới, đa văn, xả, trí... vọng dục và tầm làm duyên cho đức tin vô tầm vô tứ, trì giới, đa văn, xả, trí và tứ cho đến thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.

296.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin hữu tầm hữu tứ mạnh, trì giới, đa văn, xả, trí... vọng dục... và tầm làm duyên cho đức tin vô tầm hữu tứ, trì giới, đa văn, xả, trí và tứ bằng Cận y duyên.

297.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin hữu tầm hữu tứ mạnh,... trì giới, đa văn, xả, trí, ái, ưu, si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục và tầm *(vitakka)* làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ... vọng dục và tầm bằng Cận y duyên.

298.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh: Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng, sắc xứ làm duyên cho nhãn thức... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.

- Vật Tiền sanh: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn vô tầm vô tứ và tứ bằng Tiền sanh duyên.

299.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh *(Ārammanapurejāta)* như: Quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã... quán ngộ xúc... vật *(vatthu)* bằng lối vô thường khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, ưu phát.
- Vật Tiền sanh *(Vatthupurejāta)* như: Vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Tiền sanh duyên.

300.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tầm phát sanh,... tóm tắt,... quán ngộ vật *(vatthu)* bằng lối vô thường khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tầm phát sanh.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tầm bằng Tiền sanh duyên.

301.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Tiền sanh duyên:

Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ bằng Tiền sanh duyên.

302.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh: Quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm phát sanh.
- Quán ngộ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc... vật bằng lối vô thường khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.
- Vật Tiền sanh: Như vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Tiền sanh duyên.

303.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

304.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

305.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh: Uẩn vô tầm vô tứ và tứ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

306.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)* làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

307.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

308.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ, tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên.

309.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho tầm sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikama)* của thiền vô tầm hữu tứ làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên.

310.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Tâm chỉnh lý *(parikama)* của nhị thiền làm duyên cho nhị thiền bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikama)* tam thiền làm duyên cho tam thiền,
- Tâm chỉnh lý *(parikama)* tứ thiền làm duyên cho tứ thiền,
- Tâm chỉnh lý *(parikama)* Không vô biên xứ làm duyên cho Không vô biên xứ.
- Tâm chỉnh lý *(parikama)* Thức vô biên làm duyên cho Thức vô biên xứ.
- Tâm chỉnh lý *(parikama)* Vô sở hữu xứ làm duyên cho Vô sở hữu xứ.
- Tâm chỉnh lý *(parikama)* Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ,
- Tâm chỉnh lý *(parikama)* thiên nhãn làm duyên cho thiên nhãn, tâm chỉnh lý *(parikama)* thiên nhĩ làm duyên cho thiên nhĩ,... thần thông,... tha tâm thông,... tâm chỉnh lý *(parikama)* túc mạng thông làm duyên cho túc mạng thông,... tùy nghiệp thông,... tâm chỉnh lý *(parikama)* vị lai thông...
- Tâm chuyển tộc làm duyên cho đạo vô tầm vô tứ và tứ *(vicāra)*;
- Tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo vô tầm vô tứ và tứ bằng Cố hưởng duyên.

311.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Tâm chỉnh lý *(parikama)* của thiền vô tầm hữu tứ làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ và tứ bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)*, tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ và tứ bằng Cố hưởng duyên.

312.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* và tầm; tâm thuận thứ làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm; tâm chuyển tộc làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ và tầm; tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho tâm đạo hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Cố hưởng duyên.

313.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Tầm *(vitakka)* sanh trước trước làm duyên cho tầm sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

314.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

Tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

315.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho tứ *(vicāra)* sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

316.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn vô tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

317.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

Tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

318.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Tứ *(vicāra)* sanh trước trước làm duyên cho tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm vô tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

319.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

Tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

320.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho những pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

Tứ *(vicāra)* sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

321.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

322.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh trước trước làm duyên cho tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

323.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

324.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ và tầm làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ *(anuloma)* và tầm làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)*,
- Tâm chuyển tộc và tầm làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ; tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên.

325.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh trước trước làm duyên cho tầm sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm chỉnh lý của thiền vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm chuyển tộc và tầm làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ; tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên.

326.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* của nhị thiền và tầm làm duyên cho tứ *(vicāra)* nhị thiền bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm chỉnh lý và tầm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ... tâm chỉnh lý *(parikamma)* của thiên nhãn... tâm chỉnh lý và tầm của vị lai thông làm duyên cho vị lai thông bằng Cố hưởng duyên.

- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* và tầm làm duyên cho đạo vô tầm vô tứ và tứ bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm dũ tịnh và tầm làm duyên cho đạo vô tầm vô tứ và tứ bằng Cố hưởng duyên.

327.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* của thiền vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ và tứ.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* và tầm làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ và tứ.
- Tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ và tứ bằng Cố hưởng duyên.

328.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* và tầm làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* và tầm; tâm thuận thứ và tầm làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm, tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* và tầm làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ và tầm, tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Cố hưởng duyên.

329.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn quả hữu tầm hữu tứ bằng Nghiệp duyên.

330.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(vipāka vitakka)* hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho Quả tầm *(vipāka vitakka)* bằng Nghiệp duyên.

331.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc tục sinh *(katattārūpa)* bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời *(Nānākkanika)* như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn quả vô tầm vô tứ và sắc tục sinh *(katattārūpa)* bằng Nghiệp duyên.

332.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn quả hữu tầm hữu tứ và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

333.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm quả *(vipāka vitakka)* và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

334.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và tầm bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và tầm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn quả hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Nghiệp duyên.

335.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và tầm và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng với tầm và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn quả hữu tầm hữu tứ với tầm và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

336.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Tư vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh...
- Biệt thời *(Nānākhanika)* như: Tư vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn quả vô tầm hữu tứ bằng Nghiệp duyên.

337.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ thuộc quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ thuộc quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

338.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và tứ và sắc tâm bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng với tứ và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn quả vô tầm hữu tứ với tứ và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

339.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn quả vô tầm vô tứ và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

340.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Quả duyên *(Vipākapacayo)*:

- 1 uẩn quả hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên.

341.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Quả duyên:

Uẩn quả hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm *(vitakka)* bằng Quả duyên. Sát-na tục sinh...

Phần hữu tầm hữu tứ căn *(savitakka savicāra)* có 7 câu nên phân ra đầy đủ.

342.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Quả duyên:

1 uẩn quả vô tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 1 uẩn quả vô tầm hữu tứ...

Sắp phần căn *(mūla)* vô tầm hữu tứ 5 câu nhứt định gọi là quả *(vipāka)*.

343.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Quả duyên:

- 1 uẩn quả vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên, 2 uẩn... tứ thuộc quả làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Quả duyên; tứ *(vicāra)* làm duyên cho vật bằng Quả duyên.

344.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Quả duyên:

- Tứ thuộc quả làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ thuộc quả làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Quả duyên.

345.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho những pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Quả duyên:

- Tứ thuộc quả làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ thuộc quả làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tục sinh bằng Quả duyên.

346.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Quả duyên:

1 uẩn quả vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên,... 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

347.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Quả duyên:

- Uẩn quả vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quả duyên.

348.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Quả duyên:

- 1 uẩn quả vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn quả vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Quả duyên.

349.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Quả duyên:

1 uẩn quả hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên,... 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

350.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Quả duyên:

Uẩn quả hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên. Sát-na tục sinh...

351.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Quả duyên:

1 uẩn quả hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên. Sát-na tục sinh...

352.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Thực duyên:

Thực hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh...

353.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Thực duyên:

Thực hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh...

Phần hữu tầm hữu tứ căn *(savitakka savicāra mūlaka)* nên sắp rộng 7 câu đề do nhân này

354.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Thực duyên:

Thực *(āhāra)* vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh...

355.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Thực duyên:

Thực vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh...

356.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Thực duyên:

Thực vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và tứ và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh...

357.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Thực duyên:

- Thực vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.
- Sát-na tục sinh: Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Thực duyên.

358.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Quyền duyên:

Quyền *(indrīya)* hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Quyền duyên. Sát-na tục sinh...

359.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Quyền duyên:

Quyền *(indrīya)* hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm *(vitakka)* bằng Quyền duyên. Sát-na tục sinh...

Phần hữu tầm hữu tứ căn nên sắp 7 câu rộng do nhân ấy.

360.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Quyền duyên:

Quyền *(indrīya)* vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Quyền duyên. Sát-na tục sinh...

361.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Quyền duyên:

Quyền vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên. Sát-na tục sinh...

362.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Quyền duyên:

Quyền *(indrīya)* vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và tứ và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên. Sát-na tục sinh...

363.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Quyền duyên:

- Quyền vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.
- Sát-na tục sinh: nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức,... thân quyền làm duyên cho thân thức bằng Quyền duyên; sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.

364.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Thiền duyên:

Chi thiền hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thiền duyên. Sát-na tục sinh...

Phần hữu tầm hữu tứ căn *(mūla)* có 7 câu đề nên phân rộng như nhân này.

365.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Thiền duyên:

Chi thiền vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thiền duyên. Sát-na tục sinh...

Hữu tầm hữu tứ căn *(savitakka savicāramūlaka)* có 5 câu đề nên phân rộng theo nhân này.

366.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Thiền duyên:

- Chi thiền vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.
- Tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ *(vicāra)* làm duyên cho sắc tục sinh bằng Thiền duyên, tứ làm duyên cho vật *(vatthu)* bằng Thiền duyên.

367.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Thiền duyên:

- Tứ *(vicāra)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Thiền duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Thiền duyên.

368.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Thiền duyên:

- Tứ làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và sắc tục sinh bằng Thiền duyên.

369.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Thiền duyên:

Chi thiền vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thiền duyên. Sát-na tục sinh...

370.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Thiền duyên:

Chi thiền vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên. Sát-na tục sinh...

371.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Thiền duyên:

- Chi thiền vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.
- Sát-na tục sinh: Chi thiền vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Thiền duyên.

372.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Thiền duyên:

Chi thiền hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thiền duyên. Sát-na tục sinh...

373.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Thiền duyên:

Chi thiền hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên. Sát-na tục sinh...

374.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Thiền duyên:

Chi thiền hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên. Sát-na tục sinh...

375.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Đạo duyên:

Chi đạo hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Đạo duyên. Sát-na tục sinh...

Phần hữu tầm hữu tứ căn có 7 câu; nên phân rộng theo nhân này.

376.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Đạo duyên:

Chi đạo vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Đạo duyên. Sát-na tục sinh...

Phần vô tầm hữu tứ căn *(mūla)* có 5 câu đề, nên phân rộng theo nhân này.

377.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Đạo duyên:

Chi đạo vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên. Sát-na tục sinh...

378.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Đạo duyên:

Chi đạo hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Đạo duyên. Sát-na tục sinh...

379.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Đạo duyên:

Chi đạo hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên. Sát-na tục sinh...

380.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đạo duyên:

Chi đạo hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên. Sát-na tục sinh...

381.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

382.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm bằng Tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

383.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn và tầm bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và tầm. Sát-na tục sinh...

384.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên:

1 uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

385.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên:

Tầm làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên. Sát na tục sinh...

386.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Tương ưng duyên:

Uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ bằng Tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

387.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Tương ưng duyên:

1 uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn và tứ bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và tứ. Sát-na tục sinh...

388.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Tương ưng duyên:

1 uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

389.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên:

Tứ làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

390.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên:

1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn và tứ làm duyên cho 2 uẩn. Sát na tục sinh...

391.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên; 2 uẩn và tâm... Sát-na tục sinh...

392.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Sát na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh: Như uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

393.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh.

- Đồng sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

394.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh.

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Uẩn vô tầm vô tứ và tầm làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên. Tứ *(vicāra)* làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên. Tứ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên, uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên, vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên. Tứ làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên; vật làm duyên cho tứ bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh *(Purejāta)* như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Bất tương ưng duyên, thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Bất tương ưng duyên. Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn vô tầm vô tứ và tứ *(vicāra)* bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh *(Pacchajāta)* như: Uẩn vô tầm vô tứ và tứ *(vicāra)* làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

395.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Sát na tục sinh vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Bất tương ưng duyên.

396.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh: Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tầm bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tầm *(vitakka)* bằng Bất tương ưng duyên.

397.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ bằng Bất tương ưng duyên.

398.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh: Sát-na tục sinh vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh: Vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Bất tương ưng duyên.

399.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên
- Hậu sanh: Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

400.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên
- Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

401.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên,... 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

402.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh...

403.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

Trong phần hữu tầm hữu tứ căn *(mūla)* những câu ngoài ra trùng như Đồng sanh duyên.

404.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn; sát-na tục sinh...

405.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên:

Tầm *(vitakka)* làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh...

406.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

Trong phần vô tầm hữu tứ căn, ngoài ra 5 câu trùng như Đồng sanh duyên.

407.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh và Quyền:

+ Đồng sanh như: 1 uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn... tứ *(vicāra)* làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên. Uẩn làm duyên cho vật bằng Hiện hữu duyên. Tứ làm duyên cho vật bằng Hiện hữu duyên, vật làm duyên cho tứ bằng Hiện hữu duyên.
  - 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung bằng Hiện hữu duyên; đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh; sắc tục sinh thuộc y sinh bằng Hiện hữu duyên; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
  - Người Vô tưởng: 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung; đại sung làm duyên cho sắc tục sinh thuộc y sinh bằng Hiện hữu duyên.

+ Tiền sanh như: Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng, sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.
  - Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.
  - Vật làm duyên cho uẩn vô tầm vô tứ và tứ bằng Hiện hữu duyên.
+ Hậu sanh như: Uẩn vô tầm vô tứ và tứ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên. Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

408.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như sát-na tục sinh vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Quán ngộ *(vipassanā)* nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái sanh, ưu phát. Quán ngộ sắc,... thinh, khí, vị, xúc, vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã... ưu sanh ra. Vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên.

409.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như tứ làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Tứ *(vicāra)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tầm bằng Hiện hữu duyên.

- Tiền sanh như: Quán ngộ *(vipassanā)* nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tầm phát sanh. Quán ngộ nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tầm *(vitakka)* phát sanh. Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tầm bằng Hiện hữu duyên.

410.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Tứ làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Tứ làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên
- Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ bằng Hiện hữu duyên

411.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm phát sanh. Quán ngộ nhĩ... tỷ, thiệt, thân, vật... bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh.

  Vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Hiện hữu duyên.

412.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

413.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho tầm *(vitakka)* bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho tầm bằng Hiện hữu duyên.

414.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ và đoàn thực làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

415.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn và tầm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn và tầm bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh...

416.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: Tầm và vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Tầm và vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên.

417.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và tứ làm duyên cho 2 uẩn,... 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật *(vatthu)* làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

  Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên. 2 uẩn và tứ làm duyên cho 2 uẩn.

  Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật *(vatthu)* làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

418.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Tầm và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho tứ bằng Hiện hữu duyên.

  Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

  Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

  Sát-na tục sinh: Tầm và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

  Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho tứ bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ với tầm và đoàn thực làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

419.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và tứ...

  1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn và tứ bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và vật. Sát-na tục sinh...

420.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và tầm... Sát-na tục sinh...

421.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

422.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và tầm làm duyên cho 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

423.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh...

424.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh...
- Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và đoàn thực làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

425.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Vô hữu duyên... Ly duyên.

Vô hữu duyên, Ly duyên cũng như Vô gián duyên.

... Bất ly duyên như Hiện hữu duyên

426.

Nhân 11, Cảnh 21, Trưởng 23, Vô gián 25, Liên tiếp 25, Đồng sanh 30, Hỗ tương 28, Y chỉ 30, Cận y 25, Tiền sanh 5, Hậu sanh 5, Cố hưởng 21, nghiệp 11, Quả 21, Thực

11,Quyền 11, thiền 21, Đạo 16, Tương ưng 11, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 30, Vô hữu 25, Ly 25, Bất ly 30.

Duyên hợp trợ *(ghaṭanā)* như tam đề thiện, phần vấn đề *(pañhāvāra)* trí thức nên đếm như thế ấy.

Dứt cách thuận tùng

427.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên,... Đồng sanh duyên,... Cận y duyên,... Nghiệp duyên.

428.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Nghiệp duyên.

429.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Hậu sanh duyên, Nghiệp duyên.

430.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên, Nghiệp duyên.

431.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Nghiệp duyên.

432.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Nghiệp duyên.

433.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên,... Nghiệp duyên.

434.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Nghiệp duyên.

435.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên.

436.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Hậu sanh duyên, Nghiệp duyên.

437.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên.

438.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

439.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, Cận y duyên.

440.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên, Quyền duyên.

441.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

442.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên.

443.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên.

444.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

445.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ... có Đồng sanh duyên và Tiền sanh duyên.

446.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ... có Đồng sanh và Tiền sanh.

447.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

448.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ... có Đồng sanh và Tiền sanh.

449.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

450.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, Tiền sanh duyên.

451.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên, Thực duyên, Quyền duyên.

452.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

453.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

454.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

455.
Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

456.
Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

457.
Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên.

458.
Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên.

459.
Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

460.
Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ... có Đồng sanh và Tiền sanh.

461.
Chư pháp hữu tầm hữu tứ; vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ... có Đồng sanh, Tiền sanh, Thực và Quyền.

Tam Đề Nghịch *(Paccanīya Mātikā)*

462.
Phi Nhân 35, phi Cảnh 35, phi Trưởng 35, phi Vô gián 35, phi Liên tiếp 35, phi Đồng sanh 29, phi Hỗ tương 29, phi Y chỉ 29, phi Cận y 34; phi Tiền sanh 35, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo tất cả đều có 35, phi Tương ưng 29, phi Bất tương ưng 27, phi Hiện hữu 27, phi Vô hữu 35, phi Ly 35, phi Bất ly 27.

Người biết nên đếm theo câu nghịch *(paccanīya)* như thế này.

Dứt cách nghịch (paccanīya)

463.
Nhân duyên có phi Cảnh 11,... phi Trưởng 11, phi Vô gián, phi Liên tiếp đều có 11, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 11; phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo đều có 11, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 7, phi Vô hữu 11, phi Ly 11.

Nên sắp cách đếm thuận và nghịch như thế này.

Dứt cách thuận và nghịch

464.
Phi Nhân duyên có Cảnh 21,... Trưởng 23, Vô gián 25, Liên tiếp 25, Đồng sanh 30, Hỗ tương 28, Y chỉ 30, Cận y 25; Tiền sanh 5, Hậu sanh 5, Cố hưởng 21, nghiệp 11, Quả 21, Thực 11, Quyền 11, Thiền 21, Đạo 16, Tương ưng 11, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 30, Vô hữu 25, Ly 25, Bất ly 30.

Người biết nên sắp nghịch và thuận theo thế này.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết tam đề tầm, chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ HỶ *(PĪTITTKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

465.

∗ Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ; 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

466.

∗ Pháp đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên:
- 2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh lạc, 2 uẩn liên quan 1 uẩn

∗ Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn đồng sanh hỷ liên quan 1 uẩn đồng sanh lạc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn đồng sanh hỷ liên quan 1 uẩn đồng sanh lạc... 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên:
- 2 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

467.

Pháp đồng sanh xả liên quan pháp đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên:

2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh xả, 1 uẩn liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

468.

∗ Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn đồng sanh hỷ liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn đồng sanh hỷ liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên:

- 2 uẩn đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên:
- 2 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

Dứt phần Nhân duyên

469.

∗ Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do Cảnh duyên,... do Trưởng duyên sát-na tục sinh không có.

∗ ... do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên, do Hỗ tương duyên, doY chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên. Sát-na tục sinh không có Tiền sanh.

∗ ... do Cố hưởng duyên, quả không có Cố hưởng duyên

∗ ... do Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên... Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên.

Đủ duyên tam đề (mātikā)

470.

Nhân 10, Cảnh 10, Trưởng 10, Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Cố hưởng, Nghiệp, Quả, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương Ứng, Bất tương ưng, Hiện hữu, Vô hữu, Bất ly tất cả đều có 10.

Phân đếm thuận như thế.

Dứt cách thuận thứ

471.

∗ Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh hỷ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh hỷ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh hỷ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

472.

∗ Pháp đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do phi Nhân duyên:
2 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh lạc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn đồng sanh hỷ liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh lạc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

* Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do phi Nhân duyên:
  2 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

473.

Pháp đồng sanh xả liên quan pháp đồng sanh xả sanh ra do phi Nhân duyên:
  2 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh xả, 1 uẩn liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh xả, 1 uẩn liên quan 2 uẩn; si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

474.

* Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh ra do phi Nhân duyên:
  3 uẩn đồng sanh hỷ liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

* Pháp đồng sanh lạc liên quan chư pháp đồng sanh và đồng sanh lạc sanh ra do phi Nhân duyên:
  2 uẩn đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc,1 uẩn liên quan 2 uẩn.

* Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh ra do phi Nhân duyên:
  2 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc,1 uẩn liên quan 2 uẩn...

475.

* Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do phi Trưởng duyên:
  Phi Trưởng duyên sát-na tục sinh đầy đủ.

* Phi Tiền sanh duyên nhứt định có trong Vô sắc và sát-na tục sinh.

* ... Phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên...

* Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do phi Nghiệp duyên:
  Tư *(cetanā)* đồng sanh hỷ *(pīti)* liên quan uẩn đồng sanh hỷ.

* Pháp đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do phi Nghiệp duyên:
  Tư đồng sanh lạc liên quan uẩn đồng sanh hỷ.

  Nên phân 10 câu như thế này.

* Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do phi Quả duyên:... đầy đủ; phần tục sinh không có.

476.

Pháp đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do phi Thiền duyên:
  2 uẩn liên quan 1 uẩn chung thân thức đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

477.

* Pháp đồng sanh xả liên quan pháp đồng sanh xả sanh ra do phi Thiền duyên:
  2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh nhãn thức, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

* ... Do phi Đạo duyên cũng như phi Nhân duyên, không có si *(moha)*.

∗ ... Phi Bất tương ưng duyên đầy đủ chỉ trong Vô sắc giới.

478.

Phi Nhân 10, phi Trưởng 10, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng, phi Nghiệp, phi Quả đều có 10, phi Thiền 2, phi Đạo 10, phi Bất tương ưng 10.

Nên sắp đầy đủ phần ngược *(paccanīya).*

Dứt cách sắp ngược

479.

Nhân duyên có phi Trưởng 10, phi Tiền sanh 10, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng, phi Nghiệp, phi Quả 10 phi Bất tương ưng đều có 10.

Nên đếm rộng lối thuận và nghịch *(anuloma, paccanīya)*

Dứt cách thuận và nghịch

480.

Phi Nhân duyên có Cảnh 10,... Vô gián10, Liên tiếp 10, Tiền sanh 35, phi Hậu sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Cố hưởng, Nghiệp, Quả, Thực, Quyền, Thiền đều có 10; Đạo 1, Tương ưng 10, Bất tương ưng, Hiện hữu, Vô hữu, Ly, Bất ly đều có 10.

Dứt cách thuận nghịch

Hết phần liên quan (Paṭiccavāra)

Còn phần đồng sanh *(sahajāta)*, ỷ trượng *(paccaya)*, y chỉ *(nissaya)*, hòa hợp *(sanattha)* và tương ưng *(sampayutta)* cũng trùng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần nhan đề *(Pañhāvāra)*

481.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Nhân duyên:

Nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

482.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Nhân duyên:

Nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh lạc bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

483.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Nhân duyên:

Nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

484.

∗ Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc...

∗ ... Pháp đồng sanh hỷ...

∗ ... Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc...

Căn lạc *(sukhamūla)* có 3 câu.

485.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Nhân duyên:

Nhân đồng sanh xả làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

486.

∗ Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ...

∗ ... Pháp đồng sanh lạc...

* ... Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Nhân duyên:
Nhân đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh hỷ và đồng sanh bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

487.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cảnh duyên:
- Tâm đồng sanh hỷ bố thí, nguyện giữ ngũ (5) giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi mới nhớ lại bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Xuất thiền đồng sanh hỷ, xuất đạo đồng sanh hỷ, xuất quả đồng sanh hỷ rồi phản khán bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Tâm đồng sanh hỷ của chư Thánh phản khán phiền não đồng sanh hỷ đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, rõ biết phiền não đã từng sanh trước kia;
- Tâm đồng sanh hỷ quán ngộ *(vipassanā)* uẩn đồng sanh hỷ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái, tà kiến đồng sanh hỷ phát sanh.
- Uẩn đồng sanh hỷ mở mối *(ārabbha)* cho uẩn đồng sanh hỷ sanh ra.

488.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên:
- Tâm đồng sanh hỷ bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi mới nhớ lại bằng tâm đồng sanh lạc.
- Xuất thiền đồng sanh hỷ, xuất đạo đồng sanh hỷ, xuất quả đồng sanh hỷ rồi phản khán bằng tâm đồng sanh lạc.
- Tâm đồng sanh lạc của chư Thánh phản khán phiền não đồng sanh hỷ đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, rõ biết phiền não đã từng sanh.
- Tâm đồng sanh lạc quán ngộ *(vipassanā)* uẩn đồng sanh hỷ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái và tà kiến đồng sanh lạc phát sanh.
- Uẩn đồng sanh hỷ mở mối *(ārabbha)* cho uẩn đồng sanh lạc sanh ra.

489.

Pháp đồng sanh làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cảnh duyên:
- Tâm đồng sanh hỷ bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi mới nhớ lại bằng tâm đồng sanh xả.
- Xuất thiền, xuất đạo, xuất quả đồng sanh hỷ rồi phản khán bằng tâm đồng sanh xả.
- Chư Thánh phản khán phiền não đồng sanh hỷ đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, rõ biết phiền não đã từng sanh bằng tâm đồng sanh xả.
- Tâm đồng sanh xả quán ngộ *(vipassanā)* uẩn đồng sanh hỷ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật đồng sanh xả phát sanh.
- Tha tâm thông *(cetaparināna)* biết rõ lòng người tề toàn tâm đồng sanh hỷ.
- Uẩn đồng sanh hỷ làm duyên cho tha tâm thông *(cetaparināna)*, túc mạng thông *(pubbenivāsānussatināna)*, tùy nghiệp thông *(yathākammupa ga nana)*, vị lai thông *(anāgatasanāna)* và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Uẩn đồng sanh hỷ mở mối cho uẩn đồng sanh xả phát sanh.

490.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên:

- Bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới bằng tâm đồng sanh hỷ rồi mới nhớ lại bằng tâm đồng sanh hỷ đồng sanh lạc.
- Xuất thiền, xuất đạo, xuất quả đồng sanh hỷ rồi phản khán bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Chư Thánh nhớ lại phiền não đồng sanh hỷ đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, biết rõ phiền não đã từng sanh bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc quán ngộ uẩn đồng sanh hỷ bằng vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái, tà kiến, đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc phát sanh.
- Uẩn đồng sanh hỷ mở mối cho uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh ra.

491.

∗ Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên...

∗ Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ... làm duyên cho pháp đồng sanh xả... làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên:

Uẩn đồng sanh lạc mở mối *(ārabbha)* cho uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh ra.

492.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cảnh duyên:

- Tâm đồng sanh xả bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán bằng tâm đồng sanh xả.
- Xuất thiền, xuất đạo, xuất quả đồng sanh xả rồi phản khán bằng tâm đồng sanh xả.
- Chư Thánh phản khán phiền não đồng sanh xả đã trừ, nhớ lại phiền não hạn chế, biết rõ phiền não đã từng sanh bằng tâm đồng sanh xả.
- Tâm đồng sanh xả quán ngộ *(vipassanā)* uẩn đồng sanh xả bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật đồng sanh xả phát sanh.
- Tha tâm thông biết rõ lòng người tề toàn tâm đồng sanh xả.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên.
- Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.
- Uẩn đồng sanh xả làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán môn bằng Cảnh duyên.
- Uẩn đồng sanh xả mở mối cho uẩn đồng sanh xả sanh ra.

493.

∗ Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ sanh ra...

∗ Pháp đồng sanh lạc...

∗ ... Pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên:

- Tâm đồng sanh xả bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi mới phản khán bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Xuất thiền, xuất đạo, xuất quả đồng sanh xả rồi phản khán bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ, phiền não hạn chế, phiền não đã từng sanh đồng sanh xả rồi phản khán bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc quán ngộ uẩn đồng sanh xả bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái, tà kiến đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc phát sanh.

- Uẩn đồng sanh xả mở mối cho uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh ra.

494.

∗ Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ...

∗ Pháp đồng sanh lạc... pháp đồng sanh xả bằng Cảnh duyên:

- Tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi....
- Tâm đồng sanh xả quán ngộ uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật đồng sanh xả phát sanh.
- Tha tâm thông biết rõ lòng người tề toàn tâm đồng sanh xả và đồng sanh lạc.
- Uẩn đồng sanh xả và đồng sanh lạc làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán môn bằng Cảnh duyên.
- Uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc mở mối cho uẩn đồng sanh xả sanh ra.

495.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên,... tóm tắt...

496.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Tâm đồng sanh hỷ bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng về đó mới phản khán bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Xuất thiền, xuất đạo, xuất quả đồng sanh hỷ nặng về tâm đồng sanh hỷ đó rồi mới phản khán.
- Nặng về uẩn đồng sanh hỷ rồi phản khán bằng tâm đồng sanh hỷ thỏa thích rất hân hoan, do đó rồi ái, tà kiến đồng sanh hỷ phát sanh.
- Trưởng duyên như: Trưởng đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

497.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Tâm đồng sanh hỷ bố thí...
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên.

498.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Tâm đồng sanh hỷ bố thí... rồi tâm đồng sanh xả... tóm tắt...

499.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như:... đồng sanh hỷ...
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên.

500.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như... đồng sanh lạc,... tóm tắt...

- Trưởng đồng sanh như: Trưởng đồng sanh lạc làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

501.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh... tóm tắt.

Trưởng đồng sanh như: Trưởng đồng sanh lạc làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh hỷ bằng Trưởng duyên.

502.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như:... tóm tắt.

503.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh... tóm tắt....

Trưởng đồng sanh như: Trưởng đồng sanh lạc làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên.

504.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh... tóm tắt....

Trưởng đồng sanh như: Trưởng đồng sanh xả làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

505.

∗ Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Trưởng duyên:

Trưởng Cảnh:... tóm tắt.

∗ Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên:

Trưởng Cảnh:... tóm tắt.

506.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như:... tóm tắt.

507.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh...

Trưởng đồng sanh như: Trưởng đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh hỷ bằng Trưởng duyên.

508.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh tóm tắt...

Trưởng đồng sanh như: Trưởng đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên.

509.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như:... tóm tắt...

510.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như:...
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên.

511.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn đồng sanh hỷ sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hỷ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* bằng Vô gián duyên.

  Nên trình bày tất cả câu duyên theo nhân này.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)*.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo, đạo làm duyên cho quả, quả làm duyên cho quả; tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho quả nhập thiền đồng sanh hỷ bằng Vô gián duyên.

512.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên:

- Uẩn đồng sanh hỷ sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh lạc sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)* đồng sanh lạc,... tóm tắt... tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh hỷ làm duyên cho quả nhập thiền đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên *(anantara paccayo)*.

513.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử *(cuti)* đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* đồng sanh xả bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* đồng sanh hỷ làm duyên cho khán môn *(āvajjana)* bằng Vô gián duyên.
- Tâm quả ý thức giới đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm tố *(kiriyā)* ý thức giới bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm hộ kiếp khách *(agantuka)* đồng sanh xả bằng Vô gián duyên.
- Thiện, bất thiện đồng sanh hỷ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* đồng sanh xả, tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho tâm quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* đồng sanh xả; tâm quả *(phala)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* đồng sanh xả bằng Vô gián duyên.

514.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên:

- Uẩn đồng sanh hỷ sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên,... tóm tắt...
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh hỷ làm duyên cho quả nhập thiền đồng sanh hỷ đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên.

515.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên:
- Uẩn đồng sanh lạc sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh lạc sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh lạc làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên,... tóm tắt...
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh lạc làm duyên cho quả nhập thiền đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên.

516.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Vô gián duyên:
- Uẩn đồng sanh lạc sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hỷ sanh sau sau,... tóm tắt...
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh lạc làm duyên cho quả nhập thiền đồng sanh hỷ bằng Vô gián duyên.

517.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Vô gián duyên:
- Tâm tử *(cuti)* đồng sanh lạc làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* đồng sanh xả bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* đồng sanh lạc làm duyên cho khán môn *(āvajjana)* bằng Vô gián duyên.
- Thân thức đồng sanh lạc làm duyên cho ý giới quả bằng Vô gián duyên.
- Ý thức giới quả đồng sanh lạc làm duyên cho ý thức giới tố *(kiriyā)* bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* đồng sanh lạc làm duyên cho tâm hộ kiếp đồng sanh xả bằng Vô gián duyên.
- Thiện, bất thiện đồng sanh lạc làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*; tố *(kiriyā)* làm duyên cho tâm quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*; quả làm duyên cho quả sơ khởi đồng sanh xả bằng Vô gián duyên.

518.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên:
- Uẩn đồng sanh lạc sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh sau sau,... tóm tắt...
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh lạc làm duyên cho quả nhập thiền đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên.

519.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Vô gián duyên:
- Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho ngũ thức *(viññāna)* bằng Vô gián duyên.
- Uẩn đồng sanh xả sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh xả sanh sau sau,... tóm tắt...
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh xả làm duyên cho quả nhập thiền đồng sanh xả; xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

520.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Vô gián duyên:
- Tâm tử *(cuti)* đồng sanh xả làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* đồng sanh hỷ;
- Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn đồng sanh hỷ;

- Ý giới quả đồng sanh xả làm duyên cho ý thức giới quả đồng sanh hỷ; tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* đồng sanh xả làm duyên cho tâm hộ kiếp đồng sanh hỷ *(pīti)*;
- Thiện, bất thiện đồng sanh xả làm duyên cho quả sơ khởi *(vutthāna)*;
- Tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*;
- Quả làm duyên cho quả sơ khởi đều bằng đồng sanh hỷ.
- Xuất thiền diệt *(nirodha)* tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền đồng sanh hỷ bằng Vô gián duyên.

521.

* Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh lạc...
* ... Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên:... Đây nên quyết theo ý nghĩa như trước.

522.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ... pháp đồng sanh lạc... pháp đồng sanh xả bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử *(cuti)* đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* đồng sanh xả.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho khán môn *(āvajjana)*; ý thức giới quả đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho ý thức giới tố *(kiriyā)*; tâm hộ kiếp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho tâm hộ kiếp đồng sanh xả; thiện, bất thiện đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*; tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi, quả *(phala)* làm duyên cho quả sơ khởi đều là đồng sanh xả bằng Vô gián duyên.

523.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên:

- Uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh sau sau,... tóm tắt...
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho quả nhập thiền đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên.

524.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Liên tiếp duyên: Cũng như Vô gián duyên.

525.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Đồng sanh duyên:

1 uẩn đồng sanh hỷ làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên

Như phần liên quan *(paṭiccavāra)*, đồng sanh *(sahajāta)* có 10 câu đề.

526.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên. Nên sắp 10 câu.

527.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y: Nương đức tin mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới bằng tâm đồng sanh hỷ,... Thiện đồng sanh hỷ phát sanh; quán ngộ... đạo,... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh hỷ.

- Nương trì giới, đa văn, xả, trí đồng sanh hỷ mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới,... gây ngã mạn, chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Nương ái,... si, ngã mạn, tà kiến... vọng dục đồng sanh hỷ mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền đồng sanh hỷ nhập thiền phát sanh bằng tâm đồng sanh hỷ,... lấy của không cho, nói láo, đâm thọc, thêu lời, lướt qua lấy của, cướp từ nhà, cướp giựt theo đường, tà dâm, giết dân vườn, giết người chợ bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Nương đức tin đồng sanh hỷ mạnh, trì giới, đa văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến... vọng dục làm duyên cho đức tin đồng sanh hỷ, trì giới, đa văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến... vọng dục (*(patthanā)* bằng Cận y duyên.

528.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y: Nương đức tin đồng sanh hỷ mạnh có thể bố thí,... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh lạc.
- Nương tâm trì giới đồng sanh hỷ mạnh có thể đa văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến... nương vọng dục (*(patthanā)* mạnh có thể bố thí... nhập thiền bằng tâm đồng sanh lạc.
- ... lấy của không cho... giết dân đô thị bằng tâm đồng sanh lạc.
- Nương đức tin đồng sanh hỷ mạnh... vọng dục làm duyên cho đức tin đồng sanh lạc,... vọng dục và thân thức thọ lạc bằng Cận y duyên.

529.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh hỷ mạnh có thể bố thí,... thông phát sanh, nhập thiền phát sanh... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh xả.
- Nương trì giới đồng sanh hỷ mạnh,... vọng dục có thể bố thí... giết dân đô thị bằng tâm đồng sanh xả.
- Nương đức tin... vọng dục đồng sanh hỷ mạnh làm duyên cho đức tin, vọng dục đồng sanh xả bằng Cận y duyên.

530.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh hỷ mạnh có thể bố thí,... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Nương trì giới... vọng dục đồng sanh hỷ mạnh có thể bố thí... giết dân đô thị... bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Nương đức tin... vọng dục đồng sanh hỷ mạnh làm duyên cho đức tin, vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cận y duyên.

531.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí,... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh lạc.
- Nương trì giới, vọng dục, thân thức đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí... giết dân thành thị bằng tâm đồng sanh lạc.

- Nương đức tin đồng sanh lạc... vọng dục, thân thức đồng sanh lạc làm duyên cho đức tin, vọng dục, thân thức đồng sanh lạc bằng Cận y duyên.

532.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí,... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Nương giới, vọng dục, thân thức đồng sanh lạc mạnh có thể làm cho bố thí... giết dân thành thị bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Nương đức tin đồng sanh lạc... vọng dục... thân thức đồng sanh lạc làm duyên cho đức tin, vọng dục đồng sanh hỷ bằng Cận y duyên.

533.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh lạc mạnh làm duyên cho bố thí,... thông *(abhiññā)*... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh xả.
- Nương giới, vọng dục và thân thức đồng sanh lạc mạnh có thể làm cho bố thí... Sát dân thành thị bằng tâm đồng sanh xả.
- Nương đức tin đồng sanh lạc... vọng dục... thân thức đồng sanh lạc mạnh làm duyên cho đức tin, vọng dục đồng sanh xả bằng Cận y duyên.

534.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí,... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Nương trì giới... vọng dục và thân thức đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí... cho đến giết dân thành thị bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Nương đức tin đồng sanh lạc... vọng dục... thân thức đồng sanh lạc làm duyên cho đức tin, vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cận y duyên.

535.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh xả mạnh làm duyên cho bố thí, thông phát sanh... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh xả.
- Nương trì giới... vọng dục đồng sanh xả làm duyên cho bố thí... giết dân thành thị bằng tâm đồng sanh xả.
- Nương đức tin... vọng dục đồng sanh xả mạnh làm duyên cho đức tin và vọng dục đồng sanh xả bằng Cận y duyên.

536.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như nương đức tin đồng sanh xả mạnh có thể bố thí... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Nương trì giới... vọng dục đồng sanh xả mạnh có thể bố thí,... sát dân chúng bằng tâm đồng sanh hỷ.

- Nương đức tin... vọng dục đồng sanh xả mạnh làm duyên cho đức tin vọng dục đồng sanh hỷ bằng Cận y duyên.

537.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như nương đức tin đồng sanh xả mạnh có thể bố thí... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh lạc.
- Nương trì giới... vọng dục đồng sanh xả có thể bố thí... sát dân chúng bằng tâm đồng sanh lạc.
- Nương đức tin... vọng dục đồng sanh xả làm duyên cho đức tin... vọng dục đồng sanh lạc và thân thức đồng sanh lạc bằng Cận y duyên.

538.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như nương đức tin đồng sanh xả mạnh có thể bố thí... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Nương trì giới... vọng dục đồng sanh xả mạnh có thể bố thí... sát dân chúng bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Nương đức tin... vọng dục đồng sanh xả làm duyên cho đức tin... vọng dục đồng sanh lạc bằng Cận y duyên.

539.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Nương trì giới... vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc có thể bố thí... giết dân chúng bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Nương đức tin... vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho đức tin, vọng dục đồng sanh hỷ bằng Cận y duyên.

540.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh lạc.
- Nương trì giới... vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí... giết dân chúng bằng tâm đồng sanh lạc.
- Nương đức tin... vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho đức tin... vọng dục đồng sanh lạc và thân thức đồng sanh lạc bằng Cận y duyên.

541.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí... thông *(abhiññā)* phát sanh... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh xả.
- Nương trì giới... vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí... Sát dân chúng bằng tâm đồng sanh xả.
- Nương đức tin... vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho đức tin... vọng dục đồng sanh xả bằng Cận y duyên.

542.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc mạnh có thể làm cho bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới *(uposathakamma),*... Thiền đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc phát sanh.
- Quán ngộ,... đạo... nhập thiền... ngã mạn... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Nương trì giới... đa văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc... nương vọng dục mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc; quán ngộ,... đạo... nhập thiền bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Lấy của không cho, nói láo, đâm thọc, thêu lời, lướt qua lấy của, cướp từ nhà, cướp giựt theo đường, tà dâm, giết dân vườn, giết người chợ bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Nương đức tin đồng... vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc mạnh làm duyên cho đức tin... vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cận y duyên.

543.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn đồng sanh hỷ sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hỷ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận tùng *(anuloma)* đồng sanh hỷ làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* đồng sanh hỷ; tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(anuloma)*; tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; tâm dũ tịnh *(anuloma)* làm duyên cho tâm đạo bằng Cố hưởng duyên.

544.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn đồng sanh hỷ sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh lạc sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* đồng sanh lạc bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)* đồng sanh lạc bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm chuyển tộc đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm đạo đồng sanh lạc, tâm dũ tịnh *(vodanā)* đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm đạo đồng sanh lạc bằng Cố hưởng duyên.

545.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn đồng sanh hỷ sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên,... tóm tắt...
- dũ tịnh *(vodanā)* đồng sanh hỷ làm duyên cho đạo đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cố hưởng duyên.

546.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc... pháp đồng sanh hỷ... pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cố hưởng duyên, tóm tắt...

Nên sắp theo cách hỷ *(pīti)*.

547.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn đồng sanh xả sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh xả sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm dũ tịnh đồng sanh xả làm duyên cho đạo đồng sanh xả bằng Cố hưởng duyên.

548.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ... pháp đồng sanh lạc... pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên,... tóm tắt.
- Tâm dũ tịnh *(vodanā)* đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho đạo đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cố hưởng duyên.

549.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Tư đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời *(Nānākhaṇika)* như tư đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn quả bằng Nghiệp duyên.

550.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh lạc bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh lạc bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn quả đồng sanh lạc bằng Nghiệp duyên.

551.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn quả đồng sanh xả bằng Nghiệp duyên.

552.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh:...
- Biệt thời như: Tư đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn quả đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Nghiệp duyên.

553.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc... Nên sắp 4 cách theo như đã giải.

554.

∗ Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

* ... Pháp đồng sanh hỷ bằng Nghiệp duyên: Biệt thời như...
* ... Pháp đồng sanh lạc bằng Nghiệp duyên: Biệt thời như: Tư đồng sanh xả...
* ... Pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Nghiệp duyên: Biệt thời như: Tư đồng sanh xả...
* ... Pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ... Nên sắp 4 câu.

Người biết nên sắp rộng theo đồng sanh hỷ.

555.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Quả duyên:

- 1 uẩn quả đồng sanh hỷ làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn đồng sanh hỷ làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.

Cũng như phần liên quan *(paṭiccavāra)* trong Nhân duyên, nên phân rộng 10 câu như thế.

556.

* Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Thực duyên,... bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Hiện hữu duyên.

  Sắp rộng 10 câu.

* ... Bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên.

  Vô hữu duyên và Ly duyên như Vô gián duyên.

* ... Bằng Bất ly duyên.

557.

Nhân 10, Cảnh 16, Trưởng 16, Vô gián 16, Liên tiếp 16, Đồng sanh 10, Hỗ tương 10, Y chỉ 10, Cận y 16, Cố hưởng 10, Nghiệp 16, Quả 10, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu tất cả đều có 10 câu; Vô hữu 16, Ly 16, Bất ly 10.

Người biết nên sắp theo thuận tùng trong tam đề thiện.

Dứt cách thuận tùng

558.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

559.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

560.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

561.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

562.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

563.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

564.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

565.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

566.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

567.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

568.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

569.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

570.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

571.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

572.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

573.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

574.

Phi Nhân 16, phi Cảnh, phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Đồng sanh, phi Hỗ tương, phi Y chỉ, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo, phi Tương ưng, phi Bất tương ưng, phi Hiện hữu, phi Vô hữu, phi Ly, phi Bất ly tất cả đều có 16.

Người biết nên sắp theo phần nghịch *(paccanīya)*.

Dứt cách đối lập

575.

Nhân duyên có phi Cảnh 10, phi Trưởng 10, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo, phi Bất tương ưng, phi Vô hữu, phi Ly 16, tất cả đều có 10.

Người biết nên sắp cách thuận, nghịch *(anuloma, paccanīya)*

Dứt cách thuận và nghịch

576.

* Phi Nhân duyên có Cảnh 16, Trưởng, Vô gián, Liên tiếp đều có 16; Đồng sanh 10, Hỗ tương 10, Y chỉ 10, Cận y 16, Cố hưởng 10, Nghiệp 16, Quả 10, Thực 10, Quyền 10, thiền 10, Đạo 10, Tương ưng 10, Hiện hữu 10, Vô hữu 16, Ly 16, Bất ly 10.
  Người biết nên sắp theo thuận *(anuloma)*, nghịch *(paccanīya).*

Dứt cách thuận và nghịch
Hết tam đề hỷ đề thứ 7 chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ SƠ ĐẠO *(DASSANATTKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

577.

* Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ *(dassanenapahātabbadhamma)*, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ và phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ.
* Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ; 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.

578.

* Pháp ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ba đạo cao tuyệt trừ.
* Chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên *(hetupaccayo)*:
  3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāyapahātabba)*, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.

579.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 3 đại sung *(mahābhūta)* liên quan 1 đại sung; 2 đại sung liên quan 2 đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh *(katattārūpa)* thuộc sắc y sinh *(upādārūpa)* liên quan đại sung.

580.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ và sắc đại sung.

581.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung.

582.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

583.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

584.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(nevadassanena nabhāvanāyapahātabba)*, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn, uẩn liên quan vật *(vatthu)*.

585.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên có 3 câu.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn, 3 đại sung liên quan 1 đại sung, 2 đại sung liên quan 2 đại sung, sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung *(mahābhūta)*.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung.

586.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên:

Trùng như Cảnh duyên

587.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên có 3 câu:

∗ ... Ba đạo cao *(bhāvanāya)*... có 3 câu.

∗ ... Phi sơ đạo *(nevadassanena)*...:
... liên quan 1 đại sung,... sắc ngoại *(bāhirarūpa)*,... sắc vật thực,... sắc âm dương... người Vô tưởng:... 1 đại sung

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung *(mahābhūta)*.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung.

588.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Hỗ tương duyên: Có 1 câu.

∗ ... Ba đạo cao tuyệt trừ... 1 câu.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Hỗ tương duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn, vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật *(vatthu)*; 3 đại sung liên quan 1 đại sung, 2 đại sung liên quan 2 đại sung, sắc ngoại *(bāhirarūpa)*, sắc vật thực, sắc âm dương...
- Người Vô tưởng:... 2 đại sung liên quan 2 đại sung.

589.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Y chỉ duyên: Cũng như Nhân duyên.

∗ ... Do Cận y duyên... có 3 câu.

∗ ... Do Tiền sanh duyên... có 3 câu, không có tục sinh.

∗ ... Do Cố hưởng duyên... không có quả tục sinh.

∗ ... Do Nghiệp duyên: Sắc đại sung nội bộ *(ajjhattikarūpā)* và người Vô tưởng: Sắc đại sung đầy đủ.

590.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Quả duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn quả. Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung... sắc nương tâm sanh và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan sắc đại sung.

591.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Thực duyên:
Đầy đủ sắc đại sung nội bộ *(ajjhattikamahābhūtarūpā)* sắc vật thực *(āhārasamutthānarūpā)*.

∗ ... Do Quyền duyên như Nghiệp duyên.

∗ ... Do Thuyền duyên, do Đạo duyên như Nhân duyên.

∗ ... Do Tương ưng duyên như Cảnh duyên.

∗ ... Do Bất tương ưng duyên như Bất tương ưng duyên trong tam đề thiện.

∗ ... Do Hiện hữu duyên như Đồng sanh duyên.

* ... Do Vô hữu duyên,... do Ly duyên, do Bất ly duyên.

592.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Vô gián 3, Liên tiếp 3; Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 9, Quả 1, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 3, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 9.

Bài này, người biết rành nên sắp theo thuận tùng.

Dứt cách thuận tùng

593.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi.

594.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh phóng dật.

595.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn; vật *(vatthu)* liên quan uẩn, uẩn liên quan vật *(vatthu)*; 3 đại sung liên quan 1 đại sung, sắc nương tâm sanh sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung; sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: 3 đại sung liên quan 1 đại sung, sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

596.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ.

597.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ba đạo cao tuyệt trừ.

598.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, vật liên quan uẩn,... 1 đại sung... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: 1 đại sung...

599.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

600.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung.

601.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Trưởng duyên: Sắp đầy đủ như Nhân duyên *(Hetupaccayo)*.

∗ ... Do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên...

602.

∗ ... Do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn liên quan 1 uẩn Vô sắc ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ...

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ba đạo cao tuyệt trừ.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn Vô sắc phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn, vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 3 đại sung liên quan 1 đại sung, sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: 1 đại sung...

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ và sắc đại sung *(mahābhūta rūpa)*.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung.

603.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Hậu sanh duyên; do phi Cố hưởng duyên, do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* sơ đạo tuyệt trừ liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ.

604.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* ba đạo cao tuyệt trừ liên quan uẩn ba đạo cao tuyệt trừ.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

- Tư phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: 1 đại sung...

605.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Quả duyên:

Như phi Trưởng duyên... không có tục sinh.

606.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Thực duyên:

Sắc ngoại,... sắc âm dương... người Vô tưởng: 1 đại sung...

607.

... Liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Quyền duyên:

Sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... 1 đại sung... người Vô tưởng: Sắc mạng quyền liên quan sắc đại sung.

608.

... Liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Thiền duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh ngũ thức *(viññāna)*, 2 uẩn... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương...

Người Vô tưởng: 1 đại sung...

609.

... Liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Đạo duyên:

Vô nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ. Sát-na tục sinh vô nhân... 1 đại sung... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... Người Vô tưởng:... 1 đại sung...

610.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Tương ưng duyên:

Cũng như Cảnh duyên *(ārammaṇapaccayo)*.

611.

* ... Pháp sơ đạo tuyệt trừ... do phi Bất tương ưng duyên:
  ... liên quan 1 uẩn cõi Vô sắc sơ đạo tuyệt trừ.
* ... Pháp ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Bất tương ưng duyên:
  ... 1 uẩn cõi Vô sắc ba đạo cao tuyệt trừ.
* ... Do phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Bất tương ưng duyên:
  ... liên quan 1 uẩn cõi Vô sắc phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ; sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... Người Vô tưởng...

612.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ... do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên:

Cũng như phi Cảnh duyên.

613.

Phi Nhân 3; phi Cảnh 5, phi Trưởng 9, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Biết rồi nên sắp đếm.

Dứt cách đối lập

614.

Nhân duyên có phi Cảnh 5, phi Trưởng 9, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Người biết nên sắp theo như thế.

Dứt cách thuận nghịch

615.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 2, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

Người biết nên sắp theo như thế này.

Dứt cách thuận và nghịch

Hết phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần Đồng Sanh *(Sahajātavāra)*

616.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ đồng sanh pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn đồng sanh 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ, 2 uẩn đồng sanh...

Phần đồng sanh *(sahajāta)* như phần liên quan *(paṭicca)*

Phần Ỷ Trượng *(Paccajavāra)*

617.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp ba đạo cao tuyệt trừ có 3 câu.

618.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn, vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật, 3 đại sung nhờ cậy 1 đại sung, sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh nhờ cậy đại sung; uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.

∗ Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.

∗ Chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.

619.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung.

∗ Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật. Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung.

620.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn và vật.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung.

∗ Chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn và vật *(vatthu)*; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung.

621.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn.

622.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ.

623.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... 2 uẩn, uẩn nhờ cậy vật, nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ.
- Uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

Uẩn sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật *(vatthu)*.

624.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn nhờ cậy 2 và vật

625.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

626.

* Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên: đầy đủ; tục sinh không có.
* ... Do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên như Cảnh duyên.

627.

* ... Do Đồng sanh duyên:... 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ, có 3 câu.
* ... Pháp ba đạo cao tuyệt trừ... có 3 câu.
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:
  - 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật, 3 đại sung nhờ cậy 1 đại sung,... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... nhờ cậy đại sung.
  - Người Vô tưởng: 1 đại sung...
  - Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân thức nhờ cậy thân xứ. uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.
* Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do do Đồng sanh duyên:

  Ngoại ra như Nhân duyên *(Hetupaccayo)*.

628.

* Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên không có tục sinh.
* ... Do Cố hưởng duyên không có tục sinh và quả.
* ... Do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

629.

Nhân 17, Cảnh 7, Trưởng 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 7, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 7, Nghiệp 17, Quả 1, Thực 17, Quyền 17, Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 17; Nên sắp như thế.

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

630.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi.

631.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh phóng dật.

632.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật. Sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng:...
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân thức nhờ cậy thân xứ, uẩn vô nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật *(vatthu)*.

633.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và vật *(vatthu)*.

634.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Nhân duyên: Si đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh phóng dật và vật *(vatthu)*.

635.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn sơ đạo tuyệt trừ.

636.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn ba đạo cao tuyệt trừ.

637.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh nhờ cậy uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, vật nhờ cậy uẩn,... nhờ cậy 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng...

638.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung.

639.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và sắc đại sung.

640.

* Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Trưởng duyên: Như Đồng sanh duyên.
* ... Do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên.

641.

* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên: ... nhờ cậy 1 uẩn cõi Vô sắc sơ đạo tuyệt trừ.
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn sơ đạo tuyệt trừ.

642.

* Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Tiền sanh duyên:
  ... 1 uẩn cõi Vô sắc ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāyapahātabba)*.
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Tiền sanh duyên:
  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn ba đạo cao tuyệt trừ.
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Tiền sanh duyên:
  - 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn cõi Vô sắc phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
  - Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh nhờ cậy uẩn, vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật,... 1 đại sung... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương...
  - Người Vô tưởng: 1 đại sung...
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung.
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Tiền sanh duyên:
  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung
* Pháp sơ đạo tuyệt trừ... do phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên...

643.

* ... Do phi Nghiệp duyên:
  Tư *(cetanā)* sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy uẩn sơ đạo tuyệt trừ.
* ... Pháp ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Nghiệp duyên:
  ... Tư *(cetanā)* ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy uẩn ba đạo cao tuyệt trừ.
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nghiệp duyên:
  Tư *(cetanā)* phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương...
* Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:
  Tư *(cetanā)* sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật *(vatthu)*

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.

644.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy uẩn sơ đạo tuyệt trừ và vật.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và vật *(vatthu)*.

645.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Quả duyên: đầy đủ, không có tục sinh.

∗ ... Do phi Thực duyên:

... sắc ngoại,... sắc âm dương... người Vô tưởng...

∗ ... Do phi Quyền duyên:

... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... người Vô tưởng: Sắc mạng quyền nhờ cậy sắc đại sung.

∗ ... Do phi Thiền duyên:

... ngũ thức *(viññāna)*,... sắc ngoại... người Vô tưởng...

∗ ... Do phi Đạo duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ. Sát-na tục sinh vô nhân: 1 đại sung... người Vô tưởng.

∗ ... Do phi Tương ưng duyên:

∗ ... Do phi Bất tương ưng duyên:

... nhờ cậy 1 uẩn cõi Vô sắc sơ đạo tuyệt trừ, 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn cõi Vô sắc ba đạo cao tuyệt trừ.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... 2 uẩn,... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... Người Vô tưởng...

∗ ... Do phi Vô hữu duyên,... do phi Ly duyên:...

646.

Phi nhân 7, phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 5, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Dứt cách đối lập

647.

Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Dứt cách thuận nghịch

648.

Phi Nhân duyên có Cảnh 7,... vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 7, Hỗ tương 7, Y chỉ 7, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng7, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 6, Tương ưng 7, Bất tương ưng 7, Hiện hữu 7, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7.

Nên sắp như thế.

Dứt cách thuận và nghịch
Hết phần ỷ trượng (paccaya)

Nên sắp phần y chỉ *(nissayavāra)* như phần ỷ trượng *(paccaya)*

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

649.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ, 2 uẩn hòa hợp 2 uẩn.

650.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

... hòa hợp 1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ.

651.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

... 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... Sát-na tục sinh:.. hòa hợp 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.

652.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

Tất cả câu nhị đề *(duka)* sắp rộng đều có 3 tất cả.

653.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng3, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

654.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi.

655.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh phóng dật.

656.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... Sát-na tục sinh vô nhân...

657.

- Pháp sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Trưởng duyên... do phi Tiền sanh duyên, do phi Hậu sanh, do phi Cố hưởng duyên, do phi Nghiệp duyên, do phi Quả duyên.
- ... Do phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Thiền duyên:... ngũ thức *(viññāna)*.

* ... Do phi Đạo duyên:... vô nhân...
* Phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Bất tương ưng duyên có 3 câu.

658.

Phi Nhân 3; phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

Hết phần nghịch (paccanīya)

659.

Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.

Dứt cách thuận và nghịch

660.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 2, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

Dứt cách thuận và nghịch

Hết phần hòa hợp

Phần Tương Ưng *(Sampayuttavāra)*

661.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Phần tương ưng *(sampayutta)* như phần hòa hợp *(saṅsaṭṭha)*

Phần Nhan Đề *(Pañhāvāra)*

662.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra bằng Nhân duyên:

Nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

663.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

664.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

665.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

666.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

667.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

668.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

- Nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

669.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Ái sơ đạo tuyệt trừ thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái sơ đạo tuyệt trừ sanh ra, tà kiến sanh ra, hoài nghi và ưu sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.
- Tà kiến thỏa thích rất hân hoan, do đó, khai đoan ái sơ đạo tuyệt trừ phát sanh, tà kiến phát sanh, hoài nghi sanh và ưu sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.
- Hoài nghi mở mối cho hoài nghi sanh, tà kiến sanh, ưu sơ đạo tuyệt trừ sanh; ưu sơ đạo tuyệt trừ mở mối cho ưu sơ đạo tuyệt trừ sanh, hoài nghi sanh ra.

670.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh phản khán phiền não sơ đạo đã tuyệt trừ, rõ phiền não đã từng sanh; quán ngộ *(vipassana)* uẩn sơ đạo tuyệt trừ bằng vô thường, khổ não, vô ngã.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn (hội hiệp) tâm sơ đạo tuyệt trừ.
- Uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông và khán môn bằng Cảnh duyên.

671.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Ái ba đạo cao tuyệt trừ thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái ba đạo cao tuyệt trừ sanh, phóng dật sanh, ưu ba đạo cao tuyệt trừ sanh.
- Phóng dật khai đoan phóng dật ba đạo cao tuyệt trừ sanh; ưu ba đạo cao tuyệt trừ mở mối cho uẩn ba đạo cao tuyệt trừ sanh, phóng dật sanh.

672.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Ái ba đạo cao tuyệt trừ thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái sơ đạo tuyệt trừ sanh, tà kiến phát sanh, hoài nghi sanh và ưu sơ đạo tuyệt trừ sanh.
- Phóng dật mở mối cho tà kiến sanh, hoài nghi sanh, ưu sơ đạo tuyệt trừ sanh.
- Ưu ba đạo cao tuyệt trừ mở mối cho ưu sơ đạo tuyệt trừ sanh, tà kiến sanh, hoài nghi sanh.

673.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh phản khán phiền não ba đạo cao đã tuyệt trừ, phản khán phiền não hạn chế, rõ phiền não đã từng sanh; quán ngộ uẩn ba đạo cao tuyệt trừ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm ba đạo cao tuyệt trừ.
- Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

674.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nhớ lại; nhớ thiện đã từng làm chứa để trước kia.
- Xuất thiền phản khán thiền; chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Quán ngộ *(vipassanā)* nhãn bằng vô thường, khổ não, vô ngã...
- ... Nhĩ,... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc,.. Vật.
- Quán ngộ uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng...
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ,
- Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ,
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Cảnh duyên.
- Xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.
- Uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán môn bằng Cảnh duyên.

675.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* cho ái, tà kiến, hoài nghi và ưu sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.
- Nhớ thiện đã từng làm chứa để. xuất thiền thỏa thích thiền do đó khai đoan ái sơ đạo tuyệt trừ... tà kiến, hoài nghi sanh ra.
- Sau khi thiền hoại, ưu sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.
- Thỏa thích rất hân hoan nhãn, thỏa thích rất hân hoan nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc,... vật…
- Thỏa thích rất hân hoan uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, do đó khai đoan ái sơ đạo tuyệt trừ... tà kiến, hoài nghi sanh ra.

676.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái, phóng dật và ưu ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra. Nhớ thiện đã từng làm chứa để trước kia.
- Xuất thiền phản khán thiền;... nhãn... vật... thỏa thích uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ do đó mở mối cho ái, phóng dật và ưu ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.

677.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về ái sơ đạo tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.
- Nặng về tà kiến rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến (thuộc phần) sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.

- Trưởng đồng sanh như: Trưởng sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

678.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

679.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

680.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Nương về ái ba đạo cao tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

681.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về ái ba đạo cao tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.

682.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh *(cittasamutthārūpa).*

683.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh.

684.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng về đó mới nhớ lại,... Thiện đã từng làm chứa để. xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán.
- Chư thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán, nặng về quả rồi phản khán, nặng về Níp Bàn rồi phản khán.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo và quả bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

685.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng về đó thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó mà ái, tà kiến sơ đạo tuyệt trừ mới phát sanh. Nặng về thiện đã từng làm chứa để rồi...
- Xuất thiền nặng về thiền rồi...
- ... Vật... Nặng về uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến phần sơ đạo tuyệt trừ mới phát sanh.

686.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ...

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi mới làm cho ái ba đạo cao tuyệt trừ phát sanh.
- ... Thiện đã từng làm chứa để trước kia. Nặng về uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái ba đạo cao tuyệt trừ phát sanh.

687.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

Uẩn sơ đạo tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn sơ đạo tuyệt trừ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

688.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

689.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn ba đạo cao tuyệt trừ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

690.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho quả sơ khởi bằng Vô gián duyên.

691.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)*, tâm chuyển tộc làm duyên cho tâm đạo, tâm dũ tịnh làm duyên cho tâm đạo, tâm đạo làm duyên cho tâm quả, tâm quả làm duyên cho tâm quả; tâm thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền; xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

692.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ...

Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn sơ đạo tuyệt trừ bằng Vô gián duyên.

693.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên

Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên.

694.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Liên tiếp duyên: Như Vô gián duyên.

695.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Đồng sanh duyên: Có 3 câu.

696.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ... có 3 câu.

697.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Đồng sanh duyên; vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn, 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung; đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh,... sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng...

698.

Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh.

699.

Chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Đồng sanh duyên:

Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh.

700.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Hỗ tương duyên:

1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ...

701.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ...

1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn.

702.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

- 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn... uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn, 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung bằng Hỗ tương duyên
- Người Vô tưởng...

703.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Y chỉ duyên có 3 câu.

∗ ... 3 đạo cao... có 3 câu.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
- 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn, 1 đại sung... người Vô tưởng...
- Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật...

704.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Y chỉ duyên...

Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn sơ đạo tuyệt trừ bằng Y chỉ duyên.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ...

Vật làm duyên cho uẩn ba đạo cao tuyệt trừ bằng Y chỉ duyên.

705.

Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Y chỉ duyên:

1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn...

706.

Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh.

707.

Chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Y chỉ duyên:

1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn...

708.

Chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Y chỉ duyên:

Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh.

709.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương ái sơ đạo tuyệt trừ mạnh có thể sát sanh, trộm cướp... phá hòa hợp Tăng.
- Nương sân sơ đạo tuyệt trừ... si... tà kiến... vọng dục *(patthāna)* có thể sát sanh,... phá hòa hợp Tăng.
- Ái sơ đạo tuyệt trừ... sân, si, tà kiến... vọng dục làm duyên cho ái, sân, si, tà kiến, vọng dục phần sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

710.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... có Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như nương ái sơ đạo tuyệt trừ mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới...tóm tắt... nhập thiền phát sanh.
- Nương sân... vọng dục phần sơ đạo tuyệt trừ mạnh có thể bố thí,... nhập thiền phát sanh.

- Nương ái sơ đạo tuyệt trừ mạnh... sân, si, tà kiến... vọng dục làm duyên cho đức tin, trí, thân lạc, thân khổ và quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

711.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương ái ba đạo cao tuyệt trừ, sân, si, ngã mạn,... vọng dục *(patthanā)* mạnh làm duyên cho ái ba đạo cao tuyệt trừ, sân, si, ngã mạn, vọng dục bằng Cận y duyên.

712.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái ba đạo cao tuyệt trừ mạnh có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
- Nương sân ba đạo cao tuyệt trừ mạnh... si... ngã mạn...vọng dục mạnh có thể sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương ái ba đạo cao tuyệt trừ... sân, si, ngã mạn... vọng dục mạnh làm duyên cho ái sơ đạo tuyệt trừ, sân, si, tà kiến, vọng dục mạnh bằng Cận y duyên.
- Nương dục ái trong vật phẩm của mình *(chandarāga sakabhanda)* làm duyên cho dục ái trong vật phẩm của người khác *(chandarāga parabhanda)* bằng Cận y duyên.
- Dục ái trong vật yêu mến của mình làm duyên cho dục ái trong vật yêu mếm của ngưì khác bằng Cận y duyên.

713.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái ba đạo cao tuyệt trừ mạnh có thể bố thí... cho đến nhập thiền phát sanh.
- Nương sân ba đạo cao tuyệt trừ... si, ngã mạn, vọng dục mạnh có thể bố thí... cho đến nhập thiền phát sanh.
- Nương ái ba đạo cao tuyệt trừ... sân, si, ngã mạn... vọng dục mạnh làm duyên cho đức tin, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

714.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí cho đến nhập thiền phát sanh.
- Nương trì giới mạnh có thể đa văn, xả thí *(cāga)*, trí, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... chỗ ở mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
- Nương sức tin mạnh... trì giới, đa văn, xả, trí, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin, trí, thân lạc, thân khổ và quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

715.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh... chấp tà kiến... nương giới... chỗ ở mạnh có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin... chỗ ở mạnh làm duyên cho ái, sân, si, ngã mạn, vọng dục sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

716.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh gây ngã mạn; nương giới... trí, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... chỗ ở mạnh có thể gây ngã mạn.
- Nương đức tin, trí, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực chỗ ở làm duyên cho ái, sân, si, ngã mạn, vọng dục phần ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

717.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ *(vipassanā)* nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã. Quán ngộ nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật *(vatthu)*...
- Thiên nhãn *(dibbacakkhu)* thấy sắc, thiên nhĩ *(dibbasota)* nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên.

718.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: thỏa thích rất hân hoan nhãn do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi và ưu về phần sơ đạo tuyệt trừ phát sanh...
- Thỏa thích rất hân hoan vật *(vatthu)* do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi và ưu về phần sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn sơ đạo tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên.

719.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Thỏa thích rất hân hoan nhãn, do đó khai đoan ái, phóng dật và ưu về phần ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.
- ... Nhĩ...Thân, sắc,... xúc... thỏa thích rất hân hoan vật do đó khai đoan nhĩ,... ái, phóng dật và ưu về phần ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.
- Vật tiền sanh như vật làm duyên cho uẩn ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh.

720.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

721.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ sanh sau sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

722.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh sau sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

723.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn sơ đạo tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

724.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

725.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)*; tâm thuận thứ làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)*; tâm chuyển tộc làm duyên cho đạo (Magga); tâm dũ tịnh làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

726.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

727.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Tư sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời *(Nānākhaṇika)* như: Tư sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

728.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:

Tư sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

729.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:

Tư ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

730.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:

Tư ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

731.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:

Tư ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

732.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh.
- Biệt thời *(nānākhaṇika)* như: Tư phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

733.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Quả duyên:

- 1 uẩn quả phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Quả duyên.

734.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Thực duyên:
... tóm tắt... Đoàn thực *(kabalikārāhāra)* có 7 câu đề.

∗ ... Bằng Quyền duyên:
Nhãn quyền và sắc mạng quyền có 7 câu

∗ ... Bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

735.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh: Bài này trùng như sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena)*

736.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên: Có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên. Uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên
- Hậu sanh như: Uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

737.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn sơ đạo tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên.

738.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn ba đạo cao tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên.

739.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn

740.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

741.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên:
1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh, 2 uẩn...

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ... có 3 câu; nên sắp như sơ đạo *(dammanena).*

742.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

- Đồng sanh như: 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn bằng Hiện hữu duyên, 1 đại sung... tóm tắt...
- Người Vô tưởng: 1 đại sung...
- Tiền sanh như: Quán ngộ *(vipassanā)* nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã... quán ngộ nhĩ... thân, sắc,... xúc,... vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Thiên nhãn thấy sắc,... thiên nhĩ *(dibbasota)* nghe tiếng.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức... xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xứ làm duyên cho thân thức.
- Vật làm duyên cho uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho thân ấy sanh trước trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy, sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh.

743.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên:

- Tiền sanh như: Thỏa thích rất hân hoan nhãn, do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi và ưu sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.

- Thỏa thích nhĩ... vật; vật làm duyên cho uẩn sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên.

744.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên:

- Tiền sanh như: Thỏa thích rất hân hoan nhãn, do đó khai đoan ái, tà kiến và ưu ba đạo cao tuyệt trừ phát sanh...
- Thỏa thích rất hân hoan nhĩ... vật *(vatthu)*.
- Vật làm duyên cho uẩn ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo)*.

745.

Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và vật...

746.

Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn sơ đạo tuyệt trừ và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

747.

Chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ... nên sắp 2 câu đề.

748.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

749.

Nhân 7, Cảnh 8, Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 8, Hậu sanh 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận tùng

750.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

751.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

752.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Đồng sanh duyên:

753.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên.

754.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

755.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

756.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Đồng sanh duyên.

757.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

758.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

759.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

760.

Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ... có Đồng sanh và Tiền sanh.

761.

Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

762.

Chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ... có Đồng sanh và Tiền sanh.

763.

Chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

764.

Phi Nhân 14, phi Cảnh 14, phi Trưởng 14, phi Vô gián 14, phi Liên tiếp 14, phi Đồng sanh 10, phi Hỗ tương 10, phi Y chỉ 10, phi Cận y 14, phi Tiền sanh 12, phi Hậu sanh 14, phi Cố hưởng 14, phi nghiệp 14, phi Quả 14, phi Thực 14, phi Quyền 14, phi Thiền 14, phi Đạo 14, phi Tương ưng 10, phi Bất tương ưng 8, phi Hiện hữu 8, phi Vô hữu 14, phi Ly 14, phi Bất ly 8. Nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

765.

Nhân duyên có phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

766.

∗ Phi Nhân duyên có Cảnh 8,... Trưởng10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 8, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 8, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận - nghịch

Tam đề sơ đạo thứ 8 chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
(DASSANENA PAHĀTABBA HETUKATTKA)

Phần Liên Quan *(Patticcavāra)*

767.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, 2 uẩn...

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ,... liên quan 2 uẩn.

768.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn...

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.

∗ Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ,... 2 uẩn...

769.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn, sắc nương tâm sanh liên quan si đồng sanh hoài nghi. Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn... Vật liên quan uẩn, uẩn

liên quan vật;... liên quan 1 đại sung;... sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
  Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi.

* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
  Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh phóng dật.

* Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
  Uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh liên quan si đồng sanh hoài nghi.

* Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
  Uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh liên quan si đồng sanh phóng dật.

770.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và si.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi và si.

* Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
  3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si,... liên quan 2 uẩn và si.

771.

* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
  3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và si.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đồng sanh phóng dật và si.

* Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
  3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si.

772.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ... do Cảnh duyên:

3 uẩn và si liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, 2 uẩn và si liên quan 2 uẩn.

773.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên có 3 câu, nên phân rộng ra như hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassannena pahātabba hetuka)*.

774.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: Uẩn liên quan vật.

775.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Cảnh duyên:

Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi.

776.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Cảnh duyên:

Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh phóng dật.

777.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Cảnh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và si.

778.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và si

779.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên có 3 câu, như Nhân duyên.

∗ ... Liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... 3 câu như Nhân duyên.

Trưởng *(adhipati)* không có si.

780.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Trưởng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn... 3 đại sung liên quan 1 đại sung;... sắc nương tâm sanh thuộc y sinh liên quan đại sung,

781.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo ba đạo cao tuyệt trừ... do Trưởng duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

782.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Trưởng duyên:

  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung.

* ... Phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên: Như Cảnh duyên.

783.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:

  3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ... do Đồng sanh duyên:

  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, si và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi.

* Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ... do Đồng sanh duyên:

  3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn, 3 uẩn với si và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi.

784.

* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:

  3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... do Đồng sanh duyên:

  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, si và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đồng sanh phóng dật.

* Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... do Đồng sanh duyên:

  3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn, 3 uẩn với si và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn đồng sanh phóng dật.

785.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Đồng sanh duyên:

  - 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... 2 uẩn...; sắc nương tâm sanh liên quan si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.
  - Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật. 3 đại sung liên quan 1 đại sung,... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... người Vô tưởng: 1 đại sung...

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Đồng sanh duyên:
Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... tóm tắt... nên sắp như Nhân duyên *(Hetupaccayo)*.

786.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên, do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

787.

Nhân 17, Cảnh 11, Trưởng 9, Vô gián 11, Liên tiếp 11, Đồng sanh 17, Hỗ tương 11, Y chỉ 17, Cận y 11, Tiền sanh 11, Cố hưởng 11, nghiệp 17, Quả 1, Thực 17, Quyền 17, Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 11, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 11, Ly 11, Bất ly 17. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

788.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi.

789.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh phóng dật.

790.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô nhân phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật *(vatthu)*,.. 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... người Vô tưởng:...

791.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

792.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ,... đồng sanh hoài nghi.

793.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ; sắc nương tâm sanh liên quan si đồng sanh phóng dật.

- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
- Vật liên quan uẩn,... 1 đại sung... tóm tắt; người Vô tưởng *(asaññatta)*...

794.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi và si.

795.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đồng sanh phóng dật và si.

796.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Trưởng duyên: Như Đồng sanh duyên.

∗ ... Do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên.

797.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc:... liên quan 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn Vô sắc giới đồng sanh hoài nghi, sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

3 uẩn và si liên quan 1 uẩn Vô sắc giới đồng sanh hoài nghi,... 2 uẩn...

∗ ... liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... tóm tắt... như sơ đạo *(dassanattika)* có 3 câu.

798.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn cõi Vô sắc phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ;... 2 uẩn...; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ; sắc nương tâm sanh liên quan si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.
- Sát-na tục sinh... tóm tắt...
- Người Vô tưởng:...

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi.

* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Uẩn tương ưng liên quan si Vô sắc giới đồng sanh phóng dật.

799.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si *(moha)*.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và sắc đại sung; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi và si.

800.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên.

Theo đây nên sắp thành 2 câu.

801.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Hậu sanh, do phi Cố hưởng duyên, do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

802.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.

803.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Nghiệp duyên:
  Tư phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ;... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Nghiệp duyên:
  Tư tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi.

* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
  Tư tương ưng liên quan si đồng sanh phóng dật.

804.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Tư tương ưng liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi và si.

805.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư tương ưng liên quan uẩn đồng sanh phóng dật và si.

806.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Quả duyên: Không có tục sinh *(paṭisandhi)*.

807.

* ... Phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Thực duyên:
  ... sắc ngoại... sắc âm dương... người Vô tưởng...
* ... Do phi Quyền duyên:
  Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng... sắc mạng quyền liên quan đại sung.
* ... Do phi Thiền duyên: ngũ thức *(viññaṇa)*, nên sắp đại sung *(mahābhūtarūpa)*.
* ... Do phi Đạo duyên:
  ... 1 uẩn vô nhân phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ; người Vô tưởng...
* ... Do phi Tương ưng duyên...

808.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabba hetuka).*

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi.

* Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: 3 uẩn và si liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi... 2 uẩn...

809.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
Cõi Vô sắc: ba đạo cao *(bhavanāya)* có 3 câu.

810.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... liên quan 2 uẩn;... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi.

* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh phóng dật.

811.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si,... liên quan 2 uẩn.

812.

* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

  Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si,... liên quan 2 uẩn.

* ... Do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

813.

Phi Nhân 3; phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 13, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 11, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch (paccanīya)

814.

Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 13, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi nghiệp 17, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 11, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên đếm như thế này.

Dứt cách thuận tùng và đối lập

815.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3, nên sắp như thế.

Dứt cách nghịch và thuận

Hết phần liên quan (paṭicca)

Phần đồng sanh *(sahajatavāra)* như phần liên quan *(paṭicca)*

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

816.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu:

  Như phần liên quan *(paṭiccavāra)*

* ... Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... có 3 câu. Như phần liên quan *(Paṭiccavāra)*.

* ... Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi 3 đạo cao... có 1 câu, như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

  Uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy *(paṭicca)* vật *(vatthu)*.

817.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

  Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật, uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi.

* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

  Uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh phóng dật.

* Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
  Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung; uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi.

* Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
  Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung; uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh nhờ cậy si đồng sanh phóng dật.

818.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật *(vatthu)*... 2 uẩn..., 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và si.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và đại sung.

* Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung; 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si.

819.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

820.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên: Có 3 câu; như phần liên quan Cảnh duyên:
* ... ba đạo cao tuyệt trừ có 3 câu như phần liên quan.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn...
  Sát-na tục sinh: Uẩn nhờ cậy vật, nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,.. Thân thức nhờ cậy thân xứ; uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.

821.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:
  Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật; uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi.

* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Cảnh duyên:
  Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật, uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh phóng dật.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Cảnh duyên:

Uẩn đồng sanh hoài nghi và si nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

Uẩn đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật *(vatthu)*.

822.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Cảnh duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn...; 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và si.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Cảnh duyên:

Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và vật *(vatthu)*.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn và si nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và vật... 2 uẩn và vật.

823.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn...; 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn...

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

Si *(moha)* đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh phóng dật và vật.

∗ Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn và si nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh phóng dật và vật... 2 uẩn và...

824.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên có 3 câu.

... ba đạo cao tuyệt trừ có 3 câu.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Trưởng duyên có 1 câu.

Uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:
Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:
Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật *(vatthu)*; sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhānarūpa)* nhờ cậy đại sung.

∗ Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:
Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

825.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn và...

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn...
Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung.

826.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và vật; có 3 câu như sơ đạo *(dassanena)*.

∗ ... Do Vô gián duyên,... do Liên tiếp duyên...

827.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:
Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, si đồng sanh hoài nghi và sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ; 3 uẩn với si và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi;... 2 uẩn và...

* ... Nhờ cậy pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ,... tóm tắt... có 3 câu như sơ đạo *(dassanena)*.

828.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:
  3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ; sắc nương tâm sanh nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật. Sát-na tục sinh: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật, 3 đại sung nhờ cật 1 đại sung; người Vô tưởng... Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... nhờ cậy thân xứ; uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:
  Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật; uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi.

* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
  Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật *(vatthu)*; uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh phóng dật.

* Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
  Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung; uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi; uẩn đồng sanh hoài nghi và si nhờ cậy vật *(vatthu)*.

* Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
  Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật *(vatthu)*, sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung; uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh nhờ cậy si đồng sanh phóng dật; uẩn đồng sanh phóng dật và si nhờ cậy vật.

829.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:
  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật, 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si *(moha)*.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:
  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung, sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và si; si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và vật.

* Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:

  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn...; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung; 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si,... 2 uẩn...; 3 uẩn và si nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và vật, 2 uẩn và si nhờ cậy 1 uẩn và vật.

830.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên có 3 câu.

831.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên, do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên...

832.

* ... Do Bất tương ưng duyên:

  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn... uẩn nhờ cậy vật do Bất tương ưng duyên.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ; uẩn Bất tương ưng duyên; si và sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi; si, vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh, uẩn Bất tương ưng duyên;

* Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

  3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ; 2 uẩn...; uẩn vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh, uẩn Bất tương ưng duyên; 3 uẩn với si và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi; 2 uẩn...; uẩn với si và vật Bất tương ưng duyên *(vippayuttapaccayo)*; sắc nương tâm sanh, uẩn Bất tương ưng duyên.

833.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... có 3 câu, như sơ đạo *(dassanena)*.

834.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

  3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ; 2 uẩn...; uẩn vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh, uẩn Bất tương ưng duyên.

  ... si đồng sanh hoài nghi... ;... nhờ cậy si phóng dật; sắc nương tâm sanh, si Bất tương ưng duyên.

  Sát-na tục sinh: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật; uẩn, vật Bất tương ưng duyên; vật, uẩn Bất tương ưng duyên; 3 đại sung nhờ cậy 1 đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh nhờ cậy đại sung; uẩn Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Bất tương ưng duyên:

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật; vật Bất tương ưng duyên; uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi; vật Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật; vật Bất tương ưng duyên; uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh phóng dật; vật Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung; uẩn, vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh, uẩn Bất tương ưng duyên; uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi; uẩn, vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh, si... Bất tương ưng duyên; uẩn đồng sanh hoài nghi với si nhờ cậy vật; vật Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 đạo cao *(bhāvanāya)* nhờ cậy vật, như sơ đạo *(dassanena)*.

835.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật,..., 2 uẩn...; vật Bất tương ưng duyên; 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si,... 2 uẩn...; vật Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung, uẩn Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi; uẩn và si Bất tương ưng duyên. Si đồng sanh hoài nghi và vật; vật Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật,..., 2 uẩn; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung, uẩn vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh, uẩn Bất tương ưng duyên; 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi với vật và si;... 2 uẩn và...; vật nhờ cậy uẩn bằng Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh với uẩn và si Bất tương ưng duyên; 3 uẩn và si nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và vật,... 2 uẩn và...; vật Bất tương ưng duyên.

∗ ... Ba đạo cao *(bhāvanāya)* có 3 câu như sơ đạo *(dassanena)*.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ đạo tuyệt trừ... do Hiện hữu Duyên, do vô hữu Duyên, do Ly Duyên, do Bất ly Duyên.

836.

Nhân 17, Cảnh 17, Trưởng 17, Vô gián 17, Liên tiếp 17, Đồng sanh 17, Hỗ tương 17, Y chỉ 17, Cận y 17, Tiền sanh 17, Cố hưởng 17, nghiệp 17, Quả 1, Thực 17, Quyền 17,

Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 17, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 17, Ly 17, Bất ly 17; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

837.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên.

Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi.

838.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ…

Si đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh phóng dật.

839.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô nhân phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
- Sát-na tục sinh: Nên sắp đầy đủ.
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,…thân thức nhờ cậy thân xứ: ... uẩn vô nhân phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật, si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật.

840.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ…

Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và vật.

841.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh phóng dật và vật.

842.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

843.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ...

Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.

844.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

- ... sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh nhờ cậy uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, vật nhờ cậy uẩn... 1 đại sung... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

845.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung, sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và si.

846.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung, sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn đồng sanh phóng dật và si.

847.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Trưởng duyên: Như Đồng sanh duyên *(Sahajātapaccayo)*.

* ... Do Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên, do phi Tiền sanh duyên; đồng như cách ngược *(paccanīya)* trong phần liên quan *(paṭicca)*; có 13 câu đề không chi khác.

* ... Do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên.

848.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

849.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.

850.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

  Tư phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...; tư phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

  Tư hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật, tư tương ưng nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi.

* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

  Tư hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật; tư tương ưng nhờ cậy si đồng sanh phóng dật.

851.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Tư hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật; tư tương ưng nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và si.

852.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và vật; tư tương ưng nhờ cậy uẩn đồng sanh phóng dật và si.

853.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Quả duyên: Nên sắp đầy đủ không có tục sinh.
* ... Do phi Thực duyên: Sắc ngoại... sắc âm dương... người Vô tưởng...
* ... Do phi Quyền duyên:... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng... sắc mạng quyền nhờ cậy sắc đại sung.
* ... Do phi Thiền duyên:... 1 uẩn đồng sanh 5 thức, sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...
* ... Do phi Đạo duyên:... 1 uẩn vô nhân...
* ... Do phi Tương ưng duyên, do phi Bất tương ưng duyên...

  Phi Bất tương ưng duyên như trong phần liên quan *(paṭicca)* cách ngược *(paccanīya)* không chi khác, có 11 câu.
* ... Do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

854.

Phi Nhân 5, phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 13, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 11, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch (paccanīya)

855.

Nhân duyên có phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 13, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 11, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

856.

Phi Nhân duyên có Cảnh 5,... vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 5, Hỗ tương 5, Y chỉ 5, Cận y 5, Tiền sanh 5, Cố hưởng 5, Nghiệp 5, Quả 1, Thực 5, Quyền 5, Thiền 5, Đạo 5, Tương ưng 5, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 5, Vô hữu 5, Ly 5, Bất ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

Hết phần ỷ trượng (paccayavāra)

Phần y chỉ *(nissayavāra)* như phần y trượng *(paccayavāra)*

Phần Hòa Hợp

857.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, 2 uẩn hòa hợp 2 uẩn.

858.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, 3 uẩn hòa hợp 2 uẩn.

859.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

  3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ. Sát-na tục sinh...

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

  Uẩn tương ưng hòa hợp si đồng sanh hoài nghi.

* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

  Uẩn tương ưng hòa hợp si đồng sanh phóng dật.

860.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si; 2 uẩn...

861.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si;... 2 uẩn.

862.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

  3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

  Si đồng sanh hoài nghi hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi.

* Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

  3 uẩn và si hòa hợp 1 uẩn đồng sanh hoài nghi,... 2 uẩn...

* ... hòa hợp pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ có 3 câu.

863.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

  3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn hòa hợp 2 uẩn; sát-na tục sinh...

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

  Uẩn tương ưng hòa hợp si đồng sanh hoài nghi.

* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

  Uẩn tương ưng hòa hợp si đồng sanh phóng dật.

864.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si;... hòa hợp 2 uẩn và si.

865.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si;... 2 uẩn...

866.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn...

∗ ... Hòa hợp pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ có 1 câu.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... 2 uẩn...

∗ ... Do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên.

867.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên, do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên, do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

868.

Nhân 7, Cảnh 11, Trưởng 3, Vô gián 11, Liên tiếp 11, Đồng sanh 11, Hỗ tương 11, Y chỉ 11, Cận y 11, Tiền sanh 11, Cố hưởng 11, nghiệp 11, Quả 1, Thực 11, Quyền 11, thiền 11, Đạo 11, Tương ưng 11, Bất tương ưng 11, Hiện hữu 11, Vô hữu 11, Ly 11, Bất ly 11. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

869.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi.

870.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh phóng dật.

871.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn hòa hợp 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

872.

∗ ... Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ... do phi Trưởng duyên: Như Đồng sanh duyên *(Sahajātapaccayo)*.

∗ ... Do phi Tiền sanh duyên, do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên, do phi Nghiệp duyên: Có 7 câu.

∗ ... Do phi Quả duyên, do phi Thiền duyên, do phi Đạo duyên, do phi Bất tương ưng duyên.

873.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 11, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 11, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 7, phi Quả 11, phi Thiền 11, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 11. Nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

874.

Nhân duyên có phi Trưởng 7,... phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Bất tương ưng 7. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

875.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 2, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

Phần tương ưng như phần hòa hợp

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

876.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

877.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

878.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

∗ ... Ba đạo cao *(bhāvanāya)* có 3 câu.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... chỉ có 1 câu.

879.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

880.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Si đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

881.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

882.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Si đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

883.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Thỏa thích rất hân hoan ái hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ do đó khai đoan *(ārabbha)* ái, tà kiến, hoài nghi, ưu hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.
- Thỏa thích rất hân hoan tà kiến, do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi và ưu hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.
- Hoài nghi khai đoan *(ārabbha)* hoài nghi, tà kiến, ưu hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.
- Ưu hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ khai đoan ưu, tà kiến, hoài nghi, hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.

884.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh phản khán phiền não hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ đã trừ tuyệt... đã từng sanh trước kia...
- Phản khán uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng vô thường, khổ não, vô ngã...
- Tha tâm thông...
- Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông, khán môn và si bằng Cảnh duyên.

885.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ mở mối cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh ra.

886.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Thỏa thích rất hân hoan ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, do đó khai đoan ái, phóng dật và ưu hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ phát sanh.
- Phóng dật mở mối cho phóng dật, ưu hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.

- Ưu hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ mở mối cho ưu hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phóng dật sanh ra.

887.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

- Thỏa thích rất hân hoan ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và ưu phát sanh.
- Phóng dật mở mối cho tà kiến, hoài nghi và ưu hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.
- Ưu hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ mở mối cho ưu, tà kiến và hoài nghi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.

888.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

- Chư Thánh phản khán phiền não hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ đã trừ tuyệt... đã từng sanh trước kia...
- Quán uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng vô thường,... tha tâm thông...
- Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông, khán môn và si bằng Cảnh duyên.

889.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ mở mối cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh ra.

890.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ mở mối cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh ra.

891.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên *(Ārammaṇapaccayo)*:

- Sau khi bố thí... nên phân rộng như sơ đạo *(dassanattika)*.
- ... làm duyên cho khán môn *(āvajjana)* và si *(moha)* bằng Cảnh duyên

892.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

Sau khi bố thí... nên phân rộng như sơ đạo *(dassanattika)*.

893.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

Sau khi bố thí... nên phân rộng như sơ đạo *(dassanattika)*.

894.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

- Nhãn khai đoan *(ārabbha)* uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh ra. Nhĩ,... vật...
- Uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ mở mối cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh ra.

895.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

Nhãn... vật... uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ mở mối cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh ra.

896.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh hoài nghi và si mở mối cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.

897.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

Uẩn đồng sanh hoài nghi và si mở mối cho uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ và si sanh ra.

898.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh hoài nghi và si mở mối cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh ra.

899.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh phóng dật và si mở mối cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.

900.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh phóng dật và si mở mối cho uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.

901.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh phóng dật và si mở mối cho uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.

902.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh phóng dật và si mở mối cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si.

903.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh phóng dật và si mở mối cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh ra.

904.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Trưởng duyên như sơ đạo *(dassanattika)* có 10 câu.

905.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

906.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn đồng sanh hoài nghi sanh trước trước làm duyên cho si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

907.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

Uẩn đồng sanh hoài nghi sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

908.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

909.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

- Uẩn đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

910.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

911.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

- Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)*; tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)*; khi xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

912.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

- Si đồng sanh hoài nghi sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- khán môn làm duyên cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Vô gián duyên.

913.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ...

- Si đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- khán môn làm duyên cho uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên.

914.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

- Si đồng sanh hoài nghi sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Vô gián duyên.

915.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

- Si đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Vô gián duyên.

916.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

Uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

917.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

- Uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh trước trước làm duyên cho si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

918.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

919.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên: Có 3 câu, như sơ đạo *(dassanattika)*.

920.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Liên tiếp duyên: trùng như Vô gián duyên *(Anantarapaccayo)*.

∗ ... Bằng Đồng sanh duyên, tóm tắt... như phần liên quan *(paṭicca)* trong Đồng sanh duyên.

∗ ... Bằng Hỗ tương duyên..tóm tắt... như phần liên quan trong Hỗ tương duyên.

∗ ... Bằng Y chỉ duyên,... tóm tắt... như phần y chỉ *(Nissayavāra)* trong phần y trượng *(paccayavāra)* không chi khác.

921.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ mạnh có thể sát sanh... cho đến phá hòa hợp Tăng.
- Nương sân,... si... tà kiến... vọng dục hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ mạnh có thể sát sanh... cho đến phá hòa hợp Tăng.
- Nương ái, sân,... si... tà kiến... vọng dục hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho ái, vọng dục hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

922.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
- Nương sân,... si... tà kiến... vọng dục hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
- Nương ái hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ... vọng dục làm duyên cho đức tin, trí, thân lạc, thân khổ, quả nhập thiền và si bằng Cận y duyên.

923.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương ái hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ... sân,... si... tà kiến... vọng dục *(patthanā)* làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Cận y duyên.

924.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... sân, si, ngã mạn, vọng dục làm duyên cho ái, sân, si, ngã mạn, vọng dục hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

925.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ mạnh có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng.

- Nương sân... si... ngã mạn... vọng dục hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ mạnh có thể sát sanh,... phá hòa hợp Tăng.
- Nương ái... vọng dục hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho ái, sân, si, tà kiến, vọng dục hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên.
- Nương dục ái của mình *(sakabhanda chandarāga)* làm duyên cho dục ái của người *(parabhanda chandarāga)* bằng Cận y duyên.
- Nương dục ái của người *(parapariggaha chandarāga)* làm duyên cho dục ái của mình *(sakapariggaha chandarāga)* bằng Cận y duyên.

926.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
- Nương, sân,... si... ngã mạn... vọng dục hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
- Nương ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho vọng dục đức tin, trí, thân lạc, thân khổ, quả nhập thiền và si bằng Cận y duyên.

927.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Thuần cận y như: Nương ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... vọng dục làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Cận y duyên.

928.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương ái... vọng dục hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Cận y duyên.

929.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới,... trí, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực chỗ ở... nương si mạnh có thể bố thí...
- Nương đức tin... si mạnh làm duyên cho đức tin, quả nhập thiền và si bằng Cận y duyên.

930.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh... chấp tà kiến.
- Nương giới,... trí, thân lạc, thân khổ, chỗ ở... nương si mạnh có thể sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin... chỗ ở... và si làm duyên cho ái, vọng dục hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

931.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh... gây ngã mạn.
- Nương si mạnh... gây ngã mạn.
- Nương đức tin... chỗ ở... và si làm duyên cho ái, vọng dục hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

932.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương đức tin,... trí, thân lạc, thân khổ chỗ ở... và si mạnh làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Cận y duyên.

933.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương đức tin,... chỗ ở và si làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Cận y duyên.

934.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho ái, vọng dục hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

935.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho đức tin, trí, thân lạc, thân khổ, quả nhập thiền và si bằng Cận y duyên.

936.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Cận y duyên.

937.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho ái,... hy vọng *(patthanā)* hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

938.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho ái,... hy vọng hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

939.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho đức tin, quả nhập thiền và si bằng Cận y duyên.

940.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Cận y duyên.

941.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Cận y duyên.

942.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn bằng lối vô thường... quán ngộ nhĩ... vật bằng lối vô thường... thiên nhãn thấy sắc,... thiên nhĩ nghe tiếng; sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ... thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ và si bằng Tiền sanh duyên.

943.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh, Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan vật, do đó khai đoan ái... tà kiến, hoài nghi và ưu hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên.

944.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan vật, do đó khai đoan ái... phóng dật và ưu hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên.

945.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật khai đoan *(ārabbha)* uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Tiền sanh duyên.

946.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật mở mối uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Tiền sanh duyên.

947.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

948.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

949.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

950.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

951.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho thân ấy sanh trước trước bằng Hậu sanh duyên.

952.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

953.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh hoài nghi sanh trước trước làm duyên cho si sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

954.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn đồng sanh hoài nghi sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

955.

* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... phần này có 3 câu.
* ... Phi sơ đạo phi 3 đạo cao...

Trong phần cố hưởng căn *(āsevanamulaka)* nên bỏ bớt quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* và khán môn *(āvajjana)*; có 17 câu để đầy đủ như Vô gián duyên.

956.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:

Tư hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

957.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho si và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

958.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ....

Tư hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng với si và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

959.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:

Tư hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

960.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:

Tư hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho si và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

961.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:

Tư hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và si và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

962.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh...
- Biệt thời như: Tư phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn quả và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

963.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Quả duyên:

Bình nhựt *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisandhi)*; uẩn quả làm duyên cho vật *(vatthu)*.

964.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Thực duyên:

Thực hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thực duyên.

965.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Thực hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho si và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.

966.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Thực hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng với si và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.

... ba đạo cao *(bhāvanāya)* có 3 câu, như sơ đạo *(dassanattika)*

967.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Thực duyên:

Thực *(āhāra)* phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.

Sát-na tục sinh: Đoàn thực *(kabalinkārahāra)* làm duyên cho thân ấy.

968.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ... bằng Quyền duyên: Có 3 câu như Thực duyên *(āhārapaccayo)*; si Nên đếm thêm vào.

∗ ... Ba đạo cao... có 3 câu.

969.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Quyền *(indrīya)* phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng,... tóm tắt... nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức,... thân quyền... sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh *(katattārūpa)* bằng Quyền duyên.

∗ ... Bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên: Phần hữu nhân nên đếm như thế.

* ... Bằng Tương ưng duyên: Như phần tương ưng *(sampayutta)* trong phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

970.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh: Như tam đề sơ đạo *(dassanattika)*.

971.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh: Như tam đề sơ đạo *(dassanattika)*.

972.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

Như tam đề sơ đạo *(dassanattika)*.

Hậu sanh như: Uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ và si làm duyên cho thân ấy sanh trước.

973.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabba hetuka)*.

974.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ...

Tiền sanh *(Purejāta)* như: Vật làm duyên cho uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ

975.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Bất tương ưng duyên.

976.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Bất tương ưng duyên.

977.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như: Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho thân ấy sanh trước trước bằng Bất tương ưng duyên.

978.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)*.
- Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho thân ấy sanh trước trước bằng Bất tương ưng duyên.

979.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên: ... 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

980.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh hoài nghi làm duyên cho si và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

981.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên; 1 uẩn đồng sanh hoài nghi làm duyên cho 3 uẩn và si và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.

∗ ... Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... có 3 câu.

982.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh... người Vô tưởng...
- Tiền sanh như: Nhãn... vật... bằng lối vô thường... thiên nhãn thấy sắc,... thiên nhĩ nghe tiếng; sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức. nhãn xứ... thân xứ... vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ và si bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ và si làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên; đoàn thực làm duyên cho thân ấy; sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)*.

983.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Si đồng sanh hoài nghi làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên.

- Tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan vật, do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi và ưu hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra. Vật làm duyên cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên.

984.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Si đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Thỏa thích rất hân hoan nhãn..., vật làm duyên cho uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên.

985.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Si đồng sanh hoài nghi làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn khai đoan *(ārabbha)* cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh ra. Vật khai đoan là vật làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Hiện hữu duyên.

986.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Si đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn khai đoan cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh ra. Vật khai đoan là vật làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Hiện hữu duyên.

987.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên. 2 uẩn...; 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên. 2 uẩn…

988.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho si bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh hoài nghi và vật làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho thân ấy sanh trước trước bằng Hiện hữu duyên.

- Hậu sanh như: Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

989.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và vật làm duyên cho 3 uẩn và si bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...; 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn và si...

990.

∗ Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho 3 đạo cao... tóm tắt... nên phân rộng 3 câu đề theo như sơ đạo *(dassanattika)* quyết lấy thêm phóng dật *(uddhacca)*.

∗ ... Do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

991.

Nhân 11, Cảnh 21, Trưởng 10, Vô gián 17, Liên tiếp 17, Đồng sanh 17, Hỗ tương 11, Y chỉ 17, Cận y 21, Tiền sanh 5, Hậu sanh 5, Cố hưởng 17, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 11, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 17, Vô hữu 17, Ly 17, Bất ly 17. Nên đếm thế này.

Dứt cách thuận (anuloma)

992.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên.

993.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

994.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

995.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

996.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

997.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh.

998.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

999.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1000.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

1001.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1002.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1003.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1004.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1005.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

Nơi đây nên sắp Đồng sanh *(Sahajāta)* Tiền sanh *(Purejāta)* hiện hòa trộn, theo văn Pālī. Nếu muốn đếm phải nghiên cứu rồi mới đếm.

1006.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh, bằng Hậu sanh, bằng thực và Quyền.

Những câu này: do Cảnh duyên *(Arammaṇapaccayo)*, do Cận y duyên *(Upanissa-yapaccayo)* cũng có, nhưng văn Pālī không có, nếu đếm nên nghiên cứu kỹ rồi mới đếm.

1007.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

Nơi đây Đồng sanh *(Sahajāta)*, Tiền sanh *(Purejāta)* vẫn hòa trộn câu đề, cũng không có sắp theo chánh văn Pālī.

1008.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1009.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

Theo đây thì Đồng sanh và Tiền sanh vẫn hòa trộn theo câu đề.

1010.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... có Đồng sanh duyên, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

Theo đây có Cảnh và Cận y.

1011.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1012.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

Trong đề này cũng có Đồng sanh và Tiền sanh; câu nào không có biên đề những câu đầu ấy để đếm theo Pālī tự mẫu vần không đồng đều, do không viết để Pālī trong ấy. Phần nào đã hiện bày nếu phát sinh nghi, nên xét coi trong Hiện hữu duyên về cách thuận *(anuloma)*.

1013.

Phi Nhân 21, phi Cảnh, phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Đồng sanh, phi Hỗ tương, phi Y chỉ, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo, phi Tương ưng, phi Bất tương ưng, phi Hiện hữu, phi Vô hữu, phi Ly, phi Bất ly tất cả đều có 21; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch (paccanīya)

1014.

Nhân duyên có phi Cảnh 11,... phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp đều có 11, phi Hỗ tương 3, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo đều có 11, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 5, phi Vô hữu 11, phi Ly 11. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

1015.

Phi Nhân duyên có Cảnh 21,... Trưởng 10, Vô gián 17, Liên tiếp 17, Đồng sanh 17, Hỗ tương 11, Y chỉ 17, Cận y 21, Tiền sanh 5, Hậu sanh 5, Cố hưởng 17, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 11, Bất tương ưng 9, Vô hữu 17, Ly 17, Bất ly 17, nên sắp như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

Tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phần thứ 9 có bấy nhiêu

TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ *(ĀCAYAGĀMITTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1016.

∗ Pháp nhân sanh tử liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn nhân sanh tử *(ācayagāmino),* 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân sanh tử.

∗ Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn nhân sanh tử, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.

1017.

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn nhân đến Níp Bàn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn.

∗ Chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn nhân đến Níp Bàn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.

1018.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(Nevācayagāmināpacagamino)*, 2 uẩn... vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 3 đại sung liên quan 1 đại sung; 2 đại sung liên quan 2 đại sung; sắc nương tâm sanh và sắc tục sinh thuộc sắc y sinh liên quan đại sung.

1019.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân sanh tử và đại sung.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn và đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

1020.

Pháp nhân sanh tử liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn liên quan uẩn nhân sanh tử,... 2 uẩn...

1021.

Pháp nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn nhân đến Níp Bàn,... 2 uẩn...

1022.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Uẩn liên quan vật.

1023.

∗ Pháp nhân sanh tử liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do Trưởng duyên có 3 câu.

∗ ... Pháp nhân đến Níp Bàn do Trưởng duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... 1 câu, không có tục sinh.

3 đại sung liên quan 1 đại sung, sắc nương tâm sanh thuộc sắc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Trưởng duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân sanh tử và đại sung.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Trưởng duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn và đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

1024.

∗ Pháp nhân sanh tử liên quan pháp nhân sanh tử... do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên, đều nên sắp đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

∗ ... Do Hỗ tương duyên không có: Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh *(upādārūpa)*.

∗ ... Do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên, do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

1025.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 9, Quả 1, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Tương ưng 3, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 3, Ly 9, Bất ly 9, nên sắp như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1026.

Pháp nhân sanh tử liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1027.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 1 đại sung... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... người Vô tưởng:... liên quan 1 đại sung.

1028.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân sanh tử... do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân sanh tử.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn... do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn.

1029.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn. Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn,... 1 đại sung... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... người Vô tưởng...

1030.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân sanh tử và đại sung.

1031.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn và sắc đại sung.

1032.

∗ Pháp nhân sanh tử liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do phi Trưởng duyên có 3 câu.

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn sanh ra do phi Trưởng duyên: Trưởng *(adhipati)* nhân đến Níp Bàn liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn *(Apacayagāmino)*.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Trưởng duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* liên quan 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật... 1 đại sung... sắc ngoại,... tóm tắt...
- Người Vô tưởng: 1 đại sung...

1033.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn và sắc đại sung.

1034.

- Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân sanh tử... do phi Vô gián duyên,... do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên, do phi Tiền sanh duyên: Có 7 câu như tam đề thiện.
- ... Do phi Hậu sanh duyên.

1035.

- Pháp nhân sanh tử liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do phi Cố hưởng duyên có 3 câu.
- Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn.
- Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Cố hưởng duyên: 1 câu đề, đều nên sắp có đại sung.

1036.

- Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Cố hưởng duyên:
  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân sanh tử và đại sung.
- Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn và sắc đại sung.

1037.

- Pháp nhân sanh tử liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do phi Nghiệp duyên:
  Tư nhân sanh tử liên quan uẩn nhân sanh tử (ācayagāmino).
- Pháp nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn... do phi Nghiệp duyên:
  Tư *(cetanā)* nhân đến Níp Bàn liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn.
- Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... sanh ra do phi Nghiệp duyên:
  Tư phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn;... sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... 1 đại sung...

1038.

- Pháp nhân sanh tử liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do phi Quả duyên: Nên sắp đầy đủ; phần tục sinh không có...
- ... Do phi Thực duyên, do phi Quyền duyên, do phi Thiền duyên, do phi Đạo duyên, do phi Tương ưng duyên, do phi Bất tương ưng duyên: Có 3 câu.
- ... Do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

1039.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 5, phi Trưởng 6, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch (pacanīya)

1040.

Nhân duyên có phi Cảnh 5, phi Trưởng 6, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 3, phi

Quả 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

1041.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương, Y chỉ, Tiền sanh, Cố hưởng, nghiệp đều có 2, Quả 1, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 2, Bất tương ưng, Hiện hữu, Vô hữu, Ly, Bất ly đều có 2. Nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch và thuận
Hết phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(sahajāta)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)*

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

1042.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp nhân sanh tử... do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn nhân sanh tử *(ācayagamino)*

∗ Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp nhân sanh tử...
Uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử,... 2 uẩn.

∗ ... nhờ cậy pháp nhân đến Níp Bàn có 3 câu.

1043.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do Nhân duyên:
Uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật... nhờ cậy 1 đại sung; 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do Nhân duyên:
Uẩn nhân sanh tử nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn:
Uẩn nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật.

∗ Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...
Uẩn nhân sanh tử nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.

∗ Chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...
Uẩn nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.

1044.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do Nhân duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử và vật, 2 uẩn...

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn nhân sanh tử và đại sung.

∗ Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy chư pháp Pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử và vật, 2 uẩn...; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn nhân sanh tử và đại sung.

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... có 3 câu.

1045.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử sanh ra do Cảnh duyên:
∗ ... Nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử *(ācayagāmi)*.
∗ ... Nhờ cậy pháp nhân đến Níp Bàn có 1 câu.

1046.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn; 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Uẩn nhờ cậy vật;
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân thức nhờ cậy thân xứ. 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...
Uẩn nhân sanh tử nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...
Uẩn nhân đến Níp Bàn *(Apacayagāmi)* nhờ cậy vật.

1047.

Pháp nhân sanh tử nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử và vật; 2 uẩn...

1048.

Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân đến Níp Bàn và vật; 2 uẩn...

1049.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử sanh ra do Trưởng duyên có 3 câu.

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn... có 3 câu.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...:
1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...; uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật;

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... Hiệp trợ đây như Nhân duyên *(Hetupaccayo)*.

1050.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử sanh ra do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên có 3 câu.

Nhân đến Níp Bàn *(apacayagāmi)* có 3 câu.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do Đồng sanh duyên:

- 3 uẩn sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn, 2 uẩn...; sát-na tục sinh:... tóm tắt... người Vô tưởng: 1 đại sung...
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân thức nhờ cậy thân xứ;... nhờ cậy vật.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do Đồng sanh duyên,... tóm tắt... đều nên sắp hiệp trợ *(ghaṭanā)*.

1051.

Pháp nhân đến Níp Bàn... do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên, do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

1052.

Nhân 17, Cảnh 7, Trưởng 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 7, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 7, nghiệp 17, Quả 1, Thực 17, Quyền, Thiền, Đạo đều có 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 17. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1053.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh vô nhân:... tóm tắt... người Vô tưởng: 1 đại sung...
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân thức nhờ cậy thân xứ; uẩn vô nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật.

1054.

Pháp nhân sanh tử nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật và vật *(vatthu)*.

1055.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp nhân sanh tử... do phi Cảnh duyên:... tóm tắt... như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

1056.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử sanh ra do phi Trưởng duyên có 3 câu.

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp nhân đến Níp Bàn... do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* nhân đến Níp Bàn nhờ cậy uẩn nhân đến Níp Bàn *(apacayagāmi)*.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn,... tóm tắt...
- Người Vô tưởng:...
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân thức...; uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Trưởng duyên:
Uẩn nhân sanh tử *(ācayagami)* nhờ cậy vật.

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Trưởng duyên:
Uẩn nhân sanh tử nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung

1057.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Trưởng duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử và vật; 2 uẩn...

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...
Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn nhân sanh tử và đại sung.

∗ Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử và vật; 2 uẩn...; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn nhân sanh tử và đại sung.

1058.

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* nhân đến Níp Bàn nhờ cậy uẩn nhân đến Níp Bàn và vật.

∗ ... Do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên, do phi Tiền sanh duyên: Có 7 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ ... Do Hậu sanh duyên đầy đủ.

1059.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử... do phi Cố hưởng duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp nhân đến Níp Bàn... do phi Cố hưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn nhân đến Níp Bàn.

* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn,... tóm tắt...
  Người Vô tưởng:... nhờ cậy nhãn xứ,... nhờ cậy thân xứ...; uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật.

* Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Cố hưởng duyên:
  Uẩn nhân sanh tử nhờ cậy vật *(vatthu).*

* Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...
  Uẩn nhân sanh tử *(ācayagami)* nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.

1060.

* Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...:
  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử và vật; 2 uẩn...

* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...
  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn nhân sanh tử và đại sung.

* Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...
  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử và vật;... nhờ cậy 2 uẩn và vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn nhân sanh tử và sắc đại sung.

* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Cố hưởng duyên:
  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn nhân đến Níp Bàn và đại sung.

1061.

* Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử sanh ra do phi Nghiệp duyên:
  Tư nhân sanh tử nhờ cậy uẩn nhân sanh tử *(ācayagami)*

* Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp nhân đến Níp Bàn... do phi Nghiệp duyên:
  Tư nhân đến Níp Bàn nhờ cậy uẩn nhân đến Níp Bàn.

* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Nghiệp duyên:
  Tư phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(nevācayagāmināpacayagāmi)* nhờ cậy uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn;... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương..; tư *(cetanā)* phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật;

* Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Nghiệp duyên:
  Tư *(cetanā)* nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật *(vatthu).*

1062.

Pháp nhân sanh tử nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* nhân sanh tử nhờ cậy uẩn nhân sanh tử và vật *(vatthu).*

1063.

Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* nhân sanh tử nhờ cậy uẩn nhân đến Níp Bàn và vật *(vatthu)*.

1064.

Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử... do phi Quả duyên: Nên sắp đầy đủ; không có sát-na tục sinh.

1065.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Thực duyên: Sắc ngoại... sắc âm dương... người Vô tưởng...

1066.

... Do Quyền duyên: Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương.. người Vô tưởng...; sắc mạng quyền nhờ cậy sắc đại sung.

1067.

... Do phi Thiền duyên: Ngũ thức *(viññāna)*... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương.. người Vô tưởng...;

Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân xứ.

1068.

* ... Do phi Đạo duyên:

- Phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn vô nhân *(ahetuka)*... tóm tắt... người Vô tưởng: 1 đại sung...; nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... nhờ cậy thân xứ.
- ... phi nhân sanh tử.... *(nevācayagami)*... vô nhân;... nhờ cậy vật.

* ... Do phi Tương ưng duyên, do phi Bất tương ưng duyên: Có 3 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

* ... Do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

1069.

Phi nhân 4, phi Cảnh 5, phi Trưởng 12, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y đều có 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo đều có 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu, phi Ly đều có 5; nên đếm như thế.

Hết cách nghịch (paccanīya)

1070.

Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 12, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hổ Tương, phi Cận y đều có 5; phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3; phi Vô hữu, phi Ly đều có 5; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

1071.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hổ Tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Cố Hưởng, Nghiệp đều có 4; Quả 1, Thực 4, Quyền, Thiền đều có 4; Đạo 3 Tương Ưng, Bất tương ưng, Hiện hữu, Vô hữu, Ly đều có 4, Bất ly có 4; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch và thuận

Hết phần ỷ trượng (paccayavāra)

Phần y chỉ *(nissayavāra)*, như phần ỷ trượng *(paccayavāra)*

Phần Hòa Hợp *(Saṅsatthavāra)*

1072.

Pháp nhân sanh tử hòa hợp pháp nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn nhân sanh tử,... hòa hợp 2 uẩn.

1073.

Pháp nhân đến Níp Bàn hòa hợp pháp nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên: 3 hòa hợp 1 uẩn nhân đến Níp Bàn,... 2 uẩn.

1074.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn hòa hợp pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn;... 2 uẩn; Sát-na tục sinh...

1075.

Pháp nhân sanh tử hòa hợp pháp nhân sanh tử sanh ra do Cảnh duyên, do Trưởng duyên, do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên, do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên, do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

1076.

Nhân 3, Cảnh, Trưởng, Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Cố hưởng, nghiệp đều có 3, Quả 1, Thực 3, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng, Bất tương ưng, Hiện hữu, Vô hữu, Ly, Bất ly đều có 3. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1077.

Pháp nhân sanh tử hòa hợp pháp nhân sanh tử sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1078.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn hòa hợp pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Nhân duyên: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn, 2 uẩn...; sát-na tục sinh vô nhân:...

1079.

Pháp nhân sanh tử hòa hợp pháp nhân sanh tử... do phi Trưởng duyên, do phi Tiền sanh duyên, do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn nhân sanh tử; 2 uẩn...

1080.

* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn hòa hợp pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Cố hưởng duyên:

  ... hòa hợp 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn; sát-na tục sinh...

* ... Do phi Nghiệp duyên, do phi Quả duyên, do phi Thiền duyên, do phi Đạo duyên, do phi Tương ưng duyên.

1081.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3. Nên đếm như thế.

Hết cách nghịch (paccanīya)

1082.

Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1083.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Cố hưởng, Nghiệp đều có 2; Quả 1, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 2, Bất tương ưng, Hiện hữu, Vô hữu, Ly, Bất ly đều có 2;

Dứt cách thuận, nghịch (paccanīya, anuloma)

Hết phần hỗn hợp (saṅsaṭṭha)

Phần tương ưng *(sampayuttavāra)* như phần hỗn hợp *(saṅsaṭṭha)*

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1084.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* nhân sanh tử *(ācayagāmi)* làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1085.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* nhân sanh tử làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1086.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* nhân sanh tử làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1087.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Nhân duyên có 3 câu.

1088.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Nhân duyên

- Nhân *(hetu)* phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân *(hetu)* phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

1089.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nhớ lại. Nhớ thiện đã từng làm chứa để...; xuất thiền phản khán thiền.
- Bậc hữu học phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não hạn chế; rõ biết phiền não đã từng sanh.
- Bậc hữu học hoặc phàm phu quán ngộ *(viapassanā)* uẩn nhân sanh tử bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra
- Tha tâm thông biết rõ lòng người tề toàn tâm nhân sanh tử;

- Không vô biên xứ thiện làm duyên cho Thức vô biên xứ thiện bằng Cảnh duyên, Vô sở hữu xứ thiện làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiện. uẩn nhân sanh tử làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

1090.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên:

- Chư La-hán phản khán phiền não đã trừ, bỏ bớt phiền não đã từng sanh; quán ngộ *(viapassanā)* uẩn nhân sanh tử bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Tha tâm thông biết rõ lòng người tề toàn tâm nhân sanh tử;
- Bậc hữu học hoặc phàm phu quán ngộ *(vipassanā)* uẩn nhân sanh tử bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Thiện vừa dứt thì tâm mót *(tadārammaṇa)* thuộc quả phát sanh.
- Thỏa thích rất hân hoan uẩn nhân sanh tử, do đó khai đoan ái và ưu phát sanh.
- Bất thiện vừa dứt thì tâm mót thuộc quả phát sanh.
- Thiện Không vô biên xứ làm duyên cho quả và tố *(kiriyā)* Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên. Thiện và tố Thức vô biên xứ làm duyên cho quả và tố *(kiriyā)* Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.
- Uẩn nhân sanh tử làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1091.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Cảnh duyên:

- Bậc hữu học xuất đạo phản khán đạo. tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm nhân đến Níp Bàn *(apacayagāmi)*.
- Uẩn nhân đến Níp Bàn làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

1092.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên:

- La-hán xuất đạo phản khán đạo. tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm nhân đến Níp Bàn.
- Uẩn nhân đến Níp Bàn làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1093.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên:

- La-hán phản khán quả, phản khán Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho Quả và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- La-hán quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã. Nhĩ... vật...; quán ngộ uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn.
- Không vô biên xứ tố làm duyên cho Thức vô biên xứ tố bằng Cảnh duyên. Vô sở hữu xứ tố làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ tố *(kiriyā)*.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức.

- Uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1094.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Cảnh duyên:

- Bậc hữu học phản khán *(paccavekkhanti)* quả, phản khán Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)* bằng Cảnh duyên.
- Chư hữu học hoặc phàm phu quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái và ưu sanh ra. Nhĩ... vật...; quán ngộ uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi, ưu...
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn.
- Uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

1095.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên:

Níp Bàn làm duyên cho đạo bằng Cảnh duyên *(ārammaṇapaccayo)*.

1096.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, nặng về đó rồi mới phản khán. Nặng về thiện từng làm chứa để rồi mới phản khán.
- Xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán, nặng về uẩn nhân sanh tử rồi mới thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến phát sanh
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng nhân sanh tử làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1097.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng nhân sanh tử làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1098.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng nhân sanh tử làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1099.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1100.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Bậc hữu học xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán *(paccavekkhanti)*.

1101.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư La-hán xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng nhân đến Níp Bàn làm duyên cho sắc nương tâm sanh...

1102.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1103.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư La-hán nặng về quả rồi phản khán. Nặng về Níp Bàn rồi phản khán. Níp Bàn làm duyên cho quả bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1104.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như: Bậc hữu học nặng về quả rồi phản khán, nặng về Níp Bàn rồi phản khán. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)* bằng Trưởng duyên.
- Nặng về nhãn rồi thỏa thích rất hân hoan. Vật... Nặng về uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến sanh ra.

1105.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Níp Bàn làm duyên cho đạo bằng Trưởng duyên...

1106.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Vô gián duyên:

- Uẩn nhân sanh tử sanh trước trước làm duyên uẩn nhân sanh tử sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)* bằng Vô gián duyên.

1107.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử...

Chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo bằng Vô gián duyên.

1108.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Vô gián duyên:

- Uẩn nhân sanh tử làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ của bậc hữu học làm duyên cho quả nhập thiền. Khi xuất thiền diệt, tâm thiện Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1109.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Vô gián duyên:

Đạo làm duyên cho quả bằng Vô gián duyên.

1110.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Vô gián duyên:

- Uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* làm duyên cho khán (ý) môn *(āvajjana)*.
- Tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* của bực La-hán làm duyên cho quả nhập thiền.
- Xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1111.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử...

Khán (ý) môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn nhân sanh tử bằng Vô gián duyên.

1112.

* Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Liên tiếp duyên: Như Vô gián duyên.
* ... Bằng Đồng sanh duyên có 9 câu như Đồng sanh duyên phần liên quan *(paṭiccavāra)*.
* ... Bằng Hỗ tương duyên có 3 câu như Hỗ tương duyên phần liên quan *(paṭiccavāra)*.
* ... Bằng Y chỉ duyên như Y chỉ duyên trong phần liên quan. Dù 4 duyên không có duyên hiệp trợ *(ghaṭanā)*; có 13 câu đề.

1113.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin nhân sanh tử mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới... Thiền phát sanh, pháp quán phát sanh, thông phát sanh, nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương trì giới nhân sanh tử mạnh... đa văn, xả, trí, ái, sân, si, ngã mạn... tà kiến, nương vọng dục nhân sanh tử mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền phát sanh, pháp quán sanh, thông sanh, nhập thiền phát sanh, có thể sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin nhân tử mạnh, trí, ái... hy vọng *(patthanā)*, đức tin nhân sanh tử mạnh làm duyên cho trí, ái, hy vọng bằng Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ thiền làm duyên cho sơ thiền bằng Cận y duyên... tâm chỉnh lý *(parikamma)* Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cận y duyên.
- Sơ thiền làm duyên cho nhị thiền... thức vô biên làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cận y duyên.

1114.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ đạo làm duyên cho sơ đạo. Tâm chỉnh lý *(parikamma)* tứ đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1115.

* Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
  - Thuần cận y như: Nương đức tin nhân sanh tử mạnh có thể tự làm cho nóng nảy, bực bội, bị khổ do hy vọng làm căn.
  - Nương giới nhân sanh tử mạnh có thể trí, ái... hy vọng mạnh có thể tự làm nóng nảy, bực bội, chịu khổ sở do hy vọng làm căn *(mūla)*
  - Nương đức tin nhân sanh tử mạnh có thể trí, ái... hy vọng *(patthanā)*, thân khổ, thân lạc, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

* Pháp thiện, bất thiện làm duyên cho dị thục quả bằng Cận y duyên.

1116.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo,... tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1117.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử... có Cảnh cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Chư hữu học nặng về Đạo, dù chưa từng nhập thiền cũng phát sanh nhập thiền đặng. Quán ngộ hành vi vô thường, khổ não, vô ngã.
- Đạo của bậc hữu học làm duyên cho nghĩa đạt thông *(atthapaṭisambhidā)*, pháp đạt thông *(dhammapaṭisambhidā)*, ngữ đạt thông *(niruttipaṭisambhidā)*, cấp trí đạt thông *(paṭibhāṇapaṭisambhidā)*; rõ biết xứ *(ṭhāna)*, phi xứ *(aṭhāna)* bằng Cận y duyên.

1118.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Chư La-hán nương đạo mạnh, thiền tố *(kiriyā)* dù chưa đặng sanh cũng nhập thiền đặng;... làm duyên cho sở *(ṭhāna)* phi sở *(aṭhāna)* bằng Cận y duyên.
- Đạo làm duyên cho quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

1119.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương thân lạc mạnh có thể tự làm cho nóng nảy, bực bội chịu khổ do hy vọng *(patthanā)* làm căn.
- Nương thân khổ mạnh... âm dương... vật thực... nương chỗ ở mạnh có thể tự làm nóng nảy, bực bội.
- Thân lạc... thân khổ... âm dương... vật thực... chỗ ở mạnh làm duyên cho thân lạc thân khổ và quả nhập thiền bằng Cận y duyên.
- Chư La-hán nương thân lạc mạnh thiền tố *(kiriyā)* dù chưa nhập được... quán ngộ... thân khổ... âm dương... vật thực... nương chỗ ở mạnh... quán ngộ...

1120.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương thân lạc mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, sát sanh, phá hòa hợp Tăng.

- Nương thân khổ mạnh... âm dương... vật thực... nương chỗ ở mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng.
- Nương thân lạc... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin nhân sanh tử,... trí, ái, hy vọng *(patthanā)* bằng Cận y duyên.

1121.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương thân lạc mạnh đạo phát sanh, nương thân khổ mạnh.... nương chỗ ở mạnh đạo phát sanh.
- Nương thân lạc, thân khổ... chỗ ở mạnh làm duyên cho đạo bằng Cận y duyên.

1122.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Chư La-hán quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xứ làm duyên cho thân thức. Vật làm duyên cho uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Tiền sanh duyên.

1123.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Chư hữu học hoặc phàm phu quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu phát sanh. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn nhân sanh tử bằng Tiền sanh duyên.

1124.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Cận y duyên:

Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn nhân đến Níp Bàn bằng Tiền sanh duyên.

1125.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn nhân sanh tử làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1126.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn nhân sanh tử làm duyên cho thân ấy sanh trước trước bằng Hậu sanh duyên.

1127.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1128.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn nhân sanh tử sanh trước trước làm duyên cho uẩn nhân sanh tử sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)* bằng Cố hưởng duyên.

1129.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Cố hưởng duyên:

Chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo, dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

1130.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...

Uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

1131.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Nghiệp duyên:

Tư nhân sanh tử làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

1132.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư nhân sanh tử làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư nhân sanh tử làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1133.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...

Tư nhân sanh tử làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1134.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Nghiệp duyên:

Tư nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

1135.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư nhân đến Níp Bàn làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn quả bằng Nghiệp duyên.

1136.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1137.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Nghiệp duyên:

- Tư phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Sát-na tục sinh: Tư phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1138.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Quả duyên:

1 uẩn quả phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên Cho 3 uẩn. Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho ý vật bằng Quả duyên.

1139.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Nghiệp duyên, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên.

1140.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn nhân sanh tử làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn nhân sanh tử làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1141.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn nhân đến Níp Bàn làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn nhân đến Níp Bàn làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1142.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên.
- Uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên; vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: nhãn xứ... thân xứ làm duyên cho thân thức. Vật làm duyên cho uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho thân ấy sanh trước.

1143.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như vật làm duyên cho uẩn nhân sanh tử bằng Bất tương ưng duyên.

1144.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn nhân đến Níp Bàn bằng Bất tương ưng duyên.

1145.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn nhân sanh tử làm duyên cho 3 uẩn.

1146.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn nhân sanh tử làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn nhân sanh tử làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1147.

∗ Pháp nhân sanh tử làm duyên cho chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn nhân sanh tử làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn... có 3 câu. Nên sắp nhân sanh tử.

1148.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Hiện hữu duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Hiện hữu duyên; 1 đại sung... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...
- Tiền sanh như: Chư La-hán quán ngộ nhãn... vật bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ...
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức; nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức,... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy sanh trước; sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh.

1149.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Hiện hữu duyên:

- Tiền sanh như: Chư hữu học hoặc phàm phu quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan; do đó khai đoan ái... ưu sanh ra.
- Quán ngộ nhĩ... vật bằng cách vô thường... Thỏa Thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Vật làm duyên cho uẩn nhân sanh tử bằng Hiện hữu duyên.

1150.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn nhân đến Níp Bàn bằng Hiện hữu duyên.

1151.

Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn nhân sanh tử và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

1152.

Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn nhân sanh tử và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn nhân sanh tử và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn nhân sanh tử và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1153.

* Chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Hiện hữu duyên: Nên sắp 2 câu không khác sơ đạo.
* ... bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

1154.

Nhân 7, Cảnh 7, Trưởng 10, Vô gián 6, Liên tiếp 6, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 6, Ly 6, Bất ly 13.

Dứt cách thuận (anuloma)

1155.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Cảnh duyên... Đồng sanh duyên, Cận y duyên.

1156.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Cận y duyên.

1157.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

1158.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Đồng sanh duyên:

1159.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1160.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1161.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

1162.
Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Đồng sanh duyên.
1163.
Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
1164.
Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
1165.
Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
1166.
Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử... có Đồng sanh và Tiền sanh.
1167.
Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.
1168.
Chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn... có Đồng sanh và Tiền sanh.
1169.
Chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.
1170.
Phi Nhân 15, phi Cảnh, phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp 15, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 14, phi Tiền sanh 13, phi Hậu sanh 15, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo 15, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 15, phi Ly 15, phi Bất ly 9; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1171.
Nhân duyên cho phi Cảnh 7,... phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

1172.
Phi Nhân duyên có Cảnh 7,... Trưởng 10, Vô gián 6, Liên tiếp 6, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền, Thiền, Đạo đều có 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 6, Ly 6, Bất ly 13; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch và thuận

Tam đề nhân sanh tử thứ 10, chỉ có bấy nhiêu.

TAM ĐỀ HỮU HỌC *(SEKKHATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1173.

∗ Pháp hữu học liên quan pháp hữu học sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu học, 2 uẩn...

∗ Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp hữu học sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu học *(sekkhā)*.

∗ Chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học liên quan pháp hữu học sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu học, 2 uẩn...

1174.

∗ Pháp vô học liên quan pháp vô học sanh ra do Nhân duyên:
... liên quan 1 uẩn vô học *(asekkhā)*.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp vô học...
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô học.

∗ Chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học liên quan pháp vô học...
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô học, 2 uẩn...

1175.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan phi hữu học phi vô học

- 3 uẩn và sắc nương tâm liên quan 1 uẩn phi hữu học phi vô học, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn phi hữu học phi vô học, uẩn liên quan vật, 3 đại sung liên quan 1 đại sung; 2 đại sung liên quan 2 đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādārūpa)* liên quan đại sung.

1176.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu học và đại sung.

1177.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô học và đại sung.

1178.

∗ Pháp hữu học liên quan pháp hữu học sanh ra do Cảnh duyên, do Trưởng duyên: Không có tục sinh.

∗ ... Do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên đều nên sắp có sắc đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

∗ ... Do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu học, 2 uẩn...

1179.

* Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học... do Cố hưởng duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn phi hữu học phi vô học, 2 uẩn...

* ... Do Nghiệp duyên, do Quả duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn quả hữu học, 2 uẩn... nên sắp 3 câu đầy đủ.

1180.

Pháp vô học liên quan pháp vô học... do Quả duyên:
... liên quan 1 uẩn vô học, có 3 câu.

1181.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học... do Quả duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm liên quan 1 uẩn quả phi hữu học phi vô học, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... 1 đại sung;

1182.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học... do Quả duyên:
Sắc nương tâm liên quan 1 uẩn quả và đại sung.

1183.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học... do Quả duyên:
Sắc nương tâm liên quan 1 uẩn vô học và đại sung.

1184.

Pháp hữu học liên quan pháp hữu học sanh ra do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

1185.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 9, Quả, Thực, Quyền, Thiền, Đạo 9, Tương ưng 3, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 9 Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1186.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô nhân phi hữu học phi vô học.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... liên quan 1 đại sung;... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương,... người Vô tưởng: 1 đại sung... ;
- Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1187.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp hữu học... do phi Cảnh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu học *(sekkhā)*.

1188.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp vô học... do phi Cảnh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô học *(asekkhā)*.

1189.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học... do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi hữu học phi vô học, sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn,... 1 đại sung. Người Vô tưởng...

1190.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học... do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu học và đại sung.

1191.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học... do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô học và đại sung.

1192.

∗ Pháp hữu học liên quan pháp hữu học... do phi Trưởng duyên:
Trưởng hữu học liên quan uẩn hữu học *(sekkhā)*.

∗ Pháp vô học liên quan pháp vô học... do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* vô học liên quan uẩn vô học.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học... do phi Trưởng duyên: dù tục sinh hay đại sung đều nên sắp đầy đủ.

∗ ... Do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên, do phi Tiền sanh duyên có 7 câu như tam đề thiện.

∗ ... Do phi Hậu sanh duyên:...

1193.

∗ ... Do phi Cố hưởng duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn quả hữu học, 2 uẩn...

∗ Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp hữu học... do phi Cố hưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu học.

∗ Chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học liên quan pháp hữu học... do phi Cố hưởng duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả hữu học, 2 uẩn...

∗ Pháp vô học liên quan pháp vô học... có 3 câu.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học... do phi Cố hưởng duyên:
1 uẩn phi hữu học phi vô học;... nên sắp đầy đủ.

∗ ... Pháp hữu học và pháp phi hữu học phi vô học... nên sắp duyên hiệp trợ *(ghaṭanā)*; dù có 2 duyên nên sắp 9 câu.

1194.

∗ ... Do phi Nghiệp duyên: Tư hữu học liên quan uẩn hữu học.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học... do phi Nghiệp duyên:
Tư phi hữu học phi vô học liên quan uẩn phi hữu học phi vô học; 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương...

1195.

∗ Pháp hữu học liên quan pháp hữu học... do phi Quả duyên:

... liên quan 1 uẩn hữu học *(sekkhā)*.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp hữu học... do phi Quả duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu học *(sekkhā)*.

∗ Pháp hữu học và phi hữu học phi vô học liên quan pháp hữu học... do phi Quả duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu học.

1196.
Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học... do phi Quả duyên: Nên sắp đầu đủ không có tục sinh.

1197.
Pháp phi hữu học phi vô học liên quan chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học... do phi Quả duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu học và đại sung.

1198.
Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học... do phi Thực duyên,... phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên:
Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp hữu học... do phi Tương ưng duyên:

1199.
∗ Pháp hữu học liên quan pháp hữu học... do phi Bất tương ưng duyên:
Cõi Vô sắc: 1 uẩn hữu học...

∗ Pháp vô học liên quan pháp vô học... do phi Bất tương ưng duyên:
Cõi Vô sắc: 1 uẩn vô học...

∗ Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học... do phi Bất tương ưng duyên:
Cõi Vô sắc: 1 uẩn phi hữu học phi vô học...; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

∗ ... Do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

1200.
Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 3, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y đều có 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1201.
Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 3, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y đều có 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng đều có 9, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1202.
Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Cố Hưởng, Nghiệp, Quả, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng 3, Bất tương ưng, Hiện hữu, Vô hữu, Ly, Bất ly; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần liên quan (Paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(sahajāta)* như phần liên quan

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

1203.

* Pháp hữu học nhờ cậy pháp hữu học sanh ra do Nhân duyên: 3 câu như phần liên quan *(Paṭiccavāra)*

* Pháp vô học nhờ cậy pháp vô học... do Nhân duyên: Có 3 câu như phần liên quan *(Paṭiccavāra)*.

1204.

* Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do Nhân duyên: Nên sắp đầu đủ.
  Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh *(Upādā)* nhờ cậy đại sung; uẩn phi hữu học phi vô học nhờ cậy vật.

* Pháp hữu học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên:
  Uẩn hữu học nhờ cậy vật *(vatthu)*.

* Pháp vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên:
  Uẩn vô học nhờ cậy vật *(vatthu)*.

* Chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên:
  Uẩn hữu học nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung.

* Chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên:
  Uẩn vô học nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.

1205.

* Pháp hữu học nhờ cậy chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu học và vật, 2 uẩn...

* Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên:
  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu học và đại sung.

* Chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học nhờ cậy chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu học và vật, 2 uẩn...; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu học và đại sung.

* ... Nhờ cậy chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học... có 3 câu như hữu học *(sekkhā)*.

1206.

* Pháp hữu học nhờ cậy pháp hữu học sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

* ... Nhờ cậy pháp vô học... có 1 câu.

* ... Nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... có 1 câu

Uẩn phi hữu học phi vô học nhờ cậy vật; nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân thức nhờ cậy thân xứ; uẩn phi hữu học phi vô học nhờ cậy vật.

* Pháp hữu học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do Cảnh duyên:
  Uẩn hữu học nhờ cậy vật.

* Pháp vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do Cảnh duyên:
  Uẩn vô học nhờ cậy vật

1207.
Pháp hữu học nhờ cậy chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học... do Cảnh duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu học và vật, 2 uẩn...

1208.
Pháp vô học nhờ cậy pháp vô học và phi hữu học phi vô học... do Cảnh duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô học và vật, 2 uẩn...

1209.
Pháp hữu học nhờ cậy pháp hữu học sanh ra do Trưởng duyên,... do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên, do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu học.

1210.
* Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do Cố hưởng duyên:
  ... nhờ cậy 1 uẩn phi hữu học phi vô học, uẩn phi hữu học phi vô học nhờ cậy vật.

* Pháp hữu học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học:...
  Uẩn hữu học nhờ cậy vật.

1211.
Pháp hữu học nhờ cậy chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học... do Cố hưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu học và vật *(vatthu)*;... 2 uẩn.

1212.
* Pháp hữu học nhờ cậy pháp hữu học sanh ra do Nghiệp duyên, do Quả duyên: 1 uẩn quả hữu học...

* ... Do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

1213.
Nhân 17, Cảnh 7, Trưởng 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 7, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 4, nghiệp 17, Quả 17, Thực 17, Quyền, Thiền, Đạo đều có 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 17; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1214.
* Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô nhân phi hữu học phi vô học, 2 uẩn....

- Sát-na tục sinh vô nhân: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật,... nhờ cậy 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...
- ... nhờ cậy nhãn xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ; uẩn vô nhân phi hữu học phi vô học nhờ cậy vật; si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật và vật *(vatthu)*.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp hữu học... do phi Cảnh duyên.

1215.

∗ Pháp hữu học nhờ cậy pháp hữu học... do phi Trưởng duyên:
Trưởng hữu học nhờ cậy uẩn hữu học *(sekkhā)*.

∗ Pháp vô học nhờ cậy pháp vô học... do phi Trưởng duyên:
Trưởng vô học *(adhipati asekkhā)* nhờ cậy uẩn vô học.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do phi Trưởng duyên: Nên sắp đầy đủ.
Người Vô tưởng...; nhãn xứ...; Trưởng phi hữu học phi vô học nhờ cậy vật.

∗ Pháp hữu học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* hữu học nhờ cậy vật.

∗ Pháp vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do phi Trưởng duyên:
Trưởng vô học nhờ cậy vật *(vatthu)*.

1216.

∗ ... Nhờ cậy chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học... do phi Trưởng duyên:
Trưởng hữu học nhờ cậy uẩn hữu học và vật.

∗ Pháp vô học nhờ cậy chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học... do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* nhờ cậy uẩn vô học và vật.

1217.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp hữu học... do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên, do phi Tiền sanh duyên, do phi Hậu sanh duyên có 7 câu.

∗ ... Do phi Cố hưởng duyên...

1218.

∗ ... Do phi Nghiệp duyên...
Tư *(cetanā)* hữu học nhờ cậy uẩn hữu học.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do phi Nghiệp duyên:
Tư phi hữu học phi vô học nhờ cậy uẩn phi hữu học phi vô học; sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương...; tư phi hữu học phi vô học nhờ cậy vật.

∗ Pháp hữu học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do phi Nghiệp duyên: Tư hữu học nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp hữu học nhờ cậy chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học... do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* hữu học nhờ cậy uẩn hữu học và vật.

1219.

* Pháp hữu học nhờ cậy pháp hữu học... do phi Quả duyên: Trong phần hữu học căn *(sekkhā mūla)* có 3 câu.

* Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do phi Quả duyên: Trong phi hữu học phi vô học căn *(nevasekkhānā sekkhāmūlaka)* có 3 câu.

* Pháp hữu học nhờ cậy chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học sanh ra do phi Quả duyên: Hiệp trợ hữu học có 3 câu *(sekkhā ghaṭanā)*.

1220.

Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do phi Thực duyên, do phi Quyền duyên, do phi Thiền duyên, do phi Đạo duyên, do phi Tương ưng duyên, do phi Bất tương ưng duyên, do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

1221.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 7, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1222.

Nhân duyên có phi Cảnh 5, phi Trưởng 7, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

1223.

Phi Nhân duyên có Cảnh 11,... Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương đều có 1,... tóm tắt... Bất ly; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch và thuận

Hết phần ỷ trượng (paccayavāra)

Phần y chỉ *(nissaya)*, như phần ỷ trượng *(paccaya)*

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

1224.

* Pháp hữu học hòa hợp pháp hữu học sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hữu học, 2 uẩn...

* Pháp vô học hòa hợp pháp vô học... do Nhân duyên:
  3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô học, 2 uẩn...

* Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do Nhân duyên:
  3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi hữu học phi vô học, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1225.

* Pháp hữu học hòa hợp pháp hữu học sanh ra do Cảnh duyên, do Trưởng duyên,... tóm tắt... do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên: Nên sắp 2 duyên.

* ... do Bất ly duyên....

1226.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 3, Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh đều có 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 3,... tóm tắt... Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1227.

Pháp phi hữu học phi vô học hòa hợp pháp phi hữu học phi vô học sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân phi hữu học phi vô học, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1228.

∗ Pháp hữu học hòa hợp pháp hữu học sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* hữu học hòa hợp uẩn hữu học.

∗ Pháp vô học hòa hợp pháp vô học...
Trưởng *(adhipati)* vô học hòa hợp uẩn vô học *(asekkhā)*.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học hòa hợp pháp phi hữu học phi vô học... do phi Trưởng duyên: Sắp đầy đủ có 1 câu

1229.

∗ Pháp hữu học hòa hợp pháp hữu học sanh ra do phi Tiền sanh duyên, do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên: Nên sắp 2 câu.

∗ ... Do phi Quả duyên: Nên sắp đầy đủ 2 câu.

∗ ... Do phi Thiền duyên, do phi Đạo duyên, do phi Bất tương ưng duyên.

1230.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3. Nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch (paccanīya)

1231.

Nhân duyên có phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng đều có 3, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Bất tương ưng 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch.

1232.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Cố Hưởng, Nghiệp, Quả, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng, Bất tương ưng, Hiện hữu, Vô hữu, Ly, Bất ly đều có 1 câu; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần hòa hợp (saṅsaṭṭhavāra)

Phần tương ưng *(sampayutta)* như phần hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)*

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1233.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Nhân duyên:
Nhân *(hetu)* hữu học làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1234.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* hữu học làm duyên cho sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* bằng Nhân duyên.

1235.

Pháp hữu học làm duyên cho chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* hữu học làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên *(hetupaccayo)*.

1236.

* Pháp vô học làm duyên cho pháp vô học...: Có 3 câu:

* Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Nhân duyên:

  Nhân phi hữu học phi vô học làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh:...

1237.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Cảnh duyên:

Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả hữu học; tha tâm thông rõ thấu lòng người tề toàn tâm hữu học. Uẩn hữu học làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông và khán môn bằng Cảnh duyên.

1238.

Pháp vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Cảnh duyên:

Chư La-hán phản khán quả vô học; tha tâm thông biết rõ lòng người tề toàn tâm vô học, uẩn vô học làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông và khán môn bằng Cảnh duyên.

1239.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, rồi phản khán lại. Nhớ thiện đã từng làm chứa để trước kia.
- Xuất thiền phản khán thiền. Chư Thánh phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)* và khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não hạn chế; rõ phiền não đã từng sanh. Quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái *(rāga)* và ưu phát sanh.
- Nhĩ... vật..., quán ngộ *(paccavekkhana)* uẩn phi hữu học phi vô học bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó ưu...
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông biết rõ lòng người tề toàn tâm phi hữu học phi vô học.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Uẩn phi hữu học phi vô học làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán môn bằng Cảnh duyên.

1240.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Cảnh duyên: Níp bàn làm duyên cho đạo và quả hữu học bằng Cảnh duyên.

1241.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Cảnh duyên: Níp bàn làm duyên cho quả vô học bằng Cảnh duyên.

1242.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu học làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1243.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán, nặng về quả hữu học rồi phản khán.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu học làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1244.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học và phi hữu học phi vô học bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu học làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1245.

Pháp vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô học làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên

1246.

Pháp vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư La-hán nặng về quả vô học rồi phản khán.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô học làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1247.

Pháp vô học làm duyên cho chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô học làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1248.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học phi vô học... có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, rồi nặng về đó nên phản khán.
- Nặng về thiện đã từng làm chứa để rồi phản khán.
- Xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán.
- Chư Thánh *(ariya)* nặng về Níp Bàn rồi phản khán. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)* bằng Trưởng duyên.
- Nặng về nhãn rồi thỏa thích, rất hân hoan, do nặng đó nên ái sanh, tà kiến phát. Nhĩ... vật..., nặng về uẩn phi hữu học phi vô học rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó nên ái sanh, tà kiến phát.

- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi hữu học phi vô học làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1249.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Níp bàn làm duyên cho đạo và quả hữu học bằng Trưởng duyên.

1250.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Níp bàn làm duyên cho quả vô học bằng Trưởng duyên.

1251.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Vô gián duyên:

Uẩn hữu học sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu học sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Đạo làm duyên cho quả hữu học. Quả hữu học làm duyên cho quả hữu học bằng Vô gián duyên.

1252.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp vô học bằng Vô gián duyên:

Đạo *(magga)* làm duyên cho quả vô học bằng Vô gián duyên.

1253.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Vô gián duyên:

Quả hữu học làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

1254.

Pháp vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Vô gián duyên:

Uẩn vô học sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô học sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Quả vô học làm duyên cho quả vô học bằng Vô gián duyên.

1255.

Pháp vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Vô gián duyên:

Quả vô học làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

1256.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Vô gián duyên:

- Uẩn phi hữu học phi vô học sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi hữu học phi vô học sanh sau sau.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn phi hữu học phi vô học bằng Vô gián duyên.

1257.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Vô gián duyên:

Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo; tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho quả hữu học nhập thiền; xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả hữu học nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1258.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Vô gián duyên:

Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho quả nhập thiền vô học; xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả vô học nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1259

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Liên tiếp duyên như Vô gián duyên: Có 8 câu đề.

1260.

* Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Đồng sanh duyên: Như Đồng sanh duyên trong phần liên quan, có 9 câu đề.
* ... Bằng Hỗ tương duyên như Hỗ tương duyên trong phần liên quan, có 13 câu đề.
* ... Bằng Y chỉ duyên: Như Y chỉ duyên trong tam đề thiện *(kusalattika)*, có 3 câu đề.

1261.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo bằng Cận y duyên; nhị đạo làm duyên cho tam đạo bằng Cận y duyên; tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên. Đạo làm duyên cho quả hữu học nhập thiền bằng Cận y duyên.

1262.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp vô học bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: đạo làm duyên cho quả nhập thiền vô học bằng Cận y duyên.

1263.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Chư Thánh nương đạo mạnh, dù nhập thiền chưa đặng sanh cũng phát sanh. Quán ngộ pháp Hành *(saṅkhāra)* bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Đạo Thánh làm duyên cho Nghĩa đại thông *(atthapaṭisambhidā)*, pháp đạt thông *(dhammapaṭisambhidā)*, ngữ đạt thông *(niruttipaṭisambhidā)*, cấp trí thông *(paṭibhāṇapaṭisambhidā)*, rõ biết sở *(ṭhāna),* phi sở *(aṭhāna)* bằng Cận y duyên.
- Quả hữu học nhập thiền làm duyên cho thân lạc bằng Cận y duyên.

1264.

Pháp vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Cận y duyên:

Vô gián cận y như: Uẩn vô học sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô học sanh sau sau; quả vô học làm duyên cho quả vô học bằng Cận y duyên.

1265.

Pháp vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học... Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nhập thiền quả vô học làm duyên cho thân lạc bằng Cận y duyên.

1266.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin phi hữu học phi vô học mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền phát sanh, pháp quán phát sanh, thông phát sanh, nhập thiền phát sanh đặng, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương trì giới phi hữu học phi vô học mạnh có thể trí, ái... si, thân lạc, âm dương, thực phẩm... nương chỗ ở mạnh có thể bố thí trì giới... nhập thiền phát sanh, sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin phi hữu học phi vô học mạnh... có thể trí, ái, hy vọng *(patthanā)* thân lạc... chỗ ở làm duyên cho đức tin, trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ phi hữu học phi vô học bằng Cận y duyên.

- Tâm chỉnh lý sơ thiền làm duyên cho sơ thiền bằng Cận y duyên; tâm chỉnh lý *(parikammā)* Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho phi Tưởng phi phi Tưởng.
- Sơ thiền làm duyên cho nhị thiền bằng Cận y duyên, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cận y duyên.

1267.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Tâm chỉnh lý *(parikammā)* sơ đạo làm duyên cho sơ đạo bằng Cận y duyên... tâm chỉnh lý tứ đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1268.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như*:* Thân lạc... thân khổ, âm dương, vật thực... chỗ ở làm duyên cho quả vô học nhập thiền bằng Cận y duyên.

1269.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn bằng cách vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, ưu phát.
- Quán ngộ nhĩ... quán ngộ vật bằng lối vô thường, khổ não,vô ngã... ưu phát sanh. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn xứ,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức;... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn phi hữu học phi vô học bằng Tiền sanh duyên.

1270.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Tiền sanh duyên:

Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu học bằng Tiền sanh duyên.

1271.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Tiền sanh duyên:

Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô học bằng Tiền sanh duyên.

1272.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn hữu học làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1273.

Pháp vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn vô học làm duyên cho thân ấy sanh trước...

1274.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn phi hữu học phi vô học làm duyên cho thân ấy sanh trước...

1275.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn phi hữu học phi vô học sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi hữu học phi vô học sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)* bằng Cố hưởng duyên.

1276.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Cố hưởng duyên:

Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

1277.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư hữu học làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu học làm duyên cho uẩn quả hữu học bằng Nghiệp duyên.

1278.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp vô học bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư *(cetanā)* hữu học làm duyên cho uẩn vô học bằng Nghiệp duyên.

1279.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Nghiệp duyên:

Đồng sanh như: Tư hữu học làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1280.

Pháp hữu học làm duyên cho chư pháp hữu học và pháp phi hữu học phi vô học bằng Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* hữu học làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên *(kammapaccayo)*.

1281.

Pháp vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* vô học làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

1282.

Pháp vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* vô học làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1283.

Pháp vô học làm duyên cho chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học bằng Nghiệp duyên:

Tư vô học *(asekkhā)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1284.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư phi hữu học phi vô học làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Sát-na tục sinh:...
- Biệt thời như: Tư *(cetanā)* phi hữu học phi vô học làm duyên cho uẩn quả phi hữu học phi vô học và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1285.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Quả duyên:

1 uẩn quả hữu học làm duyên cho 3 uẩn. Trong phần hữu học căn *(sekkhamūlaka)* có 3 câu.

1286.

Pháp vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Quả duyên:

1 uẩn vô học làm duyên cho 3 uẩn...; trong phần vô học căn *(asekkhamūlaka)* có 3 câu.

1287.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Quả duyên:

1 uẩn quả phi hữu học phi vô học làm duyên cho 3 uẩn. Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Quả duyên.

1288.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Thực duyên, Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên.

1289.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu học làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu học làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1290.

Pháp vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh: Cũng như hữu học *(sekkhā)*.

1291.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn phi hữu học phi vô học làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn phi hữu học phi vô học làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên.
- Uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên; vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức. Vật làm duyên cho uẩn phi hữu học phi vô học bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi hữu học phi vô học làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1292.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu học bằng Bất tương ưng duyên *(Vippayuttapaccayo)*.

1293.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô học bằng Bất tương ưng duyên.

1294.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn hữu học làm duyên cho 3 uẩn.

1295.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu học làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu học làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1296.

Pháp hữu học làm duyên cho chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn hữu học làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

1297.

Pháp vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Hiện hữu duyên: Có 3 câu như hữu học *(sekkhā)*.

1298.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: 1 uẩn phi hữu học phi vô học làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh:... uẩn làm duyên cho vật bằng Hiện hữu duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Hiện hữu duyên;... 1 đại sung... sắc ngoại,... tóm tắt... người Vô tưởng...
- Tiền sanh như: Quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích hân hoan, do đó khai đoan ái phát, ưu sanh ra.
- Quán ngộ nhĩ... vật bằng lối vô thường...
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng, sắc xứ làm duyên cho nhãn thức..., xúc xứ làm duyên cho thân thức. nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức,... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn phi hữu học phi vô học bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi hữu học phi vô học làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy, sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1299.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu học bằng Hiện hữu duyên.

1300.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô học bằng Hiện hữu duyên.

1301.

Chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn hữu học và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

1302.

Chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu học và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.

- Hậu sanh như: Uẩn hữu học và đoàn thực làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu học và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1303.

Chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Hiện hữu duyên: Nên sắp 2 câu như hữu học *(sekkhā)*.

1304.

Nhân 7, Cảnh 5, Trưởng 9, Vô gián 8, Liên tiếp 8, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 8, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 2, nghiệp 8; Quả, Thực, Quyền thiền, Đạo đều có 7; Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 8, Ly 8, Bất ly 13; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1305.

* Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp hữu học làm duyên cho pháp vô học bằng Cận y duyên.

1306.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

1307.

Pháp hữu học làm duyên cho chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học bằng Đồng sanh duyên.

1308.

Pháp vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1309.

Pháp vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên; bằng Cận y duyên; bằng Hậu sanh duyên.

1310.

Pháp vô học làm duyên cho chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học bằng Đồng sanh duyên.

1311.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

1312.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1313.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1314.

Chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học... có Đồng sanh và Tiền sanh.

1315.

Chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1316.
Chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học... có Đồng sanh và Tiền sanh.

1317.
Chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học... có Hậu sanh, Thực và Quyền.

1318.
Phi Nhân 14, phi Cảnh, phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp đều có 14, phi Đồng sanh 10, phi Hỗ tương 10, phi Y chỉ 10, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 12, phi Hậu sanh 14, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo đều có 14, phi Tương ưng 10, phi Bất tương ưng 8, phi Hiện hữu 8, phi Vô hữu 14, phi Ly 14, phi Bất ly 8; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch (paccanīya)

1319.
Nhân duyên cho phi Cảnh 7,... phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo đều có 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1320.
Phi Nhân duyên có Cảnh 5,... Trưởng 9, Vô gián 8, Liên tiếp 8, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 8, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 8, Quả, Thực, Quyền, Thiền, Đạo đều có 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 8, Ly 8, Bất ly 13; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần vấn đề (pañhāvāra)

Tam đề hữu học thứ 11 chỉ có bấy nhiêu.

TAM ĐỀ HI THIỂU *(PARITTATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1321.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hy thiểu *(paritta)* 2 uẩn...;
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn hy thiểu *(paritta)*; 2 uẩn...;
- Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật;
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung;
- Sắc nương tâm sanh liên quan 2 đại sung.

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại *(mahaggata)* liên quan vật.

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại liên quan vật; sắc tục sinh liên quan đại sung.

1322.

* Pháp đáo đại liên quan pháp đáo đại... do Nhân duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại *(mahaggata)*. 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

* Pháp hy thiểu liên quan pháp đáo đại... do Nhân duyên:
  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại.

* Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp đáo đại... do Nhân duyên:
  3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn đáo đại. Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn đáo đại, 2 uẩn...

1323.

* Pháp vô lượng liên quan pháp vô lượng... do Nhân duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn vô lượng *(appamāṇa)*, 2 uẩn...

* Pháp hy thiểu liên quan pháp vô lượng... do Nhân duyên:
  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng.

* Chư pháp hy thiểu và vô lượng liên quan pháp vô lượng... do Nhân duyên:
  3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô lượng, 2 uẩn...

1324.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và vô lượng... do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng và đại sung.

1325.

* Pháp hy thiểu liên quan chư pháp hy thiểu và đáo đại... do Nhân duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn đáo đại và đại sung. Sát-na tục sinh:...

* Pháp đáo đại liên quan chư pháp hy thiểu và đáo đại... do Nhân duyên:
  Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại và vật, 2 uẩn...

* Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do Nhân duyên:
  Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại và vật; 2 uẩn...; sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại và đại sung.

1326.

* Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do Cảnh duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn hy thiểu *(paritta)*; 2 uẩn...; sát-na tục sinh: Uẩn liên quan vật.

* Pháp đáo đại liên quan pháp hy thiểu sanh ra do Cảnh duyên:
  Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại liên quan vật.

1327.

Pháp đáo đại liên quan pháp đáo đại... do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1328.

Pháp vô lượng liên quan pháp vô lượng... do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô lượng, 2 uẩn...

1329.

Pháp đáo đại liên quan pháp hy thiểu và đáo đại... do Cảnh duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại *(mahaggata)* và vật, 2 uẩn...

1330.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu... do Trưởng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hy thiểu, 2 uẩn...; đại sung liên quan 1 đại sung; sắc nương tâm sanh thuộc y sinh *(upādā)* liên quan đại sung.

1331.

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp đáo đại... do Trưởng duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại, 2 uẩn...

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp đáo đại... do Trưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại *(mahaggata)*.

∗ Chư pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp đáo đại... do Trưởng duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn đáo đại, 2 uẩn...

1332.

∗ Pháp vô lượng liên quan pháp vô lượng... do Trưởng duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô lượng *(appamāṇa)*; 2 uẩn...

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp vô lượng... do Trưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng *(appamāṇa)*.

∗ Pháp hy thiểu và vô lượng liên quan pháp vô lượng... do Trưởng duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô lượng; 2 uẩn...

1333.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và vô lượng sanh ra do Trưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng và đại sung.

1334.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và đáo đại... do Trưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại và đại sung.

1335.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên; đều sắp có đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

∗ ... Do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên: Đều sắp có 3 câu.

∗ ... Do Cố hưởng duyên nên sắp 3 câu.

∗ ... Do Nghiệp duyên, do Quả duyên có 13 câu.

∗ ... Do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

1336.

Nhân 13, Cảnh 5, Trưởng 9, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 13, Hỗ tương 7, Y chỉ 13, Cận y 5, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, nghiệp 13, Quả 13, Thực, Quyền, Thiền, Đạo đều có 13, Tương ưng 5, Bất tương ưng 13, Hiện hữu 13, Vô hữu 5, Ly 5, Bất ly 13; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1337.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô nhân hy thiểu *(paritta)*; 2 uẩn...

- Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng:... liên quan 1 đại sung.
- Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1338.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hy thiểu *(paritta)*; vật liên quan uẩn,... liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: Liên quan 1 đại sung.

1339.

Pháp hy thiểu liên quan pháp đáo đại sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại *(mahaggata);* sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại.

1340.

Pháp hy thiểu liên quan pháp vô lượng... do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng *(appamāṇa)*.

1341.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và vô lượng sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng *(appamāṇa)* và đại sung *(mahābhūta)*.

1342.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại và đại sung. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại và đại sung.

1343.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Trưởng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn hy thiểu. Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... 1 đại sung... tóm tắt... người Vô tưởng...

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Trưởng duyên:

Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại liên quan vật.

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Trưởng duyên:

Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại liên quan vật. Sắc tục sinh liên quan đại sung.

1344.

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng *(adhipati)* đáo đại liên quan uẩn đáo đại *(mahaggata)*;... liên quan 1 uẩn quả đáo đại. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả đáo đại. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn quả đáo đại, 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

1345.

Pháp vô lượng liên quan pháp vô lượng sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng vô lượng *(appamāṇa)* liên quan uẩn vô lượng.

1346.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả đáo đại và đại sung. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại và sắc đại sung.

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại và vật, 2 uẩn...

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại và vật, 2 uẩn...; sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại và đại sung.

1347.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu... do phi Vô gián duyên; do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên.

1348.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn hy thiểu cõi Vô sắc; 2 uẩn...; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hy thiểu.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn hy thiểu, 2 uẩn...

Đều nên sắp rộng có đại sung *(mahābhūtarūpa)*; phần hy thiểu căn *(parittamūlaka)* chỉ có 3 câu đề.

1349.

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp đáo đại sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
1 uẩn đáo đại cõi Vô sắc; sát-na tục sinh...

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp đáo đại... do phi Tiền sanh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại.

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp đáo đại sanh ra... do phi Tiền sanh duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn đáo đại, 2 uẩn...

1350.

∗ Pháp vô lượng liên quan pháp vô lượng... do phi Tiền sanh duyên:
1 uẩn vô lượng *(appamāṇa)* cõi Vô sắc.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp vô lượng... do phi Tiền sanh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng *(appamāṇa)*.

1351.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và vô lượng... do phi Tiền sanh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng và đại sung.

1352.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại và đại sung. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp hy thiểu và đáo đại... do phi Tiền sanh duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại và vật.

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại và vật, 2 uẩn...; sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại và đại sung.

1353.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hy thiểu, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... 1 đại sung... tóm tắt... người Vô tưởng: 1 đại sung.

1354.

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại liên quan vật.

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp hy thiểu... do phi Cố hưởng duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại liên quan vật; sắc tục sinh liên quan sắc đại sung.

1355.

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp đáo đại sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn quả đáo đại, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp đáo đại... do phi Cố hưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại *(mahaggata)*; sát-na tục sinh...

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp đáo đại... do phi Cố hưởng duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn quả đáo đại, 2 uẩn...; sát-na tục sinh:... 1 uẩn đáo đại.

1356.

∗ Pháp vô lượng liên quan pháp vô lượng... do phi Cố hưởng duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn quả vô lượng, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp vô lượng... do phi Cố hưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng *(appamāṇa)*.

∗ Pháp hy thiểu và vô lượng liên quan pháp vô lượng... do phi Cố hưởng duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn quả vô lượng.

1357.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và vô lượng... do phi Cố hưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng và đại sung.

1358.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và đáo đại... do phi Cố hưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại và đại sung. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại và đại sung.

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp hy thiểu và đáo đại... do phi Cố hưởng duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại và vật, 2 uẩn...

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại và vật, 2 uẩn...; sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại và đại sung.

1359.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* hy thiểu *(paritta)* liên quan uẩn hy thiểu,... 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương...

1360.

Pháp đáo đại liên quan pháp đáo đại... do phi Nghiệp duyên:

Tư đáo đại *(mahaggata)* liên quan uẩn đáo đại.

1361.

Pháp vô lượng liên quan pháp vô lượng... do phi Nghiệp duyên:

Tư vô lượng *(appamāṇa)* liên quan uẩn vô lượng.

1362.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu... do phi Quả duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hy thiểu, 2 uẩn...; 3 đại sung liên quan 1 đại sung; sắc nương tâm sanh thuộc y sinh *(upādā)* liên quan đại sung, sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng:... 1 sắc đại sung...

1363.

* Pháp đáo đại liên quan pháp đáo đại... do phi Quả duyên:
  3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn đáo đại, 2 uẩn...

* Pháp hy thiểu liên quan pháp đáo đại... do phi Quả duyên:
  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại.

* Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp đáo đại... do phi Quả duyên:
  3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn đáo đại, 2 uẩn...

1364.

* Pháp vô lượng liên quan pháp vô lượng sanh ra do phi Quả duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn vô lượng *(appamāṇa)*.

* Pháp hy thiểu liên quan pháp vô lượng sanh ra do phi Quả duyên:
  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng *(appamāṇa)*.

* Pháp hy thiểu và vô lượng liên quan pháp vô lượng sanh ra do phi Quả duyên:
  3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng, 2 uẩn...

1365.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và vô lượng sanh ra do phi Quả duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng và đại sung.

1366.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do phi Quả duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại và đại sung.

1367.

* Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Thực duyên:
  Sắc ngoại,... sắc âm dương... người Vô tưởng... Nên phân rộng.

* ... Do phi Quyền duyên: Sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: Sắc mạng quyền liên quan đại sung.

* ... Do phi Thiền duyên:... 1 uẩn đồng sanh 5 thức,... sắc ngoại... tóm tắt...; người Vô tưởng: 1 đại sung...; đều nên sắp sắc đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

* ... Do phi Đạo duyên: 1 uẩn vô nhân hy thiểu *(paritta)*...; sát-na tục sinh: 1 đại sung... tóm tắt... đều nên sắp có đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

* ... Do phi Tương ưng duyên.

1368.

∗ ... Do phi Bất tương ưng duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn hy thiểu Vô sắc, 2 uẩn...; sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp đáo đại sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
Cõi Vô sắc: 1 uẩn đáo đại...

1369.

∗ Pháp vô lượng liên quan pháp vô lượng sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
Cõi Vô sắc: 1 uẩn vô lượng...

∗ ... Do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

1370.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 10, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 12, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo đều có 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1371.

Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 10, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y đều 5, phi Tiền sanh 12, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên sắp như thế.

Dứt cách thuận, nghịch (anuloma paccanīya)

1372.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1... tóm tắt... Ly, Bất ly 1, nên sắp như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(sahajatavāra)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)*

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

1373.

∗ Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn hy thiểu *(paritta)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật; sắc y sinh *(upādārūpa)* nhờ cậy 1 đại sung; 1 uẩn hy thiểu nhờ cậy vật.

∗ Pháp đáo đại nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn đáo đại nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại nhờ cậy vật

∗ Pháp vô lượng nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn vô lượng *(appamāṇa)* nhờ cậy vật.

∗ Pháp hy thiểu và vô lượng nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn vô lượng *(appamāṇa)* nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn đáo đại *(mahaggata)* nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung. Sát-na tục sinh:... nhờ cậy vật.

1374.

* Pháp đáo đại nhờ cậy pháp đáo đại sanh ra do Nhân duyên:
  ... nhờ cậy 1 uẩn đáo đại. Sát-na tục sinh:... nhờ cậy 1 uẩn đáo đại

* Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp đáo đại sanh ra do Nhân duyên:
  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn đáo đại; sát-na tục sinh...

* Pháp hy thiểu và đáo đại nhờ cậy pháp đáo đại sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn đáo đại,... 2 uẩn... Sát-na tục sinh:... nhờ cậy 1 uẩn đáo đại

1375.

Pháp vô lượng nhờ cậy pháp vô lượng sanh ra do Nhân duyên:
Vô lượng *(appamāṇa)* có 3 câu.

1376.

* Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp hy thiểu và vô lượng sanh ra do Nhân duyên:
  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn vô lượng và đại sung.

* Pháp vô lượng nhờ cậy pháp hy thiểu và vô lượng sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô lượng và vật.

* Pháp hy thiểu và vô lượng nhờ cậy pháp hy thiểu và vô lượng sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô lượng và vật; 2 uẩn...; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn vô lượng và đại sung.

1377.

Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu. Nên sắp sát-na tục sinh cũng có 3 câu.

1378.

* Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do Cảnh duyên:
  - 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hy thiểu, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: Uẩn nhờ cậy vật.
  - Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ;... nhờ cậy thân xứ; uẩn hy thiểu nhờ cậy vật.
  - 6 câu đề ngoài ra cũng như Nhân duyên *(hetupaccayo)*, nên sắp 7 câu.

* ... Do Trưởng duyên: Không có tục sinh; sắp đầy đủ 13 câu đề.

* ... Do Vô gián duyên,... tóm tắt..., do Bất ly duyên.

1379.

Nhân 17, Cảnh 7, Trưởng 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 9, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 7, Nghiệp 7, Quả 17, Thực 17, Quyền, Thiền, Đạo đều có 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 17; nên sắp như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1380.

Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn hy thiểu vô nhân,... 2 uẩn... Sát-na tục sinh vô nhân: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật; 1 đại sung... tóm tắt...; người Vô tưởng... ;
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ; thân xứ...; uẩn hy thiểu vô nhân nhờ cậy vật; si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật và vật.

1381.

Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do phi Cảnh duyên: Có 5 câu như phần liên quan (payṭiccavāra).

1382.

* Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do phi Trưởng duyên:
  - 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn hy thiểu, 2 uẩn... Sát-na tục sinh:...; người Vô tưởng... ;
  - Nhãn thức... thân xứ...; uẩn hy thiểu nhờ cậy vật.

* Pháp đáo đại nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do phi Trưởng duyên:
  Trưởng *(adhipati)* đáo đại nhờ cậy vật; uẩn quả đáo đại nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại nhờ cậy vật.

* Pháp vô lượng nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do phi Trưởng duyên:
  Trưởng vô lượng *(appamāṇa)* nhờ cậy vật.

* Pháp hy thiểu và đáo đại nhờ cậy pháp hy thiểu... do phi Trưởng duyên:
  Uẩn quả đáo đại nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung. Sát-na tục sinh:...

1383.

* Pháp đáo đại nhờ cậy pháp đáo đại... do phi Trưởng duyên:
  Trưởng đáo đại nhờ cậy uẩn đáo đại; 3 uẩn nhờ cậy1 uẩn quả đáo đại, 2 uẩn...; sát-na tục sinh:...
* Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:
  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn quả đáo đại. Sát-na tục sinh:...
* Pháp hy thiểu và đáo đại nhờ cậy pháp đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:
  3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn quả đáo đại, 2 uẩn...; sát-na tục sinh:...

1384.

Pháp vô lượng nhờ cậy pháp vô lượng sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng vô lượng nhờ cậy uẩn vô lượng.

1385.

Pháp vô lượng nhờ cậy pháp hy thiểu và vô lượng sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng vô lượng nhờ cậy uẩn vô lượng và vật.

1386.

* Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:
  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn quả đáo đại và đại sung. Sát-na tục sinh...

* Pháp đáo đại nhờ cậy pháp hy thiểu và đáo đại... do phi Trưởng duyên:
  Trưởng đáo đại nhờ cậy nhờ cậy uẩn quả đáo đại và vật; 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả đáo đại và vật; 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

* Pháp hy thiểu và đáo đại nhờ cậy pháp hy thiểu và đáo đại... do phi Trưởng duyên:
  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả đáo đại và vật; 2 uẩn... sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn quả đáo đại và đại sung. Sát-na tục sinh:... nhờ cậy uẩn đáo đại.

1387.

* Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên, do phi Tiền sanh duyên: Như phần liên quan *(Paṭiccavāra)* có 12 câu đề.

∗ ... Do phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên: Sắp đầy đủ; nên trình bày là quả *(vipāka)*; phần sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* không nên trình bày là quả.

∗ ... Do phi Nghiệp duyên, do phi Quả duyên: Không có quả và tục sinh.

∗ ... Do phi Thực duyên, do phi Quyền duyên, do phi Thiền duyên, do phi Đạo duyên, do phi Tương ưng duyên, do phi Bất tương ưng duyên, do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

1388.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 12, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y, phi Tiền sanh đều có 12, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp, phi Quả đều có 17; phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo đều có 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1389.

Nhân duyên cho phi Cảnh 5, phi Trưởng 12, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 12, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1390.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Ly, Bất ly đều có 1; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch và thuận

Hết phần ỷ trượng (paccayavāra)

Phần y chỉ *(nissaya)* như phần ỷ trượng *(paccayavāra)*

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

1391.

Pháp hy thiểu hòa hợp pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hy thiểu, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1392.

Pháp đáo đại hòa hợp pháp đáo đại sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đáo đại, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1393.

Pháp vô lượng hòa hợp pháp vô lượng sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô lượng, 2 uẩn...

1394.

∗ Pháp hy thiểu hòa hợp pháp hy thiểu sanh ra do Cảnh duyên, do Trưởng duyên: Không có tục sinh.

∗ ... Do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do đồng sanh, do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên: ... Không có tục sinh.

∗ ... Do Cố hưởng duyên: ... Không có quả và tục sinh.

* ... Do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

1395.

Nhân 8, Cảnh 3, Trưởng 3;... tóm tắt... Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1396.

Pháp hy thiểu hòa hợp pháp hy thiểu sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân hy thiểu *(paritta)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1397.

Pháp hy thiểu hòa hợp pháp hy thiểu sanh ra do phi Trưởng duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hy thiểu, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1398.

Pháp đáo đại hòa hợp pháp đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng đáo đại hòa hợp uẩn đáo đại,... hòa hợp 1 uẩn quả đáo đại. Sát-na tục sinh...

1399.

Pháp vô lượng hòa hợp pháp vô lượng sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng vô lượng *(appamāṇa)* uẩn vô lượng.

1400.

Pháp hy thiểu hòa hợp pháp hy thiểu sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc:... hòa hợp 1 uẩn hy thiểu; sát-na tục sinh...

1401.

Pháp đáo đại hòa hợp pháp đáo đại sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đáo đại *(mahaggata)*; sát-na tục sinh...

1402.

Pháp vô lượng hòa hợp pháp vô lượng sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô lượng *(appamāṇa)*;

1403.

Pháp hy thiểu hòa hợp pháp hy thiểu sanh ra do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hy thiểu. Sát-na tục sinh...

1404.

Pháp đáo đại hòa hợp pháp đáo đại sanh ra do phi Cố hưởng duyên:

... hòa hợp 1 uẩn quả đáo đại. Sát-na tục sinh...

1405.

Pháp vô lượng hòa hợp pháp vô lượng sanh ra do phi Cố hưởng duyên:

... hòa hợp 1 uẩn quả vô lượng

1406.

Pháp hy thiểu hòa hợp pháp hy thiểu sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* hy thiểu hòa hợp uẩn hy thiểu.

1407.

Pháp đáo đại hòa hợp pháp đáo đại sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư đáo đại hòa hợp uẩn đáo đại.

1408.

Pháp vô lượng hòa hợp pháp vô lượng sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư vô lượng *(appamāṇa)* hòa hợp uẩn vô lượng.

1409.

Pháp hy thiểu hòa hợp pháp hy thiểu sanh ra do phi Quả duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hy thiểu *(paritta)*.

1410.

Pháp đáo đại hòa hợp pháp đáo đại sanh ra do phi Quả duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đáo đại *(mahaggata)*.

1411.

Pháp vô lượng hòa hợp pháp vô lượng sanh ra do phi Quả duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô lượng *(appamāṇa)*.

1412.

Pháp hy thiểu hòa hợp pháp hy thiểu sanh ra do phi Thiền duyên, do phi Đạo duyên, do phi Bất tương ưng duyên: Cõi Vô sắc: 1 uẩn hy thiểu...

1413.

Pháp đáo đại hòa hợp pháp đáo đại sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: Cõi Vô sắc: 1 uẩn đáo đại...

1414.

Pháp vô lượng hòa hợp pháp vô lượng sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: Cõi Vô sắc: 1 uẩn vô lượng *(appamāṇa)*.

1415.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3; nên đếm như thế.

Hết cách nghịch (Paccaniya)

1416.

Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Bất tương ưng đều có 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1417.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1,... tóm tắt... Bất ly 1: Nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận.

Phần tương ưng *(sampayutta)* như phần hòa hợp *(sansattha)*

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1418.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu do Nhân duyên:

Nhân hy thiểu *(paritta)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

1419.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Nhân duyên: Có 3 câu. Nên sắp bình nhựt *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisandhi)*.

1420.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

1421.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nhớ lại. Phản khán thiện đã từng làm chứa để trước kia.
- Chư Thánh phản khán chuyển tộc *(gotrabhū)*, phản khán dũ tịnh *(vodanā)*, phản khánh phiền não đã trừ, phản khánh phiền não hạn chế, rõ biết phiền não đã từng sanh.
- Quán ngộ nhãn... Vật...; uẩn hy thiểu bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan do đó mở mối cho ái sanh ưu phát.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.

1422.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cảnh duyên:

- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông biết rõ lòng người tề toàn tâm hy thiểu *(paritta)*.Uẩn hy thiểu làm duyên cho Thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

1423.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cảnh duyên:

- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ; Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.
- Tha tâm thông biết rõ lòng người tề toàn tâm đáo đại. uẩn đáo đại làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

1424.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Cảnh duyên:

Phản khán sơ thiền... phản khán Phi tưởng phi phi tưởng xứ, phản khán thiên nhãn, phản khán thiên nhĩ, phản khán thần thông... tha tâm thông... túc mạng thông... tùy nghiệp thông... phản khán vị lai thông.

Quán ngộ uẩn đáo đại bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh ưu phát.

1425.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng bằng Cảnh duyên:

Níp bàn làm duyên cho đạo quả bằng Cảnh duyên.

1426.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)* và khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1427.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cảnh duyên:

Tha tâm thông của chư Thánh rõ lòng người tề toàn tâm vô lượng *(appamāṇa)*. uẩn vô lượng làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

1428.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, rồi nặng về đó mới phản khán. Nặng về thiện đã từng làm chứa để rồi phản khán.

- Chư Thánh nặng về chuyển tộc *(gotrabhū)* rồi phản khán, nặng về dũ tịnh *(vodanā)* rồi phản khán. Nặng về nhãn rồi rồi phản khán, nặng về vật rồi phản khán, nặng về uẩn hy thiểu rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó nên ái sanh, tà kiến phát
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hy thiểu *(paritta)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1429.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng đáo đại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1430.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Nặng về sơ thiền rồi,... Nặng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ rồi... Nặng về thiên nhãn rồi,... nặng về vị lai thông rồi phản khán. Nặng về uẩn đáo đại rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng đáo đại làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1431.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu và đáo đại bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng đáo đại làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1432.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô lượng *(appamāṇa)* làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1433.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán; nặng về quả rồi phản khán, nặng về Níp Bàn rồi phản khán. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)* bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô lượng *(appamāṇa)* làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1434.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu và vô lượng bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô lượng làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1435.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Vô gián duyên:

- Uẩn hy thiểu *(paritta)* sanh trước trước làm duyên cho uẩn hy thiểu sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; tâm khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn hy thiểu bằng Vô gián duyên.

1436.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại bằng Vô gián duyên:
- Tâm tử *(cuti)* hy thiểu làm duyên cho tâm sanh *(upapatti)* đáo đại bằng Vô gián duyên.
- Uẩn hy thiểu làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* đáo đại và vị lai thông bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma) sơ* thiền... tâm chỉnh lý Phi tưởng phi phi tưởng xứ... tâm chỉnh lý thiên nhãn... tâm chỉnh lý vị lai thông làm duyên cho vị lai thông bằng Vô gián duyên.

1437.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp vô lượng bằng Vô gián duyên:

Chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo, dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo; thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1438.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Vô gián duyên:

Uẩn đáo đại sanh trước trước làm duyên cho uẩn đáo đại sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1439.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Vô gián duyên:
- Tâm tử *(cuti)* đáo đại làm duyên cho tâm sanh *(upapatti)* hy thiểu *(paritta)* bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* đáo đại làm duyên cho tâm khán môn *(āvajjana)* bằng Vô gián duyên.
- Uẩn đáo đại *(mahaggata)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hy thiểu bằng Vô gián duyên.

1440.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp vô lượng bằng Vô gián duyên:

Khi xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1441.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng bằng Vô gián duyên:
- Uẩn vô lượng sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô lượng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Đạo làm duyên cho quả, quả làm duyên cho quả bằng Vô gián duyên.

1442.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Vô gián duyên:

Quả làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hy thiểu bằng Vô gián duyên.

1443.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp đáo đại bằng Vô gián duyên:

Quả làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* đáo đại bằng Vô gián duyên.

Liên tiếp duyên cũng như Vô gián duyên *(anantarapaccayo)*.

1444.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Đồng sanh duyên:

1 uẩn hy thiểu *(paritta)* làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên; 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn bằng Đồng sanh duyên; 1 đại sung... tóm tắt...; người Vô tưởng...

1445.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại...

Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn đáo đại bằng Đồng sanh duyên.

1446.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại...

1 uẩn đáo đại làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1447.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu...

Uẩn đáo đại làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại làm duyên cho sắc tục sinh bằng Đồng sanh duyên.

1448.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu và pháp đáo đại...

3 uẩn đáo đại làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1449.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng...

1 uẩn vô lượng làm duyên cho 3 uẩn vô lượng bằng Đồng sanh duyên.

1450.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu...

Uẩn vô lượng làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

1451.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu và pháp vô lượng...

Uẩn vô lượng *(appamāṇa)* làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

1452.

Pháp hy thiểu và vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu...

Uẩn vô lượng và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

1453.

Pháp hy thiểu và đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu...

Uẩn đáo đại *(mahaggata)* và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh bằng Đồng sanh duyên.

1454.

Pháp hy thiểu và đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Đồng sanh duyên:

Sát-na tục sinh: 1 uẩn đáo đại và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

1455.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Hỗ tương duyên:

1 uẩn hy thiểu *(paritta)* làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn bằng Hỗ tương duyên; 1 đại sung...; người Vô tưởng...

1456.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại bằng Hỗ tương duyên:

Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn đáo đại bằng Hỗ tương duyên.

1457.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại...

1 uẩn đáo đại làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên. Sát-na tục sinh...

1458.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu...

Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại làm duyên cho vật bằng Hỗ tương duyên.

1459.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu và đáo đại...

Sát-na tục sinh: 1 uẩn đáo đại làm duyên cho 3 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên.

1460.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng...

1 uẩn vô lượng làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên; 2 uẩn...

1461.

Pháp hy thiểu và đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Hỗ tương duyên.

Sát-na tục sinh: 1 uẩn đáo đại và vật làm duyên cho 3 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên.

1462.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Y chỉ duyên:

- 1 uẩn hy thiểu *(paritta)* làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên; 2 uẩn...; sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn bằng Y chỉ duyên; 1 đại sung...; người Vô tưởng: 1 đại sung...
- Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn hy thiểu bằng Y chỉ duyên.

1463.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại...

Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn đáo đại bằng Y chỉ duyên. Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn đáo đại bằng Y chỉ duyên.

1464.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp vô lượng...

Vật làm duyên cho uẩn vô lượng bằng Y chỉ duyên.

1465.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại...

1 uẩn đáo đại làm duyên cho 3 uẩn; 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1466.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu...

Uẩn đáo đại làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại làm duyên cho sắc tục sinh bằng Y chỉ duyên.

1467.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu và đáo đại...

1 uẩn đáo đại làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên; 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1468.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng...

1 uẩn vô lượng làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên.

1469.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu...

Uẩn vô lượng làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

1470.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu và vô lượng...

1 uẩn vô lượng làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

1471.

Pháp hy thiểu và vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu...

Uẩn vô lượng và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

1472.

Pháp hy thiểu và vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng... 1 uẩn vô lượng *(appamāṇa)* và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên: 2 uẩn...

1473.

Pháp hy thiểu và đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu...

Uẩn đáo đại và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh bằng Y chỉ duyên.

1474.

Pháp hy thiểu và đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại...

1 uẩn đáo đại và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên. Sát-na tục sinh: 1 uẩn đáo đại và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên; 2 uẩn...

1475.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin hy thiểu *(paritta)* mạnh có thể bố thí, giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, pháp quán phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới hy thiểu... trí, ái, hy vọng *(patthanā)*, thân lạc... chỗ ở mạnh có thể bố thí, (giữ 5) giới, thọ trì thanh tịnh giới, pháp quán phát sanh, sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin... trí, ái, hy vọng *(patthanā)*, thân lạc,... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin hy thiểu *(paritta)*, trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.
- Nghiệp thiện, bất thiện làm duyên cho dị thục quả bằng Cận y duyên. Sát sanh làm duyên cho sát sanh bằng Cận y duyên. Nên sắp cách luân chuyển *(cakkaṃ kātabbaṃ)*
- Nghiệp sát mẫu làm duyên cho nghiệp sát mẫu bằng Cận y duyên. Nên sắp cách luân chuyển *(cakkaṃ kātabbaṃ)* như tam đề thiện.

1476.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại... có Vô gián cận y, Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin hy thiểu *(paritta)* mạnh có thể làm cho thiền đáo đại *(mahaggata)* sanh, thần thông *(abhiññā)*... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới hy thiểu *(paritta)* mạnh... trí, ái... nương chỗ ở mạnh có thể làm cho thiền đáo đại sanh, thông... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin hy thiểu... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin đáo đại, trí bằng Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ thiền... tâm chỉnh lý Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cận y duyên; tâm chỉnh lý thiên nhãn làm duyên cho vị lai thông...

1477.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp vô lượng bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin hy thiểu *(paritta)* mạnh, dù cho thiền vô lượng *(appamāṇa)* không sanh cũng đặng sanh, đạo... nhập thiền quả phát sanh.
- Nương giới tin hy thiểu mạnh,... trí, ái, hy vọng, thân lạc... chỗ ở mạnh có thể làm cho thiền vô lượng phát sanh,... đạo... quả nhập thiền phát sanh.

- Nương đức tin... chổ ở, hy thiểu *(paritta)* làm duyên cho đức tin vô lượng *(appamāṇa)*, trí, đạo quả nhập thiền bằng Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ đạo làm duyên cho sơ đạo, tâm chỉnh lý tứ đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1478.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đáo đại *(mahaggata)* mạnh có thể làm cho thiền đáo đại phát sanh, thông phát sanh... nhập thiền đặng.
- Nương giới đáo đại... trí mạnh có thể làm cho thiền đáo đại... thông,... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin... trí đáo đại làm duyên cho đức tin, trí đáo đại bằng Cận y duyên.
- Sơ thiền làm duyên cho nhị thiền, Thức vô biên xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cận y duyên.

1479.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu... có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đáo đại mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, pháp quán phát sanh gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới... trí đáo đại mạnh có thể bố thí... pháp quán phát sanh...
- Nương đức tin... trí đáo đại làm duyên cho đức tin,... trí hy thiểu *(paritta)*, thân thức thọ lạc, thân thức thọ khổ bằng Cận y duyên.

1480.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp vô lượng... có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đáo đại mạnh có thể làm cho thiền vô lượng *(appamāṇa)* phát sanh, đạo...; quả nhập thiền phát sanh.
- Nương giới... trí đáo đại mạnh có thể làm cho thiền vô lượng... đạo...; quả nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin... trí đáo đại làm duyên cho đức tin vô lượng, trí, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

1481.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng... có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin vô lượng *(appamāṇa)* mạnh có thể làm cho thiền vô lượng phát sanh, đạo...; quả nhập thiền phát sanh.
- Nương giới... trí vô lượng mạnh có thể làm cho thiền vô lượng *(appamāṇa)*, đạo; quả nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin... trí vô lượng làm duyên cho đức tin, trí vô lượng bằng Cận y duyên.
- Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo... tam đạo làm duyên cho tứ đạo.

1482.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin vô lượng *(appamāṇa)* mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, pháp quán phát sanh.
- Nương giới... trí vô lượng mạnh có thể bố thí,... nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, pháp quán phát sanh...

- Nương đức tin... trí vô lượng làm duyên cho đức tin hy thiểu *(paritta)*, thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên; quả nhập thiền làm duyên cho thân lạc bằng Cận y duyên.
- Chư Thánh nương đạo mạnh, quán ngộ pháp hành *(saṅkhāra)* bằng cách vô thường...
- Thánh đạo làm duyên cho nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông, tri sở *(ṭhāna)* phi sở *(aṭhāna)* bằng Cận y duyên.

1483.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin vô lượng *(appamāṇa)* mạnh có thể làm cho thiền đáo đại *(mahaggata)* phát sanh, thông phát sanh,... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới *(sīla)* vô lượng... trí có thể làm cho thiền đáo đại... thông *(abhiññā)*... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin vô lượng *(appamāṇa)*... trí làm duyên cho đức tin đáo đại, trí bằng Cận y duyên.
- Nương Thánh đạo mạnh dù thiền nhập chưa phát sanh cũng phát sanh đặng.

1484.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, ưu phát.
- Quán ngộ nhĩ... vật bằng lối vô thường... ưu phát sanh.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ...; vật làm duyên cho uẩn hy thiểu *(paritta)* bằng Tiền sanh duyên.

1485.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đáo đại bằng Tiền sanh duyên.

1486.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp vô lượng bằng Tiền sanh duyên:

Vật làm duyên cho uẩn vô lượng *(appamāṇa)* bằng Tiền sanh duyên.

1487.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn hy thiểu làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1488.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn đáo đại làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1489.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn vô lượng *(appamāṇa)* làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1490.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn hy thiểu *(paritta)* sanh trước trước làm duyên cho uẩn hy thiểu sanh sau sau; tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)* bằng Cố hưởng duyên.

1491.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cố hưởng duyên:

- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ thiền làm duyên cho nó (Sơ thiền) bằng Cố hưởng duyên...
- Tâm chỉnh lý Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho nó (Phi tưởng phi phi tưởng xứ) bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm chỉnh lý thiên nhãn... tâm chỉnh lý vị lai thông làm duyên cho vị lai thông bằng Cố hưởng duyên.

1492.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp vô lượng bằng Cố hưởng duyên:

Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo, tâm dũ tịnh làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

1493.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn đáo đại sanh trước trước làm duyên cho uẩn đáo đại sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

1494.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư hy thiểu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Sát-na tục sinh: Tư hy thiểu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

Biệt thời như: Tư hy thiểu làm duyên cho uẩn quả hy thiểu và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1495.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* đáo đại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư đáo đại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên
- Biệt thời như: Tư đáo đại làm duyên cho uẩn quả đáo đại bằng Nghiệp duyên.

1496.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư đáo đại làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư đáo đại làm duyên cho sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư đáo đại làm duyên cho sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1497.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu và đáo đại bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư đáo đại làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư đáo đại làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư đáo đại làm duyên cho uẩn quả đáo đại và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1498.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư vô lượng *(appamāṇa)* làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư vô lượng làm duyên cho uẩn quả vô lượng bằng Nghiệp duyên.

1499.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Nghiệp duyên:

Tư vô lượng làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1500.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu và vô lượng bằng Nghiệp duyên:

Tư vô lượng làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1501.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Quả duyên:

- 1 uẩn quả hy thiểu làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Quả duyên.

1502.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Quả duyên: Có 3 câu đề. Nên sắp bình nhật *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisandhi)*.

1503.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng bằng Quả duyên: Có 3 câu, chỉ có bình nhật *(pavatti)*.

1504.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh.

- Đồng sanh như: Uẩn hy thiểu làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn hy thiểu làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên.
- Uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Bất tương ưng duyên; thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Bất tương ưng duyên; vật làm duyên cho uẩn hy thiểu bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hy thiểu *(paritta)* làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1505.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn đáo đại bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đáo đại bằng Bất tương ưng duyên.

1506.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp vô lượng bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô lượng bằng Bất tương ưng duyên.

1507.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Bất tương ưng duyên có Tiền sanh và Hậu sanh:

- Tiền sanh như: Uẩn đáo đại làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn đáo đại làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1508.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn vô lượng làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô lượng làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1509.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: 1 uẩn hy thiểu làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Hiện hữu duyên; 1 đại sung... tóm tắt... người Vô tưởng...
- Tiền sanh như: Nhãn... quán ngộ vật bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, ưu phát.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên. nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Hiện hữu duyên, thân xứ làm duyên cho thân thức. Vật làm duyên cho uẩn hy thiểu bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hy thiểu làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên. Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1510.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh, vật làm duyên cho uẩn đáo đại bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng, vật làm duyên cho uẩn đáo đại bằng Hiện hữu duyên.

1511.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp vô lượng bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô lượng bằng Hiện hữu duyên.

1512.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn đáo đại làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1513.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn đáo đại làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn đáo đại làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1514.

Pháp đáo đại làm duyên cho chư pháp hy thiểu và đáo đại bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn đáo đại làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1515.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn vô lượng *(appamāṇa)* làm duyên cho 3 uẩn.

1516.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn vô lượng làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô lượng làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1517.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu và vô lượng bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn vô lượng làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.

1518.

Pháp hy thiểu và vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn vô lượng và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô lượng và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô lượng và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1519.

Pháp hy thiểu và pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn vô lượng và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

1520.

Pháp hy thiểu và đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn đáo đại và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn đáo đại và đoàn thực làm duyên cho thân ấy.
- Hậu sanh như: Uẩn đáo đại và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1521.

* Pháp hy thiểu và đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

  Đồng sanh như: 1 uẩn đáo đại và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn..., sát-na tục sinh: 1 uẩn đáo đại và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và vật...

* ... Bằng Hiện hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

1522.

Nhân 7, Cảnh 7, Trưởng 7, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 11, Hỗ tương 7, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 4, Nghiệp 7, Quả, Thực, Quyền, Thiền, Đạo đều có 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 13; nên sắp như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1523.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

1524.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1525.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp vô lượng bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1526.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1527.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

1528.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp vô lượng bằng Cận y duyên.

1529.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu và đáo đại bằng Đồng sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

1530.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1531.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

1532.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1533.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu và vô lượng bằng Đồng sanh duyên.

1534.

Pháp hy thiểu và pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1535.

Pháp hy thiểu và pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng... có Đồng sanh và Tiền sanh.

1536.

Pháp hy thiểu và pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1537.

Pháp hy thiểu và pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại... có Đồng sanh và Tiền sanh.

1538.

Phi Nhân 15, phi Cảnh 15, phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp đều có 15, phi Đồng sanh 12, phi Hỗ tương 12, phi Y chỉ 12, phi Cận y 14, phi Tiền sanh 14, phi Hậu sanh 15, phi Cố hưởng 15, tóm tắt... phi Đạo 15, phi Tương ưng 12, phi Bất tương ưng 10, phi Hiện hữu 10, phi Vô hữu 15, phi Ly 15, phi Bất ly 10; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1539.

Nhân duyên có phi Cảnh 7,... phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp đều có 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7,... tóm tắt... phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1540.

Phi Nhân duyên có Cảnh 7,... Trưởng 7, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 11, Hỗ tương 7, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 4, Nghiệp 7, tóm tắt,... Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 13, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 13.

Dứt cách nghịch, thuận

Tam đề hy thiểu (paritta) thứ 12 chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ CẢNH HI THIỂU *(PARITTĀRAMMAṆATTIKA)*

1541.

Pháp cảnh hy thiểu liên quan pháp cảnh hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn cảnh hy thiểu, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn cảnh hy thiểu, 2 uẩn...

1542.

Pháp cảnh đáo đại liên quan pháp cảnh đáo đại sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn cảnh đáo đại, 2 uẩn...; sát-na tục sinh:... cảnh đáo đại...

1543.

Pháp cảnh vô lượng liên quan pháp cảnh vô lượng sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn cảnh vô lượng, 2 uẩn...

1544.

Pháp cảnh hy thiểu liên quan pháp cảnh hy thiểu sanh ra do Cảnh duyên, do Trưởng duyên,... tóm tắt... Bất ly duyên.

1545.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 3,... tóm tắt..., Bất ly 3. Nên đếm như thế

Dứt cách thuận (anuloma)

1546.

Pháp cảnh hy thiểu liên quan pháp cảnh hy thiểu sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân cảnh hy thiểu, 2 uẩn...; sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn liên quan 1 uẩn cảnh hy thiểu, 2 uẩn... si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1547.

Pháp cảnh đáo đại liên quan pháp cảnh đáo đại... do phi Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân cảnh đáo đại, 2 uẩn... si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1548.

Pháp cảnh vô lượng liên quan pháp cảnh vô lượng... do phi Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân cảnh vô lượng *(appamāṇārammaṇa)*, 2 uẩn...

1549.

Pháp cảnh hy thiểu liên quan pháp cảnh hy thiểu sanh ra do phi Trưởng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn cảnh hy thiểu *(parittārammaṇa)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1550.

Pháp cảnh đáo đại liên quan pháp cảnh đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn cảnh đáo đại *(mahaggatārammaṇa)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1551.

Pháp cảnh vô lượng liên quan pháp cảnh vô lượng sanh ra do phi Trưởng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn cảnh vô lượng, 2 uẩn...

1552.

Pháp cảnh hy thiểu liên quan pháp cảnh hy thiểu sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc: 3 uẩn cảnh hy thiểu,... Sát-na tục sinh...

1553.

* Pháp cảnh đáo đại liên quan pháp cảnh đáo đại... do phi Tiền sanh duyên:

  Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh đáo đại, 2 uẩn...

* ... Do phi Tiền sanh duyên: Cảnh đáo đại không có tục sinh.

1554.

* Pháp biết cảnh vô lượng liên quan pháp biết cảnh vô lượng... do phi Tiền sanh duyên:

  Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh vô lượng, 2 uẩn...

* ... Do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên: Cũng như phi Trưởng duyên.

1555.

Pháp biết cảnh hy thiểu liên quan pháp biết cảnh hy thiểu... do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* cảnh hy thiểu liên quan uẩn cảnh hy thiểu.

1556.

Pháp cảnh đáo đại liên quan pháp cảnh đáo đại... do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* cảnh đáo đại liên quan uẩn cảnh đáo đại.

1557.

Pháp cảnh vô lượng liên quan pháp cảnh vô lượng... do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* cảnh vô lượng liên quan uẩn cảnh vô lượng.

1558.

* Pháp cảnh hy thiểu liên quan pháp cảnh hy thiểu... do phi Quả duyên: Không có tục sinh.

* ... Do phi Thiền duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh ngũ thức *(viññāna)*, 2 uẩn...

∗ ... Do phi Đạo duyên:
1 uẩn cảnh hy thiểu vô Nhân, 2 uẩn... Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn...

1559.
Pháp cảnh đáo đại liên quan pháp cảnh đáo đại... do phi Đạo duyên:
... 1 uẩn cảnh đáo đại vô Nhân, 2 uẩn...

1560.
Pháp biết cảnh vô lượng liên quan pháp biết cảnh vô lượng... do phi Đạo duyên:
1 uẩn vô nhân biết cảnh vô lượng *(appamāṇārammaṇa)*, 2 uẩn...

1561.
Pháp biết cảnh hy thiểu liên quan pháp biết cảnh hy thiểu... do phi Bất tương ưng duyên:
Cõi Vô sắc: 1 uẩn biết cảnh hy thiểu *(parittārammaṇa)*.

1562.
Pháp biết cảnh đáo đại liên quan pháp biết cảnh đáo đại... do phi Bất tương ưng duyên:
... 1 uẩn biết cảnh đáo đại Vô sắc.

1563.
Pháp biết cảnh vô lượng liên quan pháp biết cảnh vô lượng... do phi Bất tương ưng duyên:
... 1 uẩn biết cảnh vô lượng trong Vô sắc, 2 uẩn...

1564.
Phi Nhân 3, phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1565.
Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3; nên đếm như thế.

1566.
Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 2, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận
Hết phần liên quan *(Paṭiccavāra)*

Phần đồng sanh *(sahajāta)*, phần ỷ trượng *(paccaya)*, phần y chỉ *(nissaya)* phần hòa hợp *(saṅsaṭṭha)*, phần tương ưng *(sampayutta)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1567.
Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Nhân duyên...
Nhân *(hetu)* biết cảnh hy thiểu làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân biết cảnh hy thiểu làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1568.
Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Nhân duyên:

Nhân biết cảnh đáo đại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

1569.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Nhân duyên:

Nhân biết cảnh vô lượng làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1570.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, rồi nhớ lại. Nhớ thiện đã từng làm chứa để.
- Chư Thánh phản khán phiền não biết cảnh hy thiểu đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, biết rõ phiền não từng sanh trước kia.
- Quán ngộ uẩn hy thiểu biết cảnh hy thiểu bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu biết cảnh hy thiểu phát sanh.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm biết cảnh hy thiểu.
- Uẩn hy thiểu biết cảnh hy thiểu làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1571.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cảnh duyên:

- Phản khán thiên nhãn, phản khán thiên nhĩ, phản khán thần thông biết cảnh hy thiểu, phản khán tha tâm thông... túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông.
- Quán ngộ uẩn đáo đại biết cảnh hy thiểu bằng lối vô thường,... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái... ưu biết cảnh đáo đại sanh ra.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm cảnh hy thiểu biết pháp đáo đại.
- Uẩn đáo đại biết cảnh hy thiểu làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1572.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cảnh duyên:

- ... phản khán Thức vô biên xứ, phản khán Phi tưởng phi phi tưởng xứ, phản khán cảnh đáo đại, phản khán tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông.
- Quán ngộ uẩn đáo đại biết cảnh đáo đại bằng lối vô thường,... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái... ưu biết cảnh đáo đại sanh ra.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm đáo đại biết cảnh đáo đại.
- Uẩn đáo đại biết cảnh đáo đại làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1573.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Cảnh duyên:

- Nhớ lại sát-na phản khán sơ thiền, nhớ lại sát-na phản khán Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhớ lại sát-na phản khán thiên nhãn, nhớ lại sát-na phản khán thiên nhĩ,... thần thông,... tha tâm thông,... túc mạng thông,... tùy nghiệp thông, nhớ lại sát-na phản khán vị lai thông.
- Chư Thánh phản khán phiền não biết cảnh đáo đại đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, rõ biết phiền não đã từng sanh.
- Quán ngộ uẩn hy thiểu biết cảnh đáo đại bằng lối vô thường,... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái... ưu biết cảnh hy thiểu sanh ra.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm hy thiểu biết cảnh đáo đại.

- Uẩn hy thiểu biết cảnh đáo đại làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán môn bằng Cảnh duyên.

1574.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm hy thiểu biết cảnh vô lượng.
- Uẩn biết cảnh vô lượng làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên *(Ārammaṇapaccayo)*.

1575.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh phản khán chuyển tộc *(gotrabhū)*, phản khán dũ tịnh *(vodanā)*, nhớ lại sát-na phản khán đạo, nhớ lại sát-na phản khán quả, nhớ lại sát-na phản khán Níp Bàn.
- Phản khán uẩn hy thiểu biết cảnh vô lượng bằng vô thường...
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm hy thiểu biết cảnh vô lượng.
- Uẩn hy thiểu biết vô lượng làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1576.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cảnh duyên:

Chư Thánh phản khán tha tâm thông biết cảnh vô lượng... làm duyên cho túc mạng thông, vị lai thông và khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1577.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng về đó mới nhớ lại.
- Nặng về thiện đã từng làm chứa để rồi phản khán.
- Nặng về uẩn hy thiểu biết cảnh hy thiểu rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó nên ái sanh, tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng biết cảnh hy thiểu làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1578.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như: Nặng về thiên nhãn rồi phản khán, nặng về thiên nhĩ rồi phản khán,... Nặng về thần thông biết cảnh hy thiểu... tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, nặng về vị lai thông rồi phản khán.
- Nặng về uẩn đáo đại biết cảnh hy thiểu rồi thỏa thích, do nặng đó rồi ái, tà kiến biết cảnh đáo đại mới sanh ra.

1579.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Nặng về Thức vô biên xứ rồi mới phản khán, nặng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ,... Nặng về thần thông *(idhividhañāṇa)* biết cảnh đáo đại... tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông,... Nặng về vị lai thông rồi phản khán.
- Nặng về uẩn đáo đại biết cảnh đáo đại rồi thỏa thích, do nặng đó rồi ái, tà kiến biết cảnh đáo đại mới sanh ra.

- Trưởng đồng sanh như: Trưởng biết cảnh đáo đại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1580.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về sát-na phản khán sơ thiền rồi nhớ lại. Nặng về sát-na phản khán vị lai thông rồi nhớ lại. Nặng về uẩn hy thiểu biết cảnh đáo đại rồi thỏa thích, do nặng đó rồi ái, tà kiến biết cảnh hy thiểu mới phát sanh.

1581.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán, nặng về quả rồi phản khán.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng biết cảnh vô lượng làm duyên cho uẩn tương ưng.

1582.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu...

Trưởng cảnh như: Chư hữu học nặng về chuyển tộc *(gotrabhū)* rồi phản khán, nặng về dũ tịnh *(vodanā)* rồi phản khán. Nặng về sát-na phản khán đạo rồi nhớ lại. Nặng về sát-na phản khán quả rồi nhớ lại. Nặng về sát-na phản khán Níp Bàn rồi nhớ lại.

1583.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Chư hữu học nặng về tha tâm thông biết cảnh vô lượng rồi phản khán. Nặng về túc mạng thông rồi phản khán, nặng về vị lai thông rồi phản khán.

1584.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Vô gián duyên:

Uẩn biết cảnh hy thiểu sanh trước làm duyên cho uẩn sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1585.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử *(cuti)* biết cảnh hy thiểu làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* biết cảnh đáo đại bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho khán (ý) môn *(āvajjana)* biết cảnh đáo đại bằng Vô gián duyên.
- Uẩn biết cảnh hy thiểu làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh đáo đại bằng Vô gián duyên.

1586.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Vô gián duyên:

Tâm thuận thứ *(anuloma)* biết cảnh hy thiểu làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*, thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1587.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Vô gián duyên:

Uẩn biết cảnh đáo đại sanh trước làm duyên cho uẩn sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1588.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử *(cuti)* biết cảnh đáo đại làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* biết cảnh hy thiểu bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp biết cảnh đáo đại làm duyên cho khán (ý) môn *(āvajjana)* biết cảnh hy thiểu bằng Vô gián duyên.
- Uẩn biết cảnh đáo đại làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh hy thiểu bằng Vô gián duyên.

1589.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Vô gián duyên:

Tâm thuận thứ *(anuloma)* biết cảnh đáo đại làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*, thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền. Xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1590.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Vô gián duyên:

- Uẩn biết cảnh vô lượng sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh vô lượng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo, dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo, đạo làm duyên cho quả, quả làm duyên cho quả bằng Vô gián duyên.

1591.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Vô gián duyên:

- Phản khán đạo làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh hy thiểu.
- Phản khán quả làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh hy thiểu.
- Phản khán Níp Bàn làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh hy thiểu.
- Tha tâm thông *(cetopariyañāṇa)* biết cảnh vô lượng làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh hy thiểu.
- Túc mạng thông làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh hy thiểu.
- Vị lai thông làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh hy thiểu.
- Quả làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh hy thiểu bằng Vô gián duyên.

1592.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Vô gián duyên:

- Phản khán đạo làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh đáo đại.
- Phản khán quả làm duyên cho... biết cảnh đáo đại. Phản khán Níp Bàn làm duyên... biết cảnh đáo đại.
- Quả làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh đáo đại bằng Vô gián duyên.

1593.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Liên tiếp duyên như Vô gián duyên.

1594.

∗ Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Đồng sanh duyên; bằng Hỗ tương duyên, bằng Y chỉ duyên: Có 3 câu. Nên sắp như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ ... Bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin biết cảnh hy thiểu mạnh có thể làm cho bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền biết cảnh hy thiểu phát sanh, pháp quán... thần thông, nhập thiền phát sanh, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.

- Nương giới biết cảnh hy thiểu mạnh... trí, ái, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hy vọng, thân lạc,... thân khổ mạnh có thể làm cho bố thí, nguyện giữ ngũ giới,... thọ trì thanh tịnh giới, thiền biết cảnh hy thiểu phát sanh, pháp quán... thần thông, nhập thiền phát sanh, sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin biết cảnh hy thiểu mạnh... trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ làm duyên cho đức tin biết cảnh hy thiểu; trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.

1595.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin biết cảnh hy thiểu mạnh làm cho thiền biết cảnh đáo đại, pháp quán... thần thông,... nhập thiền phát sanh, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới biết cảnh hy thiểu mạnh... ái, hy vọng, thân lạc,... thân khổ mạnh có thể làm cho thiền biết cảnh đáo đại; pháp quán... thần thông,... nhập thiền phát sanh, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương đức tin biết cảnh hy thiểu mạnh... thân lạc, thân khổ làm duyên cho đức tin, trí, ái, hy vọng biết cảnh đáo đại bằng Cận y duyên.

1596.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin biết cảnh hy thiểu mạnh làm cho thiền biết cảnh vô lượng phát sanh, đạo,... thông, nhập thiền phát sanh.
- Nương giới biết cảnh hy thiểu mạnh... trí, ái, thân lạc,... thân khổ mạnh làm cho thiền biết cảnh vô lượng phát sanh, đạo,... thông, nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin biết cảnh hy thiểu, thân lạc, thân khổ làm duyên cho đức tin, trí biết cảnh vô lượng bằng Cận y duyên.

1597.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin biết cảnh đáo đại mạnh có thể làm cho thiền biết cảnh đáo đại phát sanh, pháp quán... thần thông, nhập thiền, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới biết cảnh đáo đại mạnh... trí, ái,... hy vọng mạnh có thể làm cho thiền biết cảnh đáo đại phát sanh,... chấp tà kiến.
- Nương đức tin biết cảnh đáo đại,... Trí,... ái, hy vọng mạnh làm duyên cho đức tin, hy vọng biết cảnh đáo đại bằng Cận y duyên.

1598.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin biết cảnh đáo đại mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền biết cảnh hy thiểu phát sanh... pháp quán... thần thông, nhập thiền, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới biết cảnh đáo đại... hy vọng mạnh có thể bố thí... chấp tà kiến.
- Nương đức tin biết cảnh đáo đại, hy vọng làm duyên cho đức tin biết cảnh hy thiểu, hy vọng, thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.

1599.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin biết cảnh đáo đại mạnh làm duyên cho thiền biết cảnh vô lượng... Đạo... thần thông, nhập thiền phát sanh.
- Nương giới... hy vọng biết cảnh đáo đại mạnh làm duyên cho thiền biết cảnh vô lượng... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin... hy vọng biết cảnh đáo đại làm duyên cho đức tin, trí biết cảnh vô lượng, trí bằng Cận y duyên.

1600.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin biết cảnh vô lượng mạnh làm duyên cho thiền biết cảnh vô lượng... đạo... thông,... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới... trí biết cảnh vô lượng mạnh làm duyên cho thiền biết cảnh vô lượng... đạo... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin... trí biết cảnh vô lượng làm duyên cho đức tin, trí biết cảnh vô lượng và quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

1601.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin biết cảnh vô lượng mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền biết cảnh hy thiểu phát sanh... pháp quán... thông,... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới... trí biết cảnh vô lượng mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin... trí biết cảnh vô lượng làm duyên cho đức tin, trí biết cảnh hy thiểu, thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.

1602.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin biết cảnh vô lượng mạnh làm duyên cho thiền biết cảnh đáo đại phát sanh, pháp quán... thần thông,... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới... trí biết cảnh vô lượng mạnh làm cho thiền biết cảnh đáo đại, pháp quán... thông,... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin... trí biết cảnh vô lượng làm duyên cho đức tin, trí biết cảnh đáo đại bằng Cận y duyên.

1603.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn biết cảnh hy thiểu sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh hy thiểu sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

1604.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cố hưởng duyên:

Tâm thuận thứ *(anuloma)* biết cảnh hy thiểu làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ biết cảnh hy thiểu làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)* bằng Cố hưởng duyên.

1605.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn biết cảnh đáo đại sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh đáo đại sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

1606.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cố hưởng duyên:

Tâm thuận thứ biết cảnh đáo đại làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)* bằng Cố hưởng duyên.

1607.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn biết cảnh vô lượng sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh vô lượng sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên. Chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

1608.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư biết cảnh hy thiểu làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư biết cảnh hy thiểu làm duyên cho uẩn quả biết cảnh hy thiểu bằng Nghiệp duyên.

1609.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư biết cảnh đáo đại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư biết cảnh đáo đại làm duyên cho uẩn quả biết cảnh đáo đại bằng Nghiệp duyên.

1610.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Nghiệp duyên:

Đồng sanh như: Tư biết cảnh đáo đại làm duyên cho uẩn quả biết cảnh hy thiểu bằng Nghiệp duyên.

1611.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư biết cảnh vô lượng làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư biết cảnh vô lượng làm duyên cho uẩn quả biết cảnh vô lượng bằng Nghiệp duyên.

1612.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Nghiệp duyên:

Đồng sanh như: Tư biết cảnh vô lượng làm duyên cho uẩn quả biết cảnh hy thiểu bằng Nghiệp duyên.

1613.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Quả duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Hiện hữu duyên, bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

1614.

Nhân 3, Cảnh 7, Trưởng 7, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Cố hưởng 5, Nghiệp 5, Quả 3, Thực 3, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu đều có 3, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 13; Nên sắp như thế.

Hết cách thuận (anuloma)

1615.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

1616.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1617.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cận y duyên.

1618.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1619.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

1620.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cận y duyên.

1621.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1622.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

1623.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1624.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 9, phi Y chỉ 9, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, tóm tắt... phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1625.

Nhân duyên cho phi Cảnh 3,... phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng đều có 3, tóm tắt... phi Đạo, phi Bất tương ưng, phi Vô hữu, phi Ly đều có 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1626.

Phi Nhân duyên có Cảnh 7,... Trưởng 7, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Cố hưởng 5, Nghiệp 5, Quả 3... tóm tắt..., Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

Tam đề biết cảnh hy thiểu thứ 13 chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ TY HẠ *(HĪNATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1627.

∗ Pháp ty hạ liên quan pháp ty hạ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn ty hạ, 3 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp trung bình liên quan pháp ty hạ sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ty hạ *(hīra)*.

∗ Pháp ty hạ và trung bình liên quan pháp ty hạ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ty hạ, 2 uẩn...

1628.

Pháp trung bình liên quan pháp trung bình...
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn trung bình *(majjhima)*; 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... 1 đại sung. Sắc nương tâm sanh và sắc tục sinh thuộc sắc y sinh *(upādā)* liên quan đại sung.

1629.

Pháp tinh lương liên quan pháp tinh lương sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1630.

Pháp trung bình liên quan chư pháp trung bình và tinh lương... do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn trung bình *(majjhima)* và đại sung.

1631.

Pháp trung bình liên quan chư pháp ty hạ và trung bình... do Nhân duyên:

- Sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn ty hạ *(hīna)* và đại sung.
- Tam đề ty hạ *(hīnattika)* phân rộng như tam đề phiền toái *(saṅkiliṭṭhattika)*.

Tam đề ty hạ thứ 14 chỉ có bấy nhiêu.

TAM ĐỀ TÀ *(MICCHATTATIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1632.

∗ Pháp tà (cho quả) nhứt định liên quan pháp tà (cho quả) nhứt định sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn tà (cho quả) nhứt định *(micchattaniyata)*, 2 uẩn...

∗ Pháp bất định liên quan pháp tà (cho quả) nhứt định sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn tà (cho quả) nhứt định.

∗ Chư pháp tà (cho quả) nhứt định và bất định liên quan pháp tà (cho quả) nhứt định sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn tà (cho quả) nhứt định; 2 uẩn...

1633.

Pháp chánh cho quả nhứt định liên quan pháp chánh cho quả nhứt định... do Nhân duyên: Có 3 câu.

1634.

Pháp bất định liên quan pháp bất định... do Nhân duyên.

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn bất định, 2 uẩn...; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 3 đại sung liên quan 1 đại sung; sắc nương tâm sanh và sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)* liên quan 2 đại sung.

1635.

Pháp bất định liên quan pháp tà cho quả nhứt định và bất định... do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn tà cho quả nhứt định và đại sung.

1636.

Pháp bất định liên quan pháp chánh cho quả nhứt định và pháp bất định... do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)* và đại sung.

1637.

Pháp tà cho quả nhứt định liên quan pháp tà cho quả nhứt định... do Cảnh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn tà cho quả nhứt định, 2 uẩn...

1638.

Pháp chánh cho quả nhứt định liên quan pháp chánh cho quả nhứt định... do Cảnh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)*, 2 uẩn...

1639.

Pháp bất định liên quan pháp bất định sanh ra do Cảnh duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất định, 2 uẩn...; uẩn liên quan vật *(vatthu)*.
- Các duyên nên phân rộng theo cách này,... tóm tắt...

1640.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 9, Quả 1, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 3, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 9; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (*anuloma*)

1641.

Pháp bất định liên quan pháp bất định sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô nhân bất định, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh vô nhân: liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...
- Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1642.

Pháp bất định liên quan pháp tà cho quả nhứt định sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn tà cho quả nhứt định... tóm tắt...

1643.

Pháp tà cho quả nhứt định liên quan pháp tà cho quả nhứt định sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng *(adhipati)* tà cho quả nhứt định liên quan uẩn tà cho quả nhứt định.

1644.

Pháp chánh cho quả nhứt định liên quan pháp chánh cho quả nhứt định sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng chánh cho quả nhứt định liên quan uẩn chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)*.

1645.

Pháp bất định liên quan pháp bất định sanh ra do phi Trưởng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung... tóm tắt... người Vô tưởng...

1646.

Pháp bất định liên quan pháp tà cho quả nhứt định... do phi Vô gián duyên... tóm tắt... tất cả duyên nên sắp rộng.

1647.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 3, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch (paccanīya)

1648.

Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 3, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y đều 5, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1649.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1,... tóm tắt... Ly 1. Nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(sahajatavāra)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)*

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

1650.

∗ Pháp tà cho quả nhứt định nhờ cậy pháp tà cho quả nhứt định... do Nhân duyên: Có 3 câu...

∗ Pháp chánh cho quả nhứt định nhờ cậy pháp chánh cho quả nhứt định... do Nhân duyên: Có 3 câu...

1651.

∗ Pháp bất định nhờ cậy pháp bất định... do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật *(vatthu)*;... nhờ cậy 1 đại sung. uẩn bất định *(aniyatā)* nhờ cậy vật.

∗ Pháp tà cho quả nhứt định nhờ cậy pháp bất định... do Nhân duyên:

Uẩn tà cho quả nhứt định *(micchattaniyata)* nhờ cậy vật.

∗ Pháp chánh cho quả nhứt định nhờ cậy pháp bất định... do Nhân duyên:
Uẩn chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)* nhờ cậy vật.

∗ Pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định nhờ cậy pháp bất định... do Nhân duyên:
Uẩn tà cho quả nhứt định *(micchattaniyata)* nhờ cậy vật. Sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.

∗ Pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định nhờ cậy pháp bất định... do Nhân duyên:
Uẩn chánh cho quả nhứt định nhờ cậy vật. Sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.

1652.

∗ Pháp tà cho quả nhứt định nhờ cậy pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định... do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn tà cho quả nhứt định và vật, 2 uẩn...

∗ Pháp bất định nhờ cậy pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn tà cho quả nhứt định và đại sung.

∗ Pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định nhờ cậy pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định... do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn tà cho quả nhứt định và vật, 2 uẩn... sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn tà cho quả nhứt định và đại sung.

1653.

Pháp chánh cho quả nhứt định nhờ cậy chư pháp chánh cho quả nhứt định và pháp bất định... do Nhân duyên:
Có 3 câu đề như tà cho quả nhứt định *(micchattaniyata)* Nên đếm như thế.

1654.

∗ Pháp tà cho quả nhứt định nhờ cậy pháp tà cho quả nhứt định... do Cảnh duyên... tóm tắt... nên phân rộng ra như phần ỷ trượng *(paccayavāra)* trong tam đề thiện *(kusalattika)*.

∗ ... Do Bất ly duyên.

1655.

Nhân 17, Cảnh 7, Trưởng 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 7, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 7, nghiệp 17, Quả 1, Thực 17, Quyền 17, Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 17; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1656.

Pháp bất định nhờ cậy pháp bất định... do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô nhân bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn... Sát-na tục sinh vô nhân: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật... 1 đại sung *(mahābhūtarūpa)*, người Vô tưởng...
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ. uẩn bất định vô nhân nhờ cậy vật.
- Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật và vật *(vatthu)*.

1657.

Pháp bất định nhờ cậy pháp tà cho quả nhứt định... do phi Cảnh duyên:
Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn tà cho quả nhứt định *(niyata)*, nên sắp thành 5 câu như tam đề thiện *(kusalattika)*.

1658.
Pháp tà cho quả nhứt định nhờ cậy pháp tà cho quả nhứt định... do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* tà cho quả nhứt định nhờ cậy uẩn tà cho quả nhứt định *(micchattaniyata)*.

1659.
Pháp chánh cho quả nhứt định nhờ cậy pháp chánh cho quả nhứt định... do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* chánh cho quả nhứt định nhờ cậy uẩn chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)*.

1660.
∗ Pháp bất định nhờ cậy pháp bất định... do phi Trưởng duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn... Sát-na tục sinh:... tóm tắt... người Vô tưởng...;
- ... nhờ cậy nhãn xứ,... nhờ cậy thân xứ. uẩn bất định nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp tà cho quả nhứt định nhờ cậy pháp bất định... do phi Trưởng duyên:
Trưởng tà cho quả nhứt định nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp chánh cho quả nhứt định nhờ cậy pháp bất định... do phi Trưởng duyên:
Trưởng chánh cho quả nhứt định nhờ cậy vật.

1661.
Pháp tà cho quả nhứt định nhờ cậy chư pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định... do phi Trưởng duyên:
Trưởng tà cho quả nhứt định nhờ cậy uẩn tà cho quả nhứt định và vật.

1662.
Pháp chánh cho quả nhứt định nhờ cậy pháp chánh cho quả nhứt định và pháp bất định... do phi Trưởng duyên:
Trưởng chánh cho quả nhứt định nhờ cậy uẩn chánh cho quả nhứt định và vật.

1663.
Pháp bất định nhờ cậy pháp tà cho quả nhứt định... do Vô gián duyên,... tóm tắt... do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

1664.
Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 7, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 7, phi Quả 17; phi Thực 1, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo đều có 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1665.
Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 7, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1666.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1,... tóm tắt... Bất ly 1; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần ỷ trượng (paccayavāra)

Phần y chỉ *(nissaya)*, như phần ỷ trượng *(paccaya)*

Phần Hòa Hợp (Saṅsaṭṭhavāra)

1667.
Pháp tà cho quả nhứt định hòa hợp pháp tà cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp *(saṅsaṭṭha)*1 uẩn tà cho quả nhứt định, 2 uẩn...

1668.
Pháp chánh cho quả nhứt định hòa hợp pháp chánh cho quả nhứt định... do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn chánh cho quả nhứt định, 2 uẩn...;

1669.
Pháp bất định hòa hợp pháp bất định... do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn bất định, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1670.
Pháp tà cho quả nhứt định hòa hợp pháp tà cho quả nhứt định... do Cảnh duyên,... tóm tắt... do Bất ly duyên.

1671.
Nhân 3, Cảnh 3,... tóm tắt... Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1672.
Pháp bất định hòa hợp pháp bất định... do phi Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân bất định, 2 uẩn...; sát-na tục sinh vô nhân...

1673.
Pháp tà cho quả nhứt định hòa hợp pháp tà cho quả nhứt định sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng tà cho quả nhứt định *(micchattaniyata)* hòa hợp uẩn tà cho quả nhứt định.

1674.
Pháp chánh cho quả nhứt định hòa hợp pháp chánh cho quả nhứt định sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)* hòa hợp uẩn chánh cho quả nhứt định.

1675.
Pháp bất định hòa hợp pháp bất định... do phi Trưởng duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1676.
Pháp chánh cho quả nhứt định hòa hợp pháp chánh cho quả nhứt định sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)*, 2 uẩn...

1677.
Pháp bất định hòa hợp pháp bất định... do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1678.

Pháp tà cho quả nhứt định hòa hợp pháp tà cho quả nhứt định... do phi Hậu sanh duyên: Nên sắp đầy đủ.

1679.

Pháp bất định hòa hợp pháp bất định... do phi Cố hưởng duyên:

... hòa hợp 1 uẩn bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1680.

Pháp tà cho quả nhứt định hòa hợp pháp tà cho quả nhứt định... do phi Nghiệp duyên,... do phi Quả duyên.

1681.

- Pháp bất định hòa hợp pháp bất định... do phi Thiền duyên: Ngũ thức *(viññāṇa)*...
- ... do phi Đạo duyên: Pháp bất định vô nhân...

1682.

Pháp chánh cho quả nhứt định hòa hợp pháp chánh cho quả nhứt định... do phi Bất tương ưng duyên:

Cõi Vô sắc: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn chánh cho quả nhứt định, 2 uẩn...

1683.

Pháp bất định hòa hợp pháp bất định... do Bất tương ưng duyên:

Cõi Vô sắc: 1 bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn...

1684.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1685.

Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 2; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

1686.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1,... tóm tắt... Bất ly 1; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Phần tương ưng *(sampayutta)* như phần hòa hợp *(saṅsaṭṭha)*

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1687.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* tà cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1688.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* tà cho quả nhứt định làm duyên cho sắc nương tâm sanh.

1689.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho chư pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* tà cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1690.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

1691.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Nhân duyên:

Nhân bất định làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh. Sát-na tục sinh...

1692.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh phản khán phiền não tà cho quả nhứt định đã trừ, rõ phiền não từng sanh; quán ngộ uẩn tà cho quả nhứt định bằng vô thường...
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm tà cho quả nhứt định.
- Uẩn tà cho quả nhứt định làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1693.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm chánh cho quả nhứt định.
- Uẩn chánh cho quả nhứt định làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông và khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1694.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, rồi mới phản khán. Nhớ thiện đã từng làm chứa để.
- Xuất thiền phản khán thiền. Chư Thánh phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, Quả luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não bất định *(aniyatā)* đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, phản khán phiền não đã từng sanh.
- Quán ngộ nhãn... vật... uẩn bất định bằng vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu bất định phát sanh.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm bất định *(aniyatā)*.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ; Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.
- Uẩn bất định làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1695.

Pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Cảnh duyên:

- Sắc mạng quyền làm duyên cho nghiệp giết mẹ, nghiệp giết cha, giết La-hán, chích Phật thân huyết bằng Cảnh duyên.
- Nương nhờ trái tim nên uẩn tà cho quả nhứt định sanh ra, trái tim ấy làm duyên cho uẩn tà cho quả nhứt định bằng Cảnh duyên.

1696.

Pháp bất định làm duyên cho pháp chánh nhứt định bằng Cảnh duyên:

Níp Bàn làm duyên cho đạo bằng Cảnh duyên.

1697.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng tà cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1698.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng tà cho quả nhứt định làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1699.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng tà cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1700.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng chánh cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1701.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng chánh cho quả nhứt định làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1702.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định và pháp bất định bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh.

1703.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới nặng về đó rồi phản khán, nặng về thiện đã từng làm chứa để rồi phản khán.
- Chư Thánh nặng về quả rồi phản khán. Nặng về Níp Bàn rồi phản khán. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, Quả bằng Trưởng duyên.
- Nặng về nhãn... vật... Nặng về uẩn bất định *(aniyatā)* rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái bất định phát sanh.

Trưởng đồng sanh như: Trưởng bất định làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1704.

Pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Níp Bàn làm duyên cho đạo bằng Trưởng duyên.

1705.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Vô gián duyên:

Uẩn tà cho quả nhứt định làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

1706.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Vô gián duyên: đạo làm duyên cho quả bằng Vô gián duyên.

1707.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Vô gián duyên:

- Uẩn bất định sanh trước trước làm duyên cho uẩn bất định sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*; tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*, quả làm duyên cho quả; thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền. xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1708.

Pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Vô gián duyên:

Ưu bất định làm duyên cho ưu tà cho quả nhứt định bằng Vô gián duyên. Tà kiến bất định làm duyên cho tà kiến nhứt định bằng Vô gián duyên.

1709.

Pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Vô gián duyên:

Chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo bằng Vô gián duyên.

1710.

- ∗ Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Liên tiếp duyên: Như Vô gián duyên.
- ∗ ... Bằng Đồng sanh duyên có 9 câu như phần liên quan.
- ∗ ... Bằng Hỗ tương duyên có 3 câu như phần liên quan.
- ∗ ... Bằng Y chỉ duyên có 13 câu như tam đề thiện.

1711.

- ∗ Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Cận y duyên:
  - Thuần cận y như: nghiệp giết mẹ làm duyên cho nghiệp giết cha bằng Cận y duyên.
  - Nghiệp giết mẹ... nghiệp giết cha... giết La-hán... chích Phật thân huyết... nghiệp phá hòa hợp Tăng... làm duyên cho tà kiến nhứt định bằng Cận y duyên.

  Nên sắp cách luân *(cakaṃ kātabbaṃ)*.

- ∗ Tà kiến nhứt định làm duyên cho tà kiến nhứt định bằng Cận y duyên:

  Tà kiến nhứt định làm duyên cho nghiệp giết mẹ... nghiệp phá hòa hợp Tăng bằng Cận y duyên.

1712.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Người hạ mạng mẹ, vì ngăn ngừa nghiệp (ác) ấy có thể khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới.
- Người hạ mạng cha, vì ngăn nghiệp ấy... người hạ mạng La-hán... người chích máu thân Phật... người phá hòa hợp Tăng vì ngăn ngừa nghiệp ấy có thể bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh giới.

1713.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo bằng Cận y duyên. Tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1714.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Chư Thánh nương đạo mạnh dù thiền nhập không đặng cũng để đặng sanh. Quán ngộ Hành bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Đạo Thánh *(ariyamagga)* làm duyên cho nghĩa đạt thông *(atthapaṭisambhidā)*... tri sở phi sở (thānāthānākosalla) bằng Cận y duyên.
- Đạo làm duyên cho quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

1715.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin bất định mạnh có thể khi bố thí,... nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền... thông, nhập thiền, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới bất định mạnh... đa văn, xả thí, trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... mạnh có thể bố thí, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin bất định mạnh... trí,... ái chỗ ở làm duyên cho đức tin bất định, thân lạc, thân khổ luôn quả nhập thiền bằng Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ thiền làm duyên cho y (sơ thiền).
- Tâm chỉnh lý Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho y (Phi tưởng phi phi tưởng xứ).
- Sơ thiền làm duyên cho nhị thiền, Thức vô biên xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
- Sát sanh làm duyên cho sát sanh bằng Cận y duyên.

  Nên sắp cách luân *(cakka)*.

1716.

Pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái bất định mạnh có thể hạ mạng mẹ... phá hòa hợp Tăng.
- Nương sân bất định mạnh... hy vọng, thân lạc... chỗ ở mạnh có thể hạ mạng mẹ... phá hòa hợp Tăng.
- Nương ái bất định... chỗ ở làm duyên cho nghiệp sát phụ, nghiệp sát mẫu, nghiệp sát La-hán, nghiệp chích Phật thân huyết, nghiệp phá hòa hợp Tăng luôn tà kiến nhứt định bằng Cận y duyên.

1717.

Pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ đạo làm duyên cho sơ đạo... tâm chỉnh lý tứ đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1718.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái bất định phát sanh.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ...; vật làm duyên cho uẩn bất định bằng Tiền sanh duyên.

1719.

Pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Sắc mạng quyền làm duyên cho nghiệp sát mẫu, nghiệp sát phụ, nghiệp sát La-hán, nghiệp chích máu thân Phật... bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn tà cho quả nhứt định bằng Tiền sanh duyên.

1720.

Pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Tiền sanh duyên:

Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn chánh cho quả nhứt định bằng Tiền sanh duyên.

1721.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn tà cho quả nhứt định làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1722.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn chánh cho quả nhứt định làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1723.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn bất định làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1724.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn bất định sanh trước trước làm duyên cho uẩn bất định sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên. Tâm thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)* bằng Cố hưởng duyên.

1725.

Pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Cố hưởng duyên:

Ưu bất định *(aniyatā)* làm duyên cho ưu tà cho quả nhứt định bằng Cố hưởng duyên. Tà kiến bất định làm duyên cho tà cho quả nhứt định bằng Cố hưởng duyên.

1726.

Pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Cố hưởng duyên:

Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

1727.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* tà cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

1728.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư tà cho quả nhứt định làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư tà cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1729.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định bằng Nghiệp duyên:

Tư tà cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1730.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Nghiệp duyên:

Tư chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)* làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

1731.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư chánh cho quả nhứt định làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư chánh cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn quả bằng Nghiệp duyên.

1732.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định và pháp bất định bằng Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* chánh cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1733.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* bất định làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh...
- Biệt thời như: Tư bất định *(aniyatā)* làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1734.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Quả duyên:

1 uẩn quả bất định làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật.

1735.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên.

1736.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn tà cho quả nhứt định làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn tà cho quả nhứt định làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1737.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Uẩn chánh cho quả nhứt định làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn chánh cho quả nhứt định làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1738.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn bất định làm duyên cho sắc nương tâm sanh. Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn bất định bằng Bất tương ưng duyên *(vippayutta-paccayo)*.
- Hậu sanh như: Uẩn bất định làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1739.

Pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn tà cho quả nhứt định bằng Bất tương ưng duyên.

1740.

Pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn chánh cho quả nhứt định bằng Bất tương ưng duyên.

1741.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn tà cho quả nhứt định làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.

1742.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn tà cho quả nhứt định làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn tà cho quả nhứt định làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1743.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn tà cho quả nhứt định làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh; 2 uẩn...

1744.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Hiện hữu duyên: Có 3 câu đề.

1745.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: 1 uẩn bất định làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Hiện hữu duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Hiện hữu duyên. 1 đại sung..., người Vô tưởng: 1 đại sung...
- Tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh ưu phát. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức, nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn bất định bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn bất định làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên. Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1746.

Pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Hiện hữu duyên:

- Tiền sanh như: Sắc mạng quyền làm duyên cho nghiệp sát mẫu... nghiệp chích máu thân Phật bằng Hiện hữu duyên.
- Vật làm duyên cho uẩn tà cho quả nhứt định bằng Hiện hữu duyên.

1747.

Pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn chánh cho quả nhứt định bằng Hiện hữu duyên.

1748.

Pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định... có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn tà cho quả nhứt định và vật làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn và...

1749.

Pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định làm duyên cho pháp bất định... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn tà cho quả nhứt định và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn tà cho quả nhứt định và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn tà cho quả nhứt định và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1750.

Pháp chánh cho quả nhứt định và pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Hiện hữu duyên: Có 2 câu đề như tà cho quả nhứt định *(micchattaniyata)*.

1751.

Nhân 7, Cảnh 5, Trưởng 8, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 7, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 7, Quyền 7,

Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 5, Ly 5, Bất ly 13; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1752.
Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1753.
Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

1754.
Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định bằng Đồng sanh duyên.

1755.
Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1756.
Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

1757.
Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định và pháp bất định bằng Đồng sanh duyên.

1758.
Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

1759.
Pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1760.
Pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1761.
Pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định... có Đồng sanh và Tiền sanh.

1762.
Pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định làm duyên cho pháp bất định... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1763.
Pháp chánh cho quả nhứt định và pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định... có Đồng sanh và Tiền sanh.

1764.
Chư pháp chánh cho quả nhứt định và bất định làm duyên cho pháp bất định... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1765.
Phi Nhân 13, phi Cảnh, phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp 13, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 9, phi Y chỉ 9, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực 13, tóm tắt... phi Đạo 13, phi Tương ưng 9,

phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Vô hữu 13, phi Ly 13, phi Bất ly 7; nên đếm như thế.

Hết cách ngược

1766.

Nhân duyên có phi Cảnh 7,... phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7,... phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1767.

Phi Nhân duyên có Cảnh 5,... Trưởng 8, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 7, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền, Thiền, Đạo đều có 7; Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Tam đề tà *(micchatta)* thứ 15 chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ CÓ ĐẠO LÀ CẢNH *(MAGGĀRAMMAṆATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1768.

∗ Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên:
 3 uẩn liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo *(maggārammaṇa),* 2 uẩn...

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên:
 3 uẩn có trưởng là đạo *(maggādhipati)* liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo. 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn...

∗ Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên:
 3 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo,... 2 uẩn...

1769.

∗ Pháp có nhân là đạo liên quan pháp có nhân là đạo sanh ra do Nhân duyên:
 3 uẩn liên quan 1 uẩn có nhân là đạo *(maggāhetuka),* 2 uẩn...

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có nhân là đạo sanh ra do Nhân duyên:
 3 uẩn có trưởng là đạo *(maggādhipati)* liên quan 1 uẩn có nhân là đạo, 2 uẩn...

∗ Pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có nhân là đạo sanh ra do Nhân duyên:
 3 uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có nhân là đạo, 2 uẩn...

1770.

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
 3 uẩn liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo, 2 uẩn...

∗ Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn có cảnh là đạo *(maggārammaṇa)* liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo *(maggādhipati)*, 2 uẩn...

* Pháp có nhân là đạo liên quan có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn có nhân là đạo liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo, 2 uẩn...

* Pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo, 2 uẩn...

* Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo, 2 uẩn...

1771.

* Pháp có cảnh là đạo liên quan chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn có cảnh là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

* Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo; 2 uẩn...

* Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

1772.

* Pháp có nhân là đạo liên quan chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn có nhân là đạo liên quan 1 uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

* Pháp có trưởng là đạo liên quan chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

* Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

1773.

Pháp có đạo là cảnh liên quan pháp có đạo là cảnh sanh ra do Cảnh duyên, do Trưởng duyên, do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên, do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên, do Nghiệp duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

1774.

Nhân 17, Cảnh, Trưởng, Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Cố Hưởng, Nghiệp, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng, Bất tương ưng, Hiện hữu, Vô hữu, Ly, Bất ly đều có 17; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1775.

Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô Nhân có cảnh là đạo, 2 uẩn...

1776.

∗ Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo, 2 uẩn...

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
3 uẩn có trưởng là đạo *(maggādhipati)* liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo, 2 uẩn...

∗ Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
3 uẩn có cảnh là đạo *(maggārammaṇa)* và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo, 2 uẩn...

1777.

∗ Pháp có nhân là đạo liên quan pháp có nhân là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* có nhân là đạo *(maggahetuka)* liên quan uẩn có nhân là đạo.

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có nhân là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng có trưởng là đạo liên quan uẩn có nhân là đạo.

∗ Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có nhân là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan uẩn có nhân là đạo.

1778.

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng có trưởng là đạo liên quan uẩn có trưởng là đạo, 3 uẩn liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo, 2 uẩn...

∗ Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
3 uẩn có cảnh là đạo làm duyên cho 1 uẩn có trưởng là đạo, 2 uẩn...

∗ Pháp có nhân là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo... do phi Trưởng duyên:
Trưởng có nhân là đạo làm duyên cho uẩn có trưởng là đạo.

∗ Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
3 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo,... 2 uẩn...

∗ Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng có nhân là đạo *(maggahetuka)* và có trưởng là đạo *(maggādhipati)* liên quan uẩn có trưởng là đạo.

1779.

∗ Pháp có cảnh là đạo liên quan chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
3 uẩn có cảnh là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo... do phi Trưởng duyên:

3 uẩn có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

* Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
  3 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

1780.

* Pháp có nhân là đạo liên quan chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
  Trưởng có nhân là đạo liên quan uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo.

* Pháp có trưởng là đạo liên quan chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo...
  Trưởng có trưởng là đạo liên quan uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo.

* Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo... do phi Trưởng duyên:
  Trưởng có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo.

1781.

Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Tiền sanh duyên, do phi Hậu sanh duyên: Nên sắp đầy đủ có 2 câu.

1782.

* Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo,... 2 uẩn.

* Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
  3 uẩn có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo,... 2 uẩn...

* Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo... do phi Cố hưởng duyên:
  3 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo... 2 uẩn...

1783.

* Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo... do phi Cố hưởng duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo, 2 uẩn...

* Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
  3 uẩn có cảnh là đạo liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo, 2 uẩn...

* Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo... do phi Cố hưởng duyên:
  3 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo, 2 uẩn...

1784.

* Pháp có cảnh là đạo liên quan chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo... do phi Cố hưởng duyên:
  3 uẩn có cảnh là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

* Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo... do Cố hưởng duyên:
  3 uẩn có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

∗ Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
  3 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

1785.

∗ Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Nghiệp duyên:
  Tư *(cetanā)* có cảnh là đạo liên quan uẩn có cảnh là đạo.

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Nghiệp duyên:
  Tư có trưởng là đạo liên quan uẩn có cảnh là đạo.

∗ Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo... do phi Nghiệp duyên:
  Tư *(cetanā)* có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan uẩn có cảnh là đạo.

1786.

∗ Pháp có nhân là đạo liên quan pháp có nhân là đạo sanh ra do phi Nghiệp duyên:
  Tư *(cetanā)* có nhân là đạo liên quan uẩn có nhân là đạo.

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có nhân là đạo... do phi Nghiệp duyên:
  Tư có trưởng là đạo liên quan uẩn có nhân là đạo.

∗ Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có nhân là đạo... do phi Nghiệp duyên:
  Tư *(cetanā)* có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan uẩn có nhân là đạo.

1787.

Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo... do phi Nghiệp duyên:
  Tư *(cetanā)* có trưởng là đạo liên quan uẩn có trưởng là đạo có 5 câu đề.

1788.

Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo... do phi Nghiệp duyên: Sơ hiệp trợ có 3 câu đề *(phathamaghaṭane tīni)*.

1789.

Pháp có nhân là đạo liên quan chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do phi Nghiệp duyên: Sơ hiệp trợ thứ 2 có 3 câu đề *(dutiyaaghaṭane tīni pañhā)*.

1790.

Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Quả duyên: Nên sắp đầy đủ *(paripuṇṇa)*.

1791.

Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Đạo duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn vô Nhân có cảnh là đạo, 2 uẩn...

1792.

Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Nên sắp đầy đủ, quyết định là Vô sắc giới *(arūpanti niyametabbaṃ)*.

1793.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 17, phi Tiền sanh 17, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 9, phi nghiệp 17, phi Quả 17, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 17; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1794.

Nhân duyên có phi Trưởng 17,... phi Tiền sanh 17, phi Hậu sanh 17, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp 9, phi Quả, phi Bất tương ưng 17; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1795.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1,... tóm tắt... luôn cả đều có 1; thiền, Tương ưng, Bất tương ưng, Vô hữu, Ly, Bất ly đều có 1; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

Hết phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(sahajāta)*, phần ỷ trượng *(paccaya)*, phần y chỉ *(nissaya)*, phần hỗn hợp *(saṅsaṭṭha)*, phần tương ưng *(sampayutta)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1796.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Nhân duyên:

Nhân có cảnh là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1797.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Nhân duyên:

Nhân có cảnh là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có trưởng là đạo bằng Nhân duyên.

1798.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Nhân duyên...

Người biết nên sắp 17 câu đề theo ý này.

1799.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm có nhân là đạo.
- Uẩn có nhân là đạo làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1800.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên:

Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1801.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên:

Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1802.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên:

Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1803.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm có trưởng là đạo.
- Uẩn có trưởng là đạo làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1804.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên:

Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1805.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm có nhân là đạo và có trưởng là đạo.
- Uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1806.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên:

Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1807.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên:

Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1808.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có cảnh là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1809.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có cảnh là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1810.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có cảnh là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có trưởng là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1811.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có nhân là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1812.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1813.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng có nhân là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1814.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1815.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có nhân là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1816.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo... phản khán.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng có trưởng là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1817.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo... phản khán.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* có trưởng là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên.

1818.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có trưởng là đạo *(maggādhipati)* làm duyên cho uẩn tương ưng có nhân là đạo bằng Trưởng duyên.

1819.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo...
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng có trưởng là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1820.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* có trưởng là đạo *(maggādhipati)* làm duyên cho uẩn tương ưng có nhân là đạo *(maggahetuka)* và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1821.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên.

1822.

Pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho uẩn có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1823.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1824.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh sanh như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1825.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có nhân là đạo bằng Trưởng duyên.

1826.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh sanh như: Chư Thánh xuất đạo...
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1827.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh sanh như: Chư Thánh xuất đạo... phản khán.

1828.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1829.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Vô gián duyên:

Uẩn có cảnh là đạo sanh trước trước làm duyên cho uẩn có cảnh là đạo sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Khán môn làm duyên cho uẩn có cảnh là đạo bằng Vô gián duyên.

1830.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên:

Uẩn có cảnh là đạo sanh trước trước làm duyên cho uẩn có trưởng là đạo sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Khán (ý) môn làm duyên cho uẩn có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên.

1831.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên:

Uẩn có cảnh là đạo sanh trước trước làm duyên cho uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Khán môn làm duyên cho uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên.

1832.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên:

Uẩn có trưởng là đạo sanh trước trước làm duyên cho uẩn có trưởng là đạo sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1833.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Vô gián duyên:

Uẩn có trưởng là đạo sanh trước trước làm duyên cho pháp có cảnh là đạo sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1834.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên:

Uẩn có trưởng là đạo sanh trước trước làm duyên cho uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1835.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Vô gián duyên:

Uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh trước trước làm duyên cho uẩn có cảnh là đạo sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1836.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên:

Uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh trước trước làm duyên cho uẩn có trưởng là đạo sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1837.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên:

Uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh trước trước làm duyên cho uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1838.

- Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Liên tiếp duyên: Như Vô gián duyên.
- ... Bằng Đồng sanh duyên, bằng Cố hưởng duyên, bằng Y chỉ duyên: Nên sắp 3 duyên, đều có 17 câu đề.

1839.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sát-na phản khán làm duyên cho sát-na phản khán bằng Cận y duyên.

1840.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sát-na phản khán làm duyên cho sát-na phản khán bằng Cận y duyên.

1841.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sát-na phản khán làm duyên cho sát-na phản khán bằng Cận y duyên.

1842.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo bằng Cận y duyên,... tóm tắt... tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1843.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cận y duyên:

Cảnh cận y như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1844.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo... tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1845.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cận y duyên:

Cảnh cận y như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1846.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo... bằng Cận y duyên.

1847.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo... tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.
- Sát-na phản khán làm duyên cho sát-na phản khán bằng Cận y duyên.

1848.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sát-na phản khán làm duyên cho sát-na phản khán bằng Cận y duyên.

1849.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Sơ đạo... tứ đạo bằng Cận y duyên.

1850.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sát-na phản khán làm duyên cho sát-na phản khán bằng Cận y duyên.

1851.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Sơ đạo... làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1852.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sát-na phản khán làm duyên cho sát-na phản khán bằng Cận y duyên.

1853.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sát-na phản khán làm duyên cho sát-na phản khán bằng Cận y duyên.

1854.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sát-na phản khán làm duyên cho sát-na phản khán bằng Cận y duyên.

1855.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1856.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo... tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1857.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo... tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1858.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1859.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo... tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1860.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo sanh ra do Cố hưởng duyên:

Uẩn có cảnh là đạo sanh trước trước làm duyên cho uẩn có cảnh là đạo sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên:

1861.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cố hưởng duyên: Như Vô gián duyên, nên sắp 9 câu đề, không nên sắp có khán môn *(āvajjana)*.

1862.

∗ Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Nghiệp duyên, bằng Đồng sanh duyên: Không có Biệt thời *(nānākhaṇika)* nên sắp đủ 7 câu đề.

* Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Hiện hữu duyên, cả 7 duyên này đều chia 17 câu như Nhân duyên.
* ... Bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, như Vô gián duyên.
* ... Bằng Bất ly duyên có 17 câu đề.

1863.
Nhân 17, Cảnh 9, Trưởng 21, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 17, Hỗ tương 17, Y chỉ 17, Cận y 21, Cố hưởng 9, nghiệp 17, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng đều có 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 17; nên sắp như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1864.
Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1865.
Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1866.
Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1867.
Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1868.
Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1869.
Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1870.
Pháp có nhân là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1871.
Pháp có nhân là đạo làm duyên cho chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1872.
Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1873.
Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1874.
Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1875.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1876.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1877.

Pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1878.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1879.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1880.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1881.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1882.

Pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1883.

Pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cận y duyên.

1884.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1885.

Phi Nhân 28, phi Cảnh 17, trong phi Cảnh bậc trí thức nên biết thiếu Thuần cảnh *(Pakatārammana)* và Cảnh cận y *(Upanissayārammana)* cả 2 phi Trưởng 21, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Đồng sanh, phi Hỗ tương, phi Y chỉ, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo, phi Tương ưng, phi Bất tương ưng, phi Hiện hữu, phi Vô hữu, phi Ly; phi Bất ly đều có 21; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1886.

Nhân duyên có phi Cảnh 17,... phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo, phi Bất tương ưng, phi Vô hữu, phi Ly đều có 17; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1887.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 21,Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 17, Hỗ tương 17, Y chỉ 17, Cận y 21, Cố hưởng 9, nghiệp 17, Thực 17, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng đều có 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 17; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch và thuận
Hết phần vấn đề (pañhāvāra)

Tam đề có cảnh là đạo thứ 16 chỉ có bấy nhiêu.

TAM ĐỀ SANH TỒN *(UPPANNATTIKA)*

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1888.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* sanh tồn *(uppanna)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân sanh tồn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

1889.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Cảnh duyên:

Quán ngộ nhãn sanh tồn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, tà kiến phát... hoài nghi,... phóng dật... ưu... Nhãn sanh tồn... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật... Quán ngộ sanh tồn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Uẩn sanh tồn làm duyên cho thần thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1890.

Pháp phi sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Cảnh duyên:

Sắc phi sanh tồn *(anuppanna)*... thinh, khí, vị, xúc... quán ngộ uẩn phi sanh tồn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã... ưu sanh ra. Uẩn phi sanh tồn làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, vị lai thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1891.

Pháp sẽ sanh làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Cảnh duyên:

Nhãn sẽ sanh *(uppadi)*... thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật... Quán ngộ uẩn sẽ sanh bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã... ưu sanh ra. Uẩn sẽ sanh làm duyên cho thần thông, tha tâm thông... luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1892.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

+ Trưởng cảnh như: Nặng về nhãn sanh tồn rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi... tà kiến phát sanh. Nặng về nhĩ sanh tồn... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật *(vatthu)*... Nặng về uẩn sanh tồn rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh...
+ Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* sanh tồn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1893.

Pháp phi sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Sắc phi sanh tồn *(anuppanna)*... thinh, khí, vị, xúc... Nặng về uẩn phi sanh tồn rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.

1894.

Pháp sẽ sanh làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về nhãn sẽ sanh *(uppādi)*... thân, sắc,... xúc, vật... Nặng về uẩn sẽ sanh rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.

1895.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn sanh tồn *(uppanna)* làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn sanh tồn làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Đồng sanh duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc tục sinh bằng Đồng sanh duyên. Uẩn làm duyên cho vật bằng Đồng sanh duyên. Vật làm duyên cho uẩn bằng Đồng sanh duyên. 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung bằng Đồng sanh duyên; 2 đại sung...; đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh thuộc y sinh *(upādārūpa)* bằng Đồng sanh duyên... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng:... 1 đại sung... 2 đại sung...; sắc đại sung làm duyên cho sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)* bằng Đồng sanh duyên.

1896.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Hỗ tương duyên:

- Uẩn sanh tồn *(uppanna)* làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn sanh tồn làm duyên cho 3 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên.
- Uẩn làm duyên cho vật bằng Hỗ tương duyên; vật làm duyên cho uẩn bằng Hỗ tương duyên. 1 đại sung... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng... 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung bằng Hỗ tương duyên, 2 đại sung.

1897.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Y chỉ duyên:

- Uẩn sanh tồn làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật; vật làm duyên cho; 1 đại sung... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: 1 đại sung;... đại sung làm duyên cho sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)*.
- Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn sanh tồn bằng Y chỉ duyên.

1898.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương âm dương sanh tồn *(uppanna)* mạnh có thể làm cho thiền sanh, pháp quán phát sanh, đạo... thông, nhập thiền pháp sanh, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương vật thực sanh tồn... chỗ ở mạnh có thể làm cho thiền sanh, pháp quán (vipassanā) sanh, đạo, thông *(abhiññā)*, nhập thiền sanh, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương âm dương sanh tồn... thực phẩm... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin, trí sanh tồn, thân khổ thân lạc, đạo và quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

1899.

Pháp phi sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Người hy vọng *(patthanā)* tài sản sắc ddẹp phi sanh tồn có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới.
- Người hy vọng tài sản thinh *(sadda)* phi sanh tồn *(anuppanna),* tài sản khí, tài sản vị, tài sản xúc... hy vọng uẩn phi sanh tồn có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới.
- Hy vọng tài sản sắc đẹp phi sanh tồn,... uẩn phi sanh tồn làm duyên cho đức tin, trí, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền sanh tồn bằng Cận y duyên.

1900.

Pháp sẽ sanh làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Hy vọng tài sản nhãn sẽ sanh *(uppadi)* có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới.
- Hy vọng tài sản nhãn, nhĩ sẽ sanh *(uppadi),* tài sản thân, tài sản sắc đẹp, tài sản khí,... tài sản vị... tài sản xúc... hy vọng uẩn sẽ sanh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới,... thọ trì thanh tịnh giới.
- Hy vọng tài sản nhãn sẽ sanh, tài sản thân, tài sản sắc đẹp, tài sản xúc... uẩn sẽ sanh làm duyên cho đức tin, trí, thân lạc... thân khổ, đạo, quả nhập thiền sanh tồn *(uppanna)* bằng Cận y duyên.

1901.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, ưu phát. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cận y duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, vật làm duyên cho uẩn sanh tồn bằng Tiền sanh duyên.

1902.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn sanh tồn làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1903.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* sanh tồn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư *(cetanā)* sanh tồn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1904.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Quả duyên:

1 uẩn quả sanh tồn *(uppanna)* làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên; 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 1 uẩn sanh tồn làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh, 2 uẩn...; uẩn làm duyên cho vật bằng Quả duyên.

1905.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Thực duyên:

Thực *(āhāra)* sanh tồn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh: Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Thực duyên.

1906.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Quyền duyên:

Quyền *(indrīya)* sanh tồn *(uppanna)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên. Sát-na tục sinh: nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức, thân quyền làm duyên cho thân thức; sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.

1907.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn sanh tồn làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn sanh tồn làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên; uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ... vật làm duyên cho uẩn sanh tồn bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn sanh tồn làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1908.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: 1 uẩn sanh tồn làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... Sát-na tục sinh:... tóm tắt... 1 đại sung... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...
- Tiền sanh như: Nhãn... bằng lối vô thường, khổ não, vật... vô thường... ưu sanh. Thiên nhãn... thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên. Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn sanh tồn bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn sanh tồn làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy; sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1909.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Bất ly duyên.

1910.

Nhân 1, Cảnh 3, Trưởng 3, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 3, Tiền sanh 1, Hậu sanh, Nghiệp, Quả, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly (avigata) đều có 11; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (*anuloma*)

1911.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Cảnh duyên, bằng Quyền duyên.

1912.

Pháp phi sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1913.

Pháp sẽ sanh làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1914.

Phi Nhân 3, phi Cảnh 3, phi Trưởng 3,... phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3, phi Bất ly 2; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1915.

Nhân duyên có phi Cảnh 1,... tóm tắt... phi Vô hữu, phi Ly đều có 1.

Dứt cách thuận, nghịch

1916.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Trưởng 3, đồng sanh1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 3, Tiền sanh 1, Hậu sanh 1, Nghiệp, Quả, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng, Bất tương ưng, Hiện hữu, Ly, Bất ly đều có 1;

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần vấn đề (pañhāvāra)

Tam đề sanh tồn thứ 17, chỉ có bấy nhiêu.

TAM ĐỀ QUÁ KHỨ *(ATĪTATTIKA)*

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1917.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* hiện tại làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh:...

1918.

Pháp quá khứ làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới,... rồi phản khán. Nhớ thiện đã từng làm chứa để. xuất thiền phản khán thiền.
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não hạn chế; quán ngộ nhãn quá khứ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã... ưu phát sanh.
- Quán ngộ nhĩ quá khứ *(atīta)*... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật... quán ngộ uẩn quá khứ bằng vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, tà kiến phát, hoài nghi,... phóng dật... ưu sanh ra.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên. Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.
- Uẩn quá khứ làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

1919.

Pháp vị lai làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cảnh duyên:

- Nhãn vị lai (anāgata)... vật... uẩn vị lai bằng vô thường... ưu sanh ra.
- Uẩn vị lai làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, vị lai thông, luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1920.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cảnh duyên:

- Nhân hiện tại... thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật...
- Quán ngộ uẩn hiện tại *(paccupanna)* bằng lối vô thường..., ưu phát sanh. Thiên nhãn... thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên

cho thân thức. uẩn hiện tại làm duyên cho thần thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

1921.

Pháp quá khứ làm duyên cho pháp hiện tại bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, trì giới,... Nặng về thiện đã từng làm chứa để rồi phản khán. xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán.
- Chư Thánh xuất đạo nặng về Đạo, nặng về quả rồi phản khán.
- Nhãn thuộc quá khứ... thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật... Nặng về uẩn quá khứ, rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh tà kiến phát.

1922.

Pháp vị lai làm duyên cho pháp hiện tại bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: nhãn vị lai... Vật. Nặng về uẩn vị lai rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.

1923.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: nhãn hiện tại... vật... Nặng về uẩn hiện tại rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hiện tại làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1924.

Pháp quá khứ làm duyên cho pháp hiện tại bằng Vô gián duyên:

- Uẩn quá khứ *(atīta)* sanh trước trước làm duyên cho uẩn hiện tại sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận tùng *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo, dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo, đạo làm duyên cho quả, quả làm duyên cho quả; thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền. xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1925.

Pháp quá khứ làm duyên cho pháp hiện tại bằng Liên tiếp duyên: Như Vô gián duyên *(anatarapaccayo).*

1926.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Đồng sanh duyên, bằng Hỗ tương duyên, bằng Y chỉ duyên,... tóm tắt...

1927.

Pháp quá khứ làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như:.. nương đức tin quá khứ mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới,... thọ trì thanh tịnh giới,... Thiền, pháp quán... đạo... thông... nhập thiền phát sanh, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới quá khứ mạnh... trí, ái, hy vọng *(patthanā)* thân lạc... thân khổ mạnh có thể bố thí, thọ trì ngũ giới, thanh tịnh giới... nhập thiền phát sanh, cho đến sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin quá khứ... trí, ái, hy vọng, thân khổ... thân lạc làm duyên cho đức tin, trí, ái, hy vọng... quả nhập thiền hiện tại *(paccappannā)* bằng Cận y duyên.

1928.

Pháp vị lai làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cận y duyên, có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Hy vọng tài sản nhãn *(cakkhusampada)* vị lai... tài sản nhĩ, tài sản tỷ, tài sản thiệt, tài sản thân, tài sản sắc đẹp, tài sản thinh, tài sản khí,... tài sản vị... tài sản xúc... hy vọng uẩn vị lai có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới,... thọ trì thanh tịnh giới,
- Hy vọng tài sản nhãn vị lai, mong mỏi tài sản sắc đẹp, tài sản xúc... uẩn vị lai làm duyên cho đức tin, trí, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền hiện tại *(paccappannā)* bằng Cận y duyên.

1929.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cận y duyên, có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương âm dương hiện tại mạnh có thể làm cho thiền phát sanh, pháp quán *(vipassanā)*...
- Nương thực phẩm... chỗ ở hiện tại mạnh có thể làm cho thiền phát sanh, nhập thiền đặng.
- Nương âm dương... thực phẩm... chỗ ở hiện tạ làm duyên cho đức tin hiện tại, trí, thân lạc... quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

1930.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Tiền sanh duyên, có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn hiện tại bằng Tiền sanh duyên.

1931.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn hiện tại làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1932.

Pháp quá khứ làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn quá khứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hiện tại sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; chuyển tộc làm duyên cho đạo, dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

1933.

Pháp quá khứ làm duyên cho pháp hiện tại bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư *(cetanā)* quá khứ làm duyên cho uẩn quả hiện tại và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1934.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Nghiệp duyên:

- Tư *(cetanā)* hiện tại làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

- Sát-na tục sinh: Tư hiện tại làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1935.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Quả duyên:

1 uẩn quả hiện tại làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Quả duyên.

1936.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn quả hiện tại làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn hiện tại làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên; uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ... vật làm duyên cho uẩn hiện tại bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hiện tại làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1937.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Hiện hữu duyên:

Như Hiện hữu duyên trong tam đề sanh tồn *(uppannattika)*.

1938.

Pháp quá khứ làm duyên cho pháp hiện tại bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên.

1939.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Bất ly duyên.

1940.

Nhân 1, Cảnh 3, Trưởng 3, Vô gián 1. Liên tiếp 1, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ đều có 1, Cận y 3, Tiền sanh, Hậu sanh, Cố hưởng đều 1, Nghiệp 2, Quả, Thực 1,... tóm tắt... Bất ly 1; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1941.

Pháp quá khứ làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

1942.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1943.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

1944.

Phi Nhân 3, phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3,... tóm tắt... phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3, phi Bất ly 2; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1945.

Nhân duyên có phi Cảnh 1,... phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y,... tóm tắt... phi Tương ưng, phi Bất tương ưng, phi Vô hữu, phi Ly đều có 1; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

1946.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Trưởng 3, Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ đều có 1, Cận y 3, Tiền sanh 1, Hậu sanh, Cố hưởng 1;... tóm tắt..., Nghiệp 2, Quả 1, những duyên này chỉ có 1 câu; Bất ly 1; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần vấn đề (pañhāvāra)

Tam đề quá khứ thứ 18 chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ BIẾT CẢNH QUÁ KHỨ *(ATĪTĀRAMMANATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1947.

Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh quá khứ *(atītārammaṇa)*, 2 uẩn liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh quá khứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1948.

Pháp biết cảnh vị lai liên quan pháp biết cảnh vị lai sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh vị lai,... 2 uẩn.

1949.

Pháp biết cảnh hiện tại liên quan pháp biết cảnh hiện tại sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh hiện tại *(paccuppannārammaṇa)*, 2 uẩn.... Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh hiện tại, 2 uẩn...

1950.

∗ Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do Cảnh duyên, do Trưởng duyên:

tục sinh không có Trưởng duyên *(adhipatipaccayo)*.

∗ ... Do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên, do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên:

Tiền sanh *(Purejāta)* và Cố hưởng *(Āsevana)* không có tục sinh.

∗ ... Do Nghiệp duyên, do Quả duyên:

... 1 uẩn quả biết cảnh quá khứ,... có 3 câu đề, nên sắp đầy đủ bình nhựt *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisandhi)*.

∗ ... Do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

1951.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 3, tóm tắt, tất cả đều 3... Ly 3, Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1952.

Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân biết cảnh quá khứ, 2 uẩn.... Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

1953.

Pháp biết cảnh vị lai liên quan pháp biết cảnh vị lai sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân biết cảnh vị lai, 2 uẩn... si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

1954.

Pháp biết cảnh hiện tại liên quan pháp biết cảnh hiện tại sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân biết cảnh hiện tại, 2 uẩn.... Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật biết cảnh hiện tại.

1955.

Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do phi Trưởng duyên: Như Đồng sanh duyên phần thuận tùng *(anuloma)*.

1956.

Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc:... liên quan 1 uẩn biết cảnh quá khứ, 2 uẩn.... Sát-na tục sinh...

1957.

Pháp biết cảnh vị lai liên quan pháp biết cảnh vị lai sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn Vô sắc biết cảnh vị lai, 2 uẩn....

1958.

Pháp biết cảnh hiện tại liên quan pháp biết cảnh hiện tại sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Sát-na tục sinh:... liên quan 1 uẩn biết cảnh hiện tại, 2 uẩn....

1959.

* Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên: Như phi Trưởng duyên.
* ... Do phi Nghiệp duyên: Tư biết cảnh quá khứ liên quan uẩn biết cảnh quá khứ.

1960.

Pháp biết cảnh vị lai liên quan pháp biết cảnh vị lai sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* biết cảnh vị lai liên quan uẩn biết cảnh vị lai.

1961.

Pháp biết cảnh hiện tại liên quan pháp biết cảnh hiện tại sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* biết cảnh hiện tại liên quan uẩn biết cảnh hiện tại *(paccuppannārammaṇa)*.

1962.

Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do phi Quả duyên:

Phi Quả duyên không có tục sinh.

1963.

Pháp biết cảnh hiện tại liên quan pháp biết cảnh hiện tại sanh ra do phi Thiền duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh ngũ thức *(viññāna)*, 2 uẩn...

1964.

Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do phi Đạo duyên:

... liên quan 1 uẩn vô nhân biết cảnh quá khứ. Như phi Nhân duyên 3 câu đề không có si

1965.

Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

... 1 uẩn trong Vô sắc biết cảnh quá khứ, 2 uẩn...

1966.

Pháp biết cảnh vị lai liên quan pháp biết cảnh vị lai sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

... liên quan 1 uẩn trong Vô sắc biết cảnh vị lai, 2 uẩn...

1967.

Phi Nhân 3, phi Trưởng, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả đều có 3, phi Thiền 1, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 2; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1968.

Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả đều có 3, phi Bất tương ưng 2; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1969.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... tóm tắt... tất cả đều có 3; Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(Sahajāta)*, phần ỷ trượng *(paccaya)*, phần y chỉ *(nissaya)*, phần hòa hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*, phần tương ưng *(sampayutta)***,** như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1970.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* biết cảnh quá khứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân biết cảnh quá khứ làm duyên cho uẩn tương ưng.

1971.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Nhân duyên:

Nhân biết cảnh vị lai làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1972.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Nhân duyên:

Nhân biết cảnh hiện tại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân biết cảnh hiện tại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1973.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cảnh duyên:

- Phản khán Thức vô biên xứ quá khứ, phản khán Phi tưởng phi phi tưởng xứ, phản khán thần thông quá khứ biết cảnh quá khứ; tha tâm thông... túc mạng thông... phản khán tùy nghiệp thông.
- Chư Thánh phản khán phiền não biết cảnh quá khứ đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, phản khán phiền não từng sanh trước kia. Quán ngộ uẩn quá khứ biết cảnh quá khứ bằng vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, tà kiến... hoài nghi, phóng dật, ưu biết cảnh quá khứ sanh ra.

- Uẩn quá khứ biết cảnh quá khứ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1974.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cảnh duyên:

- Phản khán Thức vô biên xứ vị lai, phản khán Phi tưởng phi phi tưởng xứ, phản khán thần thông vị lai biết cảnh quá khứ, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông... quán ngộ uẩn vị lai biết cảnh quá khứ bằng vô thường,... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu biết cảnh vị lai sanh ra.
- Uẩn vị lai biết cảnh quá khứ, làm duyên cho tha tâm thông, vị lai thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1975.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Cảnh duyên:

Tha tâm thông rõ biết lòng người tề toàn tâm hiện tại biết cảnh quá khứ. uẩn hiện tại biết cảnh quá khứ làm duyên cho tha tâm thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1976.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cảnh duyên:

- Phản khán thần thông vị lai biết cảnh vị lai, tha tâm thông, vị lai thông... uẩn vị lai biết cảnh vị lai.
- Quán ngộ uẩn vị lai biết cảnh vị lai bằng vô thường,... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu biết cảnh vị lai sanh ra.
- Uẩn vị lai biết cảnh vị lai làm duyên cho tha tâm thông, vị lai thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1977.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cảnh duyên:

- Phản khán thần thông quá khứ biết cảnh vị lai, tha tâm thông,... vị lai thông.
- Chư Thánh phản khán phiền não biết cảnh vị lai đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, phản khán phiền não từng sanh...
- Quán ngộ uẩn quá khứ biết cảnh vị lai bằng vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu biết cảnh vị lai sanh ra.
- Uẩn quá khứ biết cảnh vị lai làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1978.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Cảnh duyên:

Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm hiện tại biết cảnh vị lai. uẩn hiện tại biết cảnh vị lai làm duyên cho tha tâm thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1979.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Cảnh duyên:

Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm hiện tại biết cảnh hiện tại. Uẩn hiện tại biết cảnh hiện tại làm duyên cho tha tâm thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

1980.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cảnh duyên:

- Phản khán thiên nhãn quá khứ, phản khán thiên nhĩ, phản khán thần thông quá khứ biết cảnh hiện tại, tha tâm thông...
- Chư Thánh phản khán phiền não biết cảnh hiện tại đã trừ, phiền não hạn chế; phiền não đã từng sanh...

- Quán ngộ uẩn quá khứ biết cảnh hiện tại bằng vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái,... ưu biết cảnh quá khứ sanh ra.
- Uẩn quá khứ biết cảnh hiện tại làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

1981.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cảnh duyên:

- Phản khán thiên nhãn vị lai, phản khán thiên nhĩ, phản khán thần thông vị lai biết cảnh hiện tại, tha tâm thông... quán ngộ uẩn vị lai biết cảnh hiện tại bằng vô thường... do đó khai đoan ái, ưu biết cảnh vị lai sanh ra.
- Uẩn vị lai biết cảnh hiện tại làm duyên cho tha tâm thông, vị lai thông luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1982.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Nặng về Thức vô biên xứ quá khứ rồi phản khán, nặng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ rồi phản khán. Nặng về thần thông quá khứ biết cảnh quá khứ rồi phản khán, tha tâm thông... túc mạng thông... Nặng về tùy nghiệp thông rồi phản khán.
- Nặng về uẩn quá khứ biết cảnh quá khứ rồi phản khán...; thỏa thích rất hân hoan, do đó rồi ái *(rāga)*, tà kiến biết cảnh quá khứ phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng ***(adhipati)*** biết cảnh quá khứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1983.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như: Nặng về Thức vô biên xứ vị lai rồi... Nặng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ... Nặng về thần thông vị lai biết cảnh quá khứ rồi... tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông...
- Nặng về uẩn vị lai biết cảnh quá khứ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến biết cảnh vị lai phát sanh.

1984.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Nặng về thần thông vị lai biết cảnh vị lai rồi... tha tâm thông, nặng về vị lai thông rồi phản khán. Nặng về uẩn vị lai biết cảnh vị lai rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến biết cảnh vị lai sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng biết cảnh vị lai làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1985.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

Trưởng cảnh như: Nặng về thần thông quá khứ biết cảnh vị lai rồi... tha tâm thông,... Nặng về vị lai thông rồi... Nặng về uẩn quá khứ biết cảnh vị lai rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến biết cảnh quá khứ sanh ra.

1986.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng biết cảnh hiện tại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1987.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về thiên nhãn quá khứ rồi phản khán, nặng về thiên nhĩ rồi phản khán, nặng về thần thông quá khứ biết cảnh hiện tại rồi... Nặng về tha tâm thông rồi... Nặng về uẩn quá khứ biết cảnh hiện tại rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến biết cảnh quá khứ sanh ra.

1988.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về thiên nhãn vị lai rồi phản khán, nặng về thiên nhĩ rồi phản khán, nặng về thần thông vị lai biết cảnh hiện tại rồi phản khán. Nặng về uẩn vị lai biết cảnh hiện tại rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến biết cảnh vị lai sanh ra.

1989.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Vô gián duyên:

Uẩn biết cảnh quá khứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh quá khứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1990.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Vô gián duyên:

Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* biết cảnh quá khứ làm duyên cho khán (ý) môn biết cảnh vị lai bằng Vô gián duyên.

1991.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử *(cuti)* biết cảnh quá khứ làm duyên cho tâm tục sinh *(paṭisandhi)* biết cảnh hiện tại bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp biết cảnh quá khứ làm duyên cho tâm khán (ý) môn biết cảnh hiện tại bằng Vô gián duyên.

1992.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Vô gián duyên:

Uẩn biết cảnh vị lai sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh vị lai sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1993.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Vô gián duyên:

- Tâm thần thông biết cảnh vị lai làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh quá khứ; tha tâm thông làm duyên cho quả sơ khởi biết cảnh quá khứ; vị lai thông làm duyên cho quả sơ khởi biết cảnh quá khứ.
- Uẩn biết cảnh vị lai làm duyên cho quả sơ khởi biết cảnh quá khứ bằng Vô gián duyên.

1994.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Vô gián duyên:

- Uẩn biết cảnh hiện tại sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh hiện tại sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tục sinh biết cảnh hiện tại làm duyên cho tâm hộ kiếp biết cảnh hiện tại. Tâm hộ kiếp biết cảnh hiện tại làm duyên cho tâm hộ kiếp biết cảnh hiện tại bằng Vô gián duyên.

1995.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Vô gián duyên:
- Tâm tục sinh biết cảnh hiện tại làm duyên cho tâm hộ kiếp biết cảnh quá khứ.
- Tâm hộ kiếp biết cảnh hiện tại làm duyên cho tâm hộ kiếp biết cảnh quá khứ; uẩn biết cảnh hiện tại làm duyên cho quả sơ khởi biết cảnh quá khứ bằng Vô gián duyên.

1996.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Liên tiếp duyên: Như Vô gián duyên.

1997.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Đồng sanh duyên, bằng Hỗ tương duyên, bằng Y chỉ duyên: Cả 3 duyên như phần liên quan *(Paṭiccavāra)*.

1998.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh quá khứ làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh quá khứ bằng Cận y duyên.

1999.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh quá khứ làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh vị lai bằng Cận y duyên.

2000.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Cận y duyên có Cảnh cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh quá khứ làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh hiện tại bằng Cận y duyên.

2001.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường *(aniccānupassanā)*, quán khổ não *(dukkhānupassanā)*, quán vô ngã *(anattānupassanā)* biết cảnh vị lai làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh vị lai bằng Cận y duyên.

2002.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh vị lai làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh quá khứ bằng Cận y duyên.

2003.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh vị lai làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh hiện tại bằng Cận y duyên.

2004.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại... có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh hiện tại làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh hiện tại bằng Cận y duyên.

2005.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cận y duyên, có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh hiện tại làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh quá khứ bằng Cận y duyên.

2006.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh hiện tại làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh vị lai bằng Cận y duyên.

2007.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn biết cảnh quá khứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh quá khứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên *(āsavanapaccayo).*

2008.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn biết cảnh vị lai sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh vị lai sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

2009.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn biết cảnh hiện tại sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh hiện tại sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

2010.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* biết cảnh quá khứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư biết cảnh quá khứ làm duyên cho uẩn quả biết cảnh quá khứ bằng Nghiệp duyên *(kammapaccayo).*

2011.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư biết cảnh quá khứ làm duyên cho uẩn quả biết cảnh vị lai bằng Nghiệp duyên.

2012.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư biết cảnh quá khứ làm duyên cho uẩn quả biết cảnh hiện tại bằng Nghiệp duyên.

2013.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư biết cảnh vị lai làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư biết cảnh vị lai làm duyên cho uẩn quả biết cảnh vị lai bằng Nghiệp duyên.

2014.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư biết cảnh vị lai làm duyên cho uẩn quả biết cảnh quá khứ bằng Nghiệp duyên.

2015.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư *(cetanā)* biết cảnh vị lai làm duyên cho uẩn quả biết cảnh hiện tại bằng Nghiệp duyên.

2016.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư biết cảnh hiện tại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư biết cảnh hiện tại làm duyên cho uẩn quả biết cảnh hiện tại bằng Nghiệp duyên.

2017.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư biết cảnh hiện tại làm duyên cho uẩn quả biết cảnh quá khứ bằng Nghiệp duyên.

2018.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư biết cảnh hiện tại làm duyên cho uẩn quả biết cảnh vị lai bằng Nghiệp duyên.

2019.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Quả duyên; bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Hiện hữu duyên, bằngVô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

2020.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 7, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ đều có 3, Cận y 9, Cố hưởng 3, Nghiệp 9, Quả 3, Thực 3, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng đều 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

2021.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2022.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cảnh duyên, bằng Nghiệp duyên.

2023.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2024.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2025.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2026.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2027.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2028.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2029.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2030.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9,... tóm tắt... tất cả đều có 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

2031.

Nhân duyên cho phi Cảnh 3, phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả đều có 3,... tóm tắt... tất cả đều có 3, phi Vô hữu, phi Ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

2032.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 7, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Cố hưởng 3; Nghiệp 9, Quả 3, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu đều có 3, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần vấn đề (pañhāvāra)

Tam đề biết cảnh quá khứ thứ 19 chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ NỘI PHẦN *(AJJHATTATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

2033.

Pháp nội phần liên quan pháp nội phần sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn nội phần *(ajjhatta)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn nội phần, 2 uẩn...; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 3 đại sung liên quan 1 đại sung, sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)*, sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)* liên quan đại sung.

2034.

Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn ngoại phần *(bahiddhā)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh *(katattārūpa)* liên quan 1 uẩn ngoại phần *(bahiddhā)*, 2 uẩn liên quan 2 uẩn, vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 3 đại sung liên quan 1 đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)* liên quan đại sung.

2035.

Pháp nội phần liên quan pháp nội phần sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn nội phần *(ajjhatta)*,... liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn nội phần, uẩn liên quan vật.

2036.

Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn ngoại phần, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Uẩn liên quan vật.

2037.

Pháp nội phần liên quan pháp nội phần sanh ra do Trưởng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn nội phần, 2 uẩn...;... liên quan 1 đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)* liên quan đại sung.

2038.

Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần... do Trưởng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn ngoại phần, 2 uẩn...;... liên quan 1 đại sung; sắc nương tâm sanh thuộc y sinh *(upādā)* liên quan đại sung.

2039.

Pháp nội phần liên quan pháp nội phần... do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn nội phần, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn nội phần, 2 uẩn...; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 3 đại sung liên quan 1 đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung; sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng... liên quan 1 đại sung, sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

2040.

Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần sanh ra do Đồng sanh duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn ngoại phần, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh làm duyên cho 1 uẩn ngoại phần, 2 uẩn...; vật làm duyên cho uẩn, uẩn làm duyên cho vật;... liên quan 1 đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)* liên quan đại sung; sắc ngoại, sắc vật thực... sắc âm

dương... người Vô tưởng... liên quan 1 đại sung, sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

2041.

* Pháp nội phần liên quan pháp nội phần sanh ra do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên: Trong Tiền sanh và Cố hưởng không có tục sinh.

* ... Do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

2042.

Nhân 2, Cảnh 2,... tóm tắt... Bất ly 2.

Dứt cách thuận (anuloma)

2043.

Pháp nội phần liên quan pháp nội phần sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô nhân nội phần *(ajjhatta)*, 2 uẩn....
- Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật;... 1 đại sung... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng:... 1 đại sung; sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)* liên quan đại sung; si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

2044.

Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô nhân ngoại phần, 2 uẩn.... Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật;... liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng:... liên quan 1 đại sung.
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

2045.

Pháp nội phần liên quan pháp nội phần sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nội phần. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn nội phần, vật liên quan uẩn;... liên quan 1 đại sung thuộc sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng:... liên quan 1 đại sung.

2046.

Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ngoại phần. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn ngoại phần, vật liên quan uẩn;... 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

2047.

* Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần sanh ra do phi Trưởng duyên: Như thuận tùng trong Đồng sanh duyên không chi khác.

* ... Do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc:... liên quan 1 uẩn nội phần; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nội phần. Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn nội phần, 2 uẩn... vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; liên quan 1 đại sung thuộc sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

2048.

Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

... liên quan 1 uẩn ngoại phần trong Vô sắc, 2 uẩn...; sắc nương tâm sanh liên quan liên quan uẩn ngoại phần. Sát-na tục sinh: Nên sắp đầu đủ; 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

2049.

... Liên quan pháp nội phần... do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên, do phi Nghiệp duyên:

Tư nội phần liên quan uẩn nội phần; sắc vật thực... sắc âm dương...

2050.

Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần... do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* ngoại phần *(bahiddhā)* liên quan uẩn ngoại phần; sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương...

2051.

* ... Liên quan pháp nội phần... do phi Quả duyên: Không có tục sinh.
* ... Do phi Thực duyên: Sắc âm dương... người Vô tưởng...

2052.

... Liên quan pháp ngoại phần... do phi Thực duyên:

Sắc ngoại... sắc âm dương... người Vô tưởng...

2053.

... Liên quan pháp nội phần... do phi Quyền duyên:

Sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: Sắc mạng quyền liên quan đại sung.

2054.

... Liên quan pháp ngoại phần... do phi Quyền duyên:

Sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: Sắc mạng quyền liên quan đại sung.

2055.

Pháp nội phần liên quan pháp nội phần... do Thiền duyên:

Ngũ thức *(viññāna)*... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

2056.

Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần... do phi Thiền duyên:

... 5 thức... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

2057.

* ... Liên quan pháp nội phần... do phi Đạo duyên: Như phi Nhân duyên, không có si.
* ... Do phi Tương ưng duyên, do phi Bất tương ưng duyên:

  Cõi Vô sắc... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

2058.

* ... Liên quan pháp ngoại phần... do phi Bất tương ưng duyên:

  Trong Vô sắc... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...
* ... Do phi Vô hữu duyên,... do phi Ly duyên.

2059.

Phi Nhân có 2, phi Cảnh 2, phi Trưởng 2, phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2,... tóm tắt... đều có 2, phi Ly 2; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược

2060.

Nhân duyên có phi Cảnh 2,... tóm tắt... phi Quả, phi Tương ưng, phi Vô hữu, phi Ly đều có 2; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

2061.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2,... tóm tắt... Đạo 2, Bất ly 2; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(sahajāta)* như phần liên quan

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

2062.

Pháp nội phần nhờ cậy pháp nội phần sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn nội phần, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Nên sắp đầy đủ,... 1 đại sung, uẩn nội phần *(ajjhatta)* nhờ cậy *(paccaya)* vật.

2063.

Pháp ngoại phần nhờ cậy pháp ngoại phần sanh ra do Nhân duyên:

1 uẩn ngoại phần *(bahiddhā)*... Sát-na tục sinh: 1 đại sung; uẩn ngoại phần nhờ cậy vật.

2064.

Pháp nội phần nhờ cậy pháp nội phần sanh ra do Cảnh duyên: Như phần liên quan *(Paṭiccavāra)*:

Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân xứ...; uẩn nội phần nhờ cậy vật.

2065.

Pháp ngoại phần nhờ cậy pháp ngoại phần...: Như phần liên quan:

... nhãn xứ... thân xứ...; uẩn ngoại phần nhờ cậy vật.

2066.

* Pháp nội phần nhờ cậy pháp nội phần sanh ra do Trưởng duyên: Thêm vật *(vatthu)* như phần liên quan *(paṭicca)*.
* ... Do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên: Trong đồng sanh *(sahajāta)* nên sắp đầy đủ.

  Đại sung và uẩn sanh sau nhờ cậy đại sung, nên sắp 5 xứ *(āyatana)* và vật *(vatthu)*.
* ... Do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên,... tóm tắt... do Bất ly duyên.

2067.

Nhân 2, cảnh... tóm tắt... Bất ly 2.

Dứt cách thuận

2068.

Pháp nội phần nhờ cậy pháp nội phần sanh ra do phi Nhân duyên:

- ... 1 uẩn vô nhân nội phần... Sát-na tục sinh vô nhân: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật. 1 đại sung thuộc vật thực,... âm dương... người Vô tưởng...
- ... nhãn xứ... thân xứ...; uẩn vô nhân nội phần nhờ cậy vật. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.

2069.

* Pháp ngoại phần nhờ cậy pháp ngoại phần sanh ra do phi Nhân duyên: Nên sắp bình nhựt, tục sinh và đại sung.

... nhãn xứ... thân xứ...; uẩn vô nhân ngoại phần nhờ cậy vật. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.

* ... Do phi Cảnh duyên, do phi Trưởng duyên như đồng sanh.
* ... Do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên, do phi Tiền sanh duyên: Như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.
* ... Do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên, do phi Nghiệp duyên,... tóm tắt...
* ... Do phi Bất tương ưng duyên: Như Bất tương ưng duyên trong phần liên quan *(paṭiccavāra)* về cách ngược *(paccanīya)*.
* ... Do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

2070.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 2,... tóm tắt... phi Ly 2.

Dứt cách ngược

2071.

Nhân duyên có phi Cảnh 2,... phi Trưởng 2,... phi Quả, phi Tương ưng, phi Vô hữu, phi Ly đều có 2.

Dứt cách thuận, nghịch

2072.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Bất ly 2.

Dứt cách nghịch, thuận

Phần y chỉ *(nissaya)* như phần ỷ trượng *(paccaya)*
Phần hòa hợp *(saṅsaṭṭha)* như phần tương ưng *(sampayutta)***,** nên sắp cho rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

2073.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Nhân duyên:

- Nhân *(hetu)* nội phần *(ajjhatta)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh...

2074.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Nhân duyên:

Nhân ngoại phần *(bahiddhā)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

2075.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, rồi nhớ lại. Nhớ lại thiện đã từng làm chứa để.
- Xuất thiền... chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, biết rõ phiền não từng sanh.
- Quán ngộ nhãn nội phần... thân, sắc... xúc, vật.
- Quán ngộ uẩn nội phần bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, ưu phát.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.

- ... sắc xứ... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên. Uẩn nội phần làm duyên cho thần thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2076.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Cảnh duyên:

- Người khác phản khán nhãn nội phần,... tóm tắt... vật... quán ngộ uẩn nội phần bằng vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, ưu phát.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm nội phần; sắc xứ nội phần làm duyên cho nhãn thức ngoại phần; xúc xứ nội phần làm duyên cho thân thức ngoại phần bằng Cảnh duyên.
- Uẩn nội phần làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2077.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Cảnh duyên:

- Kẻ khác sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới... do đó phản khán. Nhớ lại thiện đã từng làm chứa để. xuất thiền... chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, Đạo, Quả, khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ, phiền não hạn chế, phiền não từng sanh.
- Quán ngộ nhãn ngoại phần của người khác... vật...
- Quán ngộ uẩn ngoại phần bằng vô thường, khổ não... ưu sanh.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm ngoại phần.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.
- Uẩn ngoại phần làm duyên cho thần thông, tha tâm thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2078.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh phản khán Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- ... nhãn ngoại phần... vật... quán ngộ uẩn ngoại phần bằng vô thường... ưu sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm ngoại phần.
- Sắc xứ ngoại phần *(bahiddhā)* làm duyên cho nhãn thức nội phần; xúc xứ ngoại phần làm duyên cho thân thức nội phần.
- Uẩn ngoại phần làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2079.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, nặng về đó rồi phản khán. Nặng về thiện đã từng làm chứa để rồi phản khán. Xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán.

- Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán, nặng về quả rồi phản khán.
- Nhãn nội phần *(ajjhatta)*... Vật....
- Nặng về uẩn nội phần rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi ái sanh... tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* nội phần làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

2080.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như:... nhãn nội phần của người khác... Vật.
- Nặng về uẩn nội phần rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.

2081.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Người khác sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới do nặng về đó rồi phản khán.
- Nặng về thiện đã từng làm chứa để rồi phản khán.
- Xuất thiền... chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán... Nặng về quả rồi phản khán.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả bằng Trưởng duyên.
- ... nhãn ngoại phần... Vật.... Nặng về uẩn ngoại phần rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati) ngoại phần* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

2082.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như: Chư La-hán nặng về Níp Bàn rồi phản khán.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả bằng Trưởng duyên.
- Nhãn ngoại phần... Vật.... Nặng về uẩn ngoại phần rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.

2083.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Vô gián duyên:
- Uẩn nội phần sanh trước trước làm duyên cho uẩn nội phần sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận tùng *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*.
- Tâm thuận tùng làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo, tâm dũ tịnh làm duyên cho đạo, đạo làm duyên cho quả... thuận tùng làm duyên cho quả nhập thiền; xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

2084.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Vô gián duyên:

Uẩn ngoại phần sanh trước trước đến pháp khác chỉ có bấy nhiêu *(purimāpurimà bahiddhāti nānākaraṇaṃ taṃ yeva gamanaṃ)*.

2085.

* Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Liên tiếp duyên như Vô gián duyên.
* ... Do Đồng sanh duyên, do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  - Thuần cận y như: Nương đức tin nội phần mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới... thiền sanh... pháp quán sanh... đạo sanh... thông sanh... nhập thiền sanh... gầy ngã mạn... chấp tà kiến...
  - Nương giới nội phần... trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... chỗ ở mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh cho đến sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
  - Nương đức tin nội phần... trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ... chỗ ở làm duyên cho đức tin nội phần, trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

2086.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Cận y duyên có Cảnh cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin nội phần của người khác mạnh có thể bố thí... gây ngã mạn... chấp tà kiến...
- Nương giới... chỗ ở nội phần của người khác mạnh có thể bố thí... sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin... chỗ ở nội phần mạnh làm duyên cho đức tin, đạo, quả ngoại phần bằng Cận y duyên.

2087.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin ngoại phần... hy vọng, thân lạc... chỗ ở của người khác mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin ngoại phần, chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin ngoại phần, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

2088.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Cận y duyên có Cảnh cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin ngoại phần... chỗ ở mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin ngoại phần... chỗ ở làm duyên cho đức tin nội phần, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

2089.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh: Quán ngộ nhãn... vật nội phần bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã... ưu phát sanh.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức; xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn nội phần bằng Tiền sanh duyên.

2090.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Tiền sanh duyên:

- Cảnh tiền sanh: Quán ngộ nhãn... vật nội phần của người khác bằng lối vô thường... ưu phát sanh.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ nội phần làm duyên cho nhãn thức ngoại phần; xúc xứ làm duyên cho thân thức ngoại phần bằng Tiền sanh duyên.

2091.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh: Quán ngộ nhãn... vật ngoại phần của người khác bằng lối vô thường... thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ ngoại phần làm duyên cho nhãn thức ngoại phần; xúc xứ ngoại phần làm duyên cho thân thức ngoại phần.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ ngoại phần... thân xứ... vật làm duyên cho uẩn ngoại phần bằng Tiền sanh duyên.

2092.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Tiền sanh duyên:

Cảnh tiền sanh: Quán ngộ nhãn... vật ngoại phần bằng lối vô thường... ưu sanh. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ ngoại phần làm duyên cho nhãn thức nội phần; xúc xứ ngoại phần làm duyên cho thân thức nội phần bằng Tiền sanh duyên.

2093.

Chư pháp nội phần và ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

Như: Sắc xứ ngoại phần và nhãn xứ nội phần làm duyên cho nhãn thức nội phần bằng Tiền sanh duyên. Xúc xứ ngoại phần và thân xứ nội phần làm duyên cho thân thức nội phần. Sắc xứ ngoại phần và vật nội phần... xúc xứ ngoại phần và vật nội phần làm duyên cho uẩn nội phần bằng Tiền sanh duyên.

2094.

Chư pháp nội phần và ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Sắc xứ nội phần và nhãn xứ ngoại phần làm duyên cho nhãn thức ngoại phần bằng Tiền sanh duyên.
- Xúc xứ nội phần và thân xứ ngoại phần làm duyên cho thân xứ ngoại phần bằng Tiền sanh duyên.
- Sắc xứ nội phần và vật ngoại phần...
- Xúc xứ nội phần và vật ngoại phần làm duyên cho uẩn ngoại phần bằng Tiền sanh duyên.

2095.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn nội phần làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

2096.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn ngoại phần làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

2097.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn nội phần sanh trước trước làm duyên cho uẩn nội phần sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*; tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; chuyển tộc làm duyên cho đạo, dũ tịnh làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

2098.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Cố hưởng duyên:

... sanh trước trước như nội phần *(ajjhatta)*.

2099.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* nội phần làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư nội phần làm duyên cho quả nội phần và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

2100.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư ngoại phần làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư ngoại phần làm duyên cho uẩn quả ngoại phần và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

2101.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Quả duyên: Nên sắp đầy đủ như phần liên quan *(paṭicca)*.

2102.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Thực duyên:

- Uẩn nội phần làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.
- Sát-na tục sinh: Đoàn thực nội phần làm duyên cho thân nội phần bằng Thực duyên.

2103.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Thực duyên:

Đoàn thực nội phần làm duyên cho thân ngoại phần bằng Thực duyên.

2104.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Thực duyên: Bình nhựt và tục sinh.

Đoàn thực ngoại phần làm duyên cho thân ngoại phần bằng Thực duyên.

2105.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Thực duyên:

Đoàn thực ngoại phần làm duyên cho thân nội phần bằng Thực duyên.

2106.

Pháp nội phần và ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Thực duyên:

Đoàn thực nội phần và đoàn thực ngoại phần làm duyên cho thân nội phần bằng Thực duyên.

2107.

Pháp nội phần và ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Thực duyên:

Đoàn thực nội phần làm duyên cho đoàn thực ngoại phần bằng Thực duyên.

2108.

* Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Quyền duyên: Quyền *(indrīya)* nội phần và sắc mạng quyền nên phân rộng.
* ... Bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh: Nên phân rộng.

Tất cả câu tam đề, xin trí thức nên phân rộng.

2109.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh... tóm tắt...

2110.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: 1 uẩn nội phần làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh; 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn; 1 đại sung... tóm tắt... người Vô tưởng: 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung.
- Tiền sanh như: Nhãn... vật... như Tiền sanh *(purejātu).* Vật làm duyên cho uẩn nội phần bằng Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo).*
- Hậu sanh như: Uẩn nội phần và đoàn thực nội phần làm duyên cho thân ấy; sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh.

2111.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Hiện hữu duyên có Tiền sanh và Thực:

Tiền sanh như: Người khác quán ngộ nhãn nội phần... vật bằng lối vô thường... thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ nội phần... xúc xứ nội phần làm duyên cho thân thức ngoại phần bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực nội phần làm duyên cho thân ngoại phần bằng Hiện hữu duyên.

2112.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền: Như pháp ngoại phần *(bahiddhā)* không chi khác.

Tất cả bài đầu đề tam *(mātikā)* nên phân rộng.

2113.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Hiện hữu duyên có Tiền sanh và Thực.

Tiền sanh như: Nhãn ngoại phần... vật... thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ ngoại phần... xúc xứ làm duyên cho thân thức nội phần bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực ngoại phần làm duyên cho thân nội phần bằng Hiện hữu duyên.

2114.

Pháp nội phần và ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Hiện hữu duyên có Tiền sanh và Thực.

- Tiền sanh như: Sắc xứ ngoại phần và nhãn nội phần làm duyên cho nhãn thức nội phần; xúc xứ ngoại phần và thân xứ nội phần làm duyên cho thân thức nội phần bằng Hiện hữu duyên.
- Sắc xứ ngoại phần và vật nội phần...
- Xúc xứ ngoại phần và vật nội phần làm duyên cho uẩn nội phần bằng Hiện hữu duyên.

- Thực như: Đoàn thực nội phần và đoàn thực ngoại phần làm duyên cho thân nội phần bằng Hiện hữu duyên.

2115.

Pháp nội phần và ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Hiện hữu duyên có Tiền sanh và Thực.

- Tiền sanh như: Sắc xứ nội phần và nhãn xứ ngoại phần làm duyên cho nhãn thức ngoại phần bằng Hiện hữu duyên.
- Xúc xứ nội phần và thân xứ ngoại phần làm duyên cho thân thức ngoại phần bằng Hiện hữu duyên.
- Sắc xứ nội phần và vật ngoại phần làm duyên cho uẩn ngoại phần bằng Hiện hữu duyên.
- Xúc xứ nội phần và vật ngoại phần làm duyên cho uẩn ngoại phần bằng Hiện hữu duyên.
- Thực như: Đoàn thực nội phần và đoàn thực ngoại phần làm duyên cho thân ngoại phần bằng Hiện hữu duyên.

2116.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Hiện hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

2117.

Nhân 2, Cảnh 4, Trưởng 4, Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ 2, Cận y 4, Tiền sanh 6, Hậu sanh, Cố Hưởng, Nghiệp, Quả 2, Thực 6, Quyền 2, Thiền, Đạo, Tương ưng, Bất tương ưng 2, Hiện hữu 6, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 6; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

2118.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

2119.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Thực duyên.

2120.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

2121.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Thực duyên.

2122.

Pháp biết nội phần và pháp ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần... có Tiền sanh và Thực.

2123.

Pháp nội phần và pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần... có Tiền sanh và Thực.

2124.

Phi Nhân 6, phi Cảnh 6, phi Trưởng 6,... tóm tắt... sắp tất cả đều 6; phi Bất tương ưng 6, phi Hiện hữu 4, phi Vô hữu 6, phi Ly 6, phi Bất ly 4. Nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

2125.
Nhân duyên cho phi Cảnh 2,... phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y đều có 2,... tóm tắt... tất cả đều 2, phi Tương ưng, phi Bất tương ưng, phi Vô hữu, phi Ly đều có 2; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

2126.
Phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Trưởng 4. Nên đếm theo câu thuận tùng, Bất ly 6; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần vấn đề (pañhāvāra)

Tam đề nội phần thứ 20 chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ BIẾT CẢNH NỘI PHẦN *(AJIHATTATTĀRAMMANATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

2127.
Pháp biết cảnh nội phần liên quan pháp biết cảnh nội phần sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh nội phần *(ajihattattārammaṇa)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh nội phần, 2 uẩn...

2128.
Pháp biết cảnh ngoại liên quan pháp biết cảnh ngoại sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh ngoại, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh ngoại (bahiddhārammaṇa), 2 uẩn...

2129.
Pháp biết cảnh nội liên quan pháp biết cảnh nội sanh ra do Cảnh duyên... tóm tắt... do Bất ly duyên.

2130.
Nhân 2, Cảnh 2,... tóm tắt... tất cả đều 2, Bất ly 2; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

2131.
Pháp biết cảnh nội liên quan pháp biết cảnh nội sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân biết cảnh nội, 2 uẩn...; sát-na tục sinh vô nhân:... liên quan 1 uẩn biết cảnh nội, 2 uẩn...; si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

2132.
Pháp biết cảnh ngoại liên quan pháp biết cảnh ngoại sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân biết cảnh ngoại, 2 uẩn...; sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

2133.
∗ Pháp biết cảnh nội liên quan pháp biết cảnh nội sanh ra do phi Trưởng duyên: Như Đồng sanh duyên, phần thuận tùng không có chi khác.
∗ ... Do phi Tiền sanh duyên: Trong Vô sắc: 3 uẩn biết cảnh nội... Sát-na tục sinh...

2134.

* Pháp biết cảnh ngoại liên quan pháp biết cảnh ngoại sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Trong Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh ngoại *(bahiddhārammanṇa)*. Sát-na tục sinh...
* ... Do phi Hậu sanh duyên; do phi Cố hưởng duyên: Như Đồng sanh duyên.
* ... Do phi Nghiệp duyên:
  Tư biết cảnh nội liên quan uẩn biết cảnh nội.

2135.

Pháp biết cảnh ngoại liên quan pháp biết cảnh ngoại sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* biết cảnh ngoại liên quan uẩn biết cảnh ngoại.

2136.

* ... Liên quan pháp biết cảnh nội... do phi Quả duyên: Không có tục sinh.
* ... Do phi Thiền duyên:
  1 uẩn biết cảnh nội đồng sanh ngũ thức *(pañcaviññāṇa)*...

2137.

* ... Liên quan pháp biết cảnh ngoại... do phi Thiền duyên:
  1 uẩn biết cảnh ngoại đồng sanh 5 thức...
* ... Do phi Đạo duyên: Như phi Nhân duyên không có si.
* ... Do phi Bất tương ưng duyên:
  Trong Vô sắc: 1 uẩn biết cảnh nội...

2138.

... Liên quan pháp biết cảnh ngoại... do phi Bất tương ưng duyên:
... 1 uẩn biết cảnh ngoại trong Vô sắc...

2139.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thiền, phi Đạo, phi Bất tương ưng đều có 2; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

2140.

Nhân duyên có phi Trưởng 2, phi Quả 2, phi Bất tương ưng 2. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

2141.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2, Liên tiếp 2,... tóm tắt... Đạo 2, Bất ly 2; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(sahajāta),* phần ỷ trượng *(paccayavāra).* Phần y chỉ *(nissayavāra)*, phần hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)*, phần tương ưng *(sampayuttavāra*) như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

2142.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Nhân duyên:
Nhân biết cảnh nội làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân *(hetu)* biết cảnh nội làm duyên cho uẩn Tương ưng.

2143.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Nhân duyên:
Nhân biết cảnh ngoại... Sát-na tục sinh...

2144.
Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Cảnh duyên:
- Phản khán Thức vô biên xứ biết cảnh nội; phản khán Phi tưởng phi phi tưởng xứ... phản khán thiên nhãn nội phần biết cảnh nội; thiên nhĩ... thần thông... túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông... phản khán vị lai thông.
- Chư Thánh phản khán phiền não biết cảnh nội đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, phiền não đã từng sanh.
- Quán ngộ uẩn nội phần biết cảnh nội bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái, ưu biết cảnh nội sanh ra.
- Uẩn nội phần biết cảnh nội làm duyên cho túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2145.
Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Cảnh duyên:
- Người khác phản khán Thức vô biên xứ biết cảnh nội... phản khán Phi tưởng phi phi tưởng xứ; người khác phản khán thiên nhãn nội phần biết cảnh nội; thiên nhĩ... thần thông... túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông ,... phản khán vị lai thông.
- Quán ngộ uẩn nội phần biết cảnh nội bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm nội phần biết cảnh nội
- Uẩn ngoại phần biết cảnh nội làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

2146.
Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Cảnh duyên:
- Người khác phản khán thiên nhãn ngoại phần biết cảnh nội; thiên nhĩ... thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông... phản khán vị lai thông.
- Người khác quán ngộ uẩn ngoại phần biết cảnh ngoại bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm ngoại phần biết cảnh ngoại.
- Uẩn ngoại phần biết cảnh ngoại làm duyên cho thần thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2147.
Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, rồi nhớ lại; phản khán thiện đã từng làm chứa để; xuất thiền phản khán thiền.
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả. phản khán phiền não đã trừ,... phiền não hạn chế,... phản khán phiền não đã từng sanh.
- Phản khán thiên nhãn nội phần biết cảnh ngoại phần,... thiên nhĩ... thần thông... tha tâm thông... túc mạng thông... tuỳ nghiệp thông... vị lai thông.
- Quán ngộ uẩn nội phần biết cảnh ngoại bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái và ưu biết Nội sanh ra.
- Uẩn nội phần biết cảnh ngoại làm duyên cho thần thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2148.
Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Nặng về Thức vô biên xứ nội phần biết cảnh nội rồi phản khán, nặng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ rồi phản khán; nặng về thiên nhãn nội phần biết cảnh nội rồi phản khán; nặng về thiên nhĩ... thần thông... túc mạng thông,... tùy nghiệp thông... Nặng về vị lai thông rồi...
- Nặng về uẩn nội phần biết cảnh nội rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái... tà kiến biết cảnh nội phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng biết cảnh nội làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

2149.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng biết cảnh ngoại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

2150.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới do nặng về đó rồi mới phản khán; phản khán thiện đã từng làm chứa để. Xuất thiền phản khán thiền...
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo... Nặng về quả rồi phản khán... Nặng về thiên nhãn nội phần biết cảnh ngoại rồi phản khán. Nặng về thiên nhĩ... thần thông... tha tâm thông... túc mạng thông... tùy nghiệp thông... Nặng về vị lai thông rồi phản khán.
- Nặng về uẩn nội phần biết cảnh ngoại rồi thỏa thích do nặng đó rồi ái, tà kiến biết cảnh nội sanh ra.

2151.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Vô gián duyên:

Uẩn biết cảnh nội sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh nội sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

2152.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử biết cảnh nội làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* biết cảnh ngoại bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp biết cảnh nội làm duyên cho tâm khán (ý) môn biết cảnh ngoại bằng Vô gián duyên.
- Uẩn biết cảnh nội làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh ngoại bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* biết cảnh nội làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*; tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền; xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

2153.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Vô gián duyên:

- Uẩn biết cảnh ngoại sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh ngoại sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ biết cảnh ngoại làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*; tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo, dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo; đạo làm duyên cho Quả, quả làm duyên cho quả; thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

2154.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử biết cảnh ngoại làm duyên cho tâm sanh *(upapatti)* biết cảnh nội bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* biết cảnh ngoại làm duyên cho tâm khán môn *(āvajjana)* biết cảnh nội bằng Vô gián duyên.
- Uẩn biết cảnh ngoại làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh nội bằng Vô gián duyên.

2155.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Liên tiếp duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Hỗ tương duyên, bằng Y chỉ duyên, bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường *(aniccānupassanā)*, quán khổ não *(dukkhānupassanā)*, quán vô ngã *(anattānupassanā)* biết cảnh nội làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh nội bằng Cận y duyên.

2156.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Cận y duyên: Có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh nội phần làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh ngoại bằng Cận y duyên.

2157.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Cận y duyên: Có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh ngoại làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh ngoại bằng Cận y duyên.

2158.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh ngoại làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh nội bằng Cận y duyên.

2159.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn biết cảnh nội sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh nội sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

2160.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Cố hưởng duyên:

Tâm thuận thứ *(anuloma)* biết cảnh nội làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*; tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)* bằng Cố hưởng duyên.

2161.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Cố hưởng duyên:

Tâm thuận thứ biết cảnh ngoại làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*; tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*, chuyển tộc làm duyên cho đạo, dũ tịnh làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

2162.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* biết cảnh nội làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư biết cảnh nội làm duyên cho uẩn quả biết cảnh nội bằng Nghiệp duyên.

2163.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư biết cảnh nội làm duyên cho uẩn quả biết cảnh ngoại bằng Nghiệp duyên.

2164.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư biết cảnh ngoại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư biết cảnh ngoại làm duyên cho uẩn quả biết cảnh ngoại bằng Nghiệp duyên.

2165.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư *(cetanā)* biết cảnh ngoại làm duyên cho uẩn quả biết cảnh nội bằng Nghiệp duyên.

2166.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Quả duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Hiện hữu duyên, bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

2167.

Nhân 2, Cảnh 4, Trưởng 3, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 4, Cố hưởng 3, Nghiệp 4, Quả 2,... tóm tắt đều 2, Tương ưng 2, Hiện hữu 2, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 2; nên đếm như thế.

Hết cách thuận (anuloma)

2168.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2169.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2170.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2171.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2172.

Phi Nhân 4, phi Cảnh 4, phi Trưởng 4, phi Vô gián 4,... tóm tắt... tất cả đều 4, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng,... tóm tắt... phi Bất tương ưng 4,... tóm tắt... phi Bất ly 4; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch (paccanīya)

2173.

Nhân duyên có phi Cảnh 2,... phi Trưởng 2, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Cận y, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Vô hữu, phi Ly, tất cả đều 2; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

2174.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Trưởng 3, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ đều 2, Cận y 4, Cố hưởng 3, Nghiệp 4, Quả 2... tóm tắt..., Tương ưng 2, Vô hữu 2, Hiện hữu 4, Vô hữu 2, Ly 4, Bất ly 2; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Phần vấn đề (Pañhāvāra)

Tam đề biết cảnh nội thứ 21 chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ HỮU KIẾN HỮU ĐỐI CHIẾU *(SANIDASSANASAPPATIGHA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

2175.

∗ Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:

2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu *(anidassaṅasappaṭigha)*; 1 đại sung liên quan 2 đại sung; sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)*, sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)* vô kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu. nhãn xứ... vị xứ liên quan xúc xứ.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu *(anidassaṅasappaṭigha)* liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu. Sắc xứ liên quan xúc xứ.

∗ Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu *(anidassaṅasappaṭigha)* liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu; thủy chất, quyền, đoàn thực liên quan xúc xứ.

∗ Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)* hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu; sắc xứ, thủy chất, quyền, đoàn thực liên quan xúc xứ.

∗ Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:

2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu; 1 đại sung và thủy chất liên quan thủy chất và 2 đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu. nhãn xứ, vị xứ, thủy chất, quyền, đoàn thực liên quan xúc xứ.

∗ Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu; sắc xứ, nhãn xứ, vị xứ liên quan xúc xứ.

∗ Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu; sắc xứ, nhãn xứ, vị xứ, thủy chất, quyền, đoàn thực liên quan xúc xứ.

2176.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh... do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu liên quan 2 uẩn; sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn... vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất, quyền, đoàn thực liên quan thủy chất.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu... do Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan thủy chất; sắc xứ liên quan thủy chất.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu... do Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh vô kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh vô kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu liên quan thủy chất *(āpodhātu)*.
- Nhãn xứ, vị xứ liên quan thủy chất.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu... do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn... ;
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất.
- Sắc xứ, quyền, đoàn thực liên quan thủy chất.

∗ Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu... do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn... ;
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất.
- Nhãn xứ, vị xứ, quyền, đoàn thực liên quan thủy chất.

∗ Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan thủy chất.
- Sắc xứ, nhãn xứ, vị xứ liên quan thủy chất.

∗ Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất.
- Sắc xứ, nhãn xứ, vị xứ, quyền, đoàn thực liên quan thủy chất.

2177.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến hữu đối chiếu với đại sung và thủy chất.
- Sắc xứ liên quan xúc xứ và thủy chất.

∗ Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh vô kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh vô kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung; 2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất, 1 đại sung liên quan 2 đại sung và thủy chất.

- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất.
- Nhãn xứ, vị xứ liên quan xúc xứ và thủy chất.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất *(apodhātu)*.
- Quyền, đoàn thực liên quan xúc xứ và thủy chất.

∗ Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất. Sắc xứ, quyền, đoàn thực liên quan xúc xứ và thủy chất.

∗ Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất.
- Nhãn xứ, vị xứ, quyền, đoàn thực liên quan xúc xứ và thủy chất.

∗ Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến hữu đối chiếu và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất.
- Sắc xứ, nhãn xứ, vị xứ liên quan xúc xứ và thủy chất *(āpodhatu)*.

∗ Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.

- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất.
- Sắc xứ, nhãn xứ, vị xứ, quyền, đoàn thực liên quan xúc xứ và thủy chất.

2178.

Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...; uẩn liên quan vật.

2179.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Trưởng duyên:

- 2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu, 1 đại sung liên quan 2 đại sung.
- Sắc nương tâm sanh thuộc y sinh liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu.
- Trong vô kiến hữu đối chiếu căn *(mūla)* nên sắp rộng 7 câu theo lối này, mà không có câu chót.

2180.

Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Trưởng duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...
- Sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất.

Trong vô kiến vô đối chiếu căn, theo ý này nên phân rộng 7 câu đề mà không có câu kết.

2181.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Trưởng duyên:

- Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sắc nương tâm sanh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến vô đối chiếu và thủy chất.

Theo ý này, nên phân rộng 7 câu đề.

2182.

Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên: Như Cảnh duyên.

2183.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Đồng sanh duyên:

- 2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu, 1 đại sung liên quan 2 đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu.
- Nhãn xứ, vị xứ liên quan xúc xứ; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: 2 đại sung liên quan 1 đại sung.

Trong vô kiến hữu đối chiếu căn, nên phân rộng 7 câu đề theo ý này.

2184.

Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Đồng sanh duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật. Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất *(āpodhātu)*.
- Quyền, đoàn thực liên quan thủy chất; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất.

Nên phân rộng 7 câu đề theo ý này.

2185.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Đồng sanh duyên:

- Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất.
- Xắc xứ liên quan xúc xứ và thủy chất; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất.

Nên phân rộng 7 câu đề theo ý này.

2186.

∗ Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Hỗ tương duyên:

2 uẩn liên quan 1 uẩn vô kiến hữu đối chiếu, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Hỗ tương duyên:

Thủy chất liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu.

∗ Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Hỗ tương duyên:

1 đại sung và thủy chất liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu, 1 đại sung và thủy chất liên quan 2 đại sung.

2187.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Hỗ tương duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và vật liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật.

∗ Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Hỗ tương duyên:

Đại sung *(mahābhūtarūpa)* vô kiến hữu đối chiếu liên quan thủy chất.

2188.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Hỗ tương duyên:

2 uẩn liên quan 1 uẩn vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất. 1 đại sung liên quan 2 đại sung và thủy chất.

2189.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên, do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

2190.

Nhân 21, Cảnh 1, Trưởng 21, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 21, Hỗ tương 6, Y chỉ 21, Cận y 1, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, nghiệp 21, Quả, Thực 21, Quyền 21, Thiền, Đạo đều 21, Tương ưng 1, Bất tương ưng 21, Hiện hữu 21, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 21; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận

2191.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do phi Nhân duyên:

- 2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu, 1 đại sung liên quan 2 đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu.
- Nhãn xứ, vị xứ liên quan xúc xứ; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: 2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu, 2 đại sung liên quan 2 đại sung

Nên sắp rộng vô kiến hữu đối chiếu căn 7 câu đề theo ý này.

2192.

Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô nhân vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn và sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất.
- quyền, đoàn thực liên quan thủy chất; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất.
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

Trong vô kiến vô đối chiếu căn nên phân rộng 7 câu đề theo ý này.

2193.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do phi Nhân duyên:

- Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô nhân vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất.
- Sắc xứ liên quan xúc xứ và thủy chất; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất *(āpodhātu)*.

Trí thức nên sắp rộng 7 câu theo ý này.

2194.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do phi Cảnh duyên:

- 2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu, 1 đại sung liên quan 2 đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu.
- Nhãn xứ, vị xứ liên quan xúc xứ; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: 2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu,1 đại sung liên quan 2 đại sung

Phần vô kiến hữu đối chiếu 7 câu đề theo ý này.

2195.

Chư pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do phi Cảnh duyên:

- Sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu; vật liên quan uẩn, sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất.
- quyền, đoàn thực liên quan thủy chất; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất.

Trong vô kiến vô đối chiếu căn *(mūla)* nên sắp rộng 7 đề theo ý này.

2196.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do phi Cảnh duyên:

- Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất. Sắc xứ liên quan xúc xứ và thủy chất; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất.

Nên sắp rộng hiệp trợ *(ghaṭanā)* 7 câu đề theo ý này.

2197.

* Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do phi Trưởng duyên: Cũng như Đồng sanh duyên *(Sahajātapaccayo)*.

* ... Do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên:
  - Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu.
  - Nhãn xứ, vị xứ liên quan xúc xứ; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
  - Người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan đại sung.

  Nên phân rộng 21 câu đề theo ý này.

* ... Do phi Cận y duyên, do phi Tiền sanh duyên, do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên.

* ... Do phi Nghiệp duyên:
  Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương..., 2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu, 1 đại sung liên quan 2 đại sung; sắc y sinh vô kiến hữu đối chiếu liên quan sắc đại sung vô kiến hữu đối chiếu.
  Nên chia Nghiệp duyên 21 câu đề thành ra phi Nghiệp.

* ... Do phi Quả duyên:
  Dù tục sinh *(paṭisandhi)* hay sắc tục sinh *(katattārūpa)* chỉ không nên sắp trong Ngũ uẩn hữu (pañcavokārabhāva).

* ... Do phi Thực duyên:
  Sắc ngoại... sắc âm dương... người Vô tưởng... Phân rộng 21 câu đề theo ý này.

* ... Do phi Quyền duyên:
  Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương..., 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu... người Vô tưởng: Sắc mạng quyền liên quan đại sung,... tóm tắt...
  Tất cả câu đề nên phân rộng.

* ... Do phi Thiền duyên:
  Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: 1 đại sung,... tóm tắt... Phân rộng 7 câu đề.

2198.

Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do phi Thiền duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh ngũ thức *(viññāṇa)*,... 2 uẩn... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất. Nên sắp rộng 7 câu đề như thế.

2199.

* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do phi Thiền duyên:
  Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất. Nên phân rộng 7 câu đề như thế.
* ... Do phi Đạo duyên: Nên phân rộng đầy đủ như phi Nhân duyên, không có si.
* ... Do phi Tương ưng duyên, do phi Bất tương ưng duyên: Nên sắp đầy đủ.

∗ ... Do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

2200.

Phi Nhân 21, phi Cảnh 21, phi Trưởng 21,... tóm tắt... tất cả đều 21, phi Vô hữu 21, phi Ly 21; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

2201.

Nhân duyên có phi Cảnh 21, phi Trưởng 21,... tóm tắt... phi Quả 21, phi Tương ưng 21, phi Bất tương ưng 21, phi Vô hữu 21, phi Ly 21; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

2202.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, liên tiếp1, Đồng sanh 21,... tóm tắt... Thiền 21, Đạo 21, Tương ưng 1, Bất tương ưng 21, Hiện hữu 21, vô Hữ 1, Ly 1, Bất ly 21; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận
Hết phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(sahajàta)*, phần ỷ trượng *(paccaya),* phần y chỉ *(nissaya)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần hòa hợp *(saṅsaṭṭha),* phần tương ưng *(sampayutta)* chỉ nên sắp trong Vô sắc.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

2203.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Nhân duyên:

- Nhân *(hetu)* vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân *(hetu)* vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu bằng Nhân duyên.

2204.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Nhân duyên:

- Nhân *(hetu)* vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh:... trong phần vô kiến vô đối chiếu sắp rộng 7 câu đề do ý này.

2205.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Cảnh duyên:

- Quán ngộ sắc bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, tà kiến phát; hoài nghi, phóng dật... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc; sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Cảnh duyên.
- Uẩn hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho thần thông, túc mạng thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2206.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Cảnh duyên:

- Quán ngộ nhãn... thân, thinh, khí,... vị bằng lối vô thường,... ưu phát sanh.

- Thiên nhĩ nghe tiếng; thinh xứ làm duyên cho nhĩ thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức. uẩn vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho thần thông, túc mạng thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2207.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, rồi phản khán. Nhớ thiện đã từng làm chứa để.
- Thiền... chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả luôn khán môn bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, phản khán phiền não đã từng sanh.
- Vật,... nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, thủy chất, đoàn thực...
- Quán ngộ uẩn vô kiến vô đối chiếu bằng lối vô thường... ưu sanh.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm vô kiến vô đối chiếu. Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên; Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ; uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2208.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về sắc rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.

2209.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như: Nặng về nhãn... thân, thinh, khí... Nặng về xúc rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.

2210.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... Nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới... Nặng về đó rồi phản khán.
- Xuất thiền... chư Thánh xuất đạo... xuất quả, nặng về quả rồi phản khán, nặng về Níp Bàn rồi phản khán.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả bằng Trưởng duyên.
- Nặng về vật,... nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, thủy chất, đoàn thực... Nặng về uẩn vô kiến vô đối chiếu rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu bằng Trưởng duyên.

2211.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Trưởng duyên:

- Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh vô kiến hữu đối chiếu bằng Trưởng duyên.
- Trưởng vô kiến vô đối chiếu căn nên sắp rộng 7 câu đề, Trưởng *(adhipati)* sắc yếu hiệp *(saṅhaga)* có 3 cách.

2212.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Vô gián duyên:

- Uẩn vô kiến vô đối chiếu sanh trước truớc làm duyên cho uẩn vô kiến vô đối chiếu sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*, chuyển tộc làm duyên cho đạo, dũ tịnh làm duyên cho đạo; đạo làm duyên cho Quả, quả làm duyên cho quả, thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền.
- Xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

2213.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Liên tiếp duyên: Như Vô gián duyên.

2214.

∗ Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên:
Nên sắp rành như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ ... Bằng Hỗ tương duyên: Như Hỗ tương duyên về phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ ... Bằng Y chỉ duyên: Như phần liên quan.

2215.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Hy vọng tài sản nhan sắc có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới.
- Tài sản nhan sắc làm duyên cho đức tin, trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

2216.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Hy vọng tài sản nhãn... tài sản thân... tài sản thinh... hy vọng tài sản xúc có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới.
- Nương âm dương... chỗ ở mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền phát sanh, pháp quán phát sanh... đạo... thông... nhập thiền đến đổi sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Hy vọng tài sản nhãn... tài sản xúc, âm dương... chỗ ở làm duyên cho đức tin, trí, ái, vọng dục, thân lạc, thân khổ, đạo và quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

2217.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến hữu đối chiếu bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới... Thiền phát sanh, nhập thiền phát sanh đặng... gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương trì giới mạnh... trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ, nương thực phẩm mạnh có thể bố thí, phá hòa hợp Tăng.
- Nương uẩn vô kiến vô đối chiếu mạnh... đức tin, trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ,... thực phẩm làm duyên cho đức tin, trí... tóm tắt... Đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

2218.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên:

- Cảnh tiền sanh như: Thiên nhãn... sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Tiền sanh duyên.

2219.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... thân... Thinh... xúc... bằng vô thường... ưu phát sanh. Thiên nhĩ nghe tiếng, thinh xứ làm duyên cho nhĩ thức... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.

2220.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ vật... nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, thủy chất, đoàn thực... ưu phát sanh.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô kiến vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên.

2221.

Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

Sắc xứ và vật làm duyên cho uẩn vô kiến vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên.

2222.

Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

Nhãn xứ và vật... xúc xứ và vật làm duyên cho uẩn vô kiến vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên.

2223.

Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

Sắc xứ và nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Tiền sanh duyên.

2224.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho thân vô kiến vô đối chiếu ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

2225.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho thân hữu kiến hữu đối chiếu ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

Nên phân rộng sắc yếu hiệp thứ 3 trong 7 câu đề như thế.

2226.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn vô kiến vô đối chiếu sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô kiến vô đối chiếu sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*, chuyển tộc làm duyên cho đạo, dũ tịnh làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

2227.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu bằng Nghiệp duyên.

2228.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Nghiệp duyên.

Nên phân rộng Đồng sanh *(Sahajāta)* Biệt thời *(Nānākhaṇika)* 7 câu đề, sắp yếu hiệp *(saṅgaha)* có 3 cách theo như ý này.

2229.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Quả duyên:

1 uẩn quả vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu bằng Quả duyên; 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu bằng Quả duyên, uẩn làm duyên cho vật bằng Quả duyên.

2230.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Quả duyên:

- Uẩn quả vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Quả duyên.

Nên sắp rộng bình nhựt *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisadhi)* có 7 câu đề như thế.

2231.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Thực duyên:

- Thực *(āhāra)* vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu bằng Thực duyên.
- Sát-na tục sinh: Thực vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu bằng Thực duyên.
- Đoàn thực làm duyên cho thân vô kiến vô đối chiếu ấy bằng Thực duyên.

2232.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Thực duyên:

- Thực *(āhāra)* vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Thực duyên.
- Sát-na tục sinh: Thực vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Thực duyên.
- Đoàn thực làm duyên cho thân hữu kiến hữu đối chiếu ấy bằng Thực duyên.

Nên sắp rộng bình nhựt *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisadhi)* như thế; nên sắp đoàn thực *(kabaliṅkārahāra)* cả 7 câu.

2233.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Quyền duyên:

Nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức, thân quyền làm duyên cho thân thức bằng Quyền duyên.

2234.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Quyền duyên:

- Quyền *(indrīya)* vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu bằng Cận y duyên.
- Sát-na tục sinh: Quyền vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu bằng Quyền duyên.
- Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu bằng Quyền duyên.

2235.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Quyền duyên:

- Quyền vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Quyền duyên.
- Sát-na tục sinh: Quyền vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Quyền duyên.
- Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Quyền duyên.

Sắp rộng bình nhựt *(pavatti)* tục sinh *(patisadhi)* 7 câu đề như thế và sắc mạng quyền nơi câu chót hết.

2236.

Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Quyền duyên:

Nhãn quyền và nhãn thức làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Quyền duyên, tóm tắt... thân quyền và thân thức làm duyên cho uẩn đồng sanh thân thức bằng Quyền duyên.

2237.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Thiền duyên, Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên:

1 uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

2238.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Bất tương ưng duyên.

2239.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên; uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô kiến vô đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho thân vô kiến vô đối chiếu ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

2240.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho thân hữu kiến hữu đối chiếu ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

Ngoài ra 5 câu đề, nên sắp rộng Đồng sanh *(Sahajāta)* và Biệt thời *(Nānākhaṇika)*.

2241.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Quán ngộ sắc vô thuờng... ưu sanh; thiên nhãn thấy sắc; sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Hiện hữu duyên.

2242.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên:

- 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho 2 đại sung bằng Hiện hữu duyên; 2 đại sung làm duyên cho 1 đại sung bằng Hiện hữu duyên; đại sung vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên; sắc xứ làm duyên cho nhãn xứ... vị xứ bằng Hiện hữu duyên;... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...; 1 đại sung làm duyên cho 2 đại sung bằng Hiện hữu duyên; 2 đại sung làm duyên cho 1 đại sung, đại sung thuộc âm

dương làm duyên cho sắc y sinh *(upāhārūpa)* vô kiến hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên.

- Người Vô tưởng: 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho 2 đại sung bằng Hiện hữu duyên; 2 đại sung...

2243.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên: Như Y chỉ duyên *(Nissayapaccayo)* phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

2244.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Đại sung vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên.
- Nên sắp luôn đến người Vô tưởng.
- Tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... thân... Thinh, xúc... bằng lối vô thường... ưu phát sanh. nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.

Ngoài ra 4 câu đề nên sắp rộng như Đồng sanh duyên *(Sahajātapaccayo)* trong phần liên quan không chi khác.

2245.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

+ Đồng sanh như: 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...
    - Sát-na tục sinh: Thủy chất làm duyên cho sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu, thủy chất làm duyên cho Quyền và đoàn thực bằng Hiện hữu duyên. Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
    - Người Vô tưởng: Thủy chất làm duyên cho sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu.

+ Tiền sanh như: Quán ngộ vật... nam quyền, nữ quyền, mạng quyền, thủy chất,... Đoàn thực bằng lối vô thường... ưu phát sanh. Vật làm duyên cho uẩn vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên.

+ Hậu sanh như: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho thân vô kiến vô đối chiếu sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

    Đoàn thực làm duyên cho thân vô kiến vô đối chiếu ấy bằng Hiện hữu duyên. Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên.

6 câu ngoài ra như thế nên sắp rộng Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

2246.

Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Sắc xứ và vật làm duyên cho uẩn vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên.

2247.

Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên:

- Uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên.
- Sát-na tục sinh:... tóm tắt... nên sắp người Vô tưởng.

2248.

Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến hữu đối chiếu... tóm tắt...

2249.

Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu.
- Sắp luôn người Vô tưởng.
- Tiền sanh như: nhãn xứ và vật... xúc xứ và vật làm duyên cho uẩn vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên.

Những câu đề ngoài ra nên sắp rộng.

2250.

Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Sắc xứ và nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Hiện hữu duyên.

2251.

* Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

  Sắc xứ, nhãn xứ và nhãn thức làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Hiện hữu duyên.

* ... Do Vô hữu duyên và Ly duyên như Vô gián duyên. Bất ly duyên như Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo)*.

2252.

Nhân 7, Cảnh 3, Trưởng 9, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 21, Hỗ tương 6, Y chỉ 21, Cận y 3, Tiền sanh 6, Hậu sanh 7, Cố hưởng 1, Nghiệp 7, Quả 7, Thực 7, Quyền 9, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 1, Bất tương ưng 8, Hiện hữu 25, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 25.

2253.

Nhân duyên có Trưởng 7,... đồng sanh 7, Hỗ tương 1, Y chỉ 7, Quả 7, Quyền 7, Đạo 7, Tương ưng 1, Bất tương ưng 7, Hiện hữu 7, Bất ly 7.

2254.

* Nhân, Đồng sanh Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly 7.
* Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương,Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly 1.
* Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly đều 1.
* Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly đều 7.
* Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly đều 7.
* Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương,Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly đều 1.
* Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly đều 1.
* Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly đều 7.
* Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly đều 1.

Nên tính đếm tất cả như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

2255.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Cảnh duyên: bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

2256.

* Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.
* Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.
* Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.
* Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.
* Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.
* Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.

2257.

* Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

* Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

* Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

2258.

Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu...

Tiền sanh *(Purejāta)*...

2259.

* Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.

* Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.

* Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu... có Đồng sanh và Tiền sanh.

* Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.

* Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.

* Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.

* Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.

2260.

Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu...

Tiền sanh *(Purejāta)*...

2261.

Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên.

2262.

Phi Nhân 25, phi Cảnh 22, phi Trưởng 25, phi Vô gián 25, phi Liên tiếp 25, phi Đồng sanh 12, phi Hỗ tương 24, phi Y chỉ 9, phi Cận y 25, phi Tiền sanh 22, phi Hậu sanh 25, phi Cố hưởng 25, phi Nghiệp 25, phi Quả 24, phi Thực 25, phi Quyền 23, phi Thiền 25, phi Đạo 25, phi Tương ưng 24, phi Bất tương ưng 22, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 25, phi Ly 25, phi Bất ly 9.

2263.

Phi Nhân duyên có phi Cảnh 22,... cố giải như chánh văn Pālī ban đầu,... phi Bất ly 9.

2264.

Phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 22,... phi Vô gián 22, phi Liên tiếp 22, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 22, phi Y chỉ 9, phi Cận y 21, phi Tiền sanh 22, phi Hậu sanh 22,... tóm tắt... phi Tương ưng 22, phi Bất tương ưng 22, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 22, phi Ly 22, phi Bất ly 9. Nên sắp như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

2265.
Nhân duyên có phi Cảnh 7,... phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 7, phi Cận y 7, phi Hậu sanh 7,... tóm tắt... tất cả đều 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

2266.
Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 7,... phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 7, dù đây cũng tóm tắt; phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

2267.
Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1, tất cả đều 1,... phi Ly 1. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

2268.
Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Trưởng 9, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 21, Hỗ tương 6, Y chỉ 21, Cận y 3, Tiền sanh 6, Hậu sanh 7, Cố hưởng 1, Nghiệp 7, Quả 7, Thực 7, Quyền 9, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 1, Bất tương ưng 8, Hiện hữu 25, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 25; nên sắp như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

Hết phần vấn đề (pañhāvāra)

Tam đề hữu kiến hữu đối chiếu thứ 22 chỉ có bấy nhiêu.
Tam tịch điều thuận thứ *(anulomatikapaṭṭhāna)* chót hết chỉ có bấy nhiêu.

Hết bộ Vị Trí - quyển 2

Hồi hướng và chia phước đến Tứ Đại Thiên Vương và tất cả chúng sanh, nhất là các vị Chư thiên có oai lực hộ trì Tạng Diệu Pháp đặng thạnh hành.

Quyển Vị Trí *(Paṭṭhāna)* thứ hai, khởi dịch tại chùa siêu Lý Sài Gòn ở số 241-B/44/37 Triệu Thị, Quận 6.

- Kể từ ngày 01-06-1976 nhằm ngày 04-05-2520 lúc 8g00. Hoàn mãn ngày 02-07-1976 nhằm 06-06-2520 lúc 05g00.
- Kiếp lại và đánh máy kể từ ngày 19-06-1976 nhằm ngày 22-05-2520. Hoàn tất kể từ ngày 16-08-1976 nhằm ngày 21-07-2520 lúc17g30.

Sài Gòn-Việt Nam

BỘ VỊ TRÍ
(PAṬṬHĀNA)

QUYỂN THỨ NHẤT VÀ HAI

Việt dịch: Sư cả Tịnh Sự

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội
ĐT: 04-37822845 – Fax (04).37822841

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Nguyễn Công Oánh

Biên Tập:

Sửa bản in:
Mỹ Hà

Trình bày:
Tỳ Khưu Siêu Thiện

---~~~~~~

Đối tác liên kết:
Thư viện Phật Giáo Nguyên Thuỷ
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, Tp HCM

In lần thứ I số lượng 500 cuốn
Tại xí nghiệp in FAHASA
Địa chỉ:
GPXB số:
In xong và nộp lưu chiểu quý ... năm 2012 GPXB số:
In xong và nộp lưu chiểu tháng …